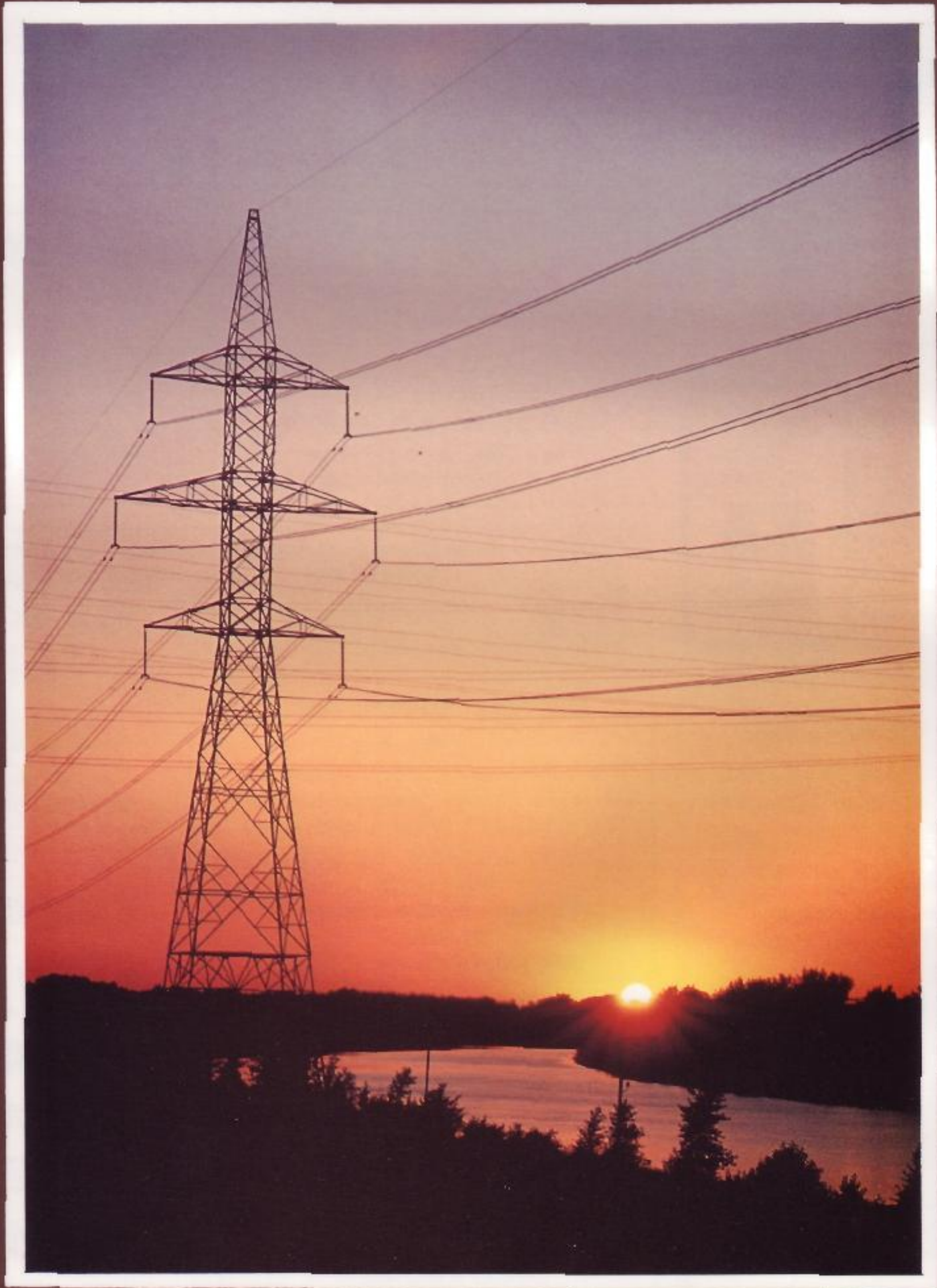


làng văn

147

Tháng 11.96



Nha-sĩ **NGUYỄN VĂN CHÂU**
Nha-sĩ **NGUYỄN LÊ HOÀNG HÙNG**
1427 Pie-IX Montréal H1V 2C2
Tel: (514) 523-0858

Nha-sĩ **NGUYỄN CHÍNH CƯƠNG**
Nha-sĩ **VÕ THỊ LAN ĐÀI**
Chirurgien Dentiste
Clinique Médicale RACHEL
4298 Rue St-Denis, Montréal
lầu hai, phòng 04
(Métro Mont-Royal hoặc Bus 30)
Tel: (514) 849-1038

BROSSARD



Dr. HOA T. NGO, D.M.D.
Chirurgienne Dentiste

7505 Boul. Taschereau, Suite 111
(Đối-diện Rénô Dépôt)
Tel: (514) 926-8000

Tuyển-tập truyện ngắn
VÒNG TAY MẸ
của **PHƯƠNG HOÀI NAM**
nội-dung độc-đáo
trình-bày trang-nhã
US\$10.00 - CA\$ 14.00
Chi-phiếu: Anh Huỳnh
187 Frontenac,
Longueuil, PQ J4J 2E3
Canada

PHƯƠNG HOÀI NAM

Vòng Tay Mẹ



Hiệu Hoa **NGỌC NỞ**
Fleuriste JARDIN ROYAL
Đầy đủ các loại HOA TƯƠI, VẢI

Spécialités

- * Hoa Hồng, Lan, hoa Exotique
- * ĐAM CƯỚI: Thiệp cưới, Hoa cưới, vật dụng cưới hỏi.
- * ĐAM TANG: Hoa tang, Thiệp cảm tạ.
- * Giỏ trái cây cho Noël, Cúng giỗ...
- * Bong Bóng: cho Đám Cưới, Party...

Hà cửa 7 ngày trong tuần
(514) 735-3720
6255 Victoria ave.
Montréal, Qué. Can.



ALCO

INFORMATIQUE INC.
67 Ste-Catherine Ouest, Suite 200
Montréal, Québec H2X 1Z7
(514) 843-3155
Giá tốt - Phục vụ hữu hiệu - Uy tín

Luật sư / Avocat
LƯƠNG VĂN TUẤN
1114 Beaubien Est, Suite 206, Montréal
Tél: (514) 272-0503 - Fax: (514) 270-1143

Chưởng khế / Notaire
NGUYỄN THANH TUYỀN
511 Place d'Armes, Suite 300, Montréal
Tél: (514) 287-1149 - Fax: (514) 288-8697

Văn-phòng Bảo-hiểm và Dịch-vụ
NGUYỄN BÁ DĨNH
4860 Circle Rd., Montréal
Tél: (514) 482-9153

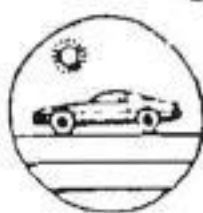
Chưởng khế / Notaire
NGUYỄN LAN HƯƠNG
1021 Clark, Montréal, H2Z 1K1
ĐT: (514) 398-0855

CÔNG TY ĐỊA ỐC **ASIEBEC**
MUA NHÀ & BÁN NHÀ, CƠ-SỞ THƯƠNG-MẠI
ĐINH VŨ
(VICTOR)
(514) 862-2683
REALTIES (514) 253-4694

Garage VINA Inc.
et

Les carrosseries garniers
6567-6575 Garnier, Montréal H2G 3A2
Tél: (514) 273-6589 & 495-3102
Mécanique générale - Électricité -
Remorquage
Débosselage - Peinture - Voitures de
courtoisie...
ĐÀO TRỌNG QUYÊN kính mời

Garage L.B.T. Inc.



6895 Marconi
Montréal, Qc. H2S 3K2
Tél: (514) 278-6822
Fax: (514) 278-3713
Sơn, sửa, làm đồng, làm máy và bảo-trì
các loại xe Mỹ, Nhật, Đại-Hàn, Âu-châu
Voiture de courtoisie sans frais
KÉO XE 24/24

Chuyên viên Tài-chánh &
Bảo-hiểm Nhân-mạng

Châu Võ Thành Tường

B.S.C., A.V.C.
279 Place de la Poudière
Verdun, Qc., H4G 3K5
(Métro Lasalle)
Tél: (514) 767-2874

Bạn đã có chưa?
Tập sách thiên-học mới nhất của
NGUYỄN PHONG
HOA TRÔI
TRÊN SÓNG NƯỚC
(đã phát-hành khắp nơi)
giá 12 mỹ-kim (18 gia-kim) - Liên-lạc: Làng Văn

Quán **HƯƠNG QUÊ**

7102 Boul St-Laurent, Montréal H2S 3E8
ĐT: (514) 272-2092



Đầy đủ các món ăn
thuần-tuý Việt-nam
Mở cửa 7 ngày
từ 11 giờ sáng
đến 10 giờ tối

Bạn đã có chưa?
Tập sách đầu-tiên tại hải-ngoại của
HOÀNG HẢI THỦY
TẠI NGỤC
VỊNH KIỀU

(đã phát-hành khắp nơi)
giá 12 mỹ-kim (18 gia-kim) - Liên-lạc: Làng Văn

Đăng trên tạp-chí
làng văn
mẫu quảng-cáo
của quý vị
sẽ được
lưu giữ đời đời

làng văn

E-Mail: langvan@ilap.com
E-Mail: langvan@vietnamlangvan.com
HOMEPAGES:
http://www.saiyoonet.com/langvan/
http://ilap.com/vietnews & http://www.vietnamlangvan.com/vietnews/

P.O. Box 218, Station "U" Canadian Publications Mail Product Sales Agreement #461709
Toronto, Ont., M8Z 5P1, Canada Published 12 times a year
Tel: (905) 607-8010 / Fax: (905) 607-8011 (Publications Class Mail Reg. No: 8040)
ISSN: 0832-1922 - LDN: 310578

Volume XIII - No 147 - November 1996

Bộ 13 - số 147 - tháng 11, 1996

TRONG SỐ NÀY:

Tin văn.....	2
Trong làng ngoài ngõ.....	4
Tin tị-nạn.....	6
Tin Việt-nam.....	8
Tin văn xứ người, Nguyễn Nhạn Sơn.....	10
Lời gửi gió, thơ Tuệ Nga.....	18
Văn Bút: bước ngoặt mới? Nguyễn Hữu Nghĩa.....	19
Câu chuyện thời-sự, Phạm Phong Dinh.....	23
Làng tiến-sĩ, Đào Đức Chương.....	27
Về rừng, thơ Hoàng Nga.....	29
Cổ thụ, thơ Thúy Sơn.....	30
Cái gì em còn lại, thơ Hà Chính Bình.....	32
Nhật san, Trần Văn Tích.....	33
Sáo thu, thơ Lê Hữu Mục.....	35
Bên Hồ, thơ Trần Hoài Thư.....	36
Một vết chim bay, truyện ngắn của Hoàng Nga.....	37
Phải thế không? thơ Ngô Minh Hằng.....	38
Cám ơn hoa văn nở, thơ Nguyễn Khanh.....	41
Đá xanh cũng khóc, truyện ngắn Dương thị Vành-Khuyên.....	43
Tự-thú, thơ Đỗ Đăng Bắc.....	44
Chiều vàng, thơ Trần Ngân Tiêu.....	47
Sẽ về với Huế, thơ Lê Nguyễn.....	49
Mức độ tốt lành của chúng ta, Nguyễn Văn Thông.....	50
Rừng phong, thơ Nguyễn Đăng Tuấn Mệnh.....	51
Nhắm giùm với nhà tôi, truyện ngắn Phạm thị Thanh Bách.....	52
Ý-thức rời, thơ Trần Văn Lệ.....	53
Bùn đen, truyện ngắn Nguyễn Duy Tâm.....	54
Mưa đổ xuống đời, thơ Phan Xuân Sinh;	
Buổi đó ta về, thơ Dư Mỹ; Không đề, thơ Đông Vũ;	
Chiều tưởng nhớ, thơ T.T. Máy Trên Ngàn.....	57
Nói điều ràng buộc, Hồng Huy.....	58
Bóng đời, thơ Nguyễn Anh; Tim tâm, thơ Việt Liễu;	
Về đi, thơ Nguyễn Đức Thanh; Hạnh phúc, thơ Ng.Hải Hà.....	60
Ngậm ngùi, thơ Xuân Đài; Giăng thu, thơ Đan Hà;	
Ngủ, thơ Gã Tư Mã; Còn gì, thơ Thiên Di.....	61
Thu biệt, thơ Lộc Quy; Khi mùa sang, thơ Ng. Trọng Lượng.....	62
Lá, thơ Nguyễn Vĩnh Long; Lạc, thơ Đông Nghi.....	63
Chữ tâm, truyện Nguyễn Hữu Nhật.....	64
Về thăm Quảng-ngãi, thơ Phạm Tâm Phố.....	67
Văn qua mau, thơ Lê Văn Thịnh.....	68
Xóm cũ: Văn chương truyền khẩu, Diên Khánh.....	71
Xóm Đồng Bùi, Thúy Sơn.....	76
Hồn anh thơm nức, thơ Nguyễn Văn Cường.....	72
Nghĩa nước tình non, thơ Phan Long Yên.....	75
Lá bàng, thơ Văn Nương.....	78
Đùa với lửa, truyện dài Tống Minh Long Quân.....	79
Gửi người bên sông Dịch, thơ Phạm Hồng Dạm.....	81
Duyên thơ, thơ Ông Thế Hùng.....	83
Mang xuống tuyến đài, truyện dài Hoàng Hải Thủy.....	85
Cám ơn những ước vọng, thơ Thụy Ý.....	87
Độc-giã thác mắc, Bút Chì.....	89
Độc sách, Ba miền thương nhớ, Tiểu Đăng.....	91
Tình, thơ Lâm Thúy.....	93
Mùa đông đã về rồi đó nhỏ, thơ Phan Các Chiêu Hằng.....	94
Khảo-cổ: Con người biết vẽ từ bao giờ, Nguyễn Nhạn Sơn.....	98
Chém đá, Sắc Không.....	100
Thơ chưa Nam Chi Thượng Nhân.....	107
Nhận được, giới-thiệu.....	108
Thư đi tin lại, Nguyễn Hương.....	111

Ảnh bìa: Chiều trên xứ lạ của Lê Quang Xuân (Gia-nã-đại)

Chủ-nhiệm: Nguyễn Hương
Chủ-bút: Nguyễn Hữu Nghĩa & Nguyễn Hương

Ban biên-tập:

Bút Chì - Cao Tiểu - Cung Vũ - Diên Khánh
Đào Trường Phúc - Hà Huyền Chì - Hoàng Chính
Hoàng Hải Thủy - Hoàng Nga - Hồng Huy
Hương Giang Thái Văn Kiêm
Kiên Trung - Kha Huyền - Lãng Nhân
Lâm Hảo Dũng - Lê Văn Lân - Mỗ (Làng Văn)
Ngô Nguyễn Dũng - Nguyễn Nghĩa - Nguyễn Phong
Nguyễn Bá Đình - Nguyễn Huy Phước
Nguyễn Mạnh An Dân - Nguyễn Nhạn Sơn
Nguyễn Văn Ngọc - Nguyễn Văn Thông
Phạm Phong Dinh - Phạm Quang Ngọc
Phan Các Chiêu Hằng - Sắc Không - Sơn Tùng -
Tiểu Đăng - Tư Tĩnh - Tống Minh Long Quân
Tuệ Nga - Trần Văn Tích - Trần Văn Lệ - Văn Giá
Văn Nương - Việt Chì - Việt Thao Đào Đức Chương

Cộng-tác:

Bạch Thái Hà - Bùi Hữu Trí - Cao Hoàng Nhân
Cao Xuân Lý - Diệu Tân - Dương Kim - Đan Hà
Đặng Thị Quế Phượng - Đoàn Tam
Đông Nghi - E. Phương - Hoàng Du Thụy
Huỳnh Liễu Ngạn - Hứa Hoàn - Lâm Thúy
Lê Hữu Mục - Lê Thụy Vi
Nam Chi Thượng Nhân - Ngô Du Trung
Nguyễn Hương - Nguyễn Hương (Dallas)
Nguyễn Khanh - Nguyễn Duy Tâm
Nguyễn Đức Bạt Ngàn - Nguyễn Đức Lập
Nguyễn Đức Tùng - Nguyễn Văn Ba
Nguyễn Hải Hà - Nguyễn Hữu Nhật
Nguyễn Thị Vinh - Nguyễn Tư - Nguyễn Văn Cường
Nguyễn Việt - Ông Thế Hùng - Phạm Tâm Phố
Phạm Thăng - Phan Long Yên - Phan Thịnh
Phan Nguyễn Minh Minh - Phùng Nhân
Quỳ Hương - Thanh Hữu Huyền - Thanh An
Thảo Nguyên - Thủy Trang - Thủy Sơn
Trần Ngân Tiêu - Trần Mộng Lâm
Trường Sơn Lê Xuân Nhị - TT Máy Trên Ngàn
Văn Giá - Vi Vi - Việt Phong - Việt Phương
Vĩnh Hảo - Võ Phiến - Vũ Tiến Đăng - Xuân Tước

Minh-hoa: Nguyễn Nhật Tân

Góp tranh: Babui - Hiếu Đệ - Minh

Nguyễn Khai - Nguyễn Đồng - Nguyễn Thị Hợp
Thái Tuấn - Vi Vi - Vũ Thái Hòa

Góp ảnh: Lê Quang Xuân - Cung Vũ

Đại-diện địa-phương:

Pháp: Bạch Thái Hà Québec: Nguyễn Bá Đình
Đức: Ngô Việt Dũng Hòa-lan: Hồ Thị Chiến
Na-uy: Dương Kim Úc: Phạm Quang Ngọc
Hoa-kỳ: Trương Sĩ Lương Võ Thắng Tiết (CA)
Linh Phương (FL) Nguyễn Huy Phước (NJ)
Phan Xuân Sinh (MA)

Tri-ân các công-tác-viên quá-cổ: Thanh Nam, Trần Cao
Lĩnh, Tử-Vi Lang, Bình Nguyễn Lộc, Nguyễn Tất Nhiên,
Kính Tân, Phạm Văn Cương, Lê Thao Chuyên, An Khê, Ngọc
Khôi, Trương Ái Minh.

Giá báo bán lẻ:

Gia-nã-đại: 5 gia-kim; Hoa-kỳ: 5 mỹ-kim;
Pháp: 50 quan; Úc: 10\$, Bắc Âu: 50 krone;
Nhật: 1000 yen; các nước khác: 7 mỹ-kim
Thẻ-lệ mua báo: trang 110 / Giá quảng-cáo: trang 118

tin văn

KIÊN TRUNG

phụ-trách



Trung Cộng: Vương Hy Triết thoát sang Hương-cảng

Phát ngôn viên Bộ Ngoại Giao Trung Cộng hôm 15.10 tuyên bố với giới báo chí quốc-tế rằng nhân vật bất đồng chính kiến Vương Hy Triết đã vượt biên giới trốn sang Hương-cảng. Các giới chức ngành Tư Pháp Trung Cộng đang tìm cách truy tố ông Vương Hy Triết và những người giúp-dỡ ông đào thoát khỏi nước. Phát ngôn viên Trung Cộng này còn kêu gọi các đệ tam quốc gia không nên tiếp nhận những người nhập cảnh bất hợp pháp. Ông Vương Hy Triết đã bỏ Hoa Lục trốn sang Hương-cảng sau khi một người bạn của ông, ông Lưu Hiếu Ba bị Bắc Kinh kết án 3 năm tù lao-động cải-tạo.

Cả hai ông trong thời gian gần đây đã gửi thỉnh nguyện thư cho chính phủ kêu gọi thương-nghị với nhà lãnh đạo tinh thần của nhân dân Tây Tạng là đức Đạt Lai Lạt Ma.

Tin tức giới báo chí Hương-cảng cho biết, ông Vương Hy Triết đang làm thủ-tục xin Hoa-kỳ nhận cho tị-

nạn chính-trị trước khi Hương-cảng lọt vào tay Trung Cộng.

Ông Vương Hy Triết xuất thân công-nhân, tham gia phong trào đấu tranh dân chủ từ năm 1974, ngồi tù 12 năm và được tự do tạm kể từ 1993.

Trung Cộng: đưa Vương Đan ra tòa

Theo thân-phụ của sinh-viên Vương Đan, Trung Cộng sẽ đưa con ông ra tòa để lãnh án. Cậu Vương Đan năm nay 27 tuổi, tham-gia đấu-tranh dân-chủ từ 1989. Sau vụ quân đội Trung Cộng đàn áp dẫm máu ở Thiên An Môn, Vương Đan bị giam suốt 44 tháng. Sau khi được trả tự do chưa bao lâu, cậu bị bắt lại hồi tháng 5.1995 về tội "âm mưu lật đổ chính quyền cách mạng".

Theo Tổ chức Human Rights Watch/Asia, chính quyền Bắc Kinh phải kết thúc vụ xử Vương Đan trước khi Ngoại trưởng Hoa Kỳ Warren Christopher đặt chân tới Trung Quốc vào đầu tháng 11 tới.

Trung Cộng cảnh cáo Mỹ

Trần Quốc Phóng, Phát ngôn viên Bộ Ngoại Giao Trung Cộng tuyên bố hôm 15.10 rằng cuộc tranh chấp giữa Trung Quốc và Nhật Bản về nhóm đảo Điếu Ngư (Diaoyu) theo Hoa ngữ và Senkaku theo Nhật ngữ, là vấn đề song phương giữa Bắc-kinh và Đông-kinh, các nước khác không nên can dự vào.

Lời phát biểu nói trên được đưa ra sau một phúc trình tại Quốc-hội Hoa-kỳ cho rằng Washington bắt buộc

phải bảo vệ các đảo Senkaku chiếu theo Hiệp ước An-ninh Nhật-Mỹ đã ký-kết sau đệ nhị Thế Chiến.

Phát ngôn viên Bộ Ngoại Giao Trung Cộng tuyên bố rằng bất kỳ ý đồ nào nhằm áp dụng Hiệp ước nói trên vào cuộc tranh chấp chủ quyền nhóm đảo Điếu Ngư đều sẽ ảnh hưởng tới tình hình an ninh chung của cả khu vực. Trần Quốc Phóng nhắc lại là nhóm đảo Điếu Ngư là một thành phần bất khả phân của lãnh thổ Trung Quốc.

Giám-mục Carlos Belo chỉ-trích chính-phủ Nam-dương

Nhân dịp Tổng thống Nam-dương, Suharto, đến thăm vùng Đông Timor, Giám mục Carlos Filipe Ximenes Belo, nhân vật vừa được trao tặng Nobel Hòa-bình 1996, đã mạnh mẽ chỉ trích chính-phủ Jakarta áp dụng một chính sách đàn áp thường trực tại vùng Đông Timor.

Theo Giám mục Carlos Belo, các bộ-trưởng Nam-dương đến thăm Đông Timor không bao giờ tiếp xúc với người dân để lắng nghe nguyện vọng của họ.

Trong dịp trả lời phỏng vấn của báo chí, Giám mục Carlos Belo nhắc lại chủ trương tổ chức trưng cầu dân ý về việc độc-lập của xứ này, là một giải pháp ôn hòa cho Đông Timor. Những lời tuyên bố của Giám mục địa phận Đông Timor được tăng thêm uy lực nhờ giải thưởng Nobel, là một trong những đòn tấn công mạnh mẽ nhất kể từ khi Ngài được phong chức ở đây và đấu tranh cho Đông Timor được độc lập.

Lời tuyên bố của Giám mục Carlos Belo được đưa ra vào lúc Tổng thống Suharto viếng thăm Đông Timor trong ngày 15.10. Tổng Thống Nam-dương công nhận "ở đây có vấn đề", nhưng cho rằng "tình hình sẽ cải thiện khi kinh tế phát triển".

Đây là lần đầu tiên từ 8 năm qua, Tổng thống Suharto đến Đông Timor. Ông gặp Giám mục Carlos Belo một phút ngắn ngủi, chỉ bắt tay nhau mà



Sinh-viên Vương Đan

không trao đổi lời nào.

Ramos-Horta tố Mỹ và Úc

Nhân vật cùng được chia giải Nobel Hòa Bình 1996 là ông Jose Ramos-Horta, người tố cáo Hoa-kỳ và Úc-đại-lợi đã góp phần gây ra bất-ổn tại châu Á khi cung cấp vũ khí, huấn luyện quân sự cho một số quốc gia như Nam-dương.

Theo ông Jose Ramos Horta, trước đây Thụy Điển và Hoa Kỳ đã trang bị cho Nam-dương vũ khí tối tân hơn những nước láng giềng. Úc cũng đã nâng cao trình độ luyện tập của quân đội Nam-dương qua các cuộc thao dượt quân sự hỗn hợp.

Hôm 14.10, phát biểu trên đài phát thanh Đức, ông Jose Ramos-Horta cũng đã kêu gọi Thủ tướng Đức Helmut Kohl hãy đề cập đến vấn đề nhân quyền trong chuyến viếng thăm Nam-dương vào cuối tuần tới. Ông hy vọng là Thủ Tướng Đức sẽ dùng ảnh hưởng của mình để làm cho tình hình Đông Timor bớt căng thẳng. Theo nhận định của ông Ramos-Horta, không có quốc gia nào ở châu Âu có ảnh hưởng lớn bằng nước Đức tại Nam-dương.

Ngay sau lời kêu gọi của ông Horta, phát ngôn viên phủ Thủ tướng Đức đã khẳng định là ông Helmut Kohl sẽ đề cập tới vấn đề nhân quyền trong chuyến công du Indonesia sắp tới.

Hai phe Kurd đánh nhau

Lực lượng của đảng Dân Chủ Kurdistan (KDP) được sự ủng hộ của Iraq đã mở một cuộc phản công nhằm chiếm lại phần đất vừa lọt vào tay lực lượng Liên Hiệp Yêu Nước Kurdistan (PUK) mấy ngày qua. Lực lượng PUK hồi tháng qua đã bị KDP với sự hỗ trợ của Iraq đánh đuổi chạy qua Iran. Nay PUK quay trở lại Iraq và cho biết là đã chiếm lại hầu hết những phần đất đã mất, trừ thủ phủ Irbil.

Tin tức trích dẫn lời các nhân chứng cho biết phe KDP đưa hàng trăm binh sĩ và vũ khí hạng nặng tới

vùng chiến tuyến ở Đông Irbil. Phe PUK vẫn chưa mở cuộc tấn công vào Irbil vì nơi đây được hàng trăm xe tăng Iraq bảo vệ.

Anh quan-tâm tình-hình Miến-điện

Bộ Ngoại Giao Anh Quốc hôm 14.10 đã tỏ nỗi lo ngại trước việc chính quyền quân sự Miến Điện tái phong tỏa nhà của bà Aung San Suu Kyi, lãnh-tụ đối-lập.

Trong một thông cáo, Bộ Ngoại Giao Anh tuyên bố "lấy làm tiếc" về hành động nói trên của nhà cầm quyền quân sự Rangoon.

Nhật đòi Nga thả ngư-phủ Nhật

Hôm 15.10 Nhật Bản yêu cầu Nga trả tự do cho 5 ngư phủ Nhật đã bị Nga bắt hôm 12.10 gần Kuril, quần đảo đang trong vòng tranh chấp giữa Nga và Nhật.

Nam Hàn lời sinh-viên thân Cộng ra tòa

Biện lý tòa án Nam Hàn đã yêu cầu tòa tuyên phạt tối đa 3 năm tù đối với một toán sinh viên thân Cộng đã tham gia cuộc biểu tình bạo động kéo dài một tuần lễ trong khuôn viên một trường đại học tại thủ đô Hán Thành hồi cuối tháng 8 vừa qua.

Đây là toán sinh viên đầu tiên trong số 244 người sẽ bị đưa ra tòa xét xử về tội biểu tình ủng hộ cộng sản Bắc Hàn đòi "thống-nhất" đất nước, vi phạm luật an ninh của Nam Hàn. Trong số các sinh viên bị truy tố có 10 người sẽ phải ra tòa về tội giết người liên quan tới cái chết của một cảnh sát viên.

Quốc vương Jordan thăm Palestine

Quốc vương Hussein của nước Jordan đã sang thăm thành phố Jericho trong vùng West Bank hôm 15.10. Đây là chuyến viếng thăm đầu tiên

của ông tại Jericho trong vòng gần 30 năm qua. Hàng ngàn người dân Palestine đã nghênh đón Quốc Vương khi ông từ thủ đô Amman đến Jericho trên một phi cơ trực thăng cùng với Chủ tịch Yasser Arafat của Palestine.

Vua Hussein là nhà lãnh đạo một nước Ả Rập đầu tiên đến thăm khu vực tự trị của người Palestine từ khi Tổ chức PLO ký với Israel Hòa ước Oslo 1993.

Giới quan sát nhận định chuyến đi này nhằm tỏ tình đoàn kết giữa Jordan và Palestine trong công cuộc đàm phán hòa bình với Do-thái.

Theo một viên chức cao cấp của Jordan, một cuộc họp thượng đỉnh 4 bên gồm Palestine, Do-thái, Jordan, và Ai Cập sẽ được tổ chức tại Amman, sau khi các cuộc vận động hiện nay đi đến kết quả. Riêng Chủ tịch Yasser Arafat đề nghị Hoa Kỳ đưa quân đến Hebron tham gia lực lượng bảo vệ hòa bình tại chỗ một khi Do-thái rút quân khỏi thành phố này.

Theo giới quan sát, chuyến đi đến West Bank của Quốc vương Hussein mang đầy tính biểu tượng, vì qua chuyến đi này, Vua Hussein thừa nhận quyền hạn của Palestine ở West Bank. Từ 1948 đến 1967 vùng West Bank thuộc chủ quyền của vương quốc Jordan trước khi bị Do-thái chiếm đóng.

Đảng Cộng-sản Pháp bị điều-tra

Cả hai nhân vật lãnh đạo đảng Cộng Sản Pháp là Robert Hue, đương kim Tổng Thư-ký Quốc-gia (tên cũ là Tổng Bí-thư) và người tiền nhiệm của ông là George Marchaise, bị truy tố vì một hồ sơ tài chính mờ ám

Bộ Tư-pháp nghi ngờ đảng Cộng Sản Pháp đã nhận một số tiền lên đến 13 triệu quan (tương đương 2,5 triệu mỹ-kim) do công ty phân phối nước hối lộ qua trung gian của một "văn phòng nghiên cứu", mà thực tế là cơ quan kinh tài của đảng này, trong các dịch vụ đấu thầu cung cấp nước uống ở các thành phố do đảng Cộng Sản Pháp nắm chính-quyền.

Thì ra, tham-những là đặc-tính của của cộng-sản, Đông cũng như Tây-phương.

Khi ông tổng thống đau tim chơi trò “bóp” tim

Thật là “bé cái làm” khi cho rằng Tổng thống Yeltsin chỉ còn là một hình nhân mang danh tổng-thống. Tháng 10 vừa qua, ông đã chứng tỏ bản lãnh của ông, với những cú “bóp tim” đối-thủ rất bất-ngờ.

Trước hết, để trả lời những ai dám cả gan yêu cầu ông từ chức vì lý do sức khỏe, TT Yeltsin đã quay trở lại khẳng định quyền lực của mình với một bài diễn văn đọc trên đài phát thanh tối 3.10, trong đó có lời cảnh cáo: “Đừng vội vã thay ảnh chân dung tổng-thống. Đất nước vẫn đang có một tổng-thống và là một tổng-thống năng động. Tôi vẫn kiểm-soát tất cả những gì đang xảy ra trên đất nước này với sự giúp việc của một toán chuyên viên rất cứng”.

Đầu tiên là cách chức một loạt 6 tướng-lãnh hôm 4.10 mà không cần nêu lý-do. Tiếp theo, vào giữa tháng 10, cách chức luôn tướng Lebed, Phó Tổng-thống, người hùng A-phú-hãn và Chechnya, và cũng là người đã góp phiếu để Yeltsin đắc-cử tổng-thống mấy tháng trước đây. Tướng Lebed bị nghi-ngờ là đã củng-cố lực-lượng quân-sự, chuẩn-bị nắm ghế tổng-thống một khi TT Yeltsin hôn-mê trên giường bệnh trong cuộc giải-phẫu sắp tới.



Tổng-thống Nga Boris Yeltsin
đẹp nội-loạn trước khi lên bàn mổ



trong làng

Phái-đoàn Văn Bút VNHN tại Đại-hội Văn Bút Quốc-tế

Ngày 6.11, Văn Bút Việt-Nam Hải-Ngoại đã cử một phái-đoàn bốn người sang chính-thức tham-dự Đại-hội Văn Bút Quốc-tế kỳ 63, tổ-chức tại Guadalajara, một thành-phố trên cao-nguyên ở Mễ-tây-cơ.

Phái-đoàn do nhà văn Sơn Tùng, Chủ-tịch Ban Chấp-hành hướng-dẫn, với sự hiện-diện của nhà văn Minh Đức Hoài Trinh, Chủ-tịch Sáng-lập, cố-vấn; cùng nhà thơ Ngô Tịnh Yên và nhà văn Ngọc Anh trong Ban Chấp-hành Trung-tâm Nam California.

Được biết, toàn bộ số tiền ghi danh (900 mỹ-kim), được các Trung-tâm Miền Đông, Nam Hoa-kỳ, Bắc California, Nam California và Ontario chung góp. Chi-phí còn lại gồm vé máy bay, tiền khách-sạn, ẩm-thực và di-chuyển địa-phương, do các đại biểu thành-viên trong phái-đoàn tự-túc.

Văn Bút Việt-Nam Hải-Ngoại đã đệ-trình kịp lúc bản dự-thảo quyết-nghị can-thiệp cho văn-nghe-sĩ VN bị cầm tù; và nhà văn Sơn Tùng, gốc luật-sư, sẽ đứng ra điều-tràn, bảo-vệ

bản dự-thảo nghị-quyết trước Đại-Hội-đồng Văn Bút Quốc-tế.

Để góp thêm phương-tiện cho phái-đoàn Văn Bút VNHN, quý văn-hữu hội-viên, thân-hữu và đồng-bào có thể gửi chi-phiếu ủng-hộ về:

Văn Bút VNHN

C/o: Mrs. Lê Thị Ý (Thủ-quỹ)

11525 Dragonfire Way

Germantown, MD 20876

USA

(xin ghi-chú trên chi-phiếu: ủng-hộ phái-đoàn Văn Bút VNHN).

Họa-sĩ Vi-Vi triển-lãm tại San Diego

Họa-sĩ Vi-Vi Võ Hùng Kiệt đã bày 40 bức tranh mới nhất của anh tại Community Centre, số 7833 đường Linda Vista, San Diego từ 12 đến 19.10.1996, do Hiệp Hội Người Việt San Diego và tuần-báo *Người Việt Tự-Do* tổ-chức.

Họa-sĩ, cũng là thi-sĩ Vi-Vi, hiện đã rời Montréal, dọn sang Hoa-kỳ, và đây là lần triển-lãm thứ nhất của anh trên vùng đất mới nhất.

Tranh của Lê Đức Viem trên mạng (Internet)

Họa-sĩ Lê Đức Viem ở Đan-mạch đã đưa họa-phẩm của ông lên mạng (internet). Quý vị yêu tranh và có phương-tiện, xin tìm tới “trang nhà”: <http://www.cybercity.dk/users/bcc/bcc3414/home.html>

Ngoài ra, địa-chỉ vi-thư (E-mail): phucan_le@vip.cybercity.dk

Ký-giả Trọng Minh ra mắt “Về vang dân Việt” tại Nga, Nhật, Úc và Tân Tây Lan

Sau khi ra mắt tập III *Về vang dân Việt* tại Mỹ (7.7.96), ký-giả Trọng Minh đã lần-lượt đi Nga, Nhật và Úc để ra mắt bộ sách này.

Tại Nga, ông và nhà văn Minh Đức Hoài Trinh ra mắt sách tại buổi hội thảo quốc tế về các đề tài văn hóa, giáo dục, kinh doanh và khoa học, do Trung Tâm Việt-Nam-học của Nga tổ

chức trong hai ngày 13 và 14.9.1996.

Tại Nhật, ký-giả Trọng Minh đã ra mắt sách tại Đông-kinh, thủ đô nước Nhật ngày 17.10.1996.

Các buổi ra mắt sách tại Úc, Tân Tây-lan và đảo Noumea được tổ-chức vào cuối tháng 10.1996.

Gia-đình cựu tù-nhân chính-trị CSVN họp mặt tại Orlando

Gia-đình cựu tù-nhân chính-trị CSVN đã họp mặt tại Orlando cuối tháng 9 vừa qua tại Winter Park Civic Center. Trưởng ban Tổ-chức là ông Nguyễn Hữu Cang. Khách danh-dự là ông Đào Văn Bình, Chủ-tịch Tổng Hội Cựu Tù-nhân Chính-trị CSVN từ San Jose đến. Chương-trình văn-nghệ do nhạc-sĩ Linh Phương điều động, với sự góp mặt của các danh-tài văn-nghệ cư-ngụ trong vùng.

Trong dịp này, Hội Ái-hữu Không-quân Orlando và phu-cận đã luân-lưu bản kiến-nghị-thư đòi CSVN trả tự-do cho chiến-sĩ Lý Tống.

Võ Nguyên Giáp thăm bại tại Thụy-sĩ

Tháng 9.96 vừa qua, Võ Nguyên Giáp, 84 tuổi, dẫn vợ và hai con sang Thụy-sĩ "với tư-cách riêng", được chính-quyền Thụy-sĩ cùng một số chủ xí-nghiệp, ngân-hàng hẹn tiếp-kiến, đã tạo lên làn sóng phản-đối rộng-rãi trong cộng-đồng Việt-nam tại địa-phương.

Hội Cựu Quân-nhân QLVNCH tại Thụy-sĩ, Hội Người Việt Quốc-gia Lausanne, Hội Người Việt Tự-do tại Thụy-sĩ và Ủy-ban Giải-trừ pháp-nạn đã phổ-biến một tài-liệu vạch mặt Giáp và kêu-gọi đồng-bào bẻ gãy kế "du-lịch", nhưng thực ra là đi ăn mày viện-trợ của Giáp tại Thụy-sĩ.

Ký-giả Nguyễn Lê Nhân Quyền (tức thi-sĩ Hoàng Bảo Việt, Phó Chủ-tịch Văn Bút VNHN) cùng ông Nguyễn Gia Tiếng cũng đã viết bài trên các báo *Le Courrier* và *Le Matin* tố-cáo chế-độ mafia CSVN cùng âm-mưu của Giáp tại Thụy-sĩ.

Bị Cộng-đồng Người Việt phản-

đối, Chủ-tịch Liên-bang Thụy-sĩ tuy giữ hẹn, nhưng chỉ tiếp Giáp tại một văn-phòng nhỏ (thay vì tại Dinh Liên-bang như thường-lệ) và bỏ nghi-thức chụp ảnh, quay phim kỷ niệm.

Liên Hội Người Việt hội-thảo tại Ottawa

Liên Hội Người Việt đã tổ-chức hội-thảo tại khách-sạn Citadel, Ottawa hôm 11-13.10.1996 vừa qua, đề-tài *Hội-nhập qua khoa-học và kỹ-thuật*.

Buổi hội-thảo thành-công tốt-đẹp với các diễn-giả và tham-luận-viên từ nhiều nơi về dự.

Trần Trung Đạo ra mắt thơ tại New York

Thi-sĩ Trần Trung Đạo đã ra mắt thi-phẩm thứ hai *Thao-thức* của anh hôm 12.10 tại New York, với khoảng 200 người yêu thơ tới dự.

Buổi sinh-hoạt do Cộng-đồng Người Việt Quốc-gia tại New York tổ-chức, nhà báo Nguyễn Văn Tánh (tạp-chí *Hoa Đàm*) nói lời mở đầu, nhà thơ Võ Đình Tuyết và Trần Thiện điều-khiển chương-trình.

Nhà thơ Nguyễn Bá Dĩnh (đại-diện tạp-chí *Làng Văn*), nhà thơ Thủy Trang và Nguyễn Hoàng Lăng Du đã nêu nhận-định về thơ Trần Trung Đạo.

Ông Trần Văn Đăng, Chủ-tịch Cộng-đồng, trình-bày lý-do chọn tác-phẩm của Trần Trung Đạo để ra mắt tại New York.

Trong buổi sinh-hoạt còn có mặt các văn-nghệ-sĩ xa gần như Đinh Quang Trung, Hạ Uyên, Lâm Chương, Lê Mai Linh, Lê Thành Quang, Lương Thư Trung, Mạc Hồng Quang, Ngô Minh Hằng, Nguyễn Đăng Tuấn Mạnh, Nguyễn Lương, Nguyễn Mạnh Cường, Nguyễn Thanh Huy, Phạm Bá Vinh, Phạm Cơ, Trần Hoài Thư, Trần Quán Niệm, Trần Thiệu Đạt, Trung Nhân, Vũ Hối và Phạm Ân.

Buổi sinh-hoạt diễn ra trong không-khí thân-hữu văn-nghệ rất ấm-áp.

Cái Đình ra mắt sách tại Hòa-lan

Nhà Cái Đình của Nguyễn Hoàn Nguyên đã trình làng hai tác-phẩm thứ ba và thứ tư của nhà xuất-bản: *Câu chuyện giữa đường* và *Vàng* tại Hòa-lan hôm 29.9, với hơn 100 người dự.

Câu chuyện giữa đường là tập truyện của Nguyễn Hiền.

Vàng là tập thơ của Cao Xuân Tứ, viết bằng ba thứ tiếng Việt, Anh, Pháp; trong đó có bài *Stars* được giải thơ Hòa-lan năm 1995.

Buổi sinh-hoạt có phần văn-nghệ do Võ Đức Tiến phụ-trách.

**Lễ Giáng-sinh sắp đến
Năm Mới sắp lại
Tết Nguyên-đán sắp về...**



**QUÀ CHO NGƯỜI THÂN,
KHÔNG GÌ BẰNG BIỂU NHAU
MỘT NĂM BÁO LÀNG VĂN**

*đẹp, ý-nghĩa, trang-nhà.
dùng được quanh năm, lưu được trọn đời.*

MÓN QUÀ GIÁ-TRỊ NHẤT

*cho bố mẹ, anh em
cho thân-nhân mới sang đoàn-tụ
cho bạn bè ở nơi xa thị-tứ, không tiện mua báo lẻ.*

tin tị-nạn

KIÊN TRUNG
phụ-trách



Hương-cảng tiếp-tục trục-xuất thuyền-nhân Việt-nam

Hôm 15.10, Hương-cảng đã trục-xuất thêm 199 thuyền-nhân về Hà-nội, trong số này có 51 trẻ em. Nhóm thuyền nhân này đều đi từ miền Bắc VN. Đây là nhóm thứ hai hồi hương hồi tháng 10.1996, trong chương-trình thanh toán các trại tị nạn trước ngày chuyển quyền cho Trung Cộng.

Như vậy là tính từ 1991 đến nay đã có khoảng 6.000 thuyền nhân bị Hương-cảng cưỡng bách hồi hương.

Hà-nội không nhận 4.000 thuyền-nhân tại Hương-cảng

Mới đây, Hà-nội tuyên-bố không nhận lại 4.000 trong số 11.000 thuyền-nhân hiện còn ở lại Hương-cảng. Lý-do là "tình-trạng quốc-tịch của họ không được xác-minh."

Phía Hương-cảng đoan-quyết 4.000 người này đi từ Việt-nam; nhưng Hà-nội nói rằng họ không phải là người Việt, không đi từ VN, mà từ Trung-quốc trốn qua, giả làm thuyền-nhân Việt-nam và số người này phải trở về Trung-quốc, thay vì Việt-nam.

Cộng-đồng Việt-nam hải-ngoại giúp 260.000 mỹ-kim mua đất lập "Làng Việt-Nam"

Tại Phi-luật-tân, các thuyền nhân Việt-nam từ chối hồi hương đã bắt đầu xây dựng nhà cửa để định cư vĩnh-viễn. Khu định cư rộng hơn 8 hecta (khoảng 20 acres), dành cho 1.000

thuyền nhân. Cộng đồng người Việt hải ngoại đã tặng cho đồng bào tị nạn định cư tại Phi một số tiền trên 260.000 đô-la để mua đất.

Nhờ sự can thiệp của Giáo hội Thiên Chúa Giáo Phi, 1.000 thuyền nhân này đã được chính phủ Manila cho phép ở lại. Theo cha sở họ đạo địa phương, Làng Việt Nam sẽ là biểu tượng chói sáng của lòng hiếu khách và lòng bác ái của người Phi-luật-tân.

Ủy Ban Cứu Người Vượt Biển kêu-gọi giúp thuyền-nhân tại Hương-cảng và Thái-lan

Hôm 17.10, Ủy Ban Cứu Người Vượt Biển đã đưa ra lần thứ hai lời kêu-gọi cộng đồng người Việt ở hải ngoại cứu-giúp đồng-bào tị-nạn tại Hương-cảng và Thái-lan.

Cộng-đồng đã chứng tỏ tình thương bao la đối với thuyền nhân ở Phi Luật Tân. Trong một thời gian ngắn, số tiền quyên góp đã lên trên gần 2 triệu mỹ-kim, so với nhu-cầu do Hội Đồng Giám Mục Phi Luật Tân đưa ra là 657.730 mỹ kim, kể cả tiền mua đất để xây-dựng Làng Việt-Nam.

Qua lá thư gửi Quốc Vương Thái Lan ngày 15.9, Đức Ông Mai Thanh Lương cũng đã nói lên tấm lòng nhân ái này của người Việt ở hải ngoại: "Thực sự, chúng tôi ước tính phí tổn định cư cho 2.000 người tị nạn tại Phi Luật Tân vào khoảng 800.000 mỹ-kim, nhưng số tiền quyên góp đã lên tới 2 triệu mỹ-kim.

Khi thăm viếng quận Cam Cali, Đức Giám Mục Ramon Arguelles đại

diện HĐGM Phi tuyên bố với đài phát-thanh Little Saigon rằng số tiền do cộng đồng người Việt quyên góp là để riêng cho thuyền nhân, cho nên HĐGM sẵn sàng chuyển phần thặng dư, trên một triệu mỹ kim, cho thuyền nhân ở các trại khác.

Ủy Ban Cứu Người Vượt Biển nêu lên các con số này để kêu gọi các ban tổ chức gây quỹ, các cơ quan truyền-thông, và những ai đã từng làm việc sát cánh với HĐGM xin hãy vận động HĐGM chuyển gáp một phần của số tiền thặng dư này cho đồng bào thuyền nhân ở các trại Thái Lan và Hương-cảng, hiện đang thống khổ về cả đời sống lẫn tinh thần.

Ủy Ban cũng đưa ra một số chương trình cụ thể để giúp đỡ 1.000 đồng bào ở Thái Lan và 11.000 đồng bào ở Hương-cảng.

Để giúp đỡ tài chánh cho thuyền nhân ở Thái Lan, ngày 2.10, Linh-mục Peter Namwong, người đã từng phục vụ cho thuyền nhân ở trại Sikiew từ ngày trại được thành lập cho đến nay, viết thư gửi Hội Đồng Hợp Tác Các Tôn Giáo tại Hoa Kỳ để xin Hội Đồng này lên tiếng với HĐGM. Trước đó, LM Namwong cũng đã gửi một lá thư tương tự cho Đức Hồng Y Sin ở Phi Luật Tân.

LM Namwong xin HĐGM 100.000 mỹ kim để trợ cấp cho các thuyền-nhân ở trại Sikiew mỗi người 100 mỹ kim trước khi họ bị cưỡng bách hồi hương. Vì bị cưỡng bách hồi hương, các thuyền nhân này không được Cao Ủy Tị Nạn giúp đỡ bất kỳ một tài khoản nào. Đa số lại đã mất hết đồ đạc và vật dụng tư nhân sau các lần bị cảnh sát Thái bố ráp. Nhiều người còn bị thương tật mà không được chữa trị.

LM Namwong đề nghị dùng 50 mỹ kim để mua tặng phẩm như quần áo, giày dép, bao túi đựng đồ để giúp thuyền nhân có một ít tư trang, vật dụng khi hồi hương. Còn lại, trao 50 mỹ kim cho mỗi người trước khi lên máy bay để có tí vốn tuý thân khi về đến Việt Nam.

Số tiền 100.000 Mỹ kim chỉ là phần rất nhỏ của số tiền thặng dư

nhưng sẽ làm vui đi nỗi thống khổ cho cả ngàn đồng bào ở trại Sikiew, Thái Lan.

Về mặt tranh-dấu cho thuyền-nhân tại Hương-cảng, Ủy Ban kêu-gọi tài trợ nhóm luật sư Úc tranh đấu cho thuyền nhân.

Kể từ năm 1990, các luật sư thiện nguyện, đa số người Úc, đã kiên trì can thiệp hồ sơ và bênh vực pháp lý cho đồng bào của chúng ta, dưới danh nghĩa của tổ chức Lawyers for Refugees (LR).

Trong những năm đầu, họ được sự tài trợ của Văn Phòng Phục Vụ Tị Nạn Dòng Tên (Jesuit Refugee Service). Sau đó, cộng đồng Việt ở Úc đã gom góp nhiều chục ngàn để duy trì chương trình này.

Năm 1995 và 1996, tổ chức LAVAS hỗ trợ 60.000 mỹ kim cho nhóm luật sư LR. Một số tổ chức người Việt ở Canada cũng gửi tặng vài ngàn cho họ.

Hiện nay, tổ chức LR chỉ còn đủ ngân khoản cho một tháng.

Tổ chức LR đang có 2 luật sư Úc, một luật sư Anh, một luật sư Úc gốc Việt, một thông dịch viên cự thuyền nhân, và một thư ký người Hương-cảng. Mọi người đều làm việc tình nguyện mà chỉ cần một số trợ cấp về ăn ở và chi-phí văn phòng, tổng cộng là 5.500 mỹ kim một tháng. Gần đây, vì thiếu ngân khoản nên 3 luật sư trong nhóm đã phải chia nhau đi làm thêm việc vặt để kiếm tiền nuôi thân.

Tuy với một ngân khoản hết sức nhỏ bé và điều-kiện làm việc hết sức chật-vật như vậy, nhóm luật sư này đã có những giúp đỡ to lớn cho thuyền nhân.

Đầu năm nay, họ đã cùng với Luật sư Pam Baker, được mệnh danh là *Mẹ Già Của Thuyền Nhân* (bà dùng chính lương hưu của mình để hoạt động tranh đấu cho thuyền nhân), đã thành công tại Tối Cao Pháp Viện (Privy Council) của Anh Quốc trong việc đòi Hương-cảng phải trả tự do cho 300 thuyền nhân.

Hiện nay nhóm luật sư này đang tiếp tục vụ kiện để đòi tự do cho 4.000 thuyền-nhân nữa, trong tổng số 11.000 thuyền nhân còn ở Hồng Kông.

Để duy trì hoạt động cho đến hết tháng 6 năm 1997, tổ-chức LR chỉ cần thêm 50.000 Mỹ kim, một con số hết sức khiêm-nhường trong tổng số tiền thặng dư đã mà cộng đồng Việt ở hải ngoại đã đóng góp cho HEGM.

Ngay trước mắt, có hai chương trình thiết thực để giúp-đỡ đồng bào thuyền nhân ở Thái Lan và Hương-cảng, với chi-phí tổng cộng là 150.000 mỹ kim, khoảng 1/10 của số tiền thặng dư. Ủy Ban Cứu Người Vượt Biển thiết tha kêu gọi các ban tổ chức gây quỹ, các giới truyền thông, và các vị vẫn làm việc sát cánh với HEGM hãy vận động và thuyết phục HEGM chuyển gáp một phần ngân khoản thặng dư cho hai chương trình kể trên, theo như lời tuyên bố của Đức Giám

Mục Arguelles tại Quận Cam.

Với số tiền thặng dư đáng kể, chắc chắn sẽ còn nhiều phương cách khác nữa để giúp đỡ đồng bào thuyền nhân ở các trại khác nhau. Tuy nhiên, hai chương trình kể trên đang rất cần và rất đáng được hỗ trợ.

Danh-sách độc-giả và thân-hữu góp tem gửi báo cho các trại tị-nạn, năm 1996

Một tờ mỗi kỳ: Nguyễn Văn (MN); Nguyễn Thu Không (CA); bé An Như (CA); Phạm Xuân Thảo (CA); Lê Văn Thanh (Pháp).

Hai tờ mỗi kỳ: Nhà văn Nguyễn Văn Thông (MA); Nhà thơ Trương Chi (PQ); Vũ Nghi (BC); Nguyễn Minh Khánh (ON).

Ba tờ mỗi kỳ: Ngọc Hân (TX).

Năm tờ mỗi kỳ: Nha-sĩ Lương Bá Lê (Montréal).

Các địa-chỉ cần biết khi cần gửi thư can-thiệp giúp đồng-bào tị-nạn

Ủy ban Cứu người vượt biển
(Boat People S.O.S.)

P.O. Box 2652

Merrifield, VA 22116

USA

Phone & Fax: (703) 204-2662

Legal Assistance for Vietnamese
Asylum Seekers (LAVAS)

P.O. Box 2606

Merrifield, VA 22116, USA





tin việt-nam

DƯƠNG THƯỢNG NGÃ
phụ-trách

Quốc-hội bù-nhìn nhóm họp

Quốc-hội bù-nhìn của CSVN, với thành-phần "dân-biểu" do dân "bầu" ra theo danh-sách do đảng CSVN giới-thiệu, đã họp khóa họp thường niên kỳ 2 từ 15.10, với một nghị-trình nặng nề: xem xét ngân sách, cải tổ thuế, thông qua một số luật trong đó có luật đầu tư ngoại quốc được sửa đổi lần thứ ba (và chưa bao giờ được áp-dụng đúng mức!)

Trong bài diễn văn khai mạc, Thủ tướng CSVN Võ Văn Kiệt đã vẽ ra một bức tranh ảm-dạm về tình hình kinh tế và xã hội Việt Nam.

Mức phát-triển đạt 9,5% chỉ-tiêu, lạm phát từ 6 đến 7%, thu nhập của nhà nước còn yếu trong việc thu thuế, chênh-lệch mậu-dịch hơn 3 tỷ mỹ-kim trong 8 tháng đầu năm. Hàng hóa Việt Nam không đủ sức cạnh tranh ngay trên thị trường nội địa.

Võ Văn Kiệt còn nêu vấn đề thất nghiệp, lãng phí, nạn hành chánh quan liêu và nạn tham nhũng nghiêm trọng.

Lĩnh vực y tế giáo dục cũng được đề cập. Kiệt tố cáo hệ thống bảo vệ sức khỏe dân-chúng do nhà nước thực-hiện mà "chất lượng tùy thuộc vào giá tiền mà bệnh nhân đồng ý trả".

Nạn mại dâm, ma-túy cũng gia tăng.

Về đầu tư của ngoại quốc, Kiệt nhắc lại lời than phiền của giới kinh doanh ngoại quốc là "thiếu rõ ràng về mặt pháp lý", "thủ tục rườm rà".

Theo tin Pháp-tấn-xã, các nhà đầu tư ngoại quốc tuy đang chờ đợi cải tổ luật đầu tư mới, nhưng không hy vọng là sẽ có phép lạ. Theo họ, sẽ không có những thay đổi đáng kể.

Ngoài vấn đề ngân sách, luật đầu tư, Quốc-hội CSVN còn nghiên cứu việc cải tổ hành chánh. Tất cả 390 dân-biểu, với 67% ở trình-độ Trung-học, phải họp trong một tháng, lâu hơn những lần trước.

Lụt tại miền Tây Nam phần

Trận lụt tại vùng châu thổ sông Cửu Long kéo dài từ giữa tháng 10 đã hoành-hành tại 8 tỉnh và vẫn đang tiếp diễn.

Tính tới ngày 20.10, có 94 người thiệt mạng và 32 người mất tích. Các giới chức CSVN cho biết, hơn 2 triệu nạn nhân cần được cứu trợ và 60.000 gia đình có nguy cơ lâm vào nạn đói. Đây là trận lụt lớn nhất kể từ hơn 20 năm qua.

Ngoài nạn lụt, các tỉnh bị lụt còn bị dịch sốt xuất huyết đe dọa. Chỉ riêng tỉnh Tiền-giang đã có 33 người bị thiệt mạng. Tỉnh Long An có 11 trẻ em thiệt mạng. Tính chung đã có

7.500 người bị bệnh sốt xuất huyết do muỗi truyền nhiễm.

Trên 220.000 người bị bệnh bướu cổ tại Sông Bé

Theo con số của ngành y tế tỉnh Sông Bé, hiện nay toàn tỉnh có trên 220.000 người mắc bệnh bướu cổ, chiếm tỷ lệ 22% dân số của tỉnh. Huyện Bù Đăng có tỉ lệ người mắc bệnh bướu cổ cao nhất, đến 35,8%.

Nguyên nhân chính đưa đến bệnh bướu cổ trong tỉnh Sông Bé là người dân ở đây chưa có thói quen dùng muối iode, nhất là đồng bào thiểu số thuộc các sắc tộc miền núi. Mặt khác số lượng muối iode tiêu thụ trong tỉnh cũng quá ít ỏi, trung bình cả tỉnh chỉ mua về 666 tấn/năm, trong khi nhu cầu muối iode là 5.000 tấn/năm.

H.O. giả

Công an tỉnh Thừa Thiên - Huế vừa khám phá một đường dây xuất-cảnh lậu bằng hồ-sơ "H.O." giả.

Theo công an tỉnh này, một tổ chức đã lợi dụng chương trình ra đi có trật tự (ODP), mua lại những hồ sơ "H.O." của các cựu sĩ quan quân đội VNCH hoặc hồ sơ con lai (nhưng không đủ điều kiện xuất cảnh), sau đó sửa đổi, tráo ảnh người khác vào để được xuất cảnh sang Mỹ.

Cơ quan công an Thừa Thiên - Huế đã bắt giam 15 người trong đường dây, tịch thu được 60.000 mỹ-kim, 7 chiếc xe gắn máy Honda Dream II, và 370 triệu đồng tiền Hồ.

Chênh-lệch mậu-dịch Hương-cảng / CSVN

Theo Hội Đồng Phát Triển Thương Mại của Hương-cảng, định mức xuất cảng của Hương-cảng sang CSVN trong 6 tháng đầu năm 1996 đạt 304 triệu mỹ-kim, tăng 5% so với cùng thời-gian này năm 1995. Trong số này, hàng tái xuất cảng từ Trung Quốc chiếm 262 triệu mỹ-kim, mà nhiều nhất là hàng dệt, thiết bị viễn thông, dược phẩm và thuốc lá.

Trong khi đó Hương-cảng nhập-cảng của Việt Nam các mặt hàng thiết bị viễn thông, may mặc, giày dép, gỗ,... đã qua gia công, tổng-cộng khoảng 91 triệu mỹ-kim, tăng 13% so với 6 tháng đầu năm 1995.

Hầu hết những mặt hàng đều do các công ty Hương-cảng sản-xuất tại Việt Nam.

Hãng bia BGI lỗ đậm tại Đà-nẵng

Hãng BGI của Pháp đã đầu tư tổng cộng 108,8 triệu mỹ-kim vào 3 khu vực sản xuất bia BGI với nhãn hiệu Larue đầu con hổ tại Sài Gòn, Cần Thơ và Đà Nẵng. Sau gần 5 năm hoạt động, BGI chán chường muốn rút khỏi liên doanh tại Đà Nẵng.

Trong 2 năm qua, BGI Đà Nẵng liên tiếp bị lỗ. Năm 1995 BGI Đà Nẵng lỗ 34,5 tỷ đồng và 9 tháng đầu năm 1996 chỉ sản xuất và tiêu thụ được khoảng 5 triệu lít, trong khi theo tính toán kinh doanh thì chỉ có lãi khi tiêu thụ được 17 triệu lít bia trở lên mỗi năm. Trong khi đó số lượng bia thực-sự "chui" ra thị-trường khoảng 20 triệu lít, để lại một khoảng trống thất-thoát trong kho không thể giải-thích được.

Tuy BGI chưa chính thức công bố ý định, nhưng đã rao bán cổ phần của BGI trong liên doanh, và có một số hãng bia khác hăm hở chui vào!

Hệ-thống điện-thoại vô-tuyến tại Sài-gòn

Hệ thống điện thoại vô tuyến cố định GMH 2000 lần đầu tiên được khai thác tại Việt Nam. Hệ thống này do Công ty Hughes của Hoa Kỳ sản xuất theo công nghệ E-TDMA, sử dụng trên hệ thống chuyển mạch số của NEC (Nhật), được lắp đặt tại Sài Gòn như một hệ thống điện thoại cố định, nhưng chuyển thông tin qua vô tuyến.

Dự án trị giá 23 triệu mỹ-kim này do 3 bên thực hiện: Công ty Kanemaysu (Nhật) cho vay trả chậm trong 5 năm, Công ty Hughes (Hoa

Kỳ) cung cấp thiết bị và Bưu Điện Sài Gòn thực hiện.

Hệ thống điện thoại này sẽ giúp ngành bưu điện tiết kiệm được các khoản đầu tư cho đường dây điện thoại hay chi phí bảo trì, phát triển nhanh việc cho thuê bao điện thoại, rút ngắn thời gian cung cấp dịch vụ điện thoại cố định. Với hệ thống này, giá tiền lắp đặt điện thoại sẽ rẻ hơn, chỉ có 2 triệu đồng thay vì 3 triệu đồng như hiện nay, trong khi cước phí dịch vụ của hai loại điện thoại cáp dây và điện thoại vô tuyến đều ngang nhau.

chuyển lửa về quê-hương

Để giúp quảng-bá tin-tức từ hải-ngoại về nước, xin quý độc-giả và thân-hữu tiếp sức bằng cách mỗi người gửi thêm một phần, qua lối bưu điện. Có thể gửi trọn tờ báo hoặc bản chụp (photocopy) các bài quan-trọng. Mỗi phong bì thư thường có thể gửi được 3 tờ giấy. Xin theo các địa-chỉ sau đây:

Kinh-đô Restautant
1 Nguyễn Thái Học
Huế, Vietnam

Nhà khách Huế
2 Lê Lợi
Huế, Vietnam

Nhà khách 16-18
16 Lý Thường Kiệt
Huế, Vietnam

Ngân-hàng Vietcombank
108 Lê Lợi
Đà-nẵng, Vietnam

Thanh Hương Restaurant
40 Hùng vương
Đà-nẵng, Vietnam

Ngân hàng NGoại-thương
148 Trần Hưng Đạo
Bình-định, Vietnam

Nhà Nghỉ bộ Nội-vụ
48 Nguyễn Bình Khiêm
Nha-trang, Vietnam

Công-ty Du-lịch Ninh-thuận
đường Thống-nhất
Thị-xã Phan-rang
Vietnam

Khách-sạn Duy Tân
83 Ba tháng Hai
Đà-lạt, Vietnam

Café Tùng
6 khu Hoà-bình
Đà-lạt, Vietnam

Khách-sạn Thắng lợi
1 Duy Tân
Vũng-tàu, Vietnam

Bông Mai Restaurant
19 Phan Đình Phùng
Cần-thơ, Vietnam

Tây Hồ Restaurant
16 Nguyễn Du
Rạch giá, Kiên-giang, Vietnam

Xuân Thanh Restaurant
đường Bến Trần Hậu
Hà-tiên, Vietnam

Giadinh Bank
68 Bạch Đằng, Phường 24
Quận Bình-thành, TP/HCM, Vietnam

Giadinh Bank
473C Bạch-dằng, Phường 2
Quận Bình-thành, TP/HCM, Vietnam

Giadinh Bank
14 Nguyễn Huy Tự, Ph. Đakao
Q. 1, TP/HCM, Vietnam

Saigon Epro
121 Hai Bà Trưng
Q.1, TP/HCM, Vietnam

Saigon Epro
26 Nguyễn Thi
Q. 5, TP/HCM, Vietnam

Saigon Epro
57 Trần Hưng Đạo
Q. 5, TP/HCM, Vietnam

Saigon Epro
241 Phan Đình Phùng,
Q. Phú-nhuận, TP/HCM, Vietnam

Cần Phát
180B Võ Thị Sáu, Ph. 7
Q. 3, TP/HCM, Vietnam

UN Phonekad
80B Nguyễn Du
Q. 1, TP/HCM, Vietnam

Victor Company
2 Đồng Khởi
Q. 1, TP/HCM, Vietnam

Viettronimex
181 Hàm-nghi
Q. 1, TP/HCM, Vietnam

Viettronimex
70 Hồ Tùng Mậu
Q. 1, TP/HCM, Vietnam

tin văn xứ người

Nguyễn Nhạn Sơn



Còn Sống Còn Làm Thơ

Báo chí Anh vừa đăng tin nhà thơ Geoffrey Dearmer qua đời. Thi phẩm của Dearmer không nhiều, cũng không có tập nào nổi tiếng. Nhưng nếu gọi ông là nhà thơ “còn cao hơn một nhà thơ lớn”, thì hoàn toàn đúng. Tại vì thế này: Chúng ta gọi một nhà thơ hai mươi tuổi là “nhà thơ trẻ”; gọi một nhà thơ bốn mươi lăm tuổi là “nhà thơ trung niên”; thì đây, Dearmer đã 103 tuổi, tất phải gọi là “nhà thơ rất già”, tức là còn trên “già”, thì chắc hẳn phải hơn “một nhà thơ lớn”.

Sắp đưa các bạn vào khu rừng văn học, tôi đùa mở đầu một chút vậy thôi. Nhưng thật ra, Geoffrey Dearmer quả là một trường hợp đặc biệt. Không chỉ đặc biệt vì sống rất thọ, mà còn vì cách sống rất ung dung qua bao nhiêu biến thiên của thế sự.



Geoffrey Dearmer

Người ta chưa kiểm kê được, nhưng có lẽ Dearmer là một trong chừng 10 người trên toàn thế giới đã từng tham gia Đệ Nhất Thế Chiến mà còn sống đến nay (1996).

Ông là người hạt Kent, miền nam nước Anh, tham gia cuộc chiến khi mới ngoài hai mươi tuổi. Rồi sau đó, ông đã trải qua nhiều trận đánh khốc liệt và tàn bạo, còn ghi dấu trong thơ của ông. Khốc liệt và tàn bạo nhất là trận đánh tại Gallipoli, Thổ Nhĩ Kỳ. Và cũng chính cuộc chiến tranh mà ông là chứng nhân, đã cướp đi người mẹ và người anh của ông.

Với chừng ấy tổn thất, nhưng thơ của Dearmer lại không “đau thương” như văn thơ của các văn nhân thi sĩ nguyên là đồng ngũ của ông. Sau chiến tranh, ông cho xuất bản hai tập thơ, tuy không có tiếng vang lớn trên thi đàn, nhưng đã làm cho nhiều người ngạc nhiên về phong cách lạc quan yêu đời của tác giả: Vui sống hồn nhiên để giúp đời là châm ngôn của nhà thơ.

Tất nhiên, thơ không nuôi sống được Dearmer. Ông phải đi làm. Ban đầu, làm cho cơ quan kiểm duyệt của chính phủ; sau, làm biên tập viên cho đài BBC. Trong khi đó, ông vẫn làm thơ. Và một điều lạ nữa, thơ của ông lại được những độc giả thường trẻ hơn ông chừng nửa thế kỷ ái mộ. Có lẽ họ thích tính chất hồn nhiên, tươi mát và

trong sáng trong thơ ông.

“Còn sống còn làm thơ” chính là lời của Dearmer nói với bạn đồng đội trong khi chiến đấu dưới chiến hào hồi chiến tranh. “Còn sống” hồi ấy có nghĩa là “không tử trận”. Về sau, câu ấy lại có nghĩa là “làm thơ suốt đời”. Và Dearmer đã giữ được lời hứa. Tập thơ *A Pilgrim's Song* (Điệu hát của kẻ hành hương) của ông xuất bản khi ông tròn 100 tuổi.

Tuy nhiên, sự cố gắng của Dearmer cũng có hạn, về mặt phong cách: Các nhà phê bình cho rằng thơ của ông trong tập cuối cùng không còn hồn nhiên như hồi ông còn trẻ. Tôi cho đó là tất nhiên: Bất một cụ già trăm tuổi phải hồn nhiên, thì chắc là không thể.

Khi đề cập đến thi phẩm của Dearmer, nhà phê bình Laurence Cotterell so sánh: “Cùng chiến đấu trong Thế Chiến I mà còn sống và viết văn làm thơ thì cũng khá nhiều. Nhưng trong chiến hào, những người kia nhìn xuống chân để chỉ thấy bùn lầy, và về sau chỉ nhớ cái ấy; còn Dearmer thì nhìn lên trời nên thấy những ngôi sao, và về sau cũng nhớ những cái ấy”.

Vô Định Về Số Thân Chủ

Đây là chuyện về một bà thầy bói mù. Chuyện lạ lắm.

Chắc các bạn có nghe chuyện ở

Miền Nam trước kia, có những vị tai to mặt lớn tin bói toán, phong thủy; có những vị tướng tá gieo quẻ trước khi xuất trận... Nhưng những chuyện ấy là của người Việt "lạc hậu", nên ít khó nghe.

Mới đây, báo chí Âu Châu tiết lộ một chuyện tương tự của người Âu "văn minh", mà dữ dội hơn chuyện của ta nhiều.

Đầu đuôi thế này: Bà Vangelia Gushterova là người Bảo Gia Lợi, sinh năm 1912. Lúc nhỏ, bà là một cô bé bình thường. Nhưng năm lên 12 tuổi, bà bị một cơn bão lớn cuốn đi xa đến 2 cây số. Đầu bị chấn thương nặng, bà phải nằm bệnh viện khá lâu, khi xuất viện thì mất hẳn thị giác. Kể từ đó, bà "không bình thường" nữa. Bà thấy được những cái không ai thấy, nghe được những cái không ai nghe, và biết trước những chuyện chưa xảy ra. Khả năng siêu nhiên này giúp bà trở nên giàu có, bằng cách "bói" cho mọi người. Khắp Bảo Gia Lợi, không ai là không biết đến bà thầy bói Vanga. Nhưng phải đợi đến khi Đệ Nhị Thế Chiến xảy ra ít lâu, danh tiếng của bà mới vượt phạm vi "thường sự" để trở thành "quốc tế". Trong năm 1941, nhiều tờ báo của Bảo Gia Lợi, và mấy nước Đông Âu khác, chạy tít lớn cái tin: "Vanga trông thấy một kỵ sĩ cưỡi thời phi ngựa vào dãy núi Balkan". Bà thầy bói không dám nói rõ, nhưng các nhà "luận điệu" liền lên tiếng đoán rằng quân đội Đức quốc xã sẽ tiến quân về hướng đông. Tất nhiên, triệu đã ứng. Rồi về sau, rất nhiều chuyện đại loại như thế đã được Vanga "nói trước", trực tiếp với những ai muốn biết.

Dĩ nhiên, không phải là ai cũng tin.



Vangelia Gushterova

Có những nhà báo đã đến tận nơi để tìm hiểu, để phỏng vấn, rồi viết bài bình luận: Khen cũng lắm, mà chê cũng nhiều. Nhưng có một sự thật không ai phủ nhận được: Trong hơn 70 năm Vanga làm nghề bói toán, số người đến xin bà "chỉ dẫn" đã lên đến số triệu. Trong số đó, không ít lãnh tụ và chính khách của châu Âu, châu Mỹ, và Trung Cận Đông.

Soạn Lại Bốn Mới

Tôi muốn nói về cuốn tiểu sử mới của văn hào Pháp Albert Camus, Olivier Todd viết, nhan đề *Albert Camus, une vie*, nhà Gallimard xuất bản.

Văn nghiệp và chuyện đời của các nhà văn nhà thơ lớn thường được các nhà nghiên cứu và những nhà chuyên viết tiểu sử đề cập, không chỉ một lần. Và nếu chúng ta đem so sánh cái trước với cái sau, thì gần như bao giờ cái sau cũng đầy đủ và rõ hơn. Nhưng cũng có đôi trường hợp, tác phẩm sau chỉ dày hơn, nhiều chi tiết vụn vặt hơn, thậm chí có tính cách "bối mớ" hơn; ngoài ra, không có nhận xét nào tinh xác hơn, cũng không nêu được sự kiện nào mới có tính cách quyết định tư tưởng hay khuynh hướng văn học của nhà văn đối tượng. Nhưng trong trường hợp sắp bàn, tác phẩm của Todd đã thực hiện đúng câu: "Sống trường giang, lớp sau đũa lớp trước". Chỉ đáng tiếc, cuốn sách dày quá: 830



Albert Camus

trang.

Cũng trong mục này, trước đây ít lâu, tôi có kể chuyện một nhà phê bình Mỹ có nói đại ý: Sự nghiệp và đời sống của một người, dù là danh nhân, cũng không có gì ghê gớm để phải choán trên 500 trang giấy. Theo đây, thì cuốn *Albert Camus, một cuộc đời* cũng không đạt tiêu chuẩn! Nhưng tôi cực lực bênh vực cho Todd, và xác nhận cuốn tiểu sử này hay.

Trong tác phẩm, Todd so sánh Camus với Sartre. So sánh giữa hai nhà văn này, thì nhà phê bình văn học nào cũng đã có làm. Lý do rất dễ hiểu: Hai người sống cùng thời, tư tưởng lại có những khởi điểm tương đồng, đã có một thời được gọi chung là "nhà văn hiện sinh". Nhưng cách so sánh của Todd rất đáng chú ý:

- Sartre chu du trong thế giới và trong ngôn từ, và muốn làm cách mạng không ngừng. Cũng thú vị đấy chứ! Nhưng còn sự cô đơn mà ông nói? Là vấn đề gì? Là sự cô đơn gì? Không bao giờ Sartre có ý muốn vào một tu viện. Chỗ qui ẩn lý tưởng của ông là một khách sạn ba sao ở Rome.

- Camus viết trong nhật ký: "Tôi xa lánh cõi đời không phải vì ở đó tôi có những kẻ thù, mà vì ở đó tôi có những người bạn. Không phải vì họ coi tôi bình thường như mọi người, mà vì họ coi tôi là xuất sắc, điều mà tôi không có. Tôi không chịu được chuyện vu khoát đó".

Thật vẫn tất, nhưng cũng thật rõ ràng! Không phải Todd tóm tắt tư tưởng của Sartre và Camus đâu. Hai người này vừa là nhà văn vừa là nhà tư tưởng; vài chục trang chưa chắc nhận định hết tư tưởng của họ, huống nữa là chỉ vài dòng! Đây, Todd chỉ nhận định về chỗ họ chân thực hay không đối với cuộc đời mà thôi.

Xin có vài dòng về cuộc đời của Camus.

Ông là nhà văn Pháp, sinh năm 1913, mất năm 1960. Ông nhỏ hơn Sartre 8 tuổi, nhưng chết trước Sartre 20 năm. Ông là con một gia đình rất nghèo, cha là thợ đóng thùng gỗ, mẹ không biết chữ. Lớn lên, nhờ sự cố gắng bản thân, ông cũng vào được đại

học, nhưng đang học dở dang chương trình triết, thì phải bỏ vì vướng bệnh lao phổi. Về sau, ông không phải chết vì bệnh này, mà vì tai nạn. Ngày 4.1.1960, ngồi trên chiếc xe hơi do bạn là nhà xuất bản Michel Gallimard lái, xe tông vào một gốc cây, và Camus tử nạn.

Cũng có thể nói Camus là một trường hợp "tài đa mệnh đoản". Ông chỉ sống được 47 năm. Nếu không gặp tai nạn, thì có lẽ ông cũng không sống thọ. Nhưng chắc chắn, văn học Pháp và thế giới sẽ có thêm được mấy danh tác bên cạnh những cuốn đã xuất bản: *La Peste*, *L'Etranger*, *Noces*, *La Chute*, *L'Eté*, *Le Mythe de Sisyphe*. Camus được giải thưởng Nobel văn học năm 1957.

Khi tử nạn xe hơi, Camus còn để lại một tác phẩm viết chưa xong. Năm 1994, gia đình ông cho xuất bản với tựa đề *Le Premier Homme*.

Cuối cuốn tiểu sử Camus, Todd kết luận đại ý: "Luận về một con người là cộng chung lại những hành vi công tư của họ, công khai cũng như kín đáo. Nhưng tôi không lý giải được vì sao xuất thân từ một gia đình bần hàn như thế, Camus lại trở thành thiên tài. Tôi chỉ đoán rằng do thiên tư, do hoàn cảnh, và do cả những ngẫu nhiên xảy ra đúng lúc".

Luận như vậy thì chắc là trúng, trúng hơn khi Nguyễn Du nói về Kim Trọng: "Văn chương nét đất..."

Thi Vị Hóa Giao Thương

"Thi vị hóa" là một từ xưa nay chỉ có nghĩa bóng, không có nghĩa đen. Làm cái gì, nói về cái gì theo một cung cách nào đó, để cho cái ấy trở thành đẹp hơn, hay hơn thật, là "thi vị hóa". Thí dụ như tả một anh phu xích-lô trong khi ế khách ngồi vắt chân chữ ngũ trên xe đọc báo, là "thi vị hóa" nghề đạp xích-lô.

Nhưng mới đây, tôi gặp một trường hợp "thi vị hóa" theo nghĩa đen: Dùng thơ trong trường hợp xưa nay không có thơ. Tờ *Time* số giữa tháng 9.96 có đăng một tin văn, không quan trọng, nhưng tôi thấy thú vị vì trong sự việc,

các nhân vật đều có "ngâm thơ", như thể trong một vở kịch thơ vậy. Tin như vậy:

- Một phái đoàn doanh gia của Đài Loan đến Bắc Kinh để thương thảo về việc giao thương với Trung Quốc. Trong diễn văn chào mừng phái đoàn, chủ tịch Trung Quốc có ngâm mấy câu thơ đời Tống, tỏ ý mong "tuy sống xa nhưng vẫn có điều chung". Phó thủ tướng trưởng đoàn Đài Loan, đầu chịu kém về mặt thơ phú, bèn đọc một vài câu cũng trích từ cổ văn, đại ý nói "chúng ta sinh ra từ một cội". Tiếp sức, một nhà kỹ nghệ Đài Bắc liền nâng ly ngâm lên mấy câu thơ Đường ý nói "chúng ta tưởng đi tới chỗ sơn cùng thủy tận, nhưng miền đất đây hoa đây bướm kia rồi". Và trong bữa tiệc, chuyện buôn bán, chuyện chính trị, đượm mùi thơ văn.

Nghe tin, dân Đài Loan ai cũng tỏ ra phấn khởi. Một vị giáo sư dè dặt, nhưng dè dặt mà cũng hoan hỉ: "Chuyện ấy có thể sẽ có kết quả tốt, mà cũng có thể không. Nhưng dù sao nghe ngâm thơ vẫn hơn là chờ hỏa tiễn nổ".

Hình Ảnh Phi Châu

Hình ảnh dùng đây vừa có nghĩa đen vừa có nghĩa bóng. Nghĩa đen là những tấm ảnh, những cuốn phim; nghĩa bóng là những gì biểu tượng cho Châu Phi.

Đối với khoa học, châu Phi rất đa dạng và phức tạp. Các nhà địa lý học chia lục địa này thành những vùng sa mạc bỏng cháy, những vùng rừng mưa, những vùng khô... Các nhà sinh vật học chú trọng về sự phong phú của dã thú... Các nhà dịch tễ học đang báo động về những loại vi trùng xuất xứ từ những khu rừng châu Phi, đã biết như HIV, như Ebola, và cả những loại chưa biết nữa.

Nhưng các nhà nhân chủng học thì để ý mặt khác, có thể lý thú hơn. Trên thế giới có khoảng 4.000 ngôn ngữ khác nhau, thì châu Phi chiếm 1.300. Tức là lục địa này cũng có chừng đó nhân chủng, có tiếng nói riêng đã đành, mà tín ngưỡng phong tục cách

sống cũng rất khác nhau.

Trên mặt hình thức có thể trông thấy để phân biệt chủng tộc này với chủng tộc kia, là những "nghi lễ truyền thống". Nhưng trong thực tế, những truyền thống này đang ở trên đà tự tiêu mòn đi, hoặc biến đổi mà chính bộ tộc đương sự cũng không nhận thấy. Lý do là vì các bộ tộc có những truyền thống đặc dị thường là thiểu số. Ngày nay cũng như gần đây, họ chỉ có hai con đường: Hoặc tự mình đồng hóa với những nhóm đa số, hoặc phải chịu những nhóm đa số tiêu trừ. Những người ở rừng núi hay thôn dã, một khi ra thành phố sống, tức là đã rời bỏ truyền thống. Những người bám rừng núi hay bám làng quê, cũng không thể đứng vững với văn minh Tây phương: Âm nhạc, quần áo, máy móc, chữ nghĩa...

Nhưng có một điều nghịch lý là đối với di sản tinh thần, thì người sở hữu thường không bận tâm đến chuyện còn mất. Lo bảo tồn, hoặc ít nhất là giữ lại được hình ảnh của di sản ấy, là người ngoài. Đối với những hình ảnh truyền thống của các bộ tộc châu Phi, lo lưu giữ hình ảnh là người Tây phương. Người Tây phương đã làm việc này lâu rồi, từ ngày họ đặt chân đến miền đất này.

Trong 25 năm qua, hai nữ nhiếp ảnh gia Carol Beckwith và Angela Fisher lại ra sức làm công việc này. Họ quay phim và chụp ảnh. Riêng về ảnh, họ đã chụp được mấy vạn tấm, trong đó có những tấm thật đặc sắc. Họ đã chọn in thành 4 tập lớn, đã xuất bản. Và họ vẫn tiếp tục, để hoàn tất tập thứ năm trong vòng hai năm nữa. Kèm theo những tập ảnh, còn có phim tài liệu và CD-ROM để tra cứu dữ kiện.

Thật ra, cả Fisher và Beckwith đều không phải là nhà khoa học. Fisher có bằng xã hội học, còn Beckwith trước kia học nghệ thuật. Họ cùng có sở thích nghiên cứu, cùng có đối tượng tìm hiểu là các truyền thống của dân châu Phi, nhưng ban đầu họ làm việc riêng rẽ. Mãi sau này, trên đường công tác, họ mới gặp nhau và làm việc chung. Tính nơi, thì hai người đã đặt chân đến 53 nước thuộc châu Phi.

Trong số này, có nhiều nơi, họ là hai người Tây phương đầu tiên đặt chân đến. Nơi nào, họ cũng quay phim và chụp ảnh những sinh hoạt của dân chúng địa phương, nhất là những nghi lễ cổ truyền.

Các học giả, các nhà nhân chủng học, các nhà xã hội học, đánh giá rất cao công việc làm của Beckwith và Fisher. Họ biết rồi đây, cũng không lâu gì lắm, những phong tục tập quán có từ ngàn năm kia sẽ mất hoặc khác đi, có khi cả những bộ lạc kia cũng biến mất. Việc làm của Beckwith và Fisher là một công việc cần thiết và kịp thời. Sử gia Christine Mullen Kreamer làm việc tại *National Museum of Natural History* ở Washington, nói: "Hai người ấy đã giúp cho cả thế giới "nhìn thấy" châu Phi".

Lúc ban đầu, phạm vi tìm hiểu của hai người không giống nhau: Beckwith chú ý đến những nghi lễ, còn Fisher dự tính sưu tầm đồ trang sức. Nhưng khi làm việc chung, họ quyết định "cố ghi để giữ lại tất cả những gì có thể sẽ mất đi" của châu Phi. Tất nhiên, công việc của hai người không phải là dễ dàng. Họ có lợi thế là phụ nữ, đã không gặp trở ngại nhiều trong việc tiếp cận những sinh hoạt của các đối tượng nữ. Thậm chí cả những nghi lễ "kín" như tục cất âm vật của một vài bộ lạc, họ cũng được phép chứng kiến và thu hình. Nhưng hai người đã phải kiên trì chờ đợi 19 năm trời, mới được phép chụp "Dogon Dama", nghi lễ táng người chết ở xứ Mali.

Như trên đã nói, Fisher và Beckwith đã thu hình được nhiều lắm những lễ tục của các chủng tộc châu Phi. Ở đây, chỉ trình bày vài nét thật đặc thù:

1. *Thuộc xứ Ethiopia* (miền đông): Đồng thời với mùa gặt, những người đàn ông thuộc chủng Surma bỏ công "trang điểm", có khi mất cả ngày trời, cốt để "chiêu thê". Họ vẽ cùng khắp thân thể tay chân mảy mảy đầy những nét rằn rện. Ai nghĩ sao mặc kệ, với họ và đồng chủng của họ, như thế là đẹp. Rồi các chức việc trong bộ lạc tổ chức

những cuộc "giao tranh". Từng cặp, họ đánh nhau cật lực, cho đến khi thắng bại phân minh. Kẻ thắng có quyền "mua vợ". Anh ta sẽ phải trả cho nhà gái một số trâu bò, nhiều ít tùy theo độ rộng cái môi dưới của "ý trung nhân" anh ta. Người Surma có con mắt thẩm mỹ rất lạ: Họ thích những cô gái có vành môi dưới thật rộng, và đối với cả nam lẫn nữ, dải tai có lỗ càng rộng thì càng đẹp.

Vài giống người Thượng ở cao

nguyên Trung Phần Việt Nam cũng có tục nong dải tai cho rộng ra, nhưng môi thì để nguyên.

2. *Thuộc hai xứ Kenya và Tanzania* (miền đông): Giống người Maasai có tục cứ 7 năm một lần, thanh niên trong bộ tộc hợp nhau lại trong một nghi lễ có khi kéo dài cả tuần. Trong khi hành lễ họ uống rượu và nhảy múa cho đến khi lên cơn động kinh. Phụ nữ xúm lại săn sóc cho họ. Sau đó, họ được cạo trọc, được khoác áo đỏ, được phát một



Lòai xác lên núi chôn

cây gậy, và được các bộ lão chúc lành. Từ đó, họ được công nhận là chiến sĩ của bộ tộc.

3. *Thuộc Ghana* (miền tây): Giống người Ashanti là một chủng tộc đông và mạnh nhất ở đây. Mặc kệ chế độ của Ghana là gì, riêng người Ashanti vẫn có một ông vua. Cứ 10 năm một lần, họ tổ chức “rước vua”, mục đích để khẳng định ý thích chính trị và phô bày tập tục riêng của họ. Đặc điểm của buổi lễ “rước vua” này là ông vua phải trưng bày trên thân thể của ông sự thịnh vượng chung của vương quốc. Hôm ấy, trên người ông vua đầy cả vàng: Trám cài lược giắt toàn vàng, trên mình đầy chuỗi hạt bằng vàng, mỗi cánh tay mang đầy vàng khối, nặng đến nỗi phải có người kèm bên để “nâng tay sửa nách”, không thì nhà vua không cử động được.

4. *Thuộc Namibia* (miền nam): Giống người Himba ở đây có nhiều tin tưởng lạ về chuyện đau ốm và chữa bệnh. Trong một ngôi làng kia, có mấy người đàn bà được coi là bị hồn của một con sư tử ám vào. Khi lên cơn, họ bò, gào gừ, và sùi bọt mép. Sự việc được giải thích: Có một người đàn ông Himba trước bị sư tử ăn thịt, bây giờ hồn anh ta trở về bộ lạc tìm cách lôi kéo mấy người vợ đi theo.

Nghe hơi giống chuyện *Thần Hồ* của Tchya!

5. *Thuộc Mali* (miền tây): Giống người Dogon có tục chôn người trên núi, ở một chỗ thật cao. Về việc xử lý xác người, nhân loại xưa nay có nhiều cách: Mai táng là chôn vào đất; hỏa táng là đem đốt; thủy táng là bỏ xuống biển; diêu táng là đem bỏ trên núi cho chim ăn (như ở Tây Tạng). Cách của người Dogon ở Mali có lẽ nên gọi là “sơn táng”.

Mỗi bộ lạc Dogon có chung một “nghĩa địa” dùng mãi đời này qua đời khác. Đây là một cái hang, hoặc một hẻm trên một bờ núi thật cao. Khi có người chết, người ta bó cái xác chết thật chặt trong nhiều lớp vải dày, rồi dùng dây kéo lên đầu núi, ném vào cái “nghĩa địa” kia. Trong cái hang làm nơi bỏ xác, đã có xương của những người chết trước, chồng chất lên nhau,

lớp cũ lớp mới.

Dân Dogon rất khó tính, nhưng cuối cùng cũng đã thuận cho phép Fisher và Beckwith chụp ảnh và quay phim cảnh kéo xác người lên núi, và bên trong một cái hang “nghĩa trang”.

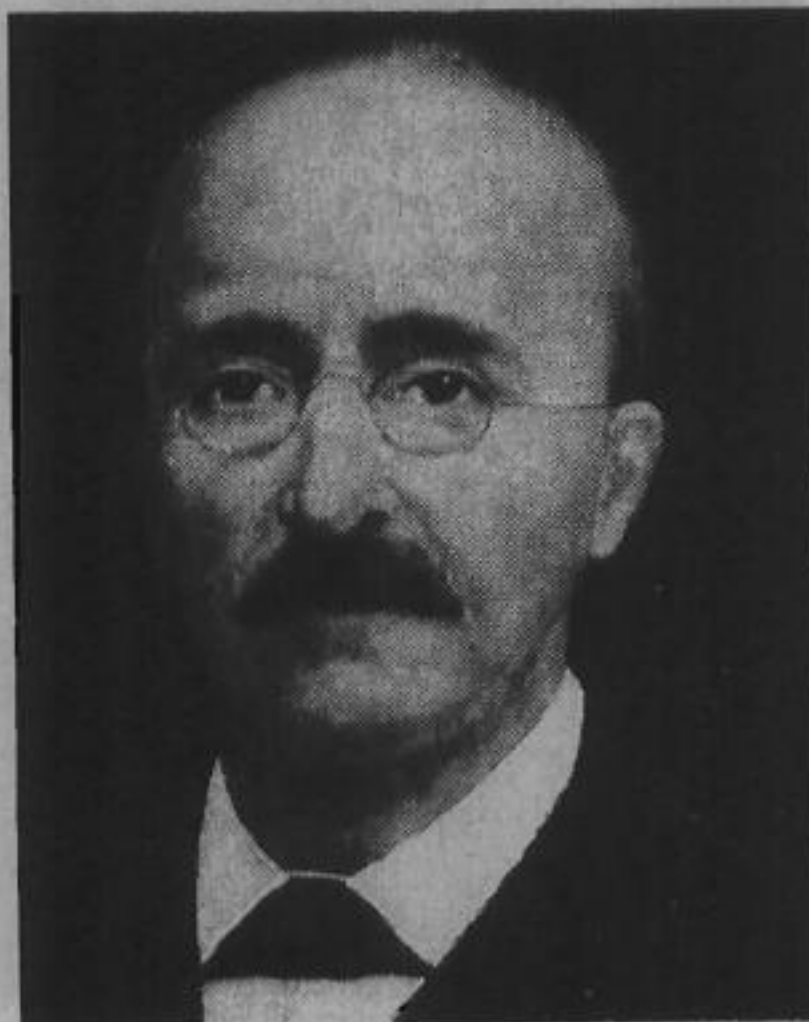
Để làm được những công việc kể trên, Fisher và Beckwith nhiều khi đã phải đến chung sống với những bộ lạc kia hàng tháng, giúp đỡ họ về vật chất như quần áo thực phẩm thuốc men. Tất nhiên mục đích phải được trình bày ngay từ đầu để xin bộ lạc chấp thuận, nhưng lắm khi phải chờ đợi rất lâu mới có dịp, hoặc được phép. Cũng có khi phải đợi lâu vì các thông ngôn đi theo chưa học đủ tiếng địa phương.

Tất nhiên hai người đã phải tiêu tốn khá nhiều. Nhưng chắc chắn họ sẽ có lợi. Những cuốn phim, hình ảnh, và đĩa của họ, không phải chỉ có giá trị nghiên cứu, mà còn có giá trị tiền bạc nữa.

Một Đời Say Mê

Trong khoảng đầu năm 1996, các nhà xuất bản Pháp tung ra một lượt nhiều cuốn sách cùng nói về một nhà khảo cổ người Đức của thế kỷ trước: Heinrich Schliemann (1822-1890).

Nói về Schliemann, người ta đã dùng nhiều danh hiệu, tôn xưng cũng có, mà miệt thị cũng có: Thiên tài, người thắng định mệnh, cái gương quả quyết, nhà khảo cổ tài ba; tay mê



Heinrich Schliemann

vàng, tên khủng, tên bip... Ba chữ sau cùng là của thiếu số “kỳ thị”. Nhưng chung qui, khi “luan đã có thể định” như ngày nay, những người công bằng dù thương dù ghét vẫn phải dành cho Schliemann danh hiệu “nhà khảo cổ tiên phong”.

Tôi đã đọc những chuyện về Schliemann rất say mê, trước khi đọc những lời khen chê ông ta. Tôi thấy khen đúng đã đành, chê cũng không phải là sai hẳn. Ở con người này, có một cái gì rất lạ, lắm khi rất thái quá, rất đột ngột; cứ lấy con mắt quen nhìn những điều bình thường, chúng ta không khỏi e dè. Cũng có người nói “thiên tài” là không bình thường. Ở trường hợp này, tôi thấy không đúng. Với Schliemann, tất cả đều do chính ông tạo ra, kể cả cái tài, sự say mê, sự liều lĩnh.

Jean-Marie Rouart, chủ bút tờ *Le Figaro Littéraire*, đề cao Schliemann bằng cách xếp chung ông với A-lich-san đại đế và Nã-phá-luân vào loại người “có những giấc mơ rất tỉnh”, ý muốn nói những người làm chủ được cuộc đời của mình. Cách so sánh cũng đi vào chỗ quá đáng. Tôi đồng ý với Rouart một phần, và xin chữa lại: Schliemann là loại người “dám liều”.

Đây mời các bạn lướt qua cuộc đời của nhà “khảo cổ liều mạng”.

Heinrich Schliemann là người Đức, nhưng trong thập niên 1850, ông có sống ở California và nhập quốc tịch Hoa Kỳ từ đó. Nhưng thế giới vẫn coi ông là người Đức. Ông là con một mục sư nghèo, lại sớm mồ côi, nên cũng không được cha mẹ nuôi cho ăn học nhiều. Nhưng hồi lên 7 tuổi, ông được thân phụ mua cho một cuốn sử, trong đó có một bức hình chi phối cả cuộc đời của ông: Bức hình vẽ cảnh thành Troie bị đốt cháy. Bức hình đã dẫn ông vào con đường khảo cổ, đặc biệt là thành Troie.

Năm lên 14 tuổi, ông phải đi tập việc tại một tiệm bán thực phẩm, và bắt đầu tự học tiếng Hi Lạp để đọc những bộ sử thi của Homère bằng chính thứ tiếng này. Nhưng vì đau yếu, ít lâu sau ông mất việc, phải đi

giúp việc trên một chiếc tàu chạy đường Hambourg-Vénézuéla. Nhưng lúc mới ra đời, ông gặp toàn chuyện không may. Ông lại mất việc, vì chiếc tàu bị đắm. Ông lại phải xin làm tùy phái cho một cơ sở thương mại, sau được chủ giao trông coi một chi nhánh tại Amsterdam. Đến năm 24 tuổi, ông có kinh nghiệm buôn bán, được công ty phái đi Saint-Petersbourg làm đại diện ở đó. Nhân dịp, ông lập cơ sở thương mại riêng, và bắt đầu làm giàu. Năm 30 tuổi, ông cưới một người vợ Nga, nhưng về sau bỏ. Trong thời gian có cuộc chiến tranh Crimée (1854-55), ông kiếm được rất nhiều tiền nhờ cung cấp nhu dụng cho quân đội. Sau chiến tranh, ông sang Mỹ. Đến 1858, ông trở về Nga thu xếp, rồi thôi hẳn công việc doanh nghiệp. Lúc bấy giờ, ông chỉ mới 36 tuổi.

Trong khi lặn lội trên thương trường, Schliemann vẫn tiếp tục tự học tiếng Hi Lạp và nhiều ngôn ngữ Đông Phương khác. Có tài liệu ghi nhận ông đọc thông viết thạo được 13 thứ tiếng khác nhau; có tài liệu ghi nhận 8 thứ. Nhưng chắc chắn, ông rất giỏi tiếng Hi Lạp, cả cổ lẫn tân.

Sau khi rời doanh nghiệp, ông dành tất cả tiền bạc thì giờ và năng lực cho công việc khảo cổ. Ông sang Paris học khoa khảo cổ, rồi đi du lịch để mở rộng kiến thức. Ông đi khắp nước của ông, rồi đi Hi Lạp, Ý, Bắc Âu, Syrie, Ấn Độ, Trung Hoa và Nhật Bản. Ông có viết một cuốn bút ký về hai nước cuối cùng.

Gợi ý cho công trình khảo cổ của Schliemann là hai tập sử thi *Iliade* và *Odyssée* của Homère(*). Ông tin những chuyện trong hai tập thơ kia là có thật, kể cả những địa danh. Ông nhất quyết tìm cho ra những chỗ ấy, bắt đầu là thành Troie.

Năm 1868, ông chuyển tất cả tài sản sang Hi Lạp, để tiện việc mua những vùng đất cần khai quật và thuê nhân công. Để có người giúp việc ghi chép tài liệu, ông cưới một cô vợ

người Hi Lạp đang tuổi học trò.

Vấn đề quan trọng đối với ông lúc bấy giờ là phải đoán cho được những di tích lịch sử muốn phát hiện nằm ở chỗ nào. Thí dụ: Thành Troie nằm trong lãnh thổ Hi Lạp hay thuộc Tiểu Á? Cũng là để tự biện luận, mà cũng là để thăm dò ý kiến của các nhà khảo cổ đương thời, ông cho xuất bản một cuốn sách nhỏ nói về thành Troie, Péloponnèse và Ithaque. Rồi ông ra sức tìm kiếm, khai quật, giải thích. Làm được tới đâu, ngoài việc viết thành sách tường thuật đầy đủ tiến trình công tác và kết quả, ông còn thường xuyên viết bài đăng trên hai tờ *The Times* và *Daily Telegraph*.

Năm 1871, Schliemann bắt đầu khai quật một địa điểm thuộc Tiểu Á, nghĩ rằng thành Troie nằm ở đó. Năm 1873, thành lũy lộ ra, và ông tìm được một kho đồ trang sức bằng vàng rất lớn. Ông đã bí mật chuyển số của cải này ra khỏi lãnh thổ Thổ Nhĩ Kỳ. Về mặt khảo cổ, ông tin chắc đã tìm đúng thành Troie. Năm 1874, ông cho xuất bản một cuốn sách với tựa là *Thành Troie Cổ*. Cuốn sách bị nhiều người chỉ trích, họ cho là ông làm, hoặc cố ý đánh lừa thiên hạ. Nhưng cũng có nhiều người tin là ông đã phát hiện đúng thành Troie. Trong số người ủng hộ ông, có cả Thủ tướng Anh lúc bấy giờ là William Ewart Gladstone.

Công việc khai quật thành Troie kéo dài cho đến khi Schliemann qua đời vẫn chưa xong. Sau, một cộng sự viên của ông là W. D'rpfeld tiếp tục.

Trong khi tiến hành khai quật thành Troie, Schliemann lại tìm thấy một nơi có những ngôi mộ cổ chứa 16 thi hài. Ông tin rằng đó là chỗ mai táng vợ chồng Agamemnon và Clytemnestre, hai nhân vật lịch sử thời cổ Hi Lạp. Với thành tích này, ông viết cuốn *Mycènes* (Agamemnon là vua Mycènes). Cuối đời, Schliemann bị chứng đau tai, không làm việc được, phải trở về Đức, rồi qua Ý chữa, nhưng vẫn không lành. Ông ngã chết

tại một công viên ở Naples, trong khi đi dạo, ngày 26.12.1890, thọ 68 tuổi.

Thành Troie khai quật chưa xong, và “giấc mơ tỉnh táo” của Heinrich Schliemann cũng chỉ mới thành sự thực một phần. Có điều, dám sống cho chí nguyện như ông, đã là chuyện đáng kể.

Hiện Tượng “Ăn Theo” Trong Văn Học

Trước hết, xin “chú giải” chữ “ăn theo”. Đây là một từ trong chế độ lương bổng của CSVN. Ở Miền Nam ngày trước, một công chức có gia đình, bên cạnh phần lương chính, còn được hưởng phần tiền trả cho vợ con, gọi chung là “phụ cấp gia đình”. Cũng trong phạm vi này, CSVN gọi việc đưa con được hưởng phụ cấp theo người cha hoặc người mẹ cán bộ, là “ăn theo”. Tôi thấy chữ ăn theo đúng với trường hợp sắp bàn, nên mượn dùng.

Trong phạm vi văn học, chỉ có sáng tác là không “ăn theo”. Chữ sáng tác ở đây dùng theo nghĩa rộng cho mọi lãnh vực văn học, cho mọi thể loại, miễn là độc lập viết ra. Kỳ dư, viết các loại phê bình, phóng tác, tiểu sử... đều là “ăn theo” hết cả. Là vì “nếu không có cuốn trước thì không có cuốn sau”. Nhưng ngày nay, những hiện tượng “dây cà ra dây muống” đã trở nên quen thuộc, nên cũng không ai thắc mắc gì. Trừ khi hiện tượng đi vào chỗ thái quá.

Dưới đây, tôi chỉ nêu ra những hiện tượng “ăn theo” đặc biệt.

1. Nhiều người “ăn theo” một người:

Trong khoảng thượng bán niên 1996, chỉ riêng tại Mỹ, có đến 4 cuốn sách viết về “Jackie” (vợ của Tổng thống Hoa Kỳ Kennedy, rồi của nhà tỉ phú Hi Lạp Onassis): *Jack and Jackie* của Christopher Andersen, 400 trang; *All Too Human* của Edward Klein, trên 400 trang; *Jacqueline Bouvier* của John H. Davis, trên 200 trang; *Jacqueline Kennedy Onassis* của Jacques Lowe, 128 trang.

(*) Homère sống khoảng thế kỷ thứ IX trước CN, được văn học sử Hi Lạp cho là tác giả hai tập sử thi “*Iliade*” và “*Odyssée*”. Tập trước gồm 15.537 câu thơ, trong có thuật trận đánh thành Troie; tập sau gồm 12.109 câu thơ, cũng có liên hệ đến thành Troie.

Trên một ngàn trang sách để nói về một người đàn bà đã hai lần “nổi danh”. Nhưng thật ra không có gì đáng nói. Và lại, chuyện về Jacqueline cũng đã quá cũ. Người ta khơi lại, chỉ vì viết về một người đã chết thì dù sao cũng dễ hơn.

Hồi Tổng thống Kennedy còn sống, cũng có vài tờ báo Mỹ nói đùa rằng chính Jacqueline đã làm nên Kennedy. Nhưng ai cũng biết, sự “nổi tiếng” của Jacqueline là vì có chồng là một tổng thống Mỹ, mà lại là một tổng thống Mỹ bị ám sát. Nhờ cái “danh vị huy hoàng mà thể thảm” này, bà mới lấy được Onassis. Nói cách khác, nhà tỉ phú Hi Lạp lấy bà, chính là lấy cái “danh hiệu” quả phụ của một tổng thống Mỹ, chứ không phải chuộng cái dung nhan trung bình, hoặc cái lịch lãm cũng trung bình của bà. Với gia sản của ông ta, ông ta có thể dễ dàng cưới một người đàn bà trẻ đẹp và thực sự tài giỏi hơn Jacqueline. Còn phần Jacqueline, bà chịu lấy người đàn ông đã quá lục tuần, hơn mình những 23 tuổi, tất nhiên cũng phải có lý do. Lý do đó là tiền bạc: Chỉ có Onassis mới cung phụng nổi cho bà. Hồi ấy (1968), báo chí đã công bố cái giao ước giữa Onassis và Jacqueline trước khi kết hôn: Chú rể phải giao ngay cho cô dâu 3 triệu mỹ kim tiền mặt, 5 triệu mỹ kim nữ trang, và mỗi tháng làm chồng vợ phải cấp đủ cho vợ 30 ngàn mỹ kim. Quả thật, Jacqueline là người vợ quá sức “tốn kém”.

Thật ra, không phải đợi đến khi gặp Onassis, Jacqueline mới tỏ ra ham tiền và trọng vật chất. Ngay với cuộc hôn nhân đầu, ai cũng biết nếu Kennedy không giàu, bà cũng không chịu lấy ông ta đâu. Và đổi lại, Kennedy đã được vợ giúp được gì trên chính trường và ngoài xã hội? Về chuyện này, báo chí Mỹ cũng khá công bằng khi kể rằng Jacqueline cũng có công bảo trợ văn nghệ. Nhưng bên cạnh đó, họ lại làm mất ngay ánh hào quang bằng cách nêu ra những nhược điểm của bà: Quá chú trọng vào ăn diện, luôn luôn đi trễ để tỏ ra quan trọng... Nhưng đau cho bà nhất, là họ nhắc lại chuyện khi mọi

người bàn chuyện chống ô nhiễm không khí ở Mỹ, bà đề nghị nên cho máy bay đi xịt nước hoa Chanel số 5.

Bà chết đã hai năm. Các vị “ăn theo” không chịu để cho bà yên. Họ khơi lại cuộc đời của bà, khi bà là “đệ nhất phu nhân” Hoa Kỳ, khi bà là phu nhân Hi Lạp tỉ phú, và cả khi bà còn mang khuê danh Jacqueline Bouvier. Để câu độc giả, họ còn bới ra cả chuyện hồi còn trẻ bà đã mất tan như thế nào.

Cũng may, những cuốn kể trên không phải là những cuốn bán chạy nhất hiện nay. Nếu không, chắc phải đánh giá lại trình độ của độc giả Hoa Kỳ.

2. Một người “ăn theo” nhiều người:

James Lord viết cuốn *Some Remarkable Men*, kể lại những mẩu chuyện ông biết về một số “nhân vật” trong giới văn nghệ của châu Âu, sau Thế Chiến II.

Trong chiến tranh, Lord là quân nhân. Khi thủ đô của Pháp được giải phóng, ông có mặt trong đơn vị Mỹ tiến vào thủ đô. Sau chiến tranh, ông đã nhiều lần trở lại sống tại Paris, và đã có dịp làm quen được một số người quan trọng. Bây giờ, sau khoảng nửa thế kỷ, ông hồi tưởng lại mối giao tình của ông với họ, ông viết sách kể lại cho chúng ta nghe.

Trước đây, Lord đã viết 2 cuốn, cũng nói về người: Cuốn thứ nhất xuất bản đã trên mười năm là cuốn tiểu sử của Alberto Giacometti (1901-1966), họa sĩ điêu khắc gia người Thụy Sĩ; cuốn thứ nhì xuất bản gần đây, nói về 6 người đàn bà đã gây ấn tượng mạnh nơi ông. Bây giờ, là cuốn này, cũng nói về người.

Nhưng James Lord đã nhắc đến những nhân vật nào? Có đúng là “remarkable” như ông ghi trong tên sách không? Đây, xin kể đủ để các bạn góp phần thẩm định: Họa sĩ Picasso, nhà thẩm mỹ học Acton, nhà văn Cocteau, họa sĩ Balthus, điêu khắc gia Giacometti.

Thật ra, cũng có vài người không quan trọng. Nhưng điều đó không hề

gì, miễn là câu chuyện thú vị. Tất nhiên, những mẩu chuyện mà Lord kể không hẳn là những chuyện quan trọng trong đời của các nhân vật kia. Nhưng cách ông kể làm cho nhân vật kia trở thành sắc nét trước mắt độc giả. Thí dụ như trường hợp họa sĩ Balthus, đọc xong tác phẩm của Lord, người ta sẽ quên hết về tài năng, về sự nghiệp của con người này, chỉ còn nhớ cung cách ông ta đã chạy vạy làm sao để thiên hạ nhận mình vốn dòng quý tộc.

Cũng đã có vài nhà phê bình đọc miệng nói rằng James Lord “thấy sang bắt quàng làm họ”. Nhưng không ai nghi ngờ ông đã ngụy tạo ra những sự quen biết giữa ông và các nhân vật kia. Ông kể lại chuyện có thật, và ông nhận định. Chuyện của ông thú vị vì chưa có trong các cuốn tiểu sử cũ. Còn nhận định của ông cũng có khi “tầm phào”, nhưng cũng có khi “đích đáng”, “chua chát”, khiến có người nói: “Vô phúc mới quen với James Lord”.

3. Nhiều người “ăn theo” một người:

Người bị “ăn theo” đây là nhà văn Pháp Antonin Artaud, một người rất đa tài, nhưng bị điên. Artaud sinh năm 1896, mất năm 1948. Năm nay (1996) để kỷ niệm trăm năm ngày sinh của ông, văn học giới Pháp đã thực hiện



Antonin Artaud

một đợt xuất bản thật rầm rộ.

Người ta tái bản những tác phẩm của Artaud đã được xuất bản hồi ông còn sống như: *Le Théâtre et son double* (1938); *Les Tarahumaras* (1945); *Nouveaux Ecrits de Rodez* (1940); và *Les Oeuvres complètes d'Antonin Artaud* (Artaud toàn tập).

Ngoài những cuốn do chính Artaud viết kể trên, còn có 6 cuốn “phụ họa” cũng được tung ra gần đây: Hai cuốn tái bản là *Artaud et l'essence du théâtre* (1975) và *Antonin Artaud, le théâtre et le retour aux sources* (1989). Bốn cuốn mới là *Artaud* của Camille Dumoulié; *Sur l'électrochoc, le cas Antonin Artaud* của Florence de Mèredieu; *Artaud: une autre langue du corps* của Michel Camus; *Antonin Artaud* của Alain và Odette Virmaux.

Thật là rậm rạp. Nhưng đối với trường hợp Artaud, tôi nghĩ là xứng đáng. Thời ông còn sống, cũng có người nhận ra tài của ông, nhưng vẫn có người không chịu đọc kỹ những gì ông viết: Họ nghĩ của người điên thì không có gì đáng đọc. Thật ra, trong cuộc sống, đã có những giai đoạn, Artaud sống trong dưỡng trí viện nhiều hơn ở ngoài. Và cũng có những tác phẩm ông viết ngay trong dưỡng trí viện, như cuốn *Nouveaux Ecrits de Rodez*. Nhưng theo các nhà nghiên cứu văn học Pháp, những ý kiến của Artaud phát biểu về kịch nghệ ngay trong khi không tỉnh táo, chính là những ý kiến rất xuất sắc.

Phần riêng, tôi vẫn thường thắc mắc mỗi khi đọc chuyện của Artaud. Tôi tự hỏi: Nếu Artaud không điên, thì tài của ông sẽ cao hơn hay thấp hơn như đã có? Nếu Artaud không điên, thì ngày nay người ta có đề cao ông, như đã và đang làm không? Sự đề cao có chút ý nghĩa “bù đắp” nào không? Nếu có, thì cũng là phải, mà cũng là không phải, vì nghe tội nghiệp.

Đi Và Viết

Ở phương tây, người ta coi trọng kinh nghiệm sống hơn kiến thức sách vở. Câu “*độc vạn quyển thư bất như hành thiên lý*” của người phương

đông, cũng cùng quan niệm.

Tuy nhiên, nhận định nào cũng chỉ đúng đến mức tương đối. Trong lãnh vực văn chương và tư tưởng, có những nhà văn những triết gia viết nhiều viết hay, là nhờ đi nhiều và ghi nhận được nhiều. Nhưng cũng có những vị đi không nhiều, hoặc thậm chí không đi đâu cả, mà viết cũng nhiều và hay. Là vì, như ai cũng biết văn tài là tổng hợp của hai yếu tố “kiến văn” (những điều nghe thấy) và “khả năng diễn đạt” (người xưa gọi là “lập ngôn”). Những người đi ít, hoặc không đi, mà viết hay là do tài “lập ngôn” của họ cao. Nhưng nghiêm kỹ, có “kiến văn” rộng trong thực tế, thì viết vẫn dễ hơn. Nói cách khác, nếu một vị nào đó không đi mà viết hay, thì vị ấy sẽ viết hay hơn nữa, nếu đi nhiều.

Tờ *Le Figaro Littéraire* vừa làm một bản tổng kết về các “thành tích du lịch” của các nhà văn Pháp thuộc ba thế kỷ 18, 19 và 20. Tôi ngạc nhiên khi đọc, vì tưởng là phải nhiều hơn nữa kia. Trong cả hàng trăm người cầm bút nổi tiếng, mà chỉ có không đến mười người “thích đi” hay sao?

Tôi suy nghĩ, cuối cùng luận ra được ý này: Số nhà văn kiêm “du tử” nhiều lắm, nhưng đa số không được văn học sử chú ý đến mặt “đi”, vì những chuyến đi của họ không tạo thành tác phẩm.

Sau đây, xin giới thiệu với các bạn những ý chính trong bài *Soleils* của chủ bút Jean-Marie Rouart và bài *Les écrivains en promenade* của nhà phê bình Philippe Cusin.

Rouart nói thế này: “Khi nói đến các nhà văn, chúng ta hay hình dung ra họ đang ngồi ở bàn viết, tay cầm cây bút, vờn trán hần những đường nhăn suy nghĩ, trạng thái sẵn sàng “rặn” thiên tài ra mặt giấy. Nhưng không phải. Phần nhiều họ viết không phải trong phòng, mà ở ngoài trời, trong khi đi dạo. Viết theo nghĩa đen chỉ là ghi lại những gì họ đã viết trong trí mà thôi”.

Rồi Rouart kể ra những nhà văn nào viết được nhiều trong khi đi dạo:

- Jean-Jacques Rousseau (1712-

1778) vượt dãy núi Alpes, vừa trèo núi vừa hái cỏ thuốc vừa viết văn. Chính cuốn *Les Réveries du promeneur solitaire* được viết trong chuyến xuyên sơn này. Rousseau ghi chép những ý tưởng chợt nảy ra trong trí trên những lá bài mà ông mang theo để đánh chơi với bọn mục tử gặp trong núi. Rồi trong chuyến ghé thăm người bạn thân là Denis Diderot (1713-1778) đang bị giam tại lâu đài Vincennes vào năm 1750 về tội đã dám viết cuốn sách phúng thế *Lettre sur les aveugles à l'usage de ceux qui voient*, ông cũng viết văn như thế. Khi ngồi vào bàn giấy, ông sẽ khai triển những ý ghi vắn tắt trên những lá bài.

- François René Chateaubriand (1768-1848) không dành riêng một tác phẩm nào cho những chuyến đi. Nhưng kiến thức của ông về cây cỏ đã làm cho mọi người phải ngạc nhiên. Chẳng những ông biết rành về tên, hương vị, thổ nghi, mà còn khẳng định được cả công dụng y dược của từng thứ nữa. Chẳng những ghi chép thành tài liệu để về sau đưa vào các tác phẩm, ông còn sưu tập cây cỏ giống như Jean-Jacques Rousseau, hoặc các nhà ẩn dật Đông Phương “du sơn thái được”.

Riêng người viết bài này có một thắc mắc liên hệ đến kiến thức về bếp núc và khẩu vị của Chateaubriand: Có tài liệu ghi rằng món thịt bò chiên có tên “chateaubriand” (hoặc chateaubriant) chính là lấy tên của nhà văn này (vì ông thích ăn, người đầu bếp của ông làm theo, về sau được mọi người bắt chước); nhưng cũng có tài liệu ghi khác rằng cái tên đó đặt theo tên thành phố “Châteaubriant” (vùng Loire-Atlantique, Pháp). Không biết thuyết nào đúng.

- Victor Hugo (1801-1885): Những ai trước 1945 đã đi học trường Pháp, hoặc trường Pháp-Việt, cũng đều có học bài thơ *Après la bataille* của Victor Hugo. Bài thơ đáng để ý không phải vì hay, mà vì nội dung nhân đạo: Một ông tướng thanh sát chiến trường sau trận đánh, bị một thương binh bên địch bắn hụt, nhưng vẫn cho người ấy uống rượu vì anh ta

khát quá.

Bây giờ ở đây, Rouart nói Hugo đi nhiều chỉ là để chạy theo những mối tình trắng gió của mình. Hình như Rouart không có cảm tình với Hugo, nên đã nói lệch đi. Sự thật, lúc còn trẻ, Hugo có theo cha (một tướng lĩnh của Nã-phá-luân) sang ở Ý, rồi Tây Ban Nha. Ông không thực sự đi chỉ vì thích đi như Rousseau hay Chateaubriand. Những tác phẩm hay của Hugo, thơ cũng như văn, không phải là dấu tích của những chuyến đi.

- Gustave Flaubert (1821-1880) và Maxime Du Camp (1822-1894), sau chuyến ngao du chung qua vùng Bretagne, đã viết chung một quyển du ký rất thú vị *Par les champs et par les grèves*. Về sau, hai người còn có nhiều dịp đi du lịch chung với nhau, có lần rất xa qua phương đông, nhưng vang bóng của những chuyến đi này lại không cùng xuất hiện.

lời gửi gió

Cảm ơn đời những muông phần
Cho ta gợi ý triền miên thơ hoài.
Cảm ơn những giọt sương mai,
Cảm ơn nắng sớm mây trời trong xanh.
Cảm ơn đời núi thác ghềnh
Thiên nhiên ơi, một bức tranh tuyệt vời.
Ta thầm cảm tạ ơn đời
Cho ta cảm nhận đời vui, đời buồn.
Cảm ơn ánh mắt người thương
Cho thơ huyền thoại mấy chương Thơ Hồng.
Cảm ơn tuyết trắng mùa đông
Cảm ơn tình mẹ biển sông ngút ngàn.
Cảm ơn những nụ cười ngoan
Của con, của cháu hân hoan nụ cười.
Cảm ơn thương mến một đời
Tình em, tình chị cho người ước mơ
Cảm ơn bạn hữu thân sơ
Cảm ơn giấy mực cho thơ tự tình
Cảm ơn tử muội bến Quỳnh
Vườn đời hoà ái đẹp tình thi nhân.
Cảm ơn tiếng nhạc bổng trầm
Cho hồn thanh thoát xuất trần phút giây
Cảm ơn trăng, cảm ơn mây
Thơ hay thông điệp giữa ngày vàng thu!

tuệ nga

Flaubert viết được nhiều hơn, và cũng có nhiều danh tác hơn Du Camp. Nhưng lúc còn sống, Du Camp lại nổi tiếng hơn.

- Arthur Rimbaud (1854-1891): Đây là một nhà thơ rất lạ. Mang một tâm hồn "nổi loạn", Rimbaud không chịu nổi những khuôn khổ sẵn có của gia đình và xã hội. Ông làm thơ rất sớm, và bỏ nhà ra đi cũng rất sớm. Nhưng "đi" đối với ông không phải có mục tiêu là nơi đến, mà chỉ vì không thích chỗ đang ở. "Đi" là "bỏ đi", và Rimbaud cứ bỏ đi mãi như thế cho đến khi vĩnh viễn nằm xuống, khi chỉ mới 37 tuổi.

Thơ của Rimbaud để lại không nhiều. Về văn chương và tư tưởng trong thơ ông, các nhà nghiên cứu có sự lượng giá rất khác nhau. Có người gọi ông là "thiên tài", thì cũng có người gọi ông là "vô lại". Hình như cái nào cũng thái quá. Sự thật, thơ của Rimbaud khó hiểu. Có khi lập dị, như bài thơ phân tích màu sắc gọi ra do các

nguyên âm khi đọc lên.

Tựu trung, văn học sử Pháp chỉ đúng khi nói Rimbaud "mang đôi giày đế gió", và những "chuyến đi của ông là những cuộc chạy trốn tuyệt vọng".

- Cuối cùng, Rouart kể thêm hai nhà văn mà cuộc đời choàng qua thế kỷ này: Valery Larbaud (1881-1957) và Paul Morand (1888-1976). Văn nghiệp của hai vị này không lớn lắm, nhưng thực sự có liên hệ chặt chẽ với những chuyến đi của họ. Riêng Morand viết được nhiều hơn, và danh vọng cũng lớn hơn: Vào Hàn Lâm Viện Pháp Quốc năm 1968. Ngoài ra, tư tưởng của Morand rất thâm trầm, có điểm khiến cho người ta nghĩ ông là người đông phương.

Philippe Cusin phân biệt hai loại "écrivains en promenade": "Đi gần" và "đi xa". Theo ông, loại nào cũng tốt, miễn là nhà văn đương sự đưa được những điều thú vị của những chuyến đi vào tác phẩm. Ông còn trưng bằng chứng để xác quyết rằng có những cây bút "đại giang hồ" nhưng chỉ viết thật hay về một vùng nào đó rất gần gũi với quê nhà. Ông kể hai trường hợp: Nhà văn Mỹ Ernest Hemingway đi rất nhiều rất xa, nhưng vẫn phải nhờ những chuyến đi nhỏ trợ hứng trong khi viết; nhà văn Pháp André Malraux thường coi những chuyến đi gần là dịp nghỉ ngơi sau những chuyến đi xa.

Danh sách của Cusin có một phần trùng với danh sách của Rouart, nhưng cũng có khác: Của Pháp thì có thêm Jean Giono (1895-1970) và André Malraux (1901-1976); ngoài Pháp thì có nhà văn Ái Nhĩ Lan James Joyce (1882-1941), nhà văn Tiệp Franz Kafka (1883-1924) và nữ tiểu thuyết gia trình thám người Anh Agatha Christie (1840-1976). Tất cả các vị này thật sự đã đi rất nhiều, và viết cũng rất nhiều.

Nhân dịp này các nhà xuất bản Pháp tung ra một loạt những cuốn sách có cùng một thể tài: Nhận xét về những chuyến đi của các nhà văn lớn. Đúng là họ làm cái công việc "góp từ ngàn phương, gởi cho ngàn phương" •



VĂN BÚT VIỆT-NAM HẢI-NGOẠI RỄ SANG BƯỚC NGOẶT MỚI HAY BẮT ĐẦU ĐI VÀO ỔN-ĐỊNH?

Nguyễn Hữu Nghĩa

- Ủy Ban Đặc Cử (điều-nghiên biến-cố Văn Bút VNHN) ngưng hoạt-động.
- Viên Linh tuyên-bố “không ứng-cử, nếu...”
- Nhà văn Sơn Tùng hướng-dẫn phái-đoàn Văn Bút VNHN lên đường tham dự Đại Hội Văn Bút Quốc-Tế kỳ 63 tại Mỹ.

Ngày khai-mạc Đại-hội Văn Bút Quốc-Tế (7.11.1996) càng gần kề, tin đồn về Văn Bút Việt-Nam Hải-Ngoại càng được tung ra nhiều. Một vài tờ báo không đứng-đắn đã nối tiếp nhau loan tin “Ban Chấp-hành Sơn Tùng” đã giải-tán, sát-nhập với Viên Linh để họp, bầu lại.

Sau khi kiểm-chứng với nhà văn Sơn Tùng, Chủ-tịch Ban Chấp-hành Văn Bút VNHN do Đại Hội-đồng bầu ra hôm 24.2.1996 tại Texas, cũng như tham-chiếu toàn bộ các văn-kiến, văn thư qua lại giữa Văn Bút Quốc-Tế, Ủy Ban Đặc Cử VBQT, Ban Chấp-hành Văn Bút VNHN, nhà văn Viên Linh, cùng tất cả các bản Điều-lệ, biên-bản, băng hình, băng tiếng ghi lại các buổi họp của Văn Bút, chúng tôi nhìn thấy vấn-đề như sau.

Trở lại giai-đoạn khởi-sự rối-rắm

Trước hết, để độc-giả dễ theo dõi vấn-đề, chúng tôi xin giải-thích về cơ-cấu hoạt-động và một số từ-ngữ luật-lý của Văn Bút Việt-Nam Hải-Ngoại.

Trước hết, “Văn Bút Quốc-Tế” là một hội-đoàn tư-nhân có tính-cách

quốc-tế, gọi là “P.E.N. International” do nhà văn John Galsworthy thành-lập năm 1921 tại Luân-đôn. Hội-viên của P.E.N. gồm văn-nghe-sĩ các ngành: P (*poets* và *playwrights*, tức thi-sĩ và kịch-tác-gia), E (*editors* và *essayists*, tức chủ bút, bình bút, chủ-biên, biên-tập-viên, tiểu-luận-gia, bình-luận-gia, biên-khảo-gia) cùng N (*novelists*, tức tiểu-thuyết-gia). Mục-đích của Văn Bút Quốc-Tế là bảo-vệ quyền tự-do phát-biểu và dùng văn-chương để tạo sự hòa-hợp giữa các chủng-tộc, giai-cấp và quốc-gia.

Năm 1957, Việt-Nam Cộng-Hòa thành-lập hội Văn Bút, xin gia-nhập Văn Bút Quốc-Tế và được Đại-Hội-đồng VBQT họp tại Nhật-bản thừa-nhận vào cuối năm đó.

Năm 1975, CS chiếm nốt miền Nam và giải-tán tất cả các hội-đoàn tư-nhân (trong đó có Văn Bút Việt-Nam). Năm 1978, nhà văn Minh Đức Hoài Trinh sáng-lập Văn Bút Việt-Nam Hải-Ngoại tại Pháp, được Văn Bút Quốc-Tế công-nhận.

Cho đến trước ngày Đại-hội tại Houston, Texas hôm 24.2.1996, Văn Bút VNHN gồm 8 trung-tâm (phân hội) chính-thức là Âu-châu, Sydney

(Úc), Ontario, Québec (Gia-nã-đại) cùng Miền Đông, Miền Nam, Nam California và Bắc California (Hoa-kỳ).

Cơ-quan tối-cao của Văn Bút Quốc-Tế là Hội-đồng Đại-biểu (quen gọi tắt là Đại-Hội-đồng), mỗi năm họp một lần, mỗi Trung-tâm hội-viên cử đến 2 đại-biểu chính-thức để họp (nhưng khi biểu-quyết, mỗi Trung-tâm chỉ có 1 phiếu). Đại-Hội-đồng bầu ra Chủ-tịch và Tổng Thư-ký để làm việc Hội.

Tương-tự như Văn Bút Quốc-Tế, Văn Bút VNHN cũng có cơ-quan tối-cao là Hội-đồng Đại-biểu (Đại-Hội-đồng), 18 tháng họp một lần, mỗi Trung-tâm (phân-hội) cử 5 đại-biểu (là 5 người trong Ban Chấp-hành Trung-tâm) về họp. Đại Hội-đồng bầu ra Ban Chấp-hành trung-ương để làm việc Hội.

Tháng 11 năm 1993, Đại-Hội-đồng Văn Bút VNHN họp tại San Jose. Nhà văn Viên Linh thụ-ủy liên danh duy nhất ứng-cử vào Ban Chấp-hành, và thất-cử. Ông đã rơm-rớm nước mắt nài-nỉ xin Đại-Hội-đồng bầu lại lần thứ nhì, với lời hứa là “chỉ làm một nhiệm-kỳ rồi ngẩng mặt đi

ra". Đại-Hội-đồng 1993 đã vượt nguyên-tắc, cho bầu lại và nhà văn Viên Linh kiếm thêm được 1 phiếu để đắc-cử.

Trái với lời hứa "chỉ làm một nhiệm-kỳ", nhà văn Viên Linh không "ngẩng mặt đi ra", ông nộp đơn tái ứng-cử năm 1995, tranh với liên danh thứ hai do nhà văn Sơn Tùng thụ-ủy.

Trước ngày bầu-cử, nhà văn Viên Linh nhân danh Ban Chấp-hành, nhận vào Văn Bút 4 Trung-tâm mới và cho được toàn quyền bỏ phiếu.

Điều này trái với Điều-lệ Văn Bút VNHN. Điều-lệ qui-định, chỉ có Đại-Hội-đồng (gồm 5 đại-biểu của mỗi Trung-tâm họp lại) mới có quyền thừa-nhận một Trung-tâm mới.

Để hợp-thức-hóa các Trung-tâm mới, nhà văn Viên Linh cho in lại bản Điều-lệ và gửi tới các Trung-tâm hội-viên, trong đó minh-thị rằng Ban Chấp-hành (thay vì Đại-Hội-đồng) được quyền thừa-nhận các Trung-tâm. Hầu hết các Trung-tâm đồng thanh phản-đối.

Trước phiên họp Đại-Hội-đồng Văn Bút VNHN ngày 25.11.1995 tại Đêm Màu Hồng (California), nhà văn Viên Linh đã phải thú-nhận rằng "*bản Điều-lệ đã bị cạo sửa*", nhưng ông không nhận lỗi mà qui-trách việc cạo sửa cho ba người: Lưu Nguyễn (chủ-tịch Ủy ban Định-chế), Trang Châu (chủ-tịch tiền-nhiệm) và một người nữa mà ông không nêu tên.

Sau khi nhà văn Viên Linh thú tội, Đại-Hội-đồng lấy lại quyền chủ-động; nhưng ông Viên Linh lấy quyền chủ nhà, phá vỡ buổi họp. Lúc 6 giờ chiều ngày 25.11.1995, nhà văn Viên Linh tuyên-bố "hết giờ họp." Đại-Hội-đồng đòi ông phải cung-cấp địa-điểm để ngày mai họp tiếp, nhà văn Viên Linh mời lại trụ-sở Văn Bút, lúc 12 giờ trưa hôm sau.

Đúng 12 giờ trưa ngày 26.11.1995, các đại-biểu kéo đến trụ-sở để họp, nhà văn Viên Linh khóa kín cửa, ngồi bên trong nhưng không ra tiếp.

Tất cả 14 đại-biểu có mặt (với 8 phiếu ủy-quyền đã được công-nhận hợp-lệ từ buổi trước), trong đó có Chủ-tọa và Thư-ký của buổi họp hôm

trước, đã quyết-định tiếp-tục họp.

Không thể ngồi họp dưới đất và bên vệ đường bên ngoài trụ-sở khóa cửa, Đại-Hội-đồng đã mượn được một phòng khách tư-gia trong khu-vực. Buổi họp thứ hai đi tới kết-quả:

- tuyên-bố Ban Chấp-hành do nhà văn Viên Linh làm chủ-tịch, mãn nhiệm ngày 26.11.1995, đúng hai năm tròn của nhiệm-kỳ, không dư không thiếu một ngày.

- thành-lập một Ban Chấp-hành lâm-thời chỉ có nhiệm-vụ duy-nhất là tổ-chức tiếp-tục khóa 2 của Đại-Hội-đồng kỳ 5 để bầu Ban Chấp-hành chính-thức.

- đơn ứng-cử của hai liên-danh Sơn Tùng và Viên Linh vẫn có hiệu-lực trong cuộc bầu cử.

Nhà văn Viên Linh không công-nhận Ban Chấp-hành lâm-thời, không đi họp Đại-Hội-đồng và vẫn tự xưng là "chủ-tịch Văn Bút", lập Ban Chấp-hành mới và làm việc với 4 Trung-tâm mới.

Văn Bút Quốc-tế không muốn can-dự vào nội-bộ các Trung-tâm, cứ liên-lạc với cả hai "ban chấp-hành," tạo thành tình-trạng hai Văn Bút VNHN.

Ủy Ban Đặc Cử VBQT

Để tìm cách giải-quyết vấn-đề, Văn Bút Quốc-Tế lập một 'Ủy-ban đặc cử' gồm các cựu chủ-tịch Văn Bút VNHN, đứng ra nghiên-cứu hồ-sơ và đưa đề-nghị để giúp họ đi tới một quyết-định nhằm tái thống-nhất Văn Bút VNHN trước Đại-hội Guadalajara, nhóm vào tháng 11.1996.

Ủy Ban Đặc Cử ra đời, do LS Trần Thanh Hiệp làm chủ-tịch, với 3 cựu chủ-tịch Minh Đức Hoài Trinh, Nguyễn Văn Hào và Trang Châu (nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn từ-chối tham-gia Ủy Ban).

Trong 6 tháng làm việc, Ban Chấp-hành Văn Bút VNHN do nhà văn Sơn Tùng làm Chủ-tịch đã luôn luôn cung-cấp đầy-đủ các sự kiện, văn-thư, tài-liệu. Nhà văn Viên Linh trước sau chỉ gửi đi ba lá thư với lời-lẽ vu-vơ,

khẳng-định rằng ông ta vẫn là chủ-tịch, phải trả Văn Bút lại cho các nhà văn (dù họ không xin vào Hội), phải để mỗi người một lá phiếu (còn họ tìm ra phương-tiện nào để tới bỏ phiếu, ông không nói tới).

Vì Văn Bút Quốc-tế quan-niệm có "hai Văn Bút VNHN", nhà văn Sơn Tùng vẫn làm đầy-đủ bốn-phận tư-cách "một nửa thành-viên" của mình, như trình bản Dự-thảo can-thiệp cho Văn-nghệ-sĩ cầm tù, gửi thư nộp niên-liễm và cử phái-đoàn đi Mỹ-tây-cơ phó hội, v.v.

Trong khi đó nhà văn Viên Linh tiếp-tục lờ đi, không nộp dự-thảo can-thiệp văn-nghệ-sĩ bị cầm tù (y hết như năm 1994 ông đã lờ, may nhờ có Văn Bút Gia-nã-đại và Ba-lan đệ nạp), không đóng niên-liễm và cũng không cử phái-đoàn đi họp. Ông có nêu tên "Nguyễn Sĩ Tế" như đại-diện của ông, nhưng không hề nộp đơn ghi danh, không dả-động gì tới lệ-phí ghi danh (350 mỹ-kim mỗi người), tiền vé máy bay đi Guadalajara (400 mỹ-kim) và tiền phòng (100 mỹ-kim mỗi đêm). Ông trả lời trên tờ *Thời báo* (SJ) ngày 16.10 rằng "tốn-kém quá, tới 1500 mỹ-kim mỗi người và phải nghỉ làm một tuần!"

Đó là cách làm việc của nhà văn Viên Linh, và đó cũng là lý-do tại sao Đại-Hội-đồng Văn Bút VNHN năm 1993 và liên-tiếp, 1995, 1996 đã bỏ phiếu chống ông.

LS Trần Thanh Hiệp, một người bạn cố-giao của nhà văn Viên Linh (trong nhóm *Sáng tạo*) và của vài người khác trong nhóm Viên Linh (như Nguyễn Ngọc Bích, Nguyễn Sĩ Tế) đã cố-gắng hết sức để nâng một cá-nhân (Viên Linh) lên ngang hàng với Đại-Hội-đồng.

Tuy-nhiên, trước sự ù-lì quá-đáng của Viên Linh, và trước nguyên-tắc đa-số trong sinh-hoạt dân-chủ, LS Trần Thanh Hiệp đã không thể làm gì khác hơn là kể công và rút lui. Ông Hiệp tuyên-bố là "*đã bắc được một nhịp cầu giữa hai bên*" và "*Ủy Ban tạm ngưng hoạt-động để cho hai bên trực-tiếp tự-do thương-lượng với nhau trên cơ-sở Điều-lệ Văn Bút VNHN*,"

văn-bản 1989-1993 và lựa-chọn hình-thức tổ-chức việc Bầu Ban Chấp-hành cho hợp với những qui-phạm đã được bản Điều-lệ dự-trù.”

Điều-lệ Văn Bút VNHN, văn-bản 1989-1993 tức là bản Điều-lệ chưa bị cạo-sửa.

LS Trần Thanh Hiệp, Chủ-tịch Ủy Ban Đặc Cử VBQT cũng đã làm một việc mà luật-gia bắt-buộc phải làm, là gửi thư, “muốn” ông Viên Linh “hội ý với văn-hữu Sơn Tùng, để cùng quyết-định (về thành-phần phái-đoàn Văn Bút VNHN tại Mỹ), nhất là văn-hữu Sơn Tùng là người có ủy-nhiệm của đa-số các Trung-tâm thành-viên của Văn Bút VNHN.” Ông cũng “đề-nghị” với ông Viên Linh, rằng “vì thời giờ gấp rút và còn chính vì quyền-lợi của các văn-nghe-sĩ bị cầm tù ở trong nước, dù ai đại-diện cho Văn Bút VNHN thì cũng cứ phải duy-trì bản dự-thảo nghị-quyết mà văn-hữu Sơn Tùng trước đây đã đệ nạp cho Văn Bút

Quốc-tế để được ghi vào nghị-trình Hội-nghị Guadalajara.”

Về phía nhà văn Viên Linh, ông không muốn làm gì cả trong việc trình dự-thảo nghị-quyết can-thiệp văn-nghe-sĩ bị cầm tù, và ngay cả việc phó hội mỗi năm một lần. Năm 1995, khi còn là chủ-tịch hợp-lệ, ông đã phủ-mặc việc hợp-hành cho Trung-tâm Sydney bên Úc lo. Năm nay ông “không đi, vì tốn kém quá.”

Giả sử như Văn Bút quốc-tế tiếp-tục không công-nhận ý muốn của đa-số (tức của Đại-Hội-đồng Văn Bút VNHN) thì tình-hình hoạt-động của Văn Bút VNHN đi về đâu, với “một nửa” phải móc tiền túi và bỏ thì giờ ra làm tất cả mọi việc, còn “một nửa” khác chỉ “làm chủ-tịch” và không làm gì khác cả.

Đây là câu hỏi lương-tâm lớn nhất và duy-nhất đặt ra cho LS Trần Thanh Hiệp và Ủy Ban Đặc Cử của Văn Bút Quốc-Tế.

Sự nhượng-bộ của Đa-số

Nguyên-tắc sinh-hoạt dân-chủ là thiểu-số phục-tùng đa-số, và đa-số lãnh-đạo. Trong sinh-hoạt bất cứ một hội-đoàn nào cũng vậy, hễ đa-số ở đâu là Hội ở đó; ý muốn đa-số là ý muốn của Hội, trừ khi có những qui-định trái lại, trong văn-bản, hiến-chương, điều-lệ.

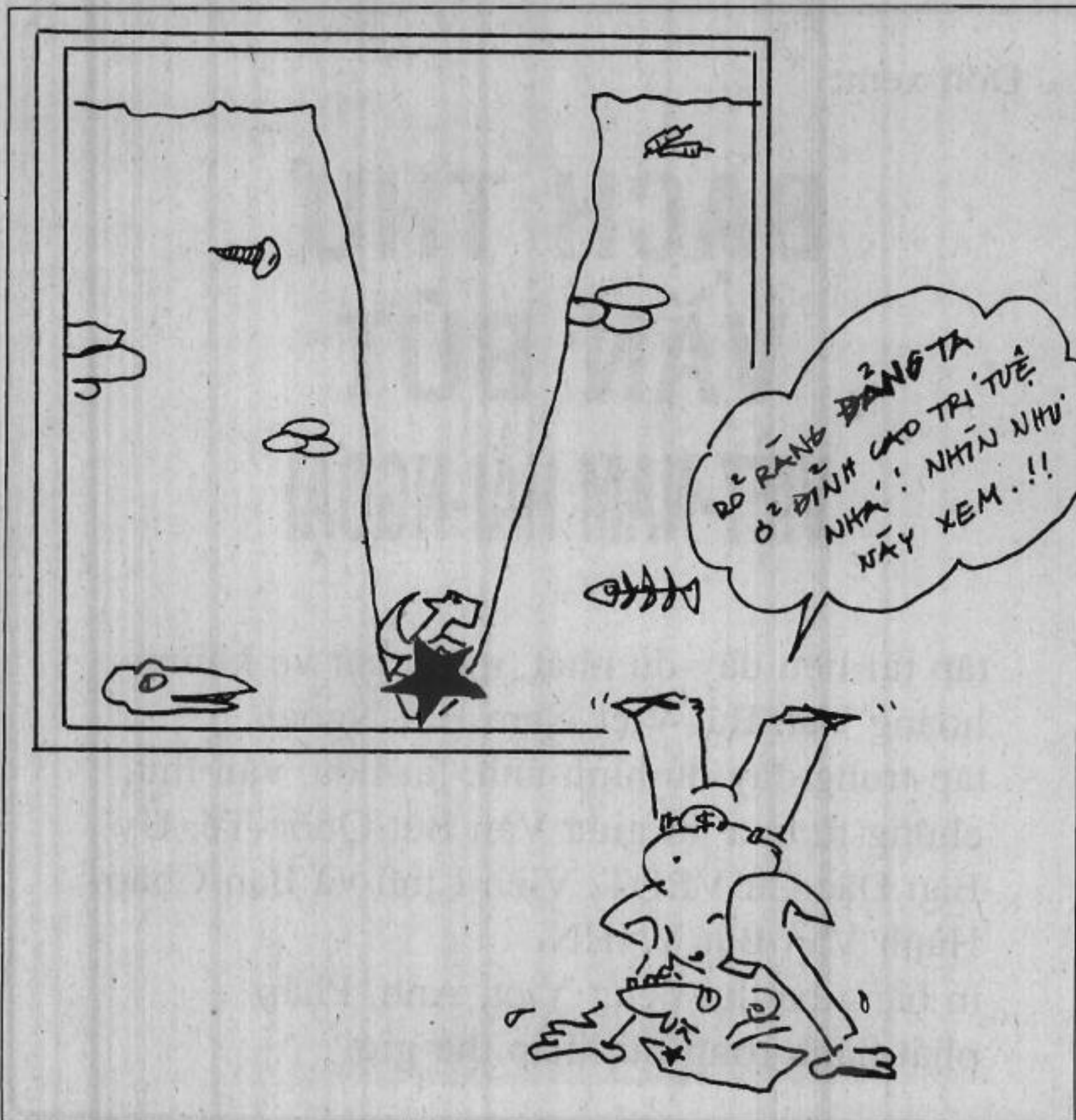
Văn Bút Việt-Nam Hải-Ngoại có 8 Trung-tâm chính-thức. Trong số 8 Trung-tâm, có hai Trung-tâm không đi họp (Trung-tâm Québec vắng mặt tại Đại-hội kỳ V; còn Trung-tâm Sydney chưa hề bao giờ tham-dự bất cứ kỳ họp Đại-Hội-đồng nào). Trong số 6 Trung-tâm hiện diện, với 22/32 phiếu bầu trong khóa 1 (25 và 26.11.1995) và 26/30 phiếu bầu trong khóa 2 (24 và 25.2.1996) đã tuyên-bố Ban Chấp-hành Viên Linh mãn nhiệm, và bầu Ban Chấp-hành Sơn Tùng lên thay. Đó là một quyết-định dân-chủ, là kết-quả của sinh-hoạt dân-chủ, không ai có thể phủ-nhận.

Muốn thay-đổi một quyết-định cũ, Đại-Hội-đồng phải họp lại và biểu-quyết quyết-định mới; không một cơ-quan nào thay-thế được Đại-Hội-đồng.

Gần đây, một số báo loan tin “hai Ban Chấp-hành đồng ý giải-tán để bầu lại một Ban Chấp-hành thống-nhất.” Điều này chưa hề được bất cứ bên nào, Đại-Hội-đồng Văn Bút VNHN và cá-nhân Viên Linh, xác-định.

Nhà văn Viên Linh, trên nhiều bài báo, nhất-định không bỏ chức “chủ-tịch”, đòi xóa bỏ Điều-lệ văn Bút VNHN thay bằng một bản Điều-lệ khác do ông tưởng-tượng và đem ra áp-dụng không qua thảo-luận và biểu-quyết. Ông đòi trả Văn Bút lại cho các nhà văn ...ngoài Hội, chỉ vì mấy trăm nhà văn trong Hội không tín-nhiệm ông.

Điều đáng buồn là Văn Bút Quốc-tế vương-víu về lẽ luật, không thể can-thiệp vào nội-bộ của các Trung-tâm thành-viên, nên có những cá-nhân sẵn-sàng dẫm lên quyền-lợi của tập-thể để thỏa-mãn tham-vọng chức-



quyền. Họ chỉ cần *chức*, nhưng từ chối *việc*. Họ vui thích nhìn ngắm chữ ký của họ bay lượn trên dấu triện son đỏ chót, và chỉ có thế. Những dấu triện không làm giảm được một giờ tù đầy cho những ngòi bút còn bị giam-cầm, tra tấn trong nhà tù tối-tăm của Cộng-sản và độc-tài. Những chữ ký bay bướm không làm giảm được niềm đau của những bạn văn còn bị vây khốn trong vòng kẽm gai tị-nạn hay đã bị trả về cho nhà tù và kinh-tế-mới Việt-nam. Những chức-vụ không làm cho văn thơ của bất cứ ai hay hơn, cao hơn, sâu hơn. Những ảo-vọng quyền-hành không làm cho tư-cách họ sáng hơn, cho đạo-đức của họ trọng hơn. Người cầm bút chỉ có thể xác-định giá-trị ngòi bút của họ qua tác-phẩm, không qua chức quyền.

Một người cầm bút trong Văn Bút, ngoài sứ-mệnh của nhà văn, họ còn mang sứ-mệnh của một chiến sĩ nhân quyền: tranh-đấu cho quyền tự-do phát-biểu. Điều này ghi rành-rọt trong hiến-chương Văn Bút Quốc-tế và ngay trong những dòng đầu của Điều-lệ Văn Bút VNHN.

Văn Bút không phải là một hội tao-dàn để mọi người vào đó bình văn, ngâm thơ hay tán-tụng nhau. Văn Bút là một mặt trận, các nhà văn vào đó để tập-hợp sức mạnh, xóa bỏ những gông cùm xiềng xích trói buộc ngòi bút, và những biên giới, giai-tầng chia rẽ con người. Do đó, gia-nhập Văn Bút, hay được chấp-nhận là một thành-viên Văn Bút, không phải là một hãnh-diện văn-chương mà là một sự hi-sinh nghĩa-vụ. Điều này cao cả lắm, loại người như ông Viên Linh rất khó mà cảm-nhận hay lãnh-hội...

Trở lại với "phe Đại-Hội-đồng", trong mấy tuần cuối trước Đại-hội Văn Bút Quốc-Tế, nhà văn Sơn Tùng được phần lớn các văn-hữu của ông ủy-thác để quyết-định: điều cần-yếu là phải bảo-vệ được tiếng nói của Việt-nam tự-do tại diễn-đàn Văn Bút Quốc-Tế.

Nếu Văn Bút Quốc-Tế, qua Ủy Ban Đặc Cử và LS Trần Thanh Hiệp, cho rằng nhà văn Viên Linh có toàn

quyền và hợp lý khi khóa cửa ngăn mấy chục đại-biểu bên ngoài trụ-sở Văn Bút VNHN ngày 26.11.1995 không cho họp; nếu Văn Bút Quốc-Tế, qua Ủy Ban Đặc Cử và LS Trần Thanh Hiệp, cho rằng 22/32 phiếu đại-biểu và ủy-quyền không có giá-trị bằng ý-kiến cá-nhân một cựu chủ-tịch đã mãn-nhiệm; thì tất cả sẽ cay-đắng và nhẫn-nhịn chấp-nhận lui lại thời-diểm 25.11.1995 để có được ông Viên Linh ngồi họp chung; với điều-kiện là Văn Bút Quốc-Tế phải cung-cấp một chỗ họp tử-tế, một nghị-trình nghiêm-chỉnh để Văn Bút VNHN tự giải-quyết với nhau.

Đây là một sự hi-sinh rất lớn; vì sự "lùi lại" này đồng nghĩa với sự phi-báng nguyên-tắc sinh-hoạt dân-chủ. Đại-Hội-đồng Văn Bút VNHN đã làm công việc phi-báng này lần thứ nhất ngày 25.11.1993 tại San Jose, khi cho phép bỏ phiếu bầu lại lúc ông Viên Linh đã thất cử.

Lần này, ông Viên Linh cũng đã thất cử trước Đại-Hội-đồng kỳ V khóa 2 ở Texas ngày 25.2.1996, ông được "mời" ứng-cử để bầu lại.

Nếu còn sót chút liêm-sĩ tối-thiếu, nhà văn Viên Linh nên từ-chối ứng-cử. Lý-do từ-chối, ông nên nói rằng: "tôi tôn-trọng quyết-định của đa-số, tôi rút lui", thay vì nói với báo-chí rằng: tôi chỉ ứng-cử lại khi họ chịu bỏ Điều-lệ cũ, theo Điều-lệ do tôi đặt ra, họp tại nhà tôi và tất cả khách-khứa do tôi mời tới đều được quyền bỏ phiếu.

Phe Đa-số, vì nghĩa-vụ, đã vượt nguyên-tắc mà nhường-nhịn quá nhiều. Đã đến lúc LS Trần Thanh Hiệp, Ủy Ban Đặc Cử và Đại-Hội-đồng Văn Bút Quốc-Tế họp tại Guadalajara, vì tôn-trọng nguyên-tắc và vì danh-dự chung của cả mấy trăm Trung-tâm hội-viên, phải có thái-độ thích-nghi trước vấn-đề Văn Bút Việt-Nam Hải-Ngoại.

Đón xem:

BẠCH THƯ VĂN BÚT VIỆT-NAM HẢI-NGOẠI

- . tập tài-liệu đầy-đủ nhất, mới nhất về khủng-hoảng Văn Bút Việt-Nam Hải-Ngoại
- . tập-trung đầy-đủ hình-ảnh, tài-liệu, văn-thư, chứng-từ qua lại giữa Văn Bút Quốc-Tế, Ủy Ban Đặc Cử VBQT, Viên Linh và Ban Chấp-Hành Văn Bút VNHN.
- . in bằng ba thứ tiếng Việt, Anh, Pháp phát-hành rộng-rãi khắp thế-giới

Những Con Yêu Râu Xanh Thời-Đại và Thảm-Nạn Trẻ Mại-Dâm

Phạm Phong Dinh

Trong quyển *Truyện cổ của anh em Grimm* do hai anh em người Đức họ Grimm thời thế kỷ thứ 19 sưu tầm mà cả người lớn lẫn các em thiếu nhi đều khoái đọc, có chuyện kể về một con yêu râu xanh. Thật ra nó chẳng phải là yêu quái gì cả mà chỉ là một con người như tất cả mọi con người khác trên cõi đời, áo quần bảnh bao, dáng dấp hào hoa phong nhã, giàu có, và nhất là có một bộ râu xanh đen mượt rượt quynh rũ chết người. Hắn lấy rất nhiều vợ mà bà nào ở với hắn một thời gian cũng bị hắn cho đi châu diêm vương một cách bí mật. Mỗi cho đến khi cô vợ trẻ cuối cùng của con yêu khám phá ra căn phòng bí mật với hàng đống xương khô của những bà vợ bất hạnh và với sự giúp đỡ của những người anh, con yêu râu xanh đã đến tội xứng đáng. Từ đấy, thuật ngữ “yêu râu xanh” được dùng để chỉ những kẻ chuyên dụ dỗ con gái nhà người ta vào đường hoa nguyệt rồi giết chết. Ở phương Đông có chàng Sở Khanh, nhưng tên này chỉ đáng xách dép cho gã râu xanh, vì hắn chỉ biết chơi... chạy chứ không biết giết người!

Câu chuyện tưởng chỉ có thể xảy ra trong cổ tích, ấy thế mà con cháu của quỷ đã lần lượt xuất hiện thực sự, gieo kinh hoàng khắp cõi nhân gian.

Tháng 8.96 vừa qua, cảnh sát Bỉ đã

bắt giữ tên Marc Dutroux với tội-danh bắt cóc, hiếp dâm và giết những em gái vị-thành-niên.

Vào một ngày hè tháng 6.95 em à, nắng chói trên vùng ngoại - ô Liège, một thành phố lớn thuộc đông nam nước Bỉ, hai em gái nhỏ 8 tuổi xinh tươi như hoa Julie Lejeune và Mélissa Russo đang nô đùa trong một khoảng sân nhỏ gần nhà, reo hò vẫy tay chào dòng xe cộ lướt qua. Đó là hình ảnh cuối cùng mà hai em còn để lại trong ký ức người đời và của cha mẹ, người thân các em. Chỉ một lát sau đó, một con quỷ râu xanh đã ngừng xe và bắt các em đem đi biệt tích 14 tháng trời. Mỗi cho đến khi cảnh sát tóm cổ được Dutroux thì các em đã bị chết một cách tức tưởi, đau đớn, khủng khiếp. Các em bị hiếp dâm hung bạo nhiều lần, bị giam dưới hầm tối, bị bỏ đói đến kiệt sức và chết.

Tội ác của Dutroux cùng cái chết của Julie và Mélissa đã đẩy lên một lần sóng phần nộ trong công chúng Bỉ cũng như những quốc gia châu Âu về sự ngu dốt và bất lực của lực lượng



cảnh sát Bỉ. Tên Dutroux vốn đã có nhiều tiền án về tội cưỡng hiếp và bắt cóc trẻ em cũng như phụ nữ. Năm 1985 hắn đã bắt cóc 5 bé gái, cưỡng hiếp các em đến tởm rồi mới chịu thả. Trước đó, năm 1983, Dutroux đã bắt cóc một phụ nữ 50 tuổi, cưỡng hiếp rồi rạch dao lam vào chỗ kín của bà. Hắn nhận một bản án 14 năm. Năm đếm lịch được 7 năm thì hắn gặp may vì thói nhân đạo kỳ quặc của người Tây phương. Dư luận cho rằng các nhà tù đã đông đúc quá rồi, các đảng tù sống trong tình trạng chật chội như vậy là vô cùng... vô nhân đạo, nên phóng thích bớt những tù nhân “tốt”. Hệ thống tư pháp và cảnh sát Bỉ chỉ còn nước đưa tay chào thua. Nhất tù thì không cho nhốt, mà thả chúng nó ra để chúng nó đi phá làng phá xóm thì

cứ đề đầu cảnh sát ra mà chửi.

Trước áp lực mạnh mẽ của những kẻ có tấm lòng nhân đạo mà thiếu trí ấy, Bộ trưởng Tư pháp Bỉ chịu ký giấy ân xá Dutroux với lời phê "cần theo dõi sát".

Cảnh sát Bỉ theo dõi sát hay ho thế nào mà ngay sau khi ra tù, Dutroux làm một loạt mấy cú động trời, mở đầu là cái chết của Julie và Mélissa. Được cái là tên này dám làm dám chịu. Ngay sau khi bị bắt, hắn đã hướng dẫn cảnh sát đến sân sau của một ngôi nhà do hắn làm chủ để khai quật thi thể hai em. Hắn cũng "thành khẩn" chỉ luôn nơi hắn chôn đồng bọn Bernard Weinstein bị hắn giết để diệt khẩu cùng trong khoảnh sân ấy. Đến nước đó thì bộ Xã hội Bỉ cũng than trời như bọng và bị dư luận nguyên rủa hết lời. Một công nhân điện thất nghiệp, có vợ và ba con, ăn trợ cấp xã hội mà sở hữu đến năm căn nhà và vài chiếc xế hộp... Kể ra hệ thống cấp phát welfare của Bỉ thuộc loại siêu đẳng, có lẽ còn hơn cả Hoa kỳ chẳng?

Lần lượt, Dutroux dẫn cảnh sát đi hết khắp năm căn nhà và chỉ nơi giam cầm hai em gái khác 12 và 14 tuổi còn sống ngắc ngoải. Còn hai thiếu nữ Marchal 17 tuổi và Eefje 19 tuổi thì thoát đầu hắn khai bắt cóc và đem bán cho bọn lái buôn đem đi đâu không rõ, nhưng sau thì lại chỉ chỗ chôn hai cô cũng trong khuôn viên những ngôi nhà của hắn. Dutroux cho biết, mỗi "con thịt" được bán với giá từ 3200

đô-la đến 4800 đô-la. Để thực hiện việc bắt cóc, hắn có hai tên đồng lõa, một là Weinstein mà hắn đã cho uống thuốc ngủ vì gã này toan phản hắn, rồi khiêng ra sau vườn chôn... sống. Tên thứ hai là Michel Lelièvre, mặt mét như tàu lá chuối. Sau khi bắt cóc Julie và Mélissa đem giam dưới hầm nhà, Dutroux xui xẻo bị bắt nhốt 4 tháng vì tội liên can đến một vụ trộm xe. Hắn đã giao cho Lelièvre 1600 đô-la để nhờ tên này nuôi cầm hơi hai cô bé chờ hắn mãn tù về. Tên mặt mét cầm tiền nhưng chỉ cung cấp thực phẩm cho hai em có 6 tuần, sau đó hắn... mặc kệ các em. Mãn tù, Dutroux trở về căn hầm giam các em thì một em đã chết từ lâu, em còn lại vừa thở hắt trên tay hắn. Kết thúc vụ Dutroux, Lelièvre và cô vợ Dutroux tên Martin cùng bị câu lưu về tội đồng lõa.

Cảnh sát Bỉ tịch thu trong nhà Dutroux khoảng 300 cuốn video quay cảnh người lớn làm tình với các em gái vị thành niên. Họ đang ráo riết xác định những tên yêu râu xanh trong các phim ấy và cho biết một khi tìm ra thì sẽ công đầu nhốt bót tức thì.

Việc khám phá những cuốn video khai thác thân xác trẻ em nam cũng như nữ trong mục đích thương mại không chỉ riêng ở Bỉ mà hầu như khắp thế giới, đâu đâu cũng có. Sự kiện xảy ra ở Bỉ chỉ là một mồi lửa châm ngòi cho quả bom phim ảnh khiêu dâm bùng nổ lớn, chính thức đưa ra dưới ánh sáng của sự thật.

Phim ảnh dùng trẻ em để thỏa mãn dục tính đã có từ nhiều năm nay, nhưng kể từ khi cảnh sát Đức, Gia nã đại, Pháp và nhiều quốc gia khác nữa khám phá ra những vụ động trời như dùng hệ thống internet để chuyển hình ảnh khiêu dâm trẻ vị thành niên (Child porn) và lưu hành băng hình cùng loại, sự việc đã trở nên trầm trọng đến nỗi thế giới phải triệu tập khẩn cấp một hội nghị lấy tên là World Congress Against Commercial Sexual Exploitation of Children (Hội nghị Thế giới chống việc Khai thác Thương mại Tình dục ở Trẻ em) tổ chức tại Stockholm, thủ đô Thụy điển với sự tham dự của 130 quốc gia hầu tìm ra biện pháp chống lại tội ác lợi dụng trẻ em trong phim ảnh khiêu dâm.

Theo tài liệu chính thức của Quỹ Nhi đồng Liên hiệp quốc UNICEF (United Nations Children's Fund) thì có hơn 2 triệu trẻ em trên toàn thế giới bị dùng làm món hàng tình dục, bao gồm bị cưỡng bức mại dâm hoặc đóng phim khiêu dâm. Đại diện UNICEF trong Hội nghị là tài tử Roger Moore, người từng thủ diễn vai điệp viên James Bond 007, đã mạnh mẽ tố cáo tội ác khai thác thân xác trẻ em. Ông kể lại kinh nghiệm của chính ông: Thuở bé, ông cũng đã từng bị người lớn dụ dỗ, sờ mó nhưng may mắn thoát được. Một tiếng nói khác rất nặng ký đến từ ECPAT (End Child Prostitution, Abduction and Trafficking), gần đây được biết qua



Hàng trăm ngàn dân Bỉ phản-đối chính-phủ Bỉ về hành-vi ám muội trong vụ giải án



Dutroux, quỷ râu xanh thời-dại

cái tên thông dụng hơn: Tổ chức Chấm dứt Kỹ nghệ Du lịch Mãi dâm ở Á châu (End Child Prostitution in Asian Tourism), được Hoàng hậu Thụy điển Silvia ủng hộ mạnh mẽ. Bà đã lên truyền hình trực tiếp kêu gọi chính giới Thụy điển hành động, chung sức soạn thảo luật bài trừ việc dùng trẻ em trong phim ảnh khiêu dâm.

Mặc dầu Hội nghị Thế giới gây được tiếng vang lớn ào nhưng người ta vẫn cứ lo là sức ép của Hội nghị vẫn chẳng thấm vào đâu, chưa đủ sức đối đầu với một hệ thống phức tạp, chằng chịt như con quái vật nhiều đầu Hydra trong thần thoại Hy Lạp, chặt đầu này nó mọc đầu khác, dữ tợn hơn. Ngoài ra, nỗ lực của Hội nghị còn vấp phải những khác biệt về địa lý, kinh tế và văn hoá. Chẳng hạn như những nước nghèo vùng Nam Mỹ, những quốc gia tân trợ kỹ nghệ: mãi dâm như Hong Kong, Thái lan, Nhật bản,... việc trẻ em bị bán vào ổ điểm là chuyện thường. Thái lan, Phi luật tân, Tích lan, Cao miên và hiện nay có thêm Việt nam, nằm trong danh sách các nước có kỹ nghệ sex tour mà trẻ em, vì thiếu ăn thiếu mặc, nghèo khổ đã phải bán thân nuôi gia đình. Từ sau năm 1990, Liên xô cũ và những nước cộng sản Đông Âu tan rã từng mảnh nhỏ, lần lượt có tên trong sổ đoạn trường về tỉ lệ trẻ vị thành niên hành nghề mãi dâm và đóng phim sex. Sở dĩ có hiện tượng ấy là do tình trạng nghèo túng, bị vật chất cám dỗ, một phần do những thế lực mafia mới nổi lên.

Những nước Đông Âu phản pháo ngay. Họ cho rằng vấn đề khai thác tình dục trẻ em tại nước họ chỉ mới manh nha chừng nửa thập niên thôi. Nguyên nhân tai họa xuất phát từ các nước tư bản, chủ yếu là qua hình thức sex tour, trong đó du khách được bảo đảm vừa đi du lịch vừa được thưởng thức những đêm tuyệt vời với những nàng kiều nữ xinh như mộng.

Có khoảng 25.000 ngàn du khách đến Á châu theo kiểu này. Đó là chưa kể những du khách tự túc lên đến con số triệu, không thể kiểm soát được chính

xác, trong đó dân Mỹ chiếm 25%, Đức 16%, Anh và Úc mỗi nước chiếm 13%, kể đó là Nhật. Riêng tại Việt Nam chưa có con số chính thức là bao nhiêu du khách ngoại quốc đến để tìm lạc thú theo kiểu sex tour, nhưng có điều hết sức đau lòng là những cô gái nghèo khổ, những em bé bất hạnh không chỉ rên xiết quần quai trong vòng tay thô bạo của ngoại nhân, mà còn bị sỉ nhục bởi chính những “đồng bào” xênh xang áo gấm.

Hậu quả của làn sóng tình dục hỗn loạn ấy là sự lan truyền khủng khiếp bệnh AIDS, trong đó Thái lan dẫn đầu với con số hàng triệu người nhiễm vi khuẩn HIV. Người ta không thể nào kiểm soát từng cô gái một trong tổng số hơn 200 ngàn gái mãi dâm Thái và vô số những cô gái hành nghề lén lút khác. Thái lan chủ trương mãi dâm để thu hút ngoại tệ nên có một hệ thống khám nghiệm định kỳ các bệnh phong tình, nhưng con số người nhiễm vi khuẩn HIV vẫn ngày một gia tăng. Trên các hệ thống truyền hình và truyền thanh Thái lan, cứ mỗi nửa giờ là lại có vài phút dành cho việc khuyến khích các phương pháp phòng bệnh như dùng condom và giải thích mọi thắc mắc về bệnh AIDS. Kết quả có tiến triển trong giới mãi dâm có đăng ký môn bài hành nghề, nhưng trong giới hành nghề lén lút thì con số nhiễm bệnh gia tăng. Lý do hết sức đơn giản là du khách và giới tìm hoa cứ dính ninh tìm các em gái càng nhỏ tuổi càng tốt vì các em chưa... thập thành và chưa tiếp quá nhiều khách như các cô lớn tuổi. Và hơn 60% khách chơi không chịu dùng bao cao su khi tiếp xúc với các em.

Gần đây nhất, tháng 7.96, hội nghị lần thứ 15 về bệnh AIDS đã được tổ chức rầm rộ tại Vancouver, Gia nã đại, với sự tham dự của hơn 15 ngàn khoa học gia, bác sĩ, chuyên gia.. đại diện cho 125 quốc gia dưới tiêu ngữ: Một Thế Giới, Một Hy Vọng (One World, One Hope). Trong 7 ngày, các đại biểu được nghe các báo cáo mới nhất về những khám phá, những phương thuốc nhằm chống lại vi khuẩn HIV. Sau khi tốn biết bao nhiêu giấy mực,

nước bọt..., các đại biểu trở về lại quê hương với một con số không to tướng.

Khi được báo chí phỏng vấn là họ sẽ đem được niềm vui gì về cho dân tộc thì các đại biểu của Á châu, Nam Mỹ và Phi châu đều thở dài: Không có gì, hoàn toàn không có hy vọng nào. Có lẽ phải thay đổi khẩu hiệu là “Third World, No Hope”. Tại sao? Tại vì tuy người ta đã đưa ra được vài loại thuốc mới để cùng phối hợp với loại AZT có sẵn, chúng vẫn chưa có khả năng chữa trị hay diệt được vi khuẩn HIV. Chúng chỉ tạm kèm hãm, không cho AIDS phát tác trong khi chờ đợi những phương thuốc mới có thể giết được chúng. Một khuyết điểm khác của các loại thuốc mới, gây nên một làn sóng công phẫn không những trong các nước nghèo mà ngay cả trong dư luận các nước giàu. Đó là giá thuốc cao một cách quá đáng. Liều ngắn hạn là 645 đô-la và dài hạn là từ 3.000 đến 15.000 đô-la, chỉ người giàu mới có thể mua nổi. Những đại biểu Phi châu lắc đầu: “Ở xứ tôi, ngay cả một xu để mua cháo ăn cầm hơi cũng không có, huống gì...”

Trở lại vấn đề trẻ em mãi dâm, phát giác mới nhất của Hiệp hội Xã hội Chống Nô lệ của Úc (Australia's Anti-Slavery Society) đã đưa ra những chi tiết động trời: Một số nước ở vùng tây Phi châu hiện nay có một dạng tôn giáo kỳ cục thu hút (hay cưỡng bách) hơn 35.000 em gái vị thành niên còn trinh. Các em này có nhiệm vụ cung cấp sinh lý cho các đáng chức sắc, trưởng lão và những viên chức tôn giáo. Các em được thuyết phục rằng hành động “cao cả” đó có mục đích “thiêng liêng” là kính dâng linh hồn lên dâng tối cao, thể xác chẳng nhằm nhò gì. So với đạo Aum của giáo chủ khủng Nhật hay giáo phái của David Koresh, tôn giáo mới vùng Tây Phi này quả thật là một vấn đề nhức nhối cho xã hội bên cạnh các cuộc chiến tranh chủng tộc triền miên, đói kém, hạn hán, thiên tai.

Song song với kỹ nghệ thiếu nhi mãi dâm, phim ảnh khiêu dâm do trẻ em thủ diễn ngày càng lan tràn hầu như công khai khắp các ngõ ngách

trên thế giới. Người ta cho rằng có lẽ trước khi bị tóm cổ, Dutroux đã sống phè phỡn bằng nguồn lợi cung cấp thịt sống và vô số phim trẻ em khiêu dâm. Điều đó giải thích tại sao hắn sở hữu đến năm ngôi nhà. Một con quỷ râu xanh khác người Anh cũng thu lợi dồi dào từ kỹ nghệ này: John Stampford. Hắn bị nhốt từ năm 1994 về tội tàng trữ sách báo khiêu dâm dành cho tụi *pedophile* tức những kẻ chỉ khoái chung đụng thể xác với trẻ em. Hắn lập ra Spartacus Club để cung cấp tài liệu cho khoảng 30.000 hội viên muốn tìm của lạ từ những bé trai. Tháng 12.95 vừa qua, Stampford lăn ra chết vì bệnh tim trong khám trước khi ra tòa nhận án.

Một điều đáng ngạc nhiên là trong lúc thế giới la ó rùm beng về thảm trạng trẻ em bị lợi dụng thân xác, thì lại có những nước không hành xử nghiêm khắc với các tội ác ấy. Những ấn phẩm hay sản phẩm khiêu dâm liên quan đến trẻ em được coi là hợp pháp ở Thụy điển, Nhật và Hung gia lợi. Tại Bỉ, tội tàng trữ phim ảnh tình dục thiếu nhi chỉ bị phạt tối đa một năm tù. Ở Mỹ, chỉ những hình thức khiêu dâm dưới 16 tuổi mới bị coi là có tội, còn ngoài ra thì tha hồ. Vậy mà giới sản xuất Child Porn vẫn chưa vừa lòng, cứ đòi càng nhỏ tuổi càng tốt. Gần đây cảnh sát Mỹ đã phá vỡ một tổ chức cung cấp sách báo và tình dục thiếu nhi cho khoảng 4500 đăng trọc phú người Mỹ.

Ngày nay, với cái giá vài trăm đô-la, một người trung bình có thể mua được một máy camcorder để... hành nghề. Thử tưởng tượng hàng triệu người trên thế giới, chuyên nghiệp lẫn tài tử, đều tận lực "người người sản xuất, nhà nhà sản xuất" phim video khiêu dâm để tiêu khiển hoặc để bán ra ngoài, tình trạng sẽ như thế nào! Theo thị hiếu thịnh hành hiện nay, người ta không còn chuộng những cô gái trên 20 rục lứa, càng ông ẹo quí quái càng tốt; mà người ta khoái các em nhỏ ngơ ngác, trong trắng, thánh thiện. Tại Đức, chỉ trong vòng 18 tháng qua, cảnh sát đã tịch thu được 11.500 cuốn phim Child Porn. Theo

tờ *Berlin Daily*, một cuốn băng não lòng, thảm thương nhất được bán với giá cao nhất thế giới là 8.000 mỹ kim, trong đó quay lại toàn bộ cảnh hiếp dâm tập thể, man rợ và khổng lồ của binh lính người Serb với các thiếu nữ, thiếu nhi người Bosnia ở những vùng bị chiếm đóng. Cuốn băng hình hoàn toàn sống thực, không dàn dựng, không đạo diễn, có lẽ do một binh sĩ người Serb thu được và nay anh ta đang làm giàu nhờ cuốn băng nước mắt ngập tràn ấy.

Phân tích yếu tố nào đưa đến tình trạng bệnh hoạn, yêu thích thể xác trẻ em lan tràn khắp thế giới hiện nay, các chuyên gia tâm lý học cho rằng, hầu hết những tên yêu râu xanh hung bạo cưỡng hiếp nạn nhân đều có những khoảng đời thơ ấu bất hạnh, bị ức chế và ít nhiều bị người lớn tuổi xúc phạm. Một số khác cho rằng tình trạng đó bắt nguồn từ những yếu tố sinh lý và do môi trường bên ngoài tác động. Điều may mắn cho nhân loại là số lượng quỷ râu xanh không nhiều, nhưng số lượng người yêu thích làm tình với trẻ em (*pedophile*) thì đang ở mức báo động. Loại người này thường hiền lành, có gia đình, con cái, có nghề nghiệp vững chắc và có đời sống mực thước. Không ai có thể đoán được họ là những *pedophile*, và khi họ chung đụng thân xác với các em thì cũng giống như chung đụng với người trưởng thành, thanh toán sòng phẳng. Một yếu tố khác để các đấng này tìm đến các em vì các em dễ bảo dễ dạy, không... lắm lời nhiều chuyện như các cô thành niên hoặc như những bà vợ dữ dằn. Một cách giải tỏa ẩn ức từ những ông chồng râu quạp.

Tuy nhiên dù núp dưới chiêu bài nào, việc chung đụng thân xác với trẻ em bị coi là một tội ác cần phải chấm dứt. Năm 1989, 187 quốc gia đã đồng ý tuân thủ việc thi hành những nguyên tắc Quyền Thiếu Niên do Liên hiệp quốc đề ra, trong đó thiếu niên phải được bảo vệ tuyệt đối khỏi mọi hình thức bạo lực. Hội nghị Stockholm chính thức tuyên chiến với việc khai thác mãi dâm thiếu nhi trên mọi khía cạnh và cùng một nhịp tiến. Để chứng

tỏ quyết tâm đó, lần lượt các con yêu râu xanh bị "màn thít" với các bản án nặng nhất: Tháng 5 vừa qua, Phi luật tân phạt Victor Keith Fitzgerald 17 năm tù về tội cưỡng hiếp một bé gái 12 tuổi. Bản án đó cũng dành cho Steven Roy Mitchell, người Anh, về tội ăn nằm với những bé trai từ 4 đến 8 tuổi. Tòa án Thái lan phạt Bernd Karl Heinz, người Đức, 43 năm tù về tội bị bắt quả tang đang nằm trên giường với 4 bé trai từ 8 đến 13 tuổi.

Một phương cách khác giúp giảm thiểu tình trạng mãi dâm vị thành niên là "năn nỉ" các tổ chức du lịch giảm bớt hay... dứt sữa phong trào sex tour nhằm vào trẻ em. Sức ép của dư luận, lương tâm và luật pháp đã phần nào có kết quả. 12 công ty du lịch chủ yếu ở Đức đã đồng ý hủy bỏ hợp đồng với những khách sạn cung cấp mãi dâm vị thành niên, đồng thời khuyến cáo du khách về hậu quả pháp lý của việc mua dâm bất hợp pháp.

Một số đề nghị kỳ quái nhưng không phải là không hợp lý: Đó là từ nay cứ hề tên yêu râu xanh nào vừa mãn hạn tù thì biệt cư hẳn tại một nơi heo hút gió. Hoặc cung cấp cho hắn một bộ đồng phục có hàng chữ tự giới thiệu: "Các em thiếu nhi thân mến, đừng đến gần tôi, tôi là một tên *pedophile* chính hiệu đây". Cũng có thể cảnh cáo cư dân vùng có tên dâm dục ấy cư ngụ để các bậc cha mẹ biết mà gìn giữ con cái. Chắc chắn những tên này không bao giờ được làm việc trong các môi trường có nhiều trẻ em sinh hoạt như trường học, công viên, hồ tắm, v.v.. Thậm chí một vài tiểu bang ở Hoa kỳ còn đề nghị đưa ra đạo luật, nếu phạm nhân vi phạm đến lần thứ ba mà vẫn không chữa thì quan tòa sẽ ra lệnh cho... thiến quách cái của nó đi khiến chúng... dứt dây chuông là xong ngay. Khái niệm đang được cân nhắc và ngày càng được dư luận đồng thuận rộng rãi là: Sẽ không có chốn dung thân cho những kẻ bả hung bạo và sa đọa, đối tượng dâm dục chống lại thiếu nhi. Một kiểu dấu ấn nhục nhã vĩnh viễn gắn liền với những con yêu râu xanh cho cù chúng đi đến góc biển chân trời nào đi nữa. ●



Làng Tiến-Sĩ

Đào Đức Chương

khoa bảng. Bèn đặt tên huyện là Đường An, làng là Khả Mộ, sau đổi là Lạp Trạch, sau nữa lại ghép thành Mộ Trạch, tên nôm là làng Chằm và giữ mãi hai tên ấy cho đến ngày

Từ quốc lộ 5 Hà Nội đi Hải Phòng, lần lượt qua các thị trấn Bàn Yên Nhân, Mỹ Hào của tỉnh Hưng Yên rồi vượt ranh giới sang tỉnh Hải Dương, xuyên qua huyện Cẩm Giàng để đến tỉnh lỵ. Dọc theo con đường ấy, trong địa phận Hải Dương về phía nam có con sông Đình Đào chảy vòng ra hướng đông rồi quặt xuống nam, phân ranh một vùng đất có bốn mặt sông. Đó là huyện Đường An thuộc phủ Thương Hồng tỉnh Hải Dương, gồm 10 tổng chia ra 66 làng, trong đó có làng Mộ Trạch thuộc tổng Thì Cũ. Ngày nay, thôn Mộ Trạch thuộc xã Tân Hồng huyện Cẩm Bình (Cẩm Giàng và Bình Giang) tỉnh Hải Hưng (Hải Dương và Hưng Yên).

Theo *Đại Nam nhất thống chí*, vào đời Hùng Vương, đất Mộ Trạch thuộc bộ Thang Tuyên; đời Tấn thuộc Tượng quận; đời Hán thuộc quận Giao Chỉ. Đến đời Đường Hội Xương có Vũ Hồn sang làm thứ sử Giao Châu, tình thông khoa địa lý, thấy cuộc đất vùng này rất tốt, bèn lập nghiệp luôn và dặn con cháu phải giữ làng này làm nguyên quá thì đời đời sẽ tiến phát về đường

nay. Vũ Hồn cho rằng cả vùng Hải Dương là một đại cuộc, huyện Đường An là huyết trường và làng Mộ Trạch là huyết kết.

Lịch sử đã chứng minh cả vùng này rất phát về văn, có nhiều dòng họ được truyền tụng là thế khoa như họ Vũ, họ Lê, họ Nhữ... mà ca dao còn lưu lại:

*Bút nghiên, đèn sách, văn phòng
Hồng Châu, Nam Sách nhiều dòng
thi thơ.*

Hồng Châu, Nam Sách đều là phủ thuộc tỉnh Hải Dương. Tên đất Hồng Châu có từ xa xưa, đến đời Trần chia làm 2 châu Thượng Hồng và Hạ Hồng. Từ đời Lê Thánh Tông, niên hiệu Quang Thuận (1460-1469) đổi 2 châu này thành 2 phủ. Năm Minh Mạng thứ 3 (1822), đổi tên Thượng Hồng thành phủ Bình Giang lãnh 3 huyện Cẩm Giàng, Đường An và Đường Hào. Năm Tự Đức thứ 5 (1852) lãnh thêm huyện Thanh Miện nữa, nâng phủ này gồm 4 huyện.

Nếu tính riêng huyện Đường An: từ năm 1075 đến năm 1919 đã thấy 23 trên 66 làng có người đậu đại khoa với

85 vị, vượt hẳn các huyện lân cận. Căn cứ vào *Các nhà khoa bảng VN* của Ngô Đức Thọ và các tài liệu khác, có thể tổng kết như sau:

- Làng Ngọc Cục: 5 tiến sĩ, 2 hoàng giáp.

- Làng Hoạch Trạch: 3 tiến sĩ, 1 bảng nhãn và 1 hoàng giáp. Tuy số người đậu ít hơn làng Ngọc Cục nhưng vị thứ cao hơn nên vẫn được coi "*Hoạch Trạch khí tàng, anh hùng xuất thế*".

- Làng Hoa Đường: 3 tiến sĩ, 1 hoàng giáp.

- Làng Thì Cũ có 2 tiến sĩ, 1 bảng nhãn.

- Làng Đan Luân: 2 tiến sĩ, 1 thám hoa.

- Các làng Đào Xá, Tuy Lai mỗi làng có 1 hoàng giáp và 2 tiến sĩ.

- Làng Lôi Dương có 2 hoàng giáp.

- Các làng Hương Giản, Nhữ Xá mỗi làng có 1 hoàng giáp và 1 tiến sĩ.

- Các làng Đình Tổ, Tông Tranh mỗi làng có 2 tiến sĩ.

- Làng An Đề: 1 thám hoa.

- Làng Châu Khê: 1 hoàng giáp.

- Các làng Bì Đỗ, Lôi Khê, Mỹ Thự, Phù Vân, Phúc Khê, Trâm Khê, Triều Đông, Tuấn Kiệt: mỗi làng có 1 tiến sĩ.

Ngoài ra còn 2 vị tiến sĩ thời Lê Thánh Tông người huyện Đường An nhưng không rõ tên làng. Đó là Đỗ Chính Lạc đậu khoa Ất Mùi (1475) và Vũ Nguyên Trinh đậu khoa Tân Sửu

(1481).

Nhưng so với làng Mộ Trạch thì các thành tích trên chưa thấm vào đâu; vì Mộ Trạch có đến 35 vị đại khoa gồm 1 trạng nguyên, 11 hoàng giáp và 23 tiến sĩ, đạt kỷ lục 41.18% toàn huyện. Tiếng tăm khoa bảng Mộ Trạch tức làng Chằm, đời đời đã khẳng định qua câu phương ngôn:

Thóc làng Nhữ, chữ làng Chằm.

Có thể nói đây là lò đúc tiến sĩ, tiếng đồn lan rộng sang Trung Hoa, người Tàu gọi làng này là Tiến Sĩ Sào tức ổ tiến sĩ của nước Nam.

Căn cứ vào các tài liệu thì tính từ khoa Nho học đầu tiên của nước ta có tên là khoa Tuyển Minh Kinh Bác Học cấp Nho Học Tam Trường, gọi tắt là khoa Minh Kinh Bác Học mở vào tháng 2 năm Ất Mão (1075) niên hiệu Thái Ninh thứ 4 đời Lý Nhân Tông, đến khoa thi Hội cuối cùng vào năm Mậu Ngọ (1919) Khải Định thứ 3 đời Nguyễn Hoàng Tông thì làng Mộ Trạch đã cống hiến cho đất nước một danh sách tiến sĩ sau đây:

1. Vũ Đức Lâm: Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân (gọi tắt là tiến sĩ) khoa Mậu Thìn (1448), niên hiệu Thái Hoà thứ 6 đời Lê Nhân Tông. Ông là vị tiến sĩ đầu tiên của làng Mộ Trạch và cả huyện Đường An, làm quan đến Thượng thư.

2. Vũ Hữu (1444-1530) tự Ước Trai: Đệ nhị giáp tiến sĩ đồng xuất thân (tức hoàng giáp) lúc 20 tuổi, khoa Quý Mùi (1463) niên hiệu Quang Thuận thứ 4 đời Lê Thánh Tông. Ông nổi tiếng thanh liêm, làm quan đến chức Thượng thư trái 5 bộ, tước Tùng Dương hầu (có sách chép Dương Tùng hầu). Ông viết *Lập thành toán pháp* chỉ dẫn cách đo ruộng đất, xây nhà cửa và thành lũy. Có thể nói Vũ Hữu và Lương Thế Vinh (sinh năm 1441, tác giả quyển *Đại thành toán pháp*) là hai nhà toán học đầu tiên của nước ta. Thời ấy, thành Thăng Long xây dựng từ niên hiệu Thuận Thiên thứ 1 (1010) đời Lý Thái Tổ, lâu ngày các cửa thành bị đổ nát, Lê Thánh Tông giao cho Vũ Hữu tính toán số vật liệu cần dùng vào việc trùng tu thành quách. Ông đã áp dụng hình học

vào việc chiết tính, đưa ra con số chính xác số vật liệu xây cất, nhất là gạch không dư không thiếu một viên, được vua khen là Thần Toán và ban thưởng 100 mẫu ruộng.

3. Vũ Ứng Khang: Hoàng giáp khoa Nhâm Thìn (1472) niên hiệu Hồng Đức thứ 3 đời Lê Thánh Tông. Làm quan đến chức Hộ khoa Đốc cấp sự trung.

4. Vũ Quỳnh (1453-1497) tự Thư Phác, Viên Ôn; hiệu Đốc Trai, Yên Xương: Đệ hoàng giáp lúc 26 tuổi khoa Mậu Tuất (1478) niên hiệu Hồng Đức thứ 9 đời Lê Thánh Tông, làm quan đến Thượng thư bộ Lễ, bộ Công, bộ Binh. Là một sử gia, năm 1510 ông vâng mệnh Lê Trương Dực soạn bộ *Đại Việt thông giám thông khảo*, gọi tắt là *Việt giám thông khảo*, gồm 26 quyển, chia thành Ngoại ký chép từ Hồng Bàng đến hết nhà Ngô, Bản kỷ từ Đinh Tiên Hoàng đến đầu thời Lê Thái Tổ. Theo Phan Huy Chú, bộ sách này được Lê Nại đánh giá là qui mô và đúng với kinh, trúng với sử. Ông còn hiệu đính và đề tựa (1492) sách *Lĩnh Nam chích quái* và soạn *Tổ cầm tập*, Phan Huy Chú khen là lời thơ thanh thoát. Hiện còn 3 bài thơ của ông được chép trong *Hoàng Việt thi tuyển* do Bùi Huy Bích (1744-1818) sưu tầm và biên soạn.

5. Vũ Đôn: cháu của Vũ Hữu, đệ hoàng giáp khoa Đinh Mùi (1487) niên hiệu Hồng Đức thứ 18 đời Lê Thánh Tông.

6. Vũ Tự (1466-?): 28 tuổi đệ hoàng giáp khoa Quý Sửu (1493) niên hiệu Hồng Đức thứ 24 đời Lê Thánh Tông.

Theo *Lịch triều hiến chương loại chí*, Vũ Tự người làng Mộ Trạch, làm quan tới chức Tả thị lang bộ Hình. Lúc bấy giờ vua Lê Thánh Tông muốn thử lòng các quan, mật sai người cải trang thường dân đem lụa đến biếu. Các quan đều nhận cả, chỉ có ông là cự tuyệt. Người biếu lụa cố nài nỉ nhưng ông vẫn cương quyết từ chối, sai người nhà đuổi ra. Sự việc trình lên, vua khen ông là người tiết tháo, ban cho hai chữ "Liêm Tiết" gắn trên cổ áo mỗi khi vào chầu.

7. Vũ Thuận Trinh (1464-?): Đệ hoàng giáp lúc 36 tuổi khoa Kỷ Mùi (1499) niên hiệu Cảnh Thống thứ 2 đời Lê Hiến Tông.

8. Vũ Cán (1475-?) tự Tùng Hiên: Đệ hoàng giáp năm 28 tuổi khoa Nhâm Tuất (1502) niên hiệu Cảnh Thống thứ 5 đời Lê Hiến Tông. Ông là cháu ngoại của Tiến sĩ Nhữ Mậu tổ và là con của Hoàng giáp Vũ Quỳnh, làm quan đến Thượng thư bộ Lễ, năm Canh Ngọ (1510) đi sứ Trung quốc. Tác phẩm có *Tùng Hiên thi tập* (5 quyển) và *Tùng Hiên văn tập* (12 quyển) gồm đủ thể loại ký, thuyết linh, luận, truyện, biện... bàn về sử, địa, sinh hoạt xã hội. Ông còn sưu tập các bài tứ lục thành quyển *Tứ lục bị lãm* và làm thơ xướng họa với Trạng Trình.

9. Lê Nại (1479-?): Đệ nhất giáp Tiến sĩ cấp đệ Đệ nhất danh (Trạng nguyên) năm 27 tuổi, khoa Ất Sửu (1505) niên hiệu Đoan Khánh thứ 1 đời Lê Uy Mục. Ông là con rể của Hoàng giáp Vũ Quỳnh và cháu nội của danh thần Lê Cảnh Tuân đã tuấn quốc dưới thời Minh thuộc. Ông có tiếng hay chữ, thi hương thi đình đều đậu đầu, làm quan tới chức Hữu thị lang bộ Hộ.

10. Lê Tư: Hoàng giáp khoa Tân Mùi (1511) niên hiệu Hồng Thuận thứ 3 đời Lê Tương Dực, làm quan tới chức Đoán sự. Là bào đệ của Trạng nguyên Lê Nại.

11. Vũ Lân Chỉ: Tiến sĩ khoa Canh Thìn (1520) niên hiệu Quang Thuận thứ 5 đời Lê Chiêu Thống, làm quan đến chức Công khoa Đốc cấp sự trung.

12. Lê Quang Bí (1504-?) tự Thuần Phu, hiệu Hối Trai: Đệ hoàng giáp lúc 23 tuổi, khoa Bính Tuất (1526) niên hiệu Thống Nguyên thứ 5 đời Lê Cung Hoàng. Ông là con trai trưởng của Trạng nguyên Lê Nại, cháu 4 đời của Danh thần Lê Cảnh Tuân và cháu ngoại của Hoàng giáp Vũ Quỳnh. Năm Mậu Thân (1548), ông vâng mệnh Mạc Phúc Nguyên cầm đầu sứ bộ sang Tàu, bị vua Minh Thế Tông bắt giam vào ngục ở Nam Ninh suốt 19 năm, đến năm Đinh Mão (1567) mới được tha về. Mạc Mậu Hợp đón

ông rất trọng vọng, khen là công thần tiết nghĩa, ví ông như Tô Vũ đời Hán đi sứ Hung nô, cũng bị đầy suốt 19 năm mới được trở nước. Làm quan tới chức Lại bộ Thượng thư, truy tặng tước Tô quận công. Tác phẩm để lại có *Tư hương vận lục*, gồm nhiều bài thơ vịnh sử và danh nhân.

13. Nhữ Mậu Tổ: Tiến sĩ khoa Bính Thân (1526) niên hiệu Thống Nguyên thứ 5 đời Lê Cung Hoàng, làm quan với họ Mạc đến chức Lễ bộ Tả thị lang. Hoàng giáp Vũ Quỳnh là con rể, Hoàng giáp Vũ Cán là cháu ngoại của ông.

14. Vũ Tĩnh (1525-?): 38 tuổi đậu tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1562), niên hiệu Quang Bảo thứ 9 đời Mạc Phúc Nguyên. Được cử đi sứ nhà Minh, làm quan đến chức Tả thị lang, khi mất được truy tặng Thượng thư.

15. Vũ Đường (1528-1592): Đậu tiến sĩ năm 38 tuổi, khoa Ất Sửu (1565) niên hiệu Thuần Phúc thứ 4 đời Mạc Mậu Hợp, làm quan tới chức Lễ bộ Hữu thị lang.

16. Vũ Bạt Tụy (1602-?): Đậu đình nguyên và lãnh học vị hoàng giáp lúc 33 tuổi khoa Giáp Tuất (1634), niên hiệu Đức Long thứ 6 đời Lê Thần Tông, làm quan tới chức Lại khoa Đốc cấp sự trung.

17. Vũ Lương (1606-1676): 38 tuổi đậu tiến sĩ khoa Quý Mùi (1643), niên hiệu Phúc Thái thứ 1 đời Lê Chân Tông, làm quan đến chức Hình bộ Hữu thị lang. Là cháu nhiều đời của Hoàng giáp Vũ Hữu.

18. Vũ Trác Oánh (1635-?): Năm 22 tuổi đậu tiến sĩ khoa Bính Thân (1656), niên hiệu Thịnh Đức thứ 4 đời Lê Thần Tông, làm quan đến chức Tham chính, tước Nam.

19. Vũ Đăng Long (1635-?): Cũng đậu tiến sĩ lúc 22 tuổi, cùng năm với Vũ Trác Oánh, làm quan đến chức Giám sát.

20. Vũ Công Lượng (1624-?): Đậu tiến sĩ năm 33 tuổi cùng khoa với hai người trên, làm quan đến chức Hình khoa Đốc cấp sự trung.

21. Vũ Cầu Hối (1618-?): Đậu tiến sĩ lúc 42 tuổi khoa Kỷ Hợi (1659), niên hiệu Vĩnh Thọ thứ 2 đời Lê Thần

về rừng

Mai anh về chỉ có anh thôi
Con đường đi vương vấn bụi đời
Mây cuối trời chắt vàng xám lấm
Chiều đang rơi nổi nhớ nhung người.

Đặt lên mắt dịu dàng tiếng thở
Mai anh về, nhỏ nhắn mấy câu
Trời đã sắp mưa về lối đó
Nhỏ thương anh từng bước qua cầu.

Sầu uớt đầm đìa đầy lên mắt
Tình lên xanh biêng biếc lưng trời
Mai anh về gọi dấu yêu ơi
Ngàn tha thiết trong đời khế đến.

Mai anh về đốt ngàn ngọn nến
Sôi rừng khuya tưởng tiếng nhỏ sầu
Nụ cười hiền nồng ấm thiên thâu
Ru anh nhớ thêm đời chút nữa.

Mai anh về giữa rừng nhóm lửa
Đốt trầm hương ngút khói lên trời
Thoáng trông về phố thị xa xôi
Ưu ái gửi nhỏ lời thương nhớ.

Tông, làm quan đến chức Tham chính. Ông là em út của Hoàng giáp Vũ Bạt Tụy.

22. Vũ Bạt Hải (1629-?): 31 tuổi đậu tiến sĩ khoa Kỷ Hợi (1659), niên hiệu Vĩnh Thọ thứ 2 đời Lê Thần Tông. Năm 1673, đi sứ sang triều Thanh Thánh Tổ, làm quan đến Lại bộ Thị lang, có tác phẩm *Vũ tộc khoa hoạn phả*. Ông là cháu của Hoàng giáp Vũ Bạt Tụy và Hoàng giáp Vũ Cầu Hối.

23. Vũ Công Đạo (1629-1714): Tiến sĩ năm 31 tuổi khoa Kỷ Hợi (1659), niên hiệu Vĩnh Thọ thứ 2 đời Lê Thần Tông. Là một ngự sử cương trực, hặc tội lộng thần nhưng không được vua chúa nghe theo, ông đập đầu vào cột giữa triều để tỏ khí tiết. Làm quan tới Thượng thư bộ Công, xin về trí sĩ mở trường dạy học. Có tiếng dạy giỏi, đào tạo nhiều nhân tài như Bảng nhãn Phạm Quang Trạch, Thám hoa

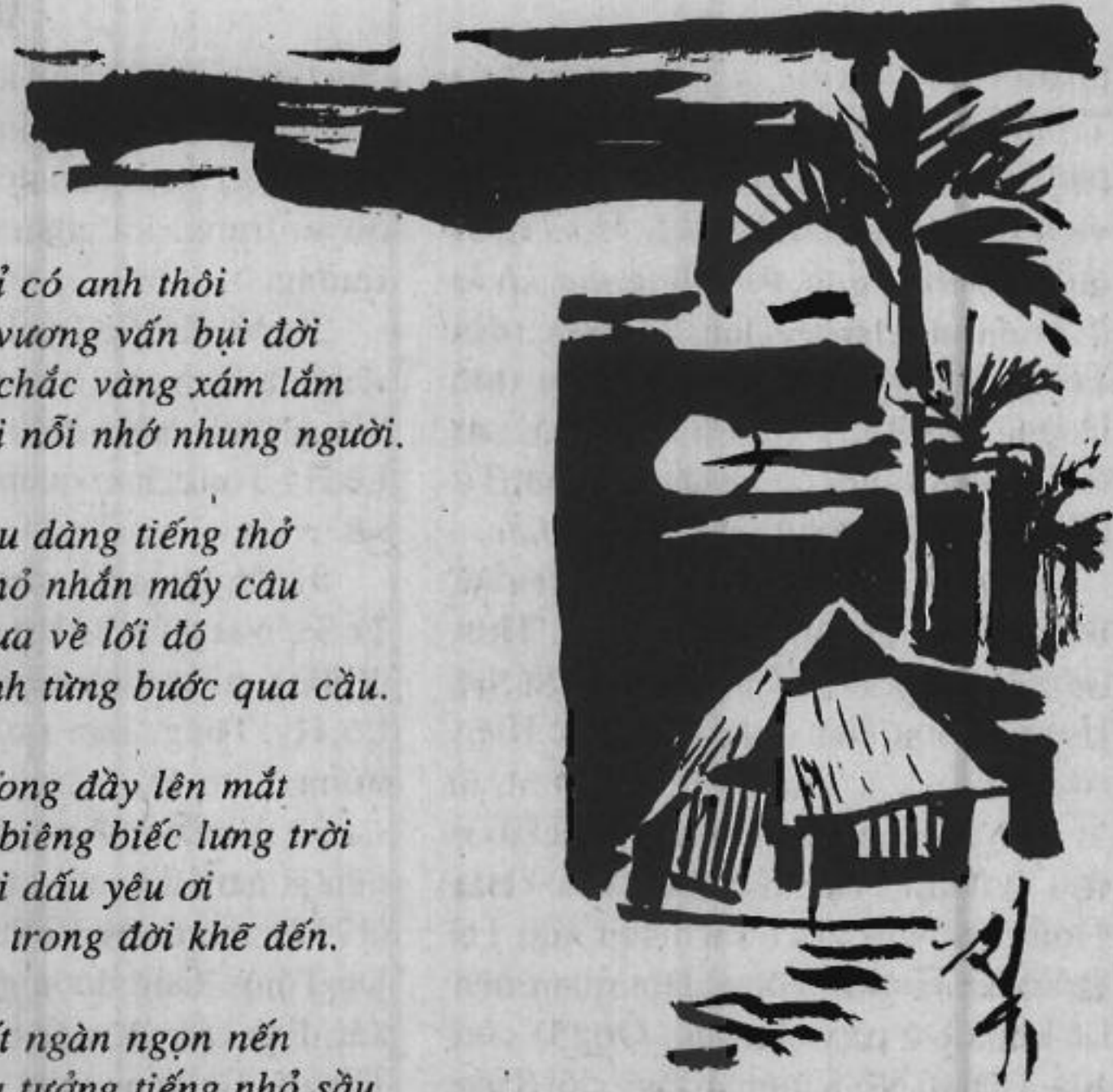
Mai anh về nẻo đời chơi với
Đường luôn xa biệt chân trời
Mưa đến rồi không buồn tay với
Nên anh về chỉ có anh thôi.

hoàng nga

Vũ Thanh và Hội nguyên Tiến sĩ Nguyễn Danh Dự. Ông là em của Tiến sĩ Vũ Công Lượng. Thơ ông hiện còn 3 bài chép trong *Toàn Việt thi lục*.

24. Lê Công Triều (1630-?): Tiến sĩ năm 30 tuổi khoa Kỷ Hợi (1659), niên hiệu Vĩnh Thọ 2 đời Lê Thần Tông, làm quan đến chức Tham chính. Ông thuộc dòng dõi của Hoàng giáp Lê Quang Bí, trạng nguyên Lê Nại, Hoàng giáp Lê Tư.

25. Vũ Duy Đoán (1621-1684): Đậu hương nguyên, hội nguyên, lãnh học vị tiến sĩ lúc 21 tuổi khoa Giáp Thìn (1664) niên hiệu Cảnh Trị 2 đời Lê Huyền Tông. Làm quan tới Công bộ Thượng thư. Vì nói thẳng, trái ý Chúa Trịnh Tạc nên bị bãi chức. Về quê mở trường dạy học và sáng tác. Là con của Hoàng giáp Vũ Bạt Tụy, cháu của Tiến sĩ Vũ Cầu Hối và em họ của Tiến sĩ Vũ Bạt Hải. Ông lấy hiệu là Quế An, nổi tiếng văn chương, tác



phẩm có: *Kim gián lục* (khuyến Chúa Trịnh lúc ông còn tại chức), các bài phú như *Phạm Lãi du ngũ hồ*, *Hàn Tín điếu thành hạ*, *Dị văn ký*, *Mộ Trạch thôn phong cảnh* và *Nông gia khảo lịch*. Người đời khen: “Trước đời Trung Hưng có Vịnh Kiều Hầu (tức Hoàng Sĩ Khải, người Bắc Ninh), sau đời Trung Hưng có Đường Xuyên Tử (tức Vũ Duy Đoán)”.

26. Vũ Công Bình (1640-?): đậu tiến sĩ lúc 25 tuổi khoa Giáp Thìn (1664), niên hiệu Cảnh Trị 2 đời Lê Huyền Tông, làm quan đến chức Hiến sứ.

27. Vũ Đình Lâm (1640-1707): đậu hoàng giáp năm 31 tuổi khoa Canh Tuất (1670), niên hiệu Cảnh Trị 8 đời Lê Huyền Tông, làm quan đến Lễ khoa Đô cấp sự trung. Ông là con của Tiến sĩ Vũ Lương, dòng dõi Tiến sĩ Vũ Hữu.

28. Vũ Duy Khuông (1644-?) tự là Bách Am, đậu tiến sĩ năm 27 tuổi khoa Canh Tuất (1670), niên hiệu Cảnh Trị 8 đời Lê Huyền Tông, làm quan đến Lễ khoa Đô cấp sự trung. Là cháu nội Hoàng giáp Vũ Bạt Tụy và con của Tiến sĩ Vũ Duy Đoán. Tác phẩm lưu lại là 8 bài thơ chép trong *Toàn Việt thi lục*.

29. Vũ Đình Thiệu (1658-1727)

đậu tiến sĩ lúc 23 tuổi khoa Canh Thân (1680), niên hiệu Vĩnh Trị 5 đời Lê Hy Tông, làm quan đến Công bộ Cấp độ sự trung. Là cháu nội Tiến sĩ Vũ Lương.

30. Vũ Trọng Trình (1639-?): Tiến sĩ khoa Sĩ Vọng lúc 47 tuổi năm Ất Sửu (1685), niên hiệu Chính Hoà đời Lê Hy Tông, làm quan đến chức Hiến sát.

31. Nguyễn Thường Thịnh (1676-?): Tiến sĩ năm 28 tuổi khoa Quý Mùi (1703), niên hiệu Chính Hoà 24 đời Lê Hy Tông, làm quan đến Cấp sự trung.

32. Vũ Đình Ân (1680-1747): Đậu tiến sĩ năm 33 tuổi khoa Nhâm Thìn (1712), niên hiệu Vĩnh Thịnh 8 đời Lê Dụ Tông. Ông được giao trọng trách xác định các cột mốc biên giới với nhà Thanh. Chức vụ sau cùng là Lễ bộ Thượng thư, khi mất được tặng hàm Thái Bảo. Ông thuộc dòng dõi Vũ Hữu, Vũ Thuần, Vũ Lương.

33. Vũ Huyền (1670-?): Thi hương đậu giải nguyên, 43 tuổi đậu tiến sĩ khoa Nhâm Thìn (1712), niên hiệu Vĩnh Trị 8 đời Lê Dụ Tông. Làm quan đến chức Đông các hiệu thư. Thuộc dòng dõi Hoàng giáp Vũ Đôn. Nguyên quán làng Mộ Trạch, trú quán làng Đan Luân cùng huyện. Ông có tiếng

về thi văn và xuất chúng về môn cờ tướng.

Tương truyền sứ nhà Thanh sang nước ta quen thói hống hách, lại tự phụ giỏi cờ, thách đấu với vua nước ta. Vua theo kế của Vũ Huyền, hẹn với sứ giả đấu cờ tại sân rồng vào đầu giờ ngọ, mỗi bên chỉ để một tên lính cầm lòng đứng hầu. Vũ Huyền giả làm tên lính hầu nhà vua, trên tàn lòng xoi một lỗ rất nhỏ đủ cho tia nắng xuyên qua làm hiệu, lựa lúc chiếu vào quân cờ để mách nước cho vua. Nhờ kế ấy, vua nước ta thắng ba ván liên tiếp, sứ Tàu rất khâm phục, và không dám hống hách nữa. Nhờ công lao ấy, ông được nhà vua ban cho danh hiệu “Đấu kỳ Trạng nguyên” và trong dân gian còn câu ca dao truyền tụng:

Trạng cờ Mộ Trạch càng ghê,

Sứ Yên thua cuộc rút xe về thành.

34. Vũ Phương Đề (1698-?): Tiến sĩ năm 39 tuổi khoa Bính Thìn (1736), niên hiệu Vĩnh Hựu 2 đời Lê Ý Tông, làm quan đến Đông các Học sĩ, dòng dõi Vũ Hữu. Ông là tác giả *Công dư tiếp ký* (1775) gồm 43 truyện ghi chép các truyện mất thấy tai nghe chia làm 12 mục: thế gia, danh thần, danh nho, tiết nghĩa, chí khí, báo ác, tiết phụ, ca nữ, thần quái, âm phần, danh thắng, thú loại.

35. Vũ Huy Đĩnh (1720-1789) tự Ôn Kỳ, hiệu Di Hiên: Tiến sĩ lúc 25 tuổi khoa Giáp Tuất (1754) niên hiệu Cảnh Hưng 15 đời Lê Hiển Tông. Ông có tài về văn thơ, chính trị và ngoại giao. Năm 1772 đi sứ nhà Thanh, làm quan đến Lễ bộ Hữu thị lang, tước Hồng Trạch hầu. Tác phẩm của ông gồm: *Bách dài tập*, *Hoa trình tập thi*, *Kỷ thắng tập*, *Nam trung tập*, *Quang thương tiền tập*, *Sơn Tây tập*, *Trình tuyết tập*, *Thanh Hoá tiền hậu tập*, *Tùng vịnh tập*, *Tuyên Quang tập*.

Trong 35 vị đại khoa của làng Mộ Trạch, họ Vũ chiếm đa số tuyệt đối với 9 hoàng giáp và 20 tiến sĩ. Trong lúc họ Lê chỉ có 1 trạng nguyên, 2 hoàng giáp và 1 tiến sĩ.

Cùng lập nghiệp một làng có huyết chính của cuộc đất phát văn, nhưng họ Vũ hầu như trọn hưởng cái tinh hoa

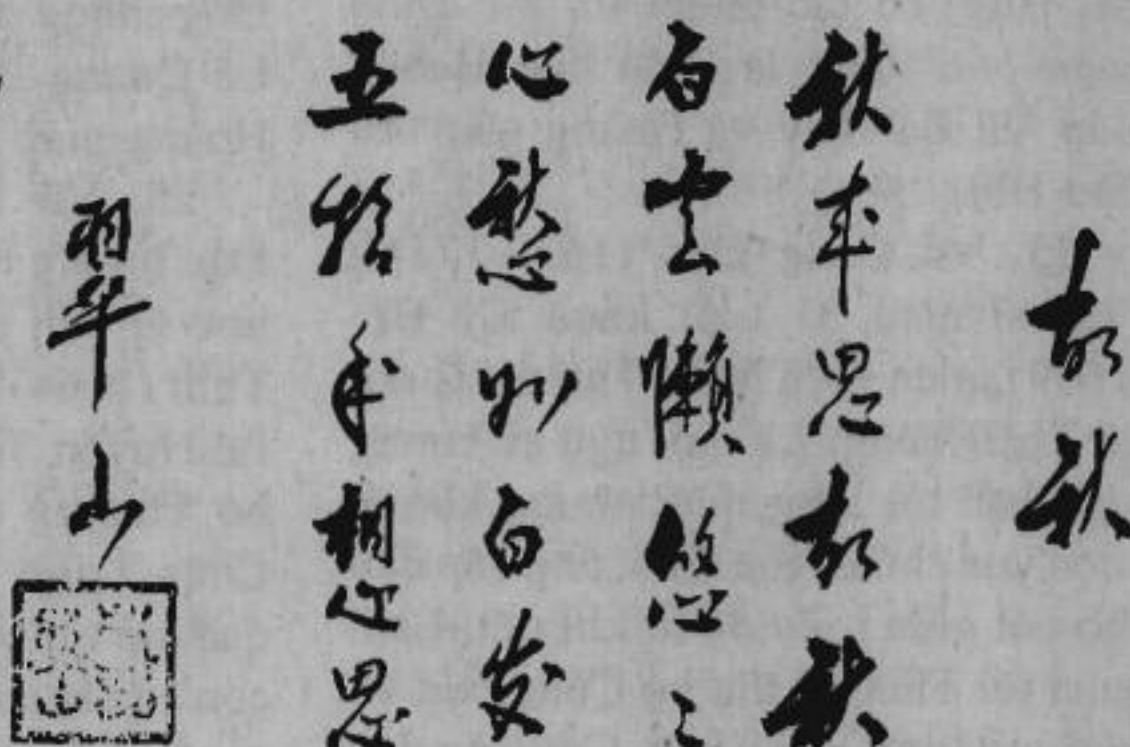
cổ thu

*Thu lại tư cổ thu
Bạch vân lãn du du
Tâm sầu như bạch phát
Ngũ thập niên tương tư!*

thu xưa

*Thu về ta nhớ thu xưa
Nhìn chòm mây bạc
lòng ngơ ngẩn sầu.
Nghiêng nghiêng
tóc trắng mái đầu
Năm mươi năm lẻ
bóng câu qua thềm!*

thúy sơn



của vùng đất, tương truyền vì có ngôi mộ tổ được táng treo ngay trong làng. Con cháu họ Vũ đã bốc hài cốt vị tổ vào một cái quách nhỏ bằng sành, khảm kín kỹ lưỡng rồi đem treo lơ lửng dưới một cành đa cổ thụ, dùng rễ đa bó chung quanh. Chùm rễ này ăn sâu xuống đất, lớn dần thành một thân cây khổng lồ ôm chặt hài cốt ở giữa.

Thành tích khoa bảng huy hoàng nhất của làng Mộ Trạch nói chung và họ Vũ nói riêng là khoa Bính Thân (1656) niên hiệu Thịnh Đức 4 đời Lê Thần Tông có 3 vị tân khoa tiến sĩ là Vũ Trác Oánh, Vũ Đăng Long và Vũ Công Lượng. Tiếp đến khoa Kỷ Hợi (1659) niên hiệu Vĩnh Thọ 2 đời Lê Thần Tông, Mộ Trạch lại một lần nữa chiếm kỷ lục. Khoa ấy cả nước lấy đậu đại khoa 20 vị thì riêng làng Mộ Trạch đã có 4 tiến sĩ: Vũ Cầu Hối, Vũ Bát Hải, Vũ Công Đạo và Lê Công Triều.

Mộ Trạch còn có Trạng vật Vũ Phong, em ruột Hoàng giáp Vũ Hữu. Ông tướng ngũ đoản, có biệt tài về đồ vật, đã quật ngã các đồ lực sĩ hộ vệ vua Lê Thánh Tông trong một cuộc thử sức, lại có tiếng chính trực và tháo vát, được vua Lê tin dùng, cho làm Chỉ huy sứ Cẩm y Thị vệ. Có lần ông được sung vào sứ bộ sang nhà Minh biểu diễn tài đồ vật. Ông đã thắng các tay đồ vật nổi tiếng của Tàu, đem lại vẻ vang cho dân tộc, khiến vua Minh Hiến Tông phải khen ngợi, gọi ông là “Lý Tôn Hiến An Nam”, ý sánh ông với danh tướng họ Lý đời Đường Hy Tông, cũng vóc người nhỏ bé nhưng giỏi võ và sức mạnh phi thường, có công dẹp yên loạn Hoàng Sào. Người đương thời tôn xưng Võ Phong là Trạng Vật, còn Hoàng giáp Lê Quang Bí liệt ông vào các nhân vật lịch sử và có thơ vinh:

*Ngũ đoản tăng xưng tướng mạo kỳ,
Tang bằng hồ thử hảo nam nhi.*

*Nhất môn bá trọng quang tiên
nghiệp,*

Thiên tài minh lương kết chủ tri.

Ứng biến đạt tài thi hữu chính,

Xứng bình lĩnh dữ bá vu thì.

Tử tôn vinh thịnh đoan phi ngẫu,

Chủng đức cao dao thị ngã si (sư).

Bản dịch trong *Từ điển Nhân vật*

Lịch sử VN:

*Tướng xem ngũ đoản thật phi
thường*

*Hồ thử làm trai chí bốn phương
Nếp cũ thêm tươi hàng bá trọng,
Ngàn xưa được gặp chúa minh
lương.*

*Khen tay chính trị tài thông biến,
Giữ mực công minh tiếng chẳng
thường.*

*Con cháu vinh hoa âu cũng bởi,
Ai trồng cây đức để làm gương.*

Mộ Trạch còn đóng góp cho triều đại Lê sơ một vị tướng can trường, trung hậu. Đó là Vũ Dự. Theo *Đại Nam nhất thống chí*, Vũ Dự cùng với Cương quốc công Nguyễn Xí lật đổ Nghi Dân, dẹp xong bọn phản loạn Phạm Đôn, Phan Ban, Trần Lăng, Lê Đắc Minh; rồi tôn Bình Nguyên vương Tư Thành lên ngôi vua, lập ra một triều đại cực thịnh trong lịch sử nước ta. Ông được vua Lê Thánh Tông phong làm Minh Nghĩa công thần, Tả Phủ đô đốc, tước Tri Lê bá.

Mộ Trạch đã sản sinh ra một danh thần tuy không xuất thân từ hàng khoa bảng mà vẫn được nể trọng. Đó là Vũ Duy Chỉ (1604-1678). Theo *Lịch triều hiến chương loại chí*, nhờ âm đức của người mẹ trả lũa cho người bỏ quên mà 5 anh em ông đều rạng danh với đời: Vũ Tự Khoái là công thần đời Chúa Trịnh Tráng (1623-1657), Vũ Bát Tuy đậu hoàng giáp, Vũ Duy Chỉ là công thần đời Chúa Trịnh Tạc (1657-1682), Vũ Phương Trượng làm đến Thượng thư, tước Quận công, Vũ Cầu Hối đậu tiến sĩ.

Khoảng niên hiệu Cảnh Trị đời Lê Huyền Tông (1663-1671), Vũ Duy Chỉ được thăng Lễ bộ Thượng thư tước Phương quận công. Khi làm Tế tướng, trong triều có người chê ông xuất thân từ chân lại, Dương vương Trịnh Tạc đã đem các nhân vật nổi tiếng trong lịch sử Trung Hoa như Tiêu Hà, Tào Tham (đời Hán Cao Tổ), Phòng Huyền Linh, Đỗ Như Hối (đời Đường Thái Tông) cũng từng làm lại để biện hộ cho ông. Tuy được nhà Chúa tin dùng, ông vẫn giữ lòng ngay thẳng, tôn trọng lễ phải và trung hậu khiến Chúa rất nể trọng.

Nhân ngày Nguyên đán, Chúa truyền các quan văn võ sau khi châu Vua thì vẫn giữ nguyên phẩm phục sang phủ lạy mừng Chúa. Ông bèn nói ngay: “Nhà Chúa từ xưa tới nay vẫn một niềm tôn phù hoàng gia. Vậy lễ ngày hôm nay chỉ nên mặc áo thanh cát, không nên dùng triều phục, sợ trái với lệ cũ”. Chúa cho là phải và bỏ việc ấy. Tận tụy với việc nước nên đến 73 tuổi (1676) ông mới về hưu, được gia thăng Lại bộ Thượng thư, Quốc lão Thiếu phó. Chúa tặng ông lá cờ có thêu câu đối:

*Nhất đại tông thần Tiêu tướng
quốc*

*Luống triều nguyên lão Triệu Hàn
vương.*

Bản dịch *Lịch triều hiến chương loại chí*:

*Làm quan đầu triều một đời, như
tướng quốc Tiêu Hà.*

*Trải làm nguyên lão hai triều, như
Hàn vương Triệu Phổ.*

Ông mất năm Mậu Ngọ (1678), thọ 75 tuổi, được truy tặng Thái phó.

Mộ Trạch còn cống hiến cho đất nước nhà ngoại giao tài ba Vũ Huy Tấn (1749-1800). Ông là con của Tiến sĩ Vũ Huy Đĩnh, đậu giải nguyên khoa Mậu Tí (1768) niên hiệu Cảnh Hưng 29 đời Lê Hiến Tông, được bổ làm Thị nội ở viện Hàn Lâm. Khi vua Quang Trung ra Bắc, ông theo giúp, làm quan đến Công bộ Thượng thư. Hai lần được cử đi sứ sang Tàu, ông tỏ ra một nhà ngoại giao chuyên nghiệp và có khí phách, bảo toàn được danh dự quốc gia. Trong lần đi sứ cùng với giả vương Phạm Công Trị, quan nhà Thanh gọi đoàn sứ giả của ta là “di quan”, ông đã khẳng khái phản đối đúng nguyên tắc bình đẳng ngoại giao khiến họ phải nể trọng. Vì thế Vũ Huy Tấn và Phan Huy —ch được đặc cách đến gần vua Càn Long và chính tay nhà vua rót rượu mời; một sự kiện hiếm có đối với sứ giả các nước. Ngoài sở trường về ngoại giao, ông còn sáng tác nhiều thơ văn đề cao lòng tự hào dân tộc. Với bút hiệu Nhất Thủy, ông có tác phẩm *Hoa nguyên tùy bộ tập*.

Nhưng trên hết, Mộ Trạch là đất

địa linh nhân kiệt, cống hiến cho tổ quốc những người con kiên trung. Chí sĩ Lê Cảnh Tuân, thân phụ tướng Lê Thiếu Dĩnh trong hàng ngũ chống Minh của Bình Định Vương, là nội tổ của Trạng nguyên Lê Nại và Hoàng giáp Lê Tư, là tăng tổ của Hoàng giáp Lê Quang Bí. Theo *Lịch triều hiến chương loại chí*, Lê Cảnh Tuân đậu cử nhân khoảng niên hiệu Xương Phù (1377-1388) đời Trần Phế Đế; còn theo *Đại Nam nhất thống chí* thì ông đậu Thái học sinh đời Trần. Dù với học vị nào, ông vẫn là người khai khoa của làng Mộ Trạch. Khi quân Minh

cái gì em còn lại?

Cái gì em còn lại?
Dù sông chẳng đổi dòng
Và tên em vẫn vậy
Tên sông.

Cái gì em còn lại?
Phù sa bào xốt lòng
Đôi bờ em lở mãi
Dềnh sóng gọi trắng suông.

Người bảo ngày em đi
Vào mùa hoa rục rĩ
Hoa lòng em có nở?
Chiều hoang ủa xuân thì.

Người bảo em ngày về
Lá buồn bay trước ngõ
Tình em mùa gió trở
Thu hấp hối đầu hè.

Em từng mơ biển lớn
Đổ giòng ngọt phù sa
Ngơ ngác ghềnh sóng đại
Bọt đời đau nhặt nhòa.

Cạn lòng ôm còn lạnh
Trời nghiêng chiều qua đồng
Mây thương em chở nắng
Nắng ngã vào hư không.

Cái gì em còn lại?

hà chính bình

sang chiếm nước ta, ông viết *Vạn ngôn thư* khuyên người bạn cũ là Bùi Bá Kỳ đang làm Tham nghị cho giặc, nên đòi họ giữ lời hứa lập lại nhà Trần. Bức thư có đoạn: "*Nhà Minh đã sắc cho ngài (Bùi Bá Kỳ) theo quân họ sang đánh, chờ bắt được nhà Hồ, chọn lập con cháu họ Trần, gia thêm tước để giúp nước. Thế mà nay chỉ thấy họ lập ty Bô chánh, phong ngài tước cao, còn nhà Trần thì chỉ cho người quét dọn miếu thờ. Vậy nếu ngài có thể lại tau lên, xét lời nói của các quan lại, kỳ lại bày tỏ việc con cháu họ Trần chưa tuyệt, để họ tuyên chiếu khác sắc phong cho họ Trần. Đây là thượng sách. Không thế thì ngài xin thôi chức, chỉ làm viên quan coi miếu nhà Trần, đây là trung sách. Còn nếu ngài nhận chức quan cao, ăn nhiều lộc, thì là hạ sách vậy. Như ngài theo thượng sách, thì tôi xin làm các vị nhân sâm, cam thảo, chỉ xác, trần bì sung vào giỏ thuốc để cho ngài dùng. Theo trung sách thì tôi xin bưng khay chén đi lại trong miếu cũng để ngài sai bảo. Còn nếu theo hạ sách thì tôi sẽ đi cày ruộng nơi tịch mịch, nhàn hạ, để cho trọn những năm sống thừa mà thôi*".

Sau đó Bá Kỳ bị tội vì một cố khác, quân Minh xét nhà thấy có bức *Vạn ngôn thư*, ra lệnh tầm nã ông. Lê Cảnh Tuân phải cải dạng tên đi trốn. Nhưng khi nghe tin quân Minh mở nhà học tại Thăng Long, ông giả làm khách ra kinh đô nhận chức dạy học để có dịp kết nạp sĩ phu ngầm việc cứu nước. Bởi tiếng tăm ông nhiều người biết nên các con ông hết sức can ngăn, nhưng ông quả quyết: "Nhà ta đời đời ăn lộc. Một bức thư vạn ngôn đã bị tiết lộ, không thành. Nay ta hết lòng báo ơn nước, dù chết còn vinh, ta có sợ gì!"

Can ngăn không được, người con trưởng là Lê Thái Diên phải theo cha hầu hạ phòng việc bất trắc. Quả nhiên ông bị bắt giải về Yên Kinh cùng với người con. Vua Minh Thành Tổ hỏi:

- Mày khuyên Bá Kỳ âm mưu làm phản. Vì sao vậy?

Lê Cảnh Tuân khẳng khái đáp:

- Người Nam thì mong nước Nam còn. Chó của ông Trích thì cắn người

không phải chủ nó. Hỏi làm gì!

Vua Minh giận lắm, ra lệnh giam cha con ông vào ngục tối ở Kim Lăng. Ngày Tết nhớ về cố hương, Lê Cảnh Tuân gửi nỗi lòng mình trong bài *Nguyên nhật (Ngày đầu năm)*, Bùi Huy Bích (1744-1818) sưu tầm, chép vào bộ *Hoàng Việt thi tuyển*:

Lữ quán khách nhưng tại
Khứ niên xuân phục lai
Qui kỳ hà nhật thị,
Lão tận cố hương mai.
Đinh Văn chấp dịch (*Nam Phong tạp chí* 1927):

Đất khách ngày bao trải
Trời xuân năm thứ hai
Kỳ về còn chưa định,
Quê cũ đã chời mai.

Nhưng ngày về không còn! Năm năm sau, ông và người con trưởng chết trong ngục tối. *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú đã trân trọng xếp ông vào 7 người bề tôi tiết nghĩa đời Trần. Và *Đại Nam nhất thống chí* thì liệt ông vào 13 nhân vật lịch sử nổi tiếng của tỉnh Hải Dương dưới thời Trần.

*
* *

Tóm lại, Mộ Trạch tuy chỉ là một làng quê nhỏ bé nhưng có cả một đội ngũ nhân tài đồ sộ tầm cỡ quốc gia.

Ngày xưa, Lê Thiếu Dĩnh tự Tử Kỳ theo Lê Thái Tổ khởi nghĩa, làm đến Thiên tri Viện sự, để lại tập thơ *Tiết trai* được Phan Huy Chú khen là giản dị, cổ kính. Trong đó có bài *Trạch thôn cố viên* tả làng Mộ Trạch khi làng này chưa xuất hiện những vị khoa giáp và nhân tài:

Mổ khâu mổ thủy cựu hương lư,
Tiên trùng qui lai bái tảo sơ
Tang tử niên thâm do ốc nhược,
Tùng thu thụ lão dĩ sâm như.
Bản dịch *Hoàng Việt thi tuyển*:
Khe kia còn nọ, cảnh hương quê
Viếng mộ cha ông mới trở về
Tang tử năm xưa còn tốt đẹp
Tùng thu gốc lão vẫn sum sê.

Với cảnh sắc ấy, Mộ Trạch đã là chiếc nôi nuôi dưỡng nhân tài Việt Nam qua nhiều thế hệ. Còn bây giờ? Nhân tài Mộ Trạch nơi đâu? ●

Nhật Sạn

Trần Văn Tích

Năm nay, 1996, nhà xuất bản Giáo dục ở Hà-nội vừa cho xuất bản cuốn danh nhân truyện ký *Người đẹp Nghi Tàm, cuộc đời và thơ Bà Huyện Thanh Quan*, dày 325 trang. Tác giả là Bội Tinh, được giới thiệu là giáo viên văn học đã nghỉ hưu, từng dạy văn học tại trường Sư phạm - bồi dưỡng cán bộ, giáo viên; trường cấp ba Lý Thường Kiệt, cấp ba Trần Phú. Bội Tinh viết về “người đẹp Nghi Tàm” để lấp “khoảng trống vắng (về tiểu sử nữ sĩ, TVT) trong văn học ở thời kỳ không xa chúng ta” (tr. 5). Sách trình bày trang nhã, giấy in khá tốt, kiểu chữ in chân phương.

Viết về danh nhân, người viết phải có tính tưởng tượng nhưng đồng thời cũng phải có óc chính xác của nhà khoa học. Nếu trong việc khai quật các địa tầng lịch sử, nhà văn đưa ra những mẫu xương cổ sinh vật hoá thạch thiếu tính thuyết phục thì sách chỉ gây thắc mắc cho người đọc.

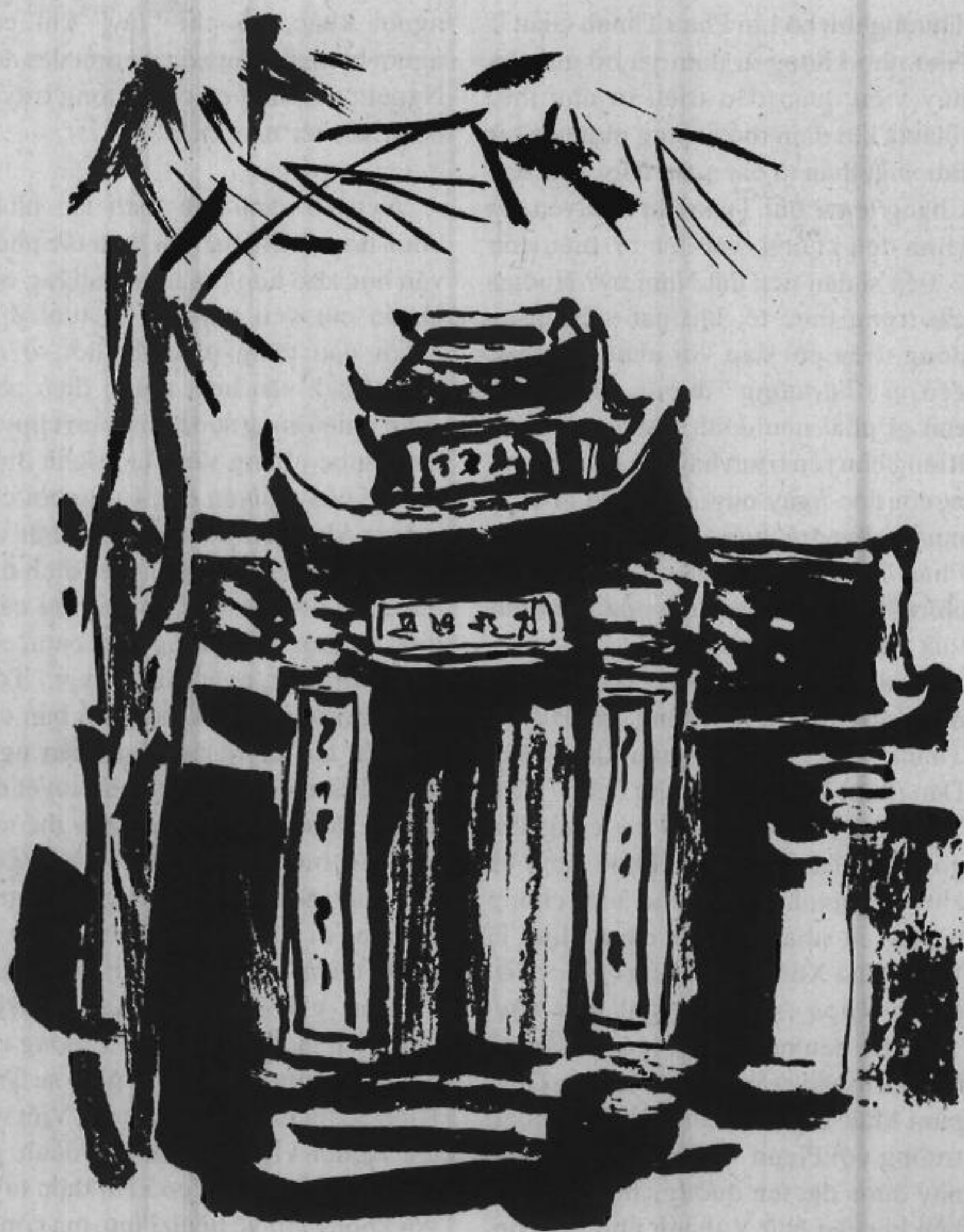
Theo tiểu sử được các tài liệu văn học ghi nhận thì Cao Bá Quát phò tá Lê Duy Cự khởi loạn chống lại triều đình và bị tử trận (hoặc bị xử tử) lúc trên dưới 45 tuổi. Ấy vậy mà trong truyện, nhà nho làng Phú Thị được khắc họa thành một vị lão quan về hưu sống yên vui cạnh phu nhân ở kinh đô Phú Xuân (tr. 224 và các trang khác). Dấu rất tôn trọng quyền hư cấu của tác giả, người đọc vẫn phải tự hỏi tại sao

khi dựng truyện danh nhân, Bội Tinh lại viết khác đi về một sự kiện lịch sử đã có sẵn sức nặng và không có gì đáng phải cải biên (chẳng hạn nhằm mục đích nâng cao tính hấp dẫn của các tình tiết, như trường hợp Kim Dung để cho Lý Tự Thành sống thêm hàng chục năm hay bắt Đoàn Chính Thuần tự sát vì một tạo thế người đẹp).⁽¹⁾

Ở đoạn đầu truyện, khi thiếu nữ tên Hinh (tức bà Huyện Thanh Quan sau này) mới lớn, tác giả đã để cho gia đình tạo cơ hội gặp gỡ giữa nàng với nữ sĩ Hồ Xuân Hương, chẳng hạn trong một buổi sinh hoạt mang dáng dấp câu lạc bộ văn học (tr.40). Hãy cứ cho rằng Hồ Xuân Hương là một nhân

vật bằng xương bằng thịt có thật trong lịch sử. Nhưng liệu quan đốc học Sơn Tây, ông nội cô Hinh, người đang mở trường dạy học ở Nghi Tàm, qua cung cách suy nghĩ của một nhà nho mô phạm, có chấp nhận sự kiện cho phép cô cháu gái con nhà danh giá giao thiệp cùng tác giả những bài thơ nôm mà chúng ta ngày nay hơn một lần phải mang Sigmund Freud ra phân tích từ vụng phong cách? Theo tôi, Bội Tinh đã thêm thắt một điều rất phi lý rất khó được độc giả tán thưởng.

Nơi trang 262, tường thuật cuộc đối thoại giữa bà Huyện Thanh Quan và Tiến sĩ Bùi Tuấn đang làm quan ở Viện Tập Hiền, tác giả đã để cho Bùi Tuấn gọi Phan Thanh Giản là “quan



Thượng thư bộ Lại Phan Thanh Giản". Nhà nho không ai dám và nữ gọi tên hủi viên quan đầu triều ra như thế, nhất là khi đàm thoại cùng một bậc nữ lưu xuất thân từ đất ngàn năm văn vật. Chẳng lẽ cả Bùi Tuấn lẫn Nguyễn thị Hinh đều không biết đến tự, hiệu của vị tiến sĩ đầu tiên đất Nam kỳ? Hướng chi trong thực tế, khi hai viên quan đồng triều đối đáp với nhau và nhắc đến vị "Tể tướng" đương nhiệm, họ cần gì phải nêu danh tính ông ta ra? Riêng chuyện trình bày thế nào để cho người đọc ngày nay, kể cả và nhất là người đọc trẻ tuổi, nhận diện được Phan Thanh Giản qua tự, hiệu thì đó chính là chỗ dụng công của ngòi bút viết truyện lịch sử.

Trang 264, Bùi Tuấn nói sai một nửa khi bảo rằng chồng bà Huyện Thanh Quan "đỗ cử nhân khoa Mậu Dần (năm Minh Mạng thứ chín)". Bùi Văn Nguyên (2), người có công lớn góp sức phát hiện được khuê danh bà Huyện Thanh Quan, cho biết chồng bà đỗ cử nhân thứ tư năm Mậu Tý 1828. Cao Xuân Dục trong *Quốc triều hương khoa lục* cũng ghi như vậy. Theo tài liệu này, Lưu Nguyễn Ôn thi đậu cử nhân ở trường thi Nam Định năm Mậu Tý 1828, cùng khoa và cùng trường với Phạm Thế Hiển, người sau này được đặt tên đường cho bến sông bên kia cầu chữ Y thành phố Sài Gòn. Nhưng năm 1828 thì đúng là năm Minh Mạng thứ chín vì vị vua thứ hai triều Nguyễn đăng quang năm 1820.

Truyện viết về những sự kiện xảy ra dưới chế độ phong kiến, song tác giả đã để vào miệng nhân vật đương thời nhưng từ ngữ "bộ trưởng" (tr. 224), "công tác" (tr. 262). Một viên quan văn còn cả gan dám nói: "Tôi đã đề xuất (!) với Hoàng thượng cho soạn một bộ sách về địa dư đất nước ta" (tr.288).

Ở trang 228, hai mẹ con bà Huyện Thanh Quan nói chuyện với nhau, cô con gái bảo mẹ: "Cha con bị lây bệnh sốt rét rừng của cụ nội và ông nội". Nữ sĩ của chúng ta làm thơ rất hay, nhưng tri thức khoa học thời đại không cho phép mẹ con bà biết rằng bệnh sốt rét không lây trực tiếp từ người này sang

người khác, nó chỉ "lây" khi con người bị muỗi đòn xóc Anopheles đốt. Ngoài ra, không có con đường truyền bệnh sốt rét nào khác.

Nếu so sánh với dịch tác phẩm khoa học chẳng hạn thì dịch tác phẩm văn học khó hơn bởi ngoài những tiêu chuẩn cốt yếu mà bất kỳ một dịch phẩm nào cũng phải đạt tới, ở tác phẩm dịch văn học, người dịch phải dành nhiều công sức hơn nhằm chuyển dịch được những sáng tạo nghệ thuật tinh tế của nguyên tác. Có người chủ trương khi dịch phải trung thành với bản gốc tới mức tối đa, phải dịch thật đúng, từ ý tứ lời văn cho tới mọi cách diễn tả, mọi hình tượng biểu cảm, cho chí chấm câu, ngắt quãng .v.v.. Tóm lại phải sáng tạo ra một phó bản của nguyên tác cả về nội dung lẫn nghệ thuật ở tầm cỡ cao đẹp nhất, tuyệt đối không được lược bỏ hay thay thế một chi tiết, một phần nhỏ của bản gốc. Tuy vậy nếu theo phương pháp trực dịch mà đi đến chỗ khiến bản dịch tối nghĩa thì tất nhiên phải bàn thảo thêm.

Học giả Nga Igo Xamôilovich Lixêvich là tác giả cuốn *Tư tưởng văn học cổ Trung quốc*, được giáo sư Trần Đình Sử dịch từ Nga văn sang Việt văn (3). Người viết nguyên tác đánh giá người dịch là "phải có kiến thức tuyệt vời không chỉ về tiếng Nga, mà còn cả tiếng Trung quốc nữa" (tr.7). Nhưng còn tiếng Việt? Sau đây là hai đoạn trích từ tác phẩm liên hệ và cùng liên quan đến Khuất Nguyên.

Đoạn thứ nhất, trang 223: "*Khuất Bình đi theo chính đạo, đường ngay, đem hết tâm hồn trong sạch và trí tuệ để phục vụ cho vua của mình. Nhưng kẻ vu cáo đã li gián họ, và có thể nói rằng đó là một sự đảo ngược. Ông là một người trong sạch và đáng tin cậy, nhưng đã bị nghi ngờ. Ông phục vụ với một tấm lòng trung thành, nhưng lại trở thành vật hy sinh cho kẻ vu khống. Nhưng ông có thể không nổi giận được sao? Trường ca Li Tao của Khuất Bình được làm ra, tất nhiên từ tình cảm phần uất*" - *Tu Mã Thiên đã viết về nhà thơ vĩ đại như vậy*".

Cũng cùng đoạn văn ấy, Nhữ

Thành dịch trực tiếp từ chữ Hán sang tiếng Việt vừa sáng sủa, mạch lạc vừa cô đọng và súc tích: "*Khuất Bình theo đạo ngay đi đường thẳng, dốc hết lòng trung, đưa hết trí khôn ra thờ vua, nhưng lại bị kẻ gièm pha ly gián, có thể gọi là ở vào cảnh khốn cùng vậy! Minh tín mà bị ngờ vực, mình trung mà bị chỉ trích, làm sao khỏi oán thán! Khuất Bình viết Ly Tao là do oán thán mà ra vậy!*" (4). Dịch như thế mới đúng với sử bút Tử Trường: lời lẽ bình dị mà cảm xúc triền miên. Trong khi đó thì dịch phẩm từ Nga ngữ của Trần Đình Sử, chúng ta cứ phải tự hỏi: *Đã chính đạo thì còn đường ngay làm gì nữa? và có thể nói rằng đó là một sự đảo ngược: câu văn vung về và có vẻ chẳng ăn nhập gì với ngữ đoạn chứa tải nó. Nhưng ông có thể không nổi giận được sao? Ý đi vòng quanh qua tiếng Nga sao khác ý chuyển trực tiếp từ chữ Hán quá vậy?*

Đoạn thứ hai, trang 224: "*Phong cách thơ của ông có một hình thức hàm súc, ngôn từ của ông tinh vi và không dễ hiểu, tâm hồn ông thuần khiết, hành vi ông trong sạch không một vết nhơ. Tất cả những gì ông nói bằng thơ về hình thức thì không lớn, nhưng về nội dung thì rất to tát, vượt ra ngoài mọi thước đo. Những cái ông đưa vào hình ảnh thì gần gũi, nhưng ý tứ thì sâu xa. Chữ của ông trong sạch, cho nên những gì mà ông ngợi ca trong thiên nhiên đều đẹp. Ông suốt đời một niềm thành kính thậm chí khi chết ông cũng không muốn xa rời. Ông lấm láp, ngụp lặn trong sinh lẫn nước bẩn, nhưng như con ve, sinh ra ngoài xứ sở bụi bặm, ra ngoài giới hạn của mọi sự xấu xa trên trái đất. Không chấp nhận cái thế giới ấy với nước bẩn bùn lầy; ông là người trong trắng không để vấy bẩn của thế giới ấy. Tâm hồn ông sáng vằng vặc như mặt trăng, mặt trời*".

Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê dịch ngữ đoạn liên hệ từ Sử ký như sau: "*Văn chương thật giản ước, lời lẽ thật tế nhị; ý chí ông cao khiết, phẩm hạnh ông thanh liêm. Văn thể tuy thuộc loại tiểu phẩm, nhưng dụng ý cực kỳ lớn lao; những tỷ dụ đưa ra thì thiển cận*

thời, nhưng ý nghĩ chưa định thì thật là sâu rộng. Chỉ khi ông cao khiết, cho nên ông nói nhiều đến hoa thơm cỏ lạ, phẩm hạnh ông thanh liêm, cho nên đến chết ông vẫn không hối tiếc; xô vào bùn nhơ, ông tự gột, trở nên trong sạch, khác nào thân ve vấy bẩn, thoát xác khỏi vòng ô trọc, lảng lảng ngoài ánh trần ai, chẳng còn dính dấp với cái dơ dáy của cuộc đời, trắng ngần, trong giá, đúng là "gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn". Xét từ chỉ hướng ông xét đi, vinh quang ông có thể giành phần sáng láng với ánh mặt trăng, mặt trời". (5)

Vấn chứng tật mà đoạn văn trước đã mắc: câu văn Việt dịch từ tiếng Nga rườm rà lung củng, lê thê trúc trắc. Có chỗ sai cả ý: "lời lẽ thật tế nhị" biến thành "ngôn từ tinh vi và không dễ hiểu". Có chỗ lệch khỏi ngôn ngữ gốc: Trong khi bản dịch của Nhữ Thành ghi "chỉ ông trong sạch nên nói đến các hoa thơm" còn Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê thì hiểu "chỉ khi ông cao khiết, cho nên ông nói nhiều đến các hoa thơm cỏ lạ" thì dịch giả họ Trần lại trình bày là "chỉ của ông trong sạch, cho nên những gì mà ông ngợi ca trong thiên nhiên đều đẹp". "Ông lấm láp, ngụp lặn trong sinh lẫn nước bẩn": động từ chủ động lấm láp, ngụp lặn vô hình trung mang ngữ thái xúc phạm Khuất Nguyên.

Sử ký là một kiệt tác về lịch sử, đồng thời nhiều chương cũng là kiệt tác về văn học cổ điển Trung quốc do tính gọn gàng dễ hiểu, gần tiếng nói thường ngày, không cổ kính uyên bác như thời Chiến Quốc trở về trước. Tài năng của hai người dịch, một Nga một Việt, có vẻ chưa đủ để khiến nó tái sinh ở ngôn ngữ nói giống chúng ta; quá trình sáng tạo của việc xây dựng ra tác phẩm sử học chữ Hán đã không được nhị vị lập lại.

Tôi vẫn xem nhà xuất bản Văn Học ở Hà-nội là một cơ sở san hành có uy tín và những sách do nhà xuất bản này phát hành là đáng đọc. Nhưng cuốn *Những bậc thầy văn chương thế giới, tư tưởng và quan niệm* do Lê Huy Hoà và Nguyễn Văn Bình biên soạn,

sáo thu

Ta ngồi xem sương rụng
Mờ xoá bóng tre già
Buồn lan trên đồng ruộng
Tiếng sáo của ai xa

Đôi mắt nhung huyền dàu
Đã mờ trong thương nhớ
Đây khúc nhạc xôn xao
Vươn một hình dáng nhỏ

Chiều nay thu bơ vơ
Rét đang lượn trong gió
Có một người nức nở
Vàng đỏ dưới sương mờ.

lê hữu mục

in lần thứ nhất năm 1995, lại làm cho tôi thất vọng. Các đồng soạn giả chấp bút câu thả; hai người dịch chỉ tóm lấy cái nguyên tác (bài viết, bài nói của các văn sĩ, thi sĩ, triết gia), đề nghị chúng xuống mà chuyển sang tiếng Việt, bất chấp câu văn tiếng mẹ đẻ đọc lên có ý nghĩa hay xuôi tai hay không. Tên các tác phẩm bằng ngoại ngữ trình bày với rất nhiều lỗi ấn loát không chấp nhận được; tên các tác giả lấm chỗ cũng viết sai; ở phần đầu sách thấy ghi "có sử dụng các bài dịch của Trần Phong Giao, Đoàn Thêm..." nhưng phần thân sách không cho biết bài nào do Trần Phong Giao dịch, bài nào mượn của Đoàn Thêm. Nhiều tác giả được trích dẫn trong sách lại không được giới thiệu nơi phần *Tiểu sử và Chân dung*.

Alain Robbe-Grillet (tội nghiệp cho nhà văn Pháp này, ở trang 149 mở đầu mười ba trang sách giới thiệu ông và trào lưu tiểu thuyết mới, tên của ông được trang trọng in rất lớn nhưng thiếu mất chữ e trong Robbe!) có tác phẩm nhan đề *L'année dernière à Marienbad*, được hai soạn giả chuyển sang Việt ngữ là *Năm cuối cùng ở Marienbad*. Tính từ *dernier* trong tiếng Pháp quả có nghĩa là cuối cùng theo tự điển; nhưng *l'année dernière*

thì lại là năm ngoái, không phải năm cuối cùng. Ngoài ra, *L'année dernière à Marienbad* là phim ảnh, không phải tiểu thuyết như phần giới thiệu tiểu sử Alain Robbe-Grillet trình bày.

Sách có rất nhiều đoạn dịch nghĩa thơ ngoại ngữ. Hai soạn giả không ghi xuất xứ (đầu đề bài thơ, tên thi phẩm), chỉ ghi đọc có tên thi nhân. Chúng ta biết rằng nhiều đầu đề bài thơ hay thi phẩm nói lên tư tưởng, trường phái: *Correspondances* đối với Beaudelaire, *Calligrammes* đối với Apollinaire, v.v. Một đoạn thơ trích từ một bài thơ dài nếu không có chú thích về nguồn gốc nhiều khi khiến người đọc nát óc mà vẫn không lĩnh hội nổi một số chi tiết từ vựng, một số hình tượng biểu cảm.

Từ đầu đến cuối sách, soạn giả không hề đăng nguyên tác ngoại ngữ một bài thơ, văn nào. Muốn có nguyên tác để đối chiếu, phải tìm ở sách khác. Trong đoạn dịch dài gần một trang rút từ *À Felix Guillemandet* - một bức thư bằng văn vần của Lamartine viết gửi cho bạn năm 1837, qua đó nhà thơ trình bày ý định dẫn thân hoạt động xã hội và chính trị - ngoài những lỗi chính tả, hai soạn giả còn dịch sai ý, sai nghĩa ở nhiều chỗ:

Frère, le temps n'est plus où j'écouterais



mon âme
Se plaindre et soupirer comme une
faible femme
Qui de sa propre voix soi-même
s'attendrit;
Où par des chants de deuil ma lyre
intérieure
Allait multipliant, comme un écho qui
pleure,
Les angoisses d'un seul esprit...
dịch:

Anh em ơi, giờ đây không còn là lúc
tôi nghe tiếng lòng
thở ngắn than dài như một người đàn
bà mềm yếu
mình nói mình nghe mà tủi phận
thương thân,
Cũng không còn là lúc cây đàn thất
huyền ở đáy lòng tôi
Vẳng lên những điệu hát bi ai
để cho tiếng dội rền rĩ âm vang gấp
mấy mươi lần nỗi ưu tư của một con
người.

Từ bối cảnh sáng tác bài thơ, phải
dịch *Frère* là *Bạn ơi*, chứ không thể
dịch là *Anh em ơi* (*Frère* số ít, chỉ một
cá nhân, đối tượng đối thoại của nhà
thơ, *anh em* là một danh từ tập hợp).

Đoạn thơ dịch trên nghe chẳng
xuôi tí nào. Chữ "mất" trong đoạn thơ
là tính từ *seul* - nó được dùng đến ba
lần, cứ mỗi đoạn là có một chữ *seul* -

bên hồ

Để đáp lại bài thơ *Giọt thắm*
của Thủy Trang

Mây làn mây rất nhẹ
Trôi một đời long đong
Người hôm nào ghé lại
Để đau màu núi sông.

Người bên hồ một bóng
Ta bên hồ một thân
Vấn hồ soi lấy bóng
Sao người xưa mù tăm

Ta về ôm vạt nắng
Mềm vai người băng khuâng
Thôi già từ mùa hạ
Ta đông mùa rừng rung.

trần hoài thư

vì Lamartine viết cho Guillemardet
trong tâm trạng cõi lòng rộng mở
(*élargissement du coeur*); thi nhân
không còn chỉ muốn nghĩ đến riêng
những niềm đau của mình mà muốn
làm người phát ngôn trình bày các nỗi
khổ của nhân loại. Cho nên *ma*
personnalité mở đầu câu thơ thứ bảy
- *Ma personnalité remplissait la*
nature: Cá nhân tôi xưa kia đã tràn
đầy tạo vật - không thể dịch là cá nhân
tôi. Dịch như thế chứng tỏ soạn giả
không hiểu về bối cảnh sáng tác bài
thơ (và đoạn thơ) nếu không phải là
tác trách. Nên dịch *ma personnalité* là
nhân phẩm tôi, nhân cách tôi, cá tính
tôi.

Những ý dịch sai, những câu dịch
sai cũng còn nữa, chẳng hạn: "*Tous*
leurs maux ont coulé dans le lac de
mes pleurs" tại sao lại có thể thành
"*Bi thống của tôi đã chảy hết vào hồ*
nước mắt"? Lamartine viết *leurs maux*
cơ mà, nhà thơ có viết *mes maux* đâu!

Triết gia Đức Friedrich Nietzsche
có hai chương sách trích từ *Also*
sprach Zarathustra (Zarathustra đã
nói như vậy) được hai soạn giả tuyển
chọn để dịch. Đồng hương của
Nietzsche đánh giá ông ta là bậc thầy
của ngôn ngữ (*Meister der Sprache*)
cho nên đọc văn của nhà triết học này
rất vất vả. Hơn nữa về gần cuối đời
Nietzsche bị điên mà *Also sprach*
Zarathustra lại chào đời vào những
năm đó nên càng khó lĩnh hội. Văn
chương của một kẻ sử dụng ngôn ngữ
tuy cự phách nhưng đầu óc không
bình thường, giờ dịch sang tiếng mẹ
 đẻ của chúng ta hẳn nhiên chẳng thể
nào lưu loát nhuần nhị. Cho nên hai
chương sách dịch từ trang 227 đến 234
khiến người đọc nhức đầu thì nhiều
mà hiểu nghĩa thì ít. Hơn nữa có câu
dịch sai. Ví dụ chương *Về con đường*
của kẻ sáng tạo (Vom Wege des
Schaffenden) có câu "*Wer sucht, der*
geht leicht selber verloren" được dịch
là "*Kẻ nào tìm kiếm sẽ hư mất dễ*
dàng". Một câu văn dịch vô nghĩa! Lẽ
ra phải dịch là: "*Ai kiếm tìm thì dễ lạc*
lỡng". Nguyên văn "*Schaffen will der*
Liebende, weil er verachtet! Was
weiss Der von Liebe, der nicht gerade

verachten musste, was er liebte!" Bản
dịch: "*Kẻ tình nhân muốn sáng tạo,*
bởi hẳn khinh bỉ! Biết gì về tình yêu,
kẻ không biết khinh bỉ chính cái mình
yêu dấu!" Các tác giả ả nệ vào trật tự
ngược của câu văn nguyên tác nên vô
tình không diễn tả được chủ ý của
Nietzsche: "*Chính vì khinh miệt nên*
kẻ si tình muốn sáng tác. Kẻ bị ép buộc
phải coi thường cái mình yêu dấu thì
có thể hiểu được tình yêu chẳng!"

Giáo sư Vũ Ngọc Khánh và ông
Nguyễn Quang Ân cùng biên soạn
cuốn *Kho tàng truyện truyền kỳ Việt*
Nam, nhà xuất bản Văn hoá Thông tin
Hà-nội, 1995. Ngay tên của một trong
hai vị đồng tác giả đã được ghi không
đồng nhất: người đọc ngỡ ngàng không
rõ là Nguyễn Quang Ân (trang 3) hay
Nguyễn Quan Ân (trang 4). Và tên
của các tác phẩm cổ văn cũng ghi sai
lung tung: *Tiến đăng tân thoại* in
thành *Tiền đăng tân thoại*; *Sơn cư tập*
thuật biến thành *Sơn cử tập thuật*, *Sén*
cư tập thuật; *Hát đông thư dị hoá ra*
Hót đông thư dị; *Thánh Tông di thảo*
trở nên *Thánh Tông di thảo*, *Thánh*
Tông di khảo; *Thánh văn dị lục* in
thành *Thịnh văn dị lục*, v.v... Mà đây
chỉ là mới thử nhặt sạn từ phần *Vài lời*
giới thiệu về truyện truyền kỳ trong
văn học ta! Chắc chắn là do lỗi nhà in.
Vì sách được in tại Công ty In Bao Bì
và Xuất Nhập Khẩu. Thảo nào!
Eureka! Cũng bởi thế, sách ấn loát
xong, bên được nộp c hiệu lưu tháng 3
năm 1995!

Chú thích:

1. Trần Văn Tịch - *Văn sử y được trong*
truyện Kim Dung. Thanh Văn xb. Los
Angeles 1995. Tr. 123 và 161.
2. Bùi Văn Nguyên - *Thử tìm tên thật*
của Bà Huyện Thanh Quan. *Nghiên cứu*
văn học, Hà Nội, số 12, năm 1962, tr. 85.
3. I.X.Lixévich - *Tư tưởng văn học cổ*
Trung quốc. Trần Đình Sử dịch. nxb Giáo
Dục. Hà-nội 1994. 344 trang.
4. Tư Mã Thiên - *Sử ký*. Nhữ Thành
dịch. nxb Văn Học. In lần thứ tư. Hà-nội.
1988. tr. 543.
5. Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê - *Sử*
ký của Tư Mã Thiên. Lá Bối. In lần thứ hai.
Sài gòn. 1972. Tr. 510.



Một Vết Chim Bay

Hoàng Nga

*Cõi người có bao nhiêu
Mà tình sâu vô lượng
Còn chi trong giả tượng
Hay một vết chim bay*
Phạm Thiên Thư

Hiệu học chung với Vị năm cuối cùng của bậc tiểu học, chuẩn bị thi vào đệ thất. Hiệu trạc tuổi Vị, xấp xỉ cao bằng Vị, nhưng nhìn chung thì chẳng có gì giống Vị, hay giống như những người bạn khác trong lớp. Bởi vì Hiệu đi... tu. Hiệu là chú tiểu. Hiệu sống với một thầy trụ trì già khó tính trong một ngôi chùa nhỏ ở gần trường. Cái ngôi chùa bé tí tẹo, đất đai không có là bao để có thể trồng được một cây đa, hay một gốc bồ đề cho Hiệu quét lá như ca dao. Mà ở đằng trước ngôi chùa có hai cái ao, nằm dọc theo lối đi, nên mỗi ngày Hiệu phải lội ao một lần, hái sen dâng Phật và giao cho một bà vải mang ra chợ bán.

Hiệu đi học, khác với bạn, nên hay bị nhiều đứa trong lớp trêu, hoặc lên nói xấu. Ngày đầu tiên ở trường lạ mới đến, vừa vào lớp, chưa kịp quan sát những khác biệt, Vị đã trông thấy

Hiệu ngay. Và cái tia nhìn tò mò của Vị đã không thoát khỏi mắt một cô bạn nhỏ mới quen ngồi bên cạnh. Cô vội vàng bảo:

- Bờ biết không, năm nay “ổng”... già hơn nên được để tóc... đuôi gà, năm ngoái “ổng” có ba chòm, y hệt như em bé còn bú.

Tóc Hiệu cạo gần hết, chỉ còn chừa lại một chòm dài đằng trước, vắt qua vành tai, cuối đuôi lơ thơ mấy cọng y hệt tóc đuôi gà của các cô gái hát quan họ. Bạn Vị còn cười Hiệu không được mặc đồng phục, quần xanh áo trắng, mà lại mặc quần áo của nhà chùa, xám hoặc nâu một màu buồn bã héo hon. “Nhà phê bình thời trang” bảo Vị:

- Ngày thường, bờ để ý coi, áo “ổng” hay có mấy miếng vá, chứ hễ đến lễ Phật đàn hay Tết thì “ổng” mặc áo mới. Nhưng cũng mấy màu y như vậy luôn.

Không biết cô bạn có ý châm chọc Hiệu hay không, nhưng nghe cô nói, dung không ở đâu đó trong lòng Vị lại cứ dâng lên một thứ thương cảm, tội nghiệp. Vị thấy dường như Hiệu không có được một cuộc sống “bình thường” như hàng ngày Vị vẫn sống, như bạn bè Vị vẫn sống. Giờ ra chơi, lúc bọn con trai ném bóng, đánh đáo, hay cùng với bọn con gái nhảy dây, u mội, thì Hiệu lại đứng lặng lẽ một mình dưới gốc phượng già, mặt rưng rưng, mắt thích thú theo dõi, nhưng không bao giờ dám tham gia bất cứ trò chơi nào.

Vị để ý trong lớp, thấy có nhiều đứa khác cũng “tội tội” cho Hiệu như vậy. Và ngay cả thầy cô, dường như cũng không có ai nở “tàn nhẫn” với Hiệu. Hiệu học không giỏi, tính tình lại chậm chạp, lẽ ra chắc đã bị ăn đòn no nê những lúc không thuộc bài hay không trả lời được câu hỏi của thầy, nhưng Vị thường thấy thầy chỉ ngao ngán thở ra một hơi dài rồi buồn bã nói:

- Phải chú ý học kỹ hơn một chút nữa, “chú” Hiệu.

Vị không bao giờ nghĩ mình sẽ chơi thân, hay thậm chí sẽ có dịp nói chuyện với Hiệu. Nhưng một hôm lơ đãng, không nghe đọc thông báo

trường cho nghỉ học nên hôm sau Vị vẫn cắp sách đến trường; dọc đường về, Vị gặp Hiệu đang khăn gói về nhà thăm mẹ, Vị đi theo Hiệu một quãng, bắt chuyện với Hiệu, và ngạc nhiên nhận ra Hiệu dễ thương vô cùng. Hiệu cho biết Hiệu vào chùa từ năm sáu tuổi. Vị thường nghe hàng xóm hát ru em. *Mồ côi cha ăn cơm với cá, mồ côi mẹ lót lá mà nằm.* Hiệu cũng mồ côi cha nhưng Hiệu không ăn cơm với cá mà ăn tương chao, tàu hũ và phải làm việc nhiều gấp mấy lần so với bạn bè cùng lớp. Và qua những câu chuyện kể của Hiệu, Vị nhận ra cái khổ nhất mà Hiệu phải chịu đựng, là phải sống dưới sự kiểm soát rất khe khắt của thầy trụ trì, bốn sư của Hiệu. Hiệu kể

phải thế không?

*Người đã quên rồi. Phải thế không?
Như mây muôn thuở vẫn phiêu bồng
Ngàn năm lời gió ưu tư hát
Bì khúc tình ca giữa tháng đông.*

*Người đã quên rồi. Phải thế không?
Ôi mùa hạ đỏ nắng quên hồng
Thương cho ân ái như màu nắng
Ta tự hỏi lòng: Thật thế không?*

*Người đã quên rồi. Phải thế không?
Và trái tim xưa đã nhạt nồng
Đâu bóng đâu hình đâu kỷ niệm
Cuối cùng, con số vẫn là không!*

*Người đã quên rồi. Phải thế không?
Thuyền quên bến đỗ nước xuôi dòng
Thương cho ân ái như bèo nước
Và xót cho thân phận má hồng.*

*Người đã quên rồi? Quên thật sao?
Ân ái còn đây, có lẽ nào!
Mà thôi, đành vậy! Thôi đành vậy!
Đành để cho tình chấp cánh cao!*

*Thế đó nhưng tôi vẫn thủy chung
Vẫn hình bóng ấy khắc ghi lòng
Vẫn tình yêu ấy cho người ấy
Hồn vẫn muôn đời như suối trong.*

ngô minh hằng

có nhiều lúc không hiểu bài, Hiệu chẳng biết hỏi ai, vì thầy trụ trì chủ trương là tăng sĩ thì không cần phải giỏi những loại kiến thức thường tình, nên chỉ dạy Hiệu học chữ Phạn, chữ Hán, và đọc kinh Phật. Vị chẳng hiểu chữ Phạn là loại chữ như thế nào và kinh Phật có giống như các bài Kinh Lạy Cha, Kinh Kính Mừng... như bên Công Giáo hay không. Vị bảo Hiệu:

- Cha xứ bảo học thuộc và đọc những bài kinh hàng ngày, thì được Chúa Cha xóa tội để khỏi sa hỏa ngục.

Hiệu hỏi lại:

- Chúa Cha là ai?

Vị trả bài giáo lý:

- Đức Chúa Trời có ba ngôi. Chúa Cha là ngôi thứ nhất.

Những ngày sau đó thì hai đứa thân nhau hơn. Ngày nào Vị cũng chờ Hiệu ở cổng trường để hỏi xem Hiệu có cần Vị giúp đỡ làm một bài toán đố, hay gợi ý một nhập đề của bài luận mang về nhà hay không. Lâu lâu Vị đi theo Hiệu vào chùa, vừa tò mò nhìn tượng Phật Thích Ca làm bằng đồng thật lớn đặt trong chính điện, vừa kinh ngạc nghe Hiệu kể chuyện Đức Phật xưa kia xuất thân là hoàng tử xứ Ấn Độ, thấy chúng sinh khổ nạn, nên đi tu và đã nhập vào niết bàn sau khi tịnh độ dưới gốc cây bồ đề. Vị bảo Hiệu:

- Cha xứ dạy Chúa là Chúa trên muôn Chúa, là Vua trên muôn Vua.

Hiệu cũng im lặng, mở mắt thật to lên lắng nghe những điều mà chưa có ai nói với mình trước đó bao giờ. Hai



đứa đi hết từ ngạc nhiên này lại đến ngạc nhiên nọ vì thấy cái "kiến thức" về thế giới của mình hoàn toàn khác xa với bạn. Cả những từ ngữ hai đứa dùng cũng lạ hoắc lạ huơ, trong đó có những chữ mà chính bản thân người nói ra, cũng không chắc là có đúng hay không. Tuy thế, cả hai đều không dám mang ra hỏi người lớn, bởi đứa nào cũng hiểu ngầm đó là chuyện "cấm kỵ".

Chơi thân với Hiệu, Vị thích nhất là những hôm về nhà Hiệu. Nhà Hiệu nằm ở phía bên kia nghĩa địa cũ của thành phố, trong một xóm lao động nghèo, nơi có những cánh đồng nhỏ, thơm ngát hương lúa và những rặng tre già rợp bóng mát chung quanh vườn. Lần đầu tiên đến đây, Vị đã ngạc nhiên đến sững sốt vì chỉ cách vài trăm mét sau một con đường đất quanh co, mà nơi ấy hoàn toàn tách biệt hẳn, khác hẳn với cái thế giới xô bồ hỗn độn của thành phố. Bao giờ Hiệu được về thăm nhà, Vị cũng kiểm cố này cố nọ, lên mẹ đi theo Hiệu. Hai đứa hẹn nhau ở ngã ba. Hiệu luôn luôn mang theo cho Vị một đóa sen mới tượng hạt, và dọc đường, còn hái cho Vị những chùm hoa ngũ sắc, để thích thú nhìn Vị vừa tần mẩn ăn những hạt sen non, rồi hút nhụy từng cánh hoa nhỏ xíu, mỏng mảnh nhiều màu.

Mỗi lần về nhà Hiệu, là Vị có cảm giác như Hiệu nhỏ lại, trở nên "bình thường" như Vị. Hiệu cũng mè nheo với mẹ, cũng lý lờm không chịu nghe lời mẹ như Vị, như bao đứa trẻ khác hàng ngày. Vị bày cho Hiệu chơi ô quan. Hai đứa hay ngồi dưới rặng tre xanh mượt óng ả đầu hè, chờ mẹ Hiệu luộc khoai hay sắn cho ăn.

Một hôm vừa đi học về đến nhà, Vị nghe con em kể mách mẹ:

- Chị Vị chơi với "người ngoại" mẹ ạ. Chị ấy theo người ta vào chùa.

Vị giật thót mình. Vì Vị biết mẹ là người sùng đạo một cách cứng nhắc. Vị nghe bà gắt lên:

- Cái gì? Nó vào chùa ấy à?

Con em Vị thều lẻo:

- Chị ấy chơi với... thằng chú tiểu.

Tối hôm đó Vị bị quất hai roi vào mông, bị quỳ gối, và sau đó phải đọc

hết tất cả các bài kinh cho mẹ nghe. Mẹ Vị còn bắt Vị phải cầu nguyện xin Chúa tha tội. Vị làm theo lời mẹ, nhưng trong bụng vẫn không hiểu tại sao có lần Vị nghe cha xứ giảng, thánh Phao lô từng ăn bữa chung với người ngoại, kết giao với người ngoại để đưa họ trở lại đạo, mà Vị thì không được phép chơi với Hiệu. Những ngày sau đó dĩ nhiên là Vị bị cấm tiết việc lân la đến chùa, và bị hứa là phải “nghỉ chơi” với Hiệu. Vị buồn lắm. Nhiều hôm nhìn thấy Hiệu ngồi cắn bút không giải nổi bài toán hay không biết nhập đề một bài luận ra sao, Vị xót xa muốn giúp, nhưng cứ bị con em kể rề rà bên cạnh để “theo dõi” méc mẹ, nên đành phải làm lơ.

Cuối năm đó Vị đậu vào đệ thất trường con gái, còn “ông thầy tu nhỏ” của Vị không biết trượt vô chuỗi hay vì không muốn học ở trường ngoài, mà ghi danh ở trường Bồ Đề, một trường thuộc về giáo hội Phật giáo của tỉnh. Trước ngày khai giảng, xuống phố mua tập vở, tình cờ Vị gặp Hiệu trong tiệm sách. Vị không có bố mẹ, hay em út theo cùng, nên Vị mừng rỡ chạy đến cầm lấy tay Hiệu, hỏi nhỏ:

- Lát có về nhà không, cho Vị đi theo với.

Hiệu đứng im một lúc lâu, rồi nhẹ nhàng gỡ tay mình ra khỏi tay Vị:

- Chưa định về, nhưng nếu Vị thích thì đi.

Chiều hôm ấy Vị theo Hiệu về nhà mẹ Hiệu. Dọc đường đi, Vị kể cho Hiệu nghe Vị đã bị mẹ cấm đoán như thế nào và Vị đã buồn ra sao. Hiệu không nói gì, nhưng thỉnh thoảng đưa tay nắm bàn tay của Vị bóp khẽ rồi buông ra. Mãi cho tới khi thấy những đóa hoa ngũ sắc nằm bên vệ đường, Hiệu mới bảo Vị dừng lại để hái cho Vị. Sự im lặng trầm tư của Hiệu, và cái cách cư xử rất người lớn của Hiệu làm Vị ngạc nhiên. Dầu chính bản thân Vị cũng đã có ít nhiều thay đổi, đã bắt đầu chuyển sang ép những đóa hoa ngũ sắc vào tập vở thay vì ngắt ra từng cánh để hút nhụy như trước nữa.

Và trong khi Vị tần mẩn làm công việc rất ư là con gái ấy, thì Hiệu ngồi khoanh tay ở ghế đối diện, dịu dàng

nhìn. Sau đó Hiệu bảo mẹ lược sán, rồi hai đứa lại ra trước sân nhà, ngồi dưới bóng tre râm mát, nghe chim hót. Xế chiều, mẹ Hiệu phải giục, Hiệu và Vị mới chịu chào bà ra về. Đến chỗ ngã ba, nơi trước đây Hiệu vẫn chờ Vị, Hiệu bỗng bật cười:

- Chắc thế nào thầy cũng đánh cho mấy roi vì không biết đi đâu cả buổi chiều.

Vị cười theo:

- Vị chắc cũng bị đòn. Nhưng như vậy là huề nhé!

- Ủ, huề.

Chia tay với Hiệu lần đó, Vị mất luôn liên lạc với bạn. Thật ra, thì vẫn có nhiều lúc hai người tình cờ gặp nhau trên phố. Nhưng chỉ nhìn nhau mỉm cười rồi quay đi. Về sau, khi Vị đã là một cô thiếu nữ xinh xắn, kiêu cạo, thời trang, lúc nào cũng có vài ba cái đuôi lợn lờ theo sau, thì Hiệu lại như nhút nhát hơn, không dám nhận người quen. Nếu vô tình đối đầu nhau, hay mặt chạm mặt, thường bao giờ Vị cũng chỉ kịp kêu lên:

- Chú Hiệu!

Là Hiệu đã vội vã gật đầu rồi đi thẳng. Bạn bè Vị hay hỏi tại sao Vị quen Hiệu thì Vị chỉ cười, bảo học chung lớp ngày xưa. Chưa bao giờ Vị kể cho ai nghe về cái tình bạn đậm thắm dịu dàng của Vị và Hiệu ngày thơ ấu, dấu hình ảnh Hiệu vẫn luôn có nằm ở một chỗ thật ấm áp trong lòng Vị. Hễ bao giờ có dịp đi dưới một con đường đất râm mát bóng lá cây, hay ngang qua một nghĩa địa vắng vẻ giữa cái nắng nung người, cháy gắt, là lòng Vị lại mềm xuống, bồi hồi bởi một thứ tình cảm rất khó tả. Một lần được uống một bát nước chè xanh óng ánh như màu nắng, Vị đã lặng người đi thật lâu. Vị bùi ngùi nhớ đến cái nhụy ngòn ngọt, cái mùi hương hăng hắc của những chùm hoa ngũ sắc; nhớ đến những hạt sen non sần sật giữa hai hàm răng, nhớ cái hương thơm pha lẫn với cái vị ngọt lờ lợ trên đầu lưỡi. Vị có cảm tưởng như suốt đời mình, chẳng bao giờ có thể tìm lại được cái chân tình nồng ấm ấy lần nữa.

Cuối năm tám hai, trong một

chuyến vượt biên bị bế ở bãi biển Cà Ná, Vị không dám đi thẳng về Sài Gòn, mà theo một người bạn chạy lên Đơn Dương. Sáng nằm nghe tiếng xe ngựa chạy lộc cộc trong sương mù, Vị than buồn, đòi về lại Sài Gòn. Sương, người bạn Vị cười:

- Mai mình dẫn Vị đi Đà Lạt nhảy đầm. Thích khách sạn Ngọc Lan hay khách sạn Palace?

Vị bó gối nhìn ra ngoài trời âm u, mặt rầu rĩ:

- Tình cảnh này chỉ muốn đi tu chứ không muốn đi nhảy đầm chút nào!

Sương bật cười. Trưa cô bắt Vị thay áo quần lòng vòng xuống phố cho vui. Nhưng cái thị trấn Đơn Dương của cô nhỏ xíu như một cái bàn tay, chỉ có mấy con đường, chỉ đi dăm phút đã về chốn cũ. Chán, Vị đòi về nhà. Và khi về đến nhà rồi, Vị cứ đứng khoanh tay, tựa vào vách núi nhìn xuống cái thung lũng u buồn trước mặt, lòng héo hon như vạt nắng chiều yếu ớt đậu trên những bụi quỳ bên kia đường. Người bạn Vị đứng im bên cạnh một lúc lâu rồi chợt nghiêng đầu hỏi:

- Lúc nãy nghe nói Vị muốn đi tu phải không?

Vị gật đầu:

- Ủ, cũng muốn đi tu quách cho rồi.

Sương huých tay bạn:

- Trẻ đẹp như thế này mà đi tu thì chỉ khiến cho người thế tục mắc tội chứ ích gì! Thôi thế này nhé, thử đi theo mình lên một chỗ rất thanh tịnh, để xem bồ đã chán chốn phàm trần đến đâu rồi hãy nghĩ đến chuyện thoát tục.

Vị nhìn lại bạn:

- Chỗ nào mà kỳ bí thế?

Sương rút cổ:

- Chỉ sợ Vị ngại...

- Nói thử xem sao!

Sương nhìn bạn chăm chăm:

- Mình định đi lên chùa. Sao, có dám đi không?

Vị cười:

- Chân trời góc bể nào ta đây cũng đã dám đi, xá gì cái chùa nào đó của bồ mà lại phải hỏi!

Người bạn Vị cười hăng hắc:

- Tại thấy Vị có đạo, không dám rủ.

Vị cười buồn:

- Thời buổi khó khăn, có người còn rủ mình bỏ đạo nữa kìa.

Sương giễu:

- Bộ bị chàng dũng sĩ diệt Mỹ nào xúi dại rồi hả?

Vị lắc đầu. Nhớ đến lần cãi nhau với đám em, có đứa chỉ vì thềm vào đại học mà đã la lên với nàng, “đạo hạnh gì mà khổ quá như thế này thì em thà mắc tội với Chúa!”. Vị đã khóc thương em, vì hiểu em nàng cũng giống như rất nhiều người mang tiếng là có đạo, nhưng thật sự không thấu đáo được chân lý đạo giáo như thế nào, nên trong những hoàn cảnh thử thách khó khăn, đã một sớm một chiều khước bỏ niềm tin của mình. Em Vị, bỏ đạo, bỏ nhà thờ, nhưng cuối cùng cũng chẳng được vào đại học.

Sương thay một cái áo sơ mi màu lam nhạt, rồi đưa Vị “xuống núi”. Lúc ngang qua chợ thị trấn, cô rủ Vị vào mua một ít gạo. Vị bật cười nhỏ, trêu Sương:

- Hai cô đội gạo lên chùa. Một cô yếm thắm bỏ bùa cho sư.

Người bạn Vị cười theo:

- Không biết ai kia có mang yếm thắm hay không chứ ta đây thì đã thay áo lam rồi đây này.

Vị đàn lân:

- Ta thì còn thử xem Thiếu lâm tự của nhà ngươi có chú tiểu nào coi được mắt hay không, mới tính tới cái chuyện tập ăn đậu phụng tương tàu.

Sương huých chỏ vào hông Vị. Hai người phì cười. Ra khỏi chợ, cả hai cùng khệ nệ tay xách nách mang vừa gạo, vừa hoa quả, bánh trái. Dọc đường đi, Sương kể cho Vị nghe về những sinh hoạt của cô lúc nhỏ, trong gia đình Phật tử. Vị nghe, nhưng không để ý cho mấy, vì nghĩ cũng giống như những sinh hoạt của mình trong ban thiếu nhi Thánh thể ngày xưa. Tuy nhiên, lúc nghe Sương nhắc đến một vài từ ngữ của nhà Phật, lòng Vị bỗng như bừng lên một cái gì đó rất quen thuộc. Nàng tưởng chừng như đang nghe văng vẳng bên tai tiếng cười nói hồn nhiên, ẩn hiện trước mặt

sau lưng một gương mặt thật đôn hậu, hiền lành. Khi ngang qua các bụi mâm xôi, ngũ sắc dọc ở hai bên đường, hai chân Vị bỗng vương vịu, lính quính một cách dị kỳ.

Ngôi chùa mà Sương đưa Vị đến, nằm chênh vênh trên một ngọn đồi, đang được xây dở chừng thì mất nước. Phía đằng trước chùa trông rất tiêu điều vì chưa có cổng, lẫn am tự. Nhưng con đường dẫn vào khuôn viên chùa mới thật buồn rầu và xơ xác. Từ dưới chân đồi đi lên chỉ là những bậc tam cấp được đắp bằng đất, với những cọc gỗ xiêu vẹo có dính vài ba miếng ván ngăn sơ sài, không biết có đủ vững vàng để giữ không cho đất trượt lở khi trời mưa lớn hay chẳng. Vị để ý thấy lát đất dọc theo hai bên lối đi, có vài khóm hoa vạn thọ nhưng dường như không được chăm sóc cẩn thận, nên bị bỏ công anh và mắc cỡ lẩn lút rất tội nghiệp. Sương giải thích:

- Nhà nước chỉ cho đăng ký ở đây có hai người. Thầy trụ trì và một chú tiểu, nên làm không xuể việc. Thỉnh thoảng có bà chị mình đi với một ông cụ lên giúp. Nhưng thường chị ấy chỉ lo việc của một bà vải là đủ hết hơi rồi. Tương, chao, gạo, muối... mua bán trao đổi hộ cho chùa. Còn ông cụ kia thì chỉ làm được các việc nhẹ như bắt sâu, tỉa lá. Ông cụ già lắm rồi.

Vị tò mò:

- Thiện nam tín nữ đâu hết?

Sương rùn vai:

- Họ không dám tụ tập. Vả lại cũng lo lao động hút hơi. Vừa nghèo vừa không có thì giờ, lấy đâu ra sức mà đi làm công quả.

Hai người ỳ ạch một lát mới lên được đến sân chùa. Sương nhìn quanh một vòng trước khi bước vào trong nhà ăn, kêu lớn:

- Bạch thầy, có con là Sương lên thăm thầy đây!

Vài phút sau, một vị tu sĩ đã đứng tuổi từ phòng trong bước ra. Thấy Sương, ông kêu lên mừng rỡ:

- Mô Phật! Chớ mi đi mô mà lâu quá không về thăm thầy?

Người bạn Vị cười:

- Con tưởng con đi luôn được rồi thầy.

Vị tu sĩ nghiêng qua rồi nghiêng lại ngó Sương một cách giễu cợt:

- Mi nói rứa thì thầy biết mừng hay buồn cho mi đây hê!

Sương bật cười khanh khách. Vị thầy trụ trì chùa nhìn Vị:

- Con dẫn khách lại thăm thầy đó hả?

Sương quay sang bạn giới thiệu:

- Bạch thầy, đây là Vị, bạn con. Cũng đi chung chuyến với con kỳ rồi.

Vị đại đức dịu giọng:

- Ngồi xuống đây, ngồi xuống đây, thầy đi nấu nước cho hai đứa uống. Có mấy cái bánh ít ôn Hòa mới mang vô cho, thầy để trên chạn, chút con vô lấy ra mời bạn thời giùm thầy.

Sương nhìn quanh:

- Ủa, chú Hiệu đâu mà thầy phải đi nấu nước đãi con thế này?

Vị giật thót mình. Cái tên Hiệu như một tiếng trống gióng lên giữa không gian yên tĩnh, tịch mịch của buổi chiều. Như một ngón tay với chiếc móng nhọn chạm vào người Vị mấy cái nhói thót. Hiệu nào đây! Chú tiểu Hiệu nào đây! Vị lắng tai nghe tiếng thầy trụ trì đáp lời Sương mà có cảm tưởng như mình đang bênh bồng trôi giữa một vùng mù sương nhẹ hẫng, không biết vì những từ ngữ lạ, hay vì cái cảm giác lao xao đang trôi lên trong lòng:

- Chú xuống Sài Gòn đi thi rồi. Kỳ ni chú lên làm từ kheo thì mi phải kêu chú bằng thầy rồi đó nghe không con.

Sương bật cười:

- Chú ấy có lên tới đại đức cũng bị con ăn hiếp như thường.

Vị tu sĩ ngó Sương bằng cặp mắt hiền lành, nhân từ, nhưng ông la:

- Ô, cái con ni! Ăn với nói, có duyên chưa tề!

Sương lại cười dòn dã. Hỏi tiếp:

- Chú đi mấy hôm rồi thầy?

- Ba bữa rồi. Chắc mai hay mốt chi đó mới về. Con còn ở lại lâu không?

Sương lắc đầu:

- Chắc sáng sớm ngày mai là tụi con phải đi rồi thầy. Về để coi tình hình có làm tiếp được chuyến khác không.

Uống được một tuần trà, Sương nói với thầy trụ trì cô muốn vào lễ Phật,

và quay sang Vị, bảo:

- Để mình dẫn Vị ra đằng trước xem họa lan.

Ngoại trừ chánh điện đã được hoàn tất trước 75, tất cả các công trình khác chung quanh chùa đều còn dở dang. Từ phòng ăn cho đến các phòng ốc khác mới làm xong nền, tường dựng tạm chỉ bằng gỗ tạp. Qua nhiều mùa mưa nắng, có vài chỗ đã ngả một màu thâm đen rất buồn thảm. Cái chái nhỏ, nơi Sương bảo là phòng của chú tiểu Hiệu, còn có vài miếng ván bắt đầu mục ở sát dưới đất. Vài chỗ đóng rêu xanh. Không nói, cũng có thể hiểu được là đã từ lâu nơi đây không được tu bổ, sửa chữa gì cả. Nhưng Vị nhận thấy qua cách bài trí thật mỹ thuật, ngăn nắp gọn gàng, và nhờ một số cây kiểng, chậu hoa lớn được đặt chung quanh khoảng sân nhỏ với màu sắc rực rỡ nhưng hài hòa; mà cái tiêu điều, ảm đạm đã được khuất lấp đi rất nhiều. Và đập vào mắt người nhìn nhiều nhất có lẽ là những chậu lan tiên-hài, được treo cạnh cửa sổ phòng chú tiểu Hiệu, đang trổ hoa như những chiếc giày vàng óng ả bên cạnh những chiếc lá ẻo lả, lác lư nhẹ trong không trong thật thơ mộng. Phía dưới thềm, sát bên hông nhà là những nhánh tóc tiên uốn éo trên một cái liếp bằng tre mỏng, đang vươn ra những đóa hoa tí hon đỏ thắm một màu rất bắt mắt.

Vị khẽ đưa mắt liếc nhìn vào trong khung cửa sổ của cái chái như một phản ứng tự nhiên, cố tìm xem có cái gì quen thuộc với mình hay không, nhưng đồng thời cũng tự mắng thầm mình làm như vậy để làm gì. Nàng nghĩ bụng, nếu Hiệu có ở đây thật đi chăng nữa, thì chắc cũng sẽ chỉ gật đầu chào nhau, chuyện trò thăm hỏi nhau vài đôi câu lịch sự với nhau là cùng...

Vị mỉm cười một mình. Định bụng lát nữa khi ra về, sẽ kể cho Sương nghe về người bạn tu sĩ nhỏ của mình thời thơ ấu và sẽ hỏi xem có phải chú tiểu này là người ấy hay không. Nhưng lúc hai người vừa dợm chào thầy trụ trì về, thì bà chị của Sương hối hả từ con dốc đi lên, nói với cả ba người:

- Tối nay công an đi xét hộ khẩu

dưới Lạc Nghiệp, thầy cho hai em con ở lại trên này, sáng sớm tụi nó ra xe đồ về Sài Gòn luôn thể để khỏi bị rắc rối. Tụi nó chỉ có giấy phép đi đường ra ngoài Phan Thiết chứ không có giấy phép lên đây.

Vị tu sĩ cười:

- Bộ con tính giao cái rắc rối cho thầy hay rằng đây hè?

Bà chị của Sương cũng cười theo:

- A di đà Phật! Con đâu dám nghĩ thế. Nhưng con biết tin chắc chắn là chỉ có dưới ấy bị xét thôi.

Thầy trụ trì để dài:

- Thầy nói chơi thôi. Tối hai đứa vô trong phòng chú Hiệu mà nghỉ. Có hai cái giường trong đó. Một cái của chú, một cái của ôn Hòa. Mừng mền chắc đủ cả đó.

Sương nói:

- Lúc thầy dậy công phu khuya thì tụi con đi luôn.

Thầy lắc đầu:

- Tàng sáng hẵng đi. Không có giấy tờ, đi sớm quá coi chừng bị chặn xét đó.

Sương tròn mắt:

- Lúc này thầy mà cũng rành ba cái chuyện thế tục dữ vậy sao!

Vị tu sĩ chép miệng:

- Người ta vô đây kể tới kể lui, thầy lại bị công an kêu lên kêu xuống mấy bận, miết rồi cũng phải am tường chớ con.

Bà chị của Sương để hành lý của hai người lại rồi tắt bật ra về. Vị đi theo Sương vào căn phòng mà nàng đã tò mò muốn nhìn thấy bên trong lúc chiều. Hai người cất đồ đạc xong ra ngoài nấu cơm. Cả lòng ngực Vị cứ như đang xôn xao đập lên những nhịp không đều nhau. Lúc đứng ở ngưỡng cửa nhìn quanh căn phòng, lòng nàng thật bồi hồi dẫu chẳng tìm thấy gì ở đây chứng tỏ người tăng sĩ này là bạn nàng. Không hề có hình, cũng chẳng có ảnh hay bức tranh nào treo trên tường. Trên bàn viết thì chỉ có một cây bút lông được cắm trong lọ mực tàu, vài cuốn sách mỏng viết bằng chữ Hán, xếp ngay ngắn trong một góc, gáy sách hiện lên những nét chữ rất đẹp và trang nhã. Bên cạnh đó, ngay trên đầu giường là một cái rương bằng

cám ơn hoa vẫn nở

*Nhánh hoa hồng vươn lên
Trong nắng thu muôn màng
Hương hồng xưa thoang thoang
Giữa trời thu mệnh mang.*

*Một chút gì rưng rức
Trong trái tim đại khờ
Tóc xanh giờ đã bạc
Sao lòng còn ngây thơ.*

*Mùa hạ xưa xa rồi
Hoa phượng tàn rơi rơi
Không còn ai đứng đợi
Bên góc trời xa xôi.*

*Nước mắt xưa còn đây
Đôi mắt xưa lệ đầy
Trăm năm không hò hẹn
Đành như kiếp bèo mây.*

*Cám ơn hoa vẫn nở
Giọt lệ mừng long lanh
Giữa cõi đời lạnh lẽo
Ta còn góc vườn xanh.*

nguyên khanh

mây cũ kỹ, có lẽ dùng để cất toàn bộ gia tài, của cải của người tăng sĩ. Phía bên trên, sát vào góc tường, có treo một bộ cà sa màu vàng sậm, cẩn thận và kín đáo. Và đối diện với chiếc giường sắt có bọc nệm màu lam nhạt là một chiếc giường khác, có lẽ như lời thầy trụ trì nói lúc nãy, của ôn Hòa nào đó.

Chỉ vậy. Tất cả chỉ có vậy. Hoàn toàn chẳng có dấu vết nào để Vị nhận ra người thân. Trước đó, nàng đã tưởng tượng và hy vọng sẽ được nhìn thấy một tấm hình, một quyển sách, hoặc một cái gì đó có ghi hay khắc họ tên thật của người tăng sĩ, như nàng đã từng thấy trong phòng người anh họ bên ngoại đi tu trong nhà dòng. Vị thất vọng lúc bước ra ngoài. Và thật lòng, nàng chỉ mong Sương bảo không cần nàng giúp làm cơm để được tự do ngồi lại, cẩn thận lục lọi, cố tìm xem có còn chút chi tiết nào khác nữa hay

không.

Nhưng Sương vì sợ bạn chán, nên cố rán kiếm ra vài việc để nhờ nàng. Và khi nấu cơm xong, cô lôi Vị ra phía sau vườn, hái mấy trái hồng dòn trao cho bạn, rồi lại rủ nàng ra mé sông ngồi nhìn nước chảy. Vị nghe lòng thật buồn. Một cái buồn man mác, cô tịch mà nàng không thể định được nó đã đến là bởi cái không gian quanh vắng chung quanh, hay do chuyến đi không thành, hay còn vì một lý do nào đó ẩn sâu trong tâm tư. Lúc nghe tiếng chuông chiều gióng lên áo nã, Vị chợt nhớ khi đứng bên ngoài chánh điện, nhìn Sương thấp mấy nén hương lên bàn thờ Phật, nàng đã lặng người đi, bởi cái hình ảnh quen thuộc, thân thương bất chợt tràn ngập trong trí nàng. Vị tưởng như cũng đã có một cánh tay nhỏ nhắn đưa lên, gõ vào chiếc mõ, cộc, cộc, và rồi một tiếng chuông nhỏ ầm cúng vang ra... Boong!...

Vị thu vòng tay mình lại trên đầu gối, thở ra nhẹ nhẹ như sợ Sương đọc hết được những ý nghĩ của mình. Nhưng thấy bạn ngồi im lâu quá, Sương nhỏ nhẹ:

- Sao, buồn hử?

Vị lắc đầu:

- Không. Chỉ thấy nơi đây thanh tịnh quá bên nghĩ ngợi vẩn vơ.

- Về cái ý định đi tu lúc trưa này hử?

Sương giều. Vị mỉm cười:

- Ừ, cũng nghĩ đến chuyện đi tu. Nhưng không phải của mình mà của người khác.

- Của ai, và nghĩ như thế nào?

- Của tất cả mọi người và sự mâu thuẫn của thiên hạ. Mình thường nghe người ta hay rên rỉ, chán đời quá nên phải đi tu. Thế mà cũng có kẻ lại bảo tu là cội phúc, tình là dây oan. Không hiểu ai có lý.

Sương bật cười:

- Có lẽ tất cả những người này đều nhận ra cái hệ lụy của cuộc sống. Nhưng một đằng không chịu đựng nổi cái hệ lụy ấy, cố chạy trốn cuộc đời, nên đã xem chuyện tu hành là một cứu cánh, một phương tiện để giúp họ lãng quên thế thái nhân tình. Ngược lại

đằng kia, thì thấy vì nhờ được tu hành mà có thể coi tất cả các hệ lụy, đau khổ chỉ là những thoáng mây bay qua nên mới cho tu là cội phúc.

Vị gặng lại:

- Thì cứ cho là vậy đi. Nhưng mình nghĩ đến những người đã xuất gia sớm. Họ đâu có được nếm trải mọi cay đắng của tình đời trước khi nương nấu chốn từ bi, hay như bên mình là hiến dâng đời mình cho Chúa, thì làm sao có thể nhận ra được cái hệ lụy của cuộc sống, và làm sao mà biết được là mình có phần phúc hay không?

Sương so vai:

- Thì chắc người đó cũng phải có căn duyên như thế nào đó mới tu được chứ.

Vị chưa kịp trả lời thì Sương lại tiếp:

- Chẳng hạn như chú Hiệu ở chùa này. Chú ấy xuất gia từ lúc đọc chữ còn chưa rành. Vậy mà đến lúc tình thế khó khăn như thế này, biết bao nhiêu người đã hoàn tục, nhưng chú ấy vẫn quyết chí theo đuổi con đường tu hành của mình.

Một chút chộn rộn réo lên trong lòng Vị. Nàng chớp mắt nhìn ra xa:

- Như vậy tính tình người này chắc cương trực dữ lắm phải không?

Sương ậm ừ:

- Có lẽ vậy. Mình chưa chứng kiến chú ấy quyết định chuyện gì trước mặt mình, nhưng nghe kể là hẳn muốn làm được chuyện gì thì chú ấy làm cho đến cùng.

Vị bỗng bật cười khúc khích:

- Biết đâu chỉ vì ông ấy quen sống với cái môi trường này nên không dám bỏ về thì sao?

Sương cười theo bạn:

- Ừ, thì cũng có phần nào. Nhưng Vị thấy đó, sau ngày mất nước, phượng hoàng sẩy chân chốn cheo leo, cũng đành phải đi bươi, đi kiếm ăn như đàn gà vậy chứ bộ. Lúc đầu chưa quen với môi trường sống mới, có thể là sẽ thấy khó chịu, nhưng mãi rồi cũng xong. Trong trường hợp chú Hiệu, mình nghĩ chú ấy quyết chí đi theo con đường này đấy.

Vị huých vai bạn, hỏi một câu mà nàng đã muốn hỏi ngay từ lúc mới

bước chân vào đến ngôi chùa này:

- Pháp danh của chú tiểu chùa này là gì vậy?

- Chơn Hiệu. Sao, có gì không?

Vị đáp vội vàng:

- Có gì đâu! Chỉ hỏi theo thói quen, giống như mình vẫn hay hỏi mấy người cùng đạo với mình có tên thánh là gì thôi.

Hai người ngồi nói chuyện vớ vẩn thêm một hồi. Cho đến lúc trời bắt đầu có những hạt sương li ti rơi xuống, Sương mới hoảng hốt kêu lên:

- Chết, quên mất giờ tụng kinh chiều của thầy.

Rồi quay sang bạn, cô chặc lưỡi:

- Mãi nói chuyện về chú tiểu của chùa này mà không nhớ giờ giấc!

Vị nửa đùa nửa thật, nói:

- Nghe kể, mình muốn nhìn mặt ông ấy một cái quá.

Sương bật cười lên nho nhỏ:

- Ngó vậy chứ biết đâu gặp ông ấy thì chán ngay.

Vị hỏi:

- Tại sao vậy?

Sương rùn vai:

- Người gì đến lạ! Trên đời đủ loại hoa đẹp, hương sắc nồng nàn lại không yêu mà đi yêu cái thứ hoa ngũ sắc, chỉ mọc dại bên đường...

Vị vấp khể vào một bụi cỏ dưới chân. Nàng vờ cúi xuống sửa lại dép, và giữ im tư thế ấy một lúc rất lâu, như thể sợ ngẩng lên thì Sương sẽ thấy sự luống cuống, bối rối của mình. Mặt Vị nóng ran. Nàng đưa hai tay bắt chéo lên vai, cố giữ không cho mình rung mình một cái khể. Trước khi theo Sương vào bếp, nàng đứng lại, ngoái cổ nhìn về phía sau lưng, nơi sương mù đã sa xuống dày đặc một màu trắng đục trên giòng sông. Nàng cố mở mắt ra thật lớn, nhưng không làm sao nhìn thấy được một quang cảnh nào ở hai bên bờ. Cả chỗ nàng và Sương vừa ngồi lúc nãy, cũng như đang chìm trong màn khói mịt mờ, hư ảo. Vị không nén được tiếng thở dài. Nàng nghe trong lòng dâng lên cái cảm giác tiếc nuối. Nàng tự hỏi vì sao lúc nãy đã không quan sát thử xem chung quanh đây có một bụi hoa ngũ sắc nào hay không. ●

Cô nhỏ cười, nụ cười hiền lành, ngây thơ, vô số tội, khi lắc lắc cây viết trên tay, nghiêng cái đầu tóc bùm-bê trước mặt tôi:

- Tối hôm qua tui buồn, tui đi chơi với một củ khoai. Củ khoai này có máu bảy mươi chia hai, cho nên hẳn có một bàn tay vờ như lơ đãng, luôn vô trong váy tui...

Trái tim tôi thót lại, đập sai đi một nhịp, nhưng cái miệng vẫn điềm nhiên, tự tại:

- Thế cô có cho hẳn một cái tát tai không?

Cây viết dờn lên, gõ gõ nơi má:

- Nhảm nhò gì ba cái lẽ tẻ đó. Tui lấy tay hẳn ra và thốt lên cười.

- Cười?

Cổ tôi như mắc nghẹn, như con gà nuốt phải sợi dây thun; trong khi cô nhỏ vẫn nhàn nhàn răng trắng muốt ra:

- Chứ sao! Vô ích mà. Tui đã già tra già chất, đủ để coi khinh cái thói sổ sàng của bọn phàm phu. Đàn ông, toàn là một lũ như nhau hết. Ông nghĩ, có phải không?

Một ngón tay đưa lên, lắc lắc và thoát cái, cô nhỏ mở cửa phòng đi ra, không thèm đếm xỉa đến câu trả lời "Ông nghĩ, có phải không?", bỏ lại tôi

một mình, tức tối, nhức nhối. Cô nhỏ làm như tôi không phải là đàn ông. Làm như tôi không hề có lấy chút tự ái của một đấng mày râu. Luôn luôn, cô nhỏ căng thẳng và cay nghiệt. Luôn luôn, cô nhỏ xem đàn ông là một thứ chẳng ra gì. Và tôi là người, tự bấy lâu nay, đã là chỗ cho cô nhỏ trút cuồng điên thịnh nộ, phong ba bão táp lên đầu. Ai oán thay, chính tôi là kẻ xung phong, chịu lãnh đạn; cho nên chưa bao giờ có thể hờ môi kêu ca một tiếng.

Tôi là trưởng phòng. Cô nhỏ là nhân viên. Cô nhỏ làm việc trong xí nghiệp đã lâu, còn tôi thì mới đổi về. Ngay ngày đầu tiên, khi cô nhỏ gõ cửa bước vào phòng, chưa kịp nói năng gì, thì tôi đã muốn toát mồ hôi trán. Vì em chính là "cô tiểu thư" mà tôi đã khắc ghi hình ảnh trong tim, suốt bao nhiêu năm thời trung học. Nói khác đi, cô nhỏ đã là "đối tượng", bóp nát có lẽ không ít con tim của thành con trai mới lớn là tôi, khi bất ngờ cô bé chuyển về Sài Gòn học, giữa năm lớp mười.

- Tôi là Trúc Sơn, trợ lý của Trưởng phòng cũ. Nếu cần gì, Trưởng phòng cứ tùy nghi sai bảo, trong khi chờ thay trợ lý mới.

Cô nhỏ nói, trong lúc đôi tay bạn bịu với mớ hồ sơ trình ký. Khi dứt lời, nhìn tôi, thì đôi mắt mở lớn ra, kinh ngạc:

- Thôi chết, ông là...

Một bàn tay đưa lên ngang miệng, ấp úng.

- Đúng vậy. Tôi là Lộc, học chung với nhỏ ở Bình Dương. Không ngờ nhỏ vẫn còn nhớ.

Đôi mày hơi cau lại. Hai con mắt chớp lia, rồi sụp xuống. Tiếng nói thốt ra, yếu xìu, như than với chính mình:

- Khó làm việc! - Rồi đột nhiên cao giọng - Tôi muốn nói với ông điều này. Vui lòng đừng gọi tôi là nhỏ. Cũng vui lòng, đừng nói với bất cứ một ai, là tôi với ông quen nhau. Được không?

Một ngón tay út chìa ra. Tôi đưa ngón tay út của mình, định bắt lấy, thì một bàn tay cô nhỏ đã đưa ngang, chặn



Đá Xanh Cũng Khóc

Dương thị Vành-Khuyên

ở giữa, không cho chạm đến tay mình:

- Được rồi. Rất cảm ơn ông.

Cô nhỏ thật nghiêm trang và dài các, đúng như một cô Ký Diệu. Tôi nghĩ thầm, y chang ngày xưa. Thời tỉnh lý, cô nhỏ có biệt danh là "cô tiểu thư" vì bất cứ nắng hay mưa, học sáng hay học chiều, hay đi sinh hoạt, cô vẫn có người đưa rước, không sót một lần. Bây giờ, sau mấy năm xa cách, cô nhỏ dường như chẳng lớn thêm được chút nào. Vẫn nhỏ nhắn, mỏng mảnh. Đi đứng nhẹ nhàng, khoan thai. Khác đi một chút, là khi xưa tóc cô nhỏ dài ngang lưng, mượt mà. Còn bây giờ, tóc tết lên sau gáy, làm cho đôi mắt như lớn thêm ra, trong suốt.

Chừng dăm bữa sau, trong lúc tôi trầm tư nhìn ngắm cô nhỏ đang soạn hồ sơ ở cái tủ trước mặt, thì chợt cô nhỏ quay ngoắt lại, cúi kính:

- Sao ông chưa chịu đối trợ lý?

Hú vía! Không phải là cau có, vì bất gặp tôi nhìn trộm. Tôi đáp vội vàng, nhưng rành rọt:

- Cô làm việc này đã lâu, quen rồi. Tôi là người mới, cần cô tiếp tay, nên tôi sẽ không đối trợ lý.

Cánh cửa tủ chưa kịp đóng lại, cô nhỏ đã bỏ ra khỏi phòng. Điều gì làm cô nhỏ có nhiều thay đổi, không còn nói năng dịu dàng, khép nép như xưa? Trước kia, cô hiền lành và nhu mì. Hoàng, trưởng lớp 9, đã có lần kêu lên: "Nhỏ Trúc đúng là hiền như ma soeur". Còn bây giờ cô lạnh lùng, làm ra vẻ ta đây. Một hôm, khi đưa trả hồ sơ, tôi hỏi cô nhỏ:

- Lập gia đình chưa?

Tức thì cô nhỏ phùng mang trợn mắt:

- Không nói chuyện riêng trong giờ làm việc.

Cô nhỏ làm tôi cụt hứng. Tôi muốn thân thiện, nhưng cô nhỏ lại cách xa. Tôi cố gắng hoà đồng:

- Gặp bạn cũ, không mừng sao?

Cô nhỏ vẫn ngang bướng, đốp chát:

- Mừng gì? Người ta sẽ nói, thấy người sang bắt quàng làm họ.

Tôi cười:

- Sang gì? Tôi về đây sau Trúc mà. Tôi là hậu sinh, cần thỉnh giáo nhiều

điều.

Cô nhỏ cong một cánh môi:

- Hậu sinh khả...

Rồi quỳ quả bước ra khỏi phòng, mang chữ cuối cùng đi theo. Nhưng tôi không thể nào làm được, cô nhỏ muốn nói: Hậu sinh khả ố. Trời đất, tôi chỉ là một tên hậu sinh khả ố trong mắt nhìn ngang ngược của cô nhỏ.

Cô nhỏ cứng ngắc, khô khan. Tôi cũng nghiêm trang, lạnh nhạt. Cô cố làm ra vẻ xa cách. Tôi cũng làm mặt cách xa, cho dù mỗi ngày, tôi và cô nhỏ gặp nhau hàng chục bận. Có đâu xa, bàn viết của cô nhỏ án ngữ trước cửa phòng tôi, mở cửa ra là thấy. Với lại nhiệm vụ trợ lý của cô là làm việc trực tiếp với trưởng phòng. Trưởng phòng! Cô nhỏ có vẻ cay cú với hai tiếng trưởng phòng. Đôi lúc còn dằn dỗi: Trưởng phòng, thưa ông! Không hiểu sao cô nhỏ lại căng đống với tôi, bất cứ lúc nào và bất cứ ở đâu. Làm như tôi với nhỏ là địch thù, là mặt trời mặt trăng, là lửa với nước. Tôi chưa thấy cô nhỏ cười với tôi, suốt cả mấy tháng dài. Cái mặt lúc nào cũng nghiêm nghị, lạnh lùng. Chẳng lẽ tôi với nhỏ có mối thù nào từ muôn kiếp trước. Há tôi với nhỏ chưa từng học

chung nhau từ năm lớp 6 đến năm lớp 10 sao? Tôi đâu có làm điều chi thất lễ với cô nhỏ. Kẻ nội thù. Chắc cô nhỏ xem tôi như là một kẻ nội thù, chỉ vì tôi bây giờ là xếp của nhỏ? Tôi đâu muốn làm xếp của cô nhỏ. Tôi đâu muốn cô nhỏ làm mặt lạ với tôi!

Không biết cô nhỏ sẽ còn giữ nét lạnh lùng, kiêu bạc với tôi thêm bao lâu nếu ngày hôm đó, tôi không tình cờ đụng đầu với cô nhỏ trong buổi tiệc sinh nhật một người bạn cũ, ở Bình Dương. Buổi tiệc dễ thương vì được tổ chức ngoài trời, dưới bóng mát của những tàn cây um tùm xanh lá và toàn là bạn bè cũ. Tất cả cười đùa đàn địch xôn xao, vui vẻ trong vườn cây ăn trái, hết như những ngày tháng cũ. Chỉ khác là ngày xưa, các cô đi riêng, còn bọn con trai chúng tôi đi riêng - Con gái bao giờ chả điệu. Còn bây giờ, tất cả đã lớn, đã vào đời, có đứa lấy chồng, lấy vợ, hết còn xấu hổ và xa cách.

Thoạt tiên, khi nhìn thấy tôi, mặt cô nhỏ xụ xuống, ỉu xiu. Rõ ràng tôi thấy cô nhỏ đang lú lo cười nói; vậy mà khi có mặt tôi, cái miệng chợt ngậm lại, im lìm, vờ như không quen. Hồng Thanh đứng kế bên cô nhỏ, lác

tự thú

Ta biết ta có tội
Vì đã trót yêu em
Ta, một gã trung niên
Còn em thì mới lớn.

Ta sẽ không là bướm
Vờn sắc nhụy trinh nguyên
Chỉ gọi thầm tên em
Trao ánh nhìn mê đắm.

Thế cũng tội nặng lắm
Vì làm em xôn xao
Mỗi lần ta gặp gỡ
Thẹn thùng em cúi đầu.

Nụ hoa hé nhụy chào
Tỏa hương thơm man mát
Ánh mắt em trộm nhìn
Làm tim anh đau thất.

Tuổi trẻ anh đã mất
Vương vãi nơi chiến trường
Luôn nghĩ về cái chết
Đâu kịp nhớ yêu đương!

Kìa đôi môi em run
Uớt mắt buồn hờn dỗi
Máu tim anh kêu gọi
Đau thất một mối tình.

Lặng nắm bàn tay em
Một lần xin tha tội
Và xin em đừng nói
Anh xin em đừng buồn.

Em là cả mùa xuân
Anh - mùa thu lá úa!

đỗ đẳng bắc



tay:

- Nhớ không? An Lộc đó, mấy năm nay đi tuốt miền Tây, giờ mới được đổi về.

Tôi cũng tảng lờ, vờ như không phải là xếp của nhỏ, nghiêng đầu chào:

- Tiểu Thư!

Đây là lần đầu tiên cô nhỏ không gắt gỏng, cau có và sùng sộ với tôi, dù tôi biết, tiếng "Tiểu Thư" có thể làm cô nhỏ nín thở vì tức.

Giữa buổi tiệc, Tùng, chủ nhân, lên tiếng:

- Năm nay có thêm An Lộc mới về. Năm ngoái thiếu Tiểu Thư. Vậy bây giờ chúng ta sẽ mở đầu chương trình văn nghệ cây nhà lá vườn bằng sự xuất hiện của An Lộc và Trúc Sơn. Mời hai bạn lên song ca một bài.

Bạn bè ồn ào hưởng ứng. Thật là éo le, nhưng không thể chối từ. Khi tôi cầm cây đàn bước ra, cô nhỏ cũng theo cùng, tươi cười như là đôi bạn thân tình từ kiếp nào vậy. Cô nhỏ thì thào:

- Tôi không thể hát trước đám đông. Ông phải cứu bồ đó! Khi thấy tôi cúi đầu chào thì chào theo và dẫn tôi rút lui, nhớ chưa.

Tôi lú lú tuân theo vì đâu thể nào ngờ, bấy lâu cô nhỏ chanh chua, cay đắng in hệt một trái ớt hiểm, giờ lại thân ái, cư xử với tôi tử tế như vậy.

Trước đám đông, cô nhỏ cười chào và chững chạc lên tiếng:

- Hân các bạn đều thích Trúc và Lộc cùng hát một bản nhạc tình. Vậy xin ban nhạc hãy chơi điệu slow, chúng tôi sẽ hát bài *Khơi lòng*.

Ban nhạc trỗi điệu slow, còn tôi thì ngớ ra vì chưa hề nghe đến tên bài hát, nhưng cũng vội vã để tay lên phím đàn. Tiếng nhạc dặt dờ, khoan thai trong khoảnh khắc thì chợt cô nhỏ đưa tay ra, ngắt ban nhạc, cúi xuống chào:

- Xin các bạn cho một tràng pháo tay nếu vừa ý. Bản nhạc chúng tôi vừa hát xong, có tên là *Khơi lòng* tức là không lời. Xin kính chào!

Cô nhỏ đưa tay ra, cúi xuống chào một lần nữa. Tôi cũng vội vã đưa tay ra nắm, cùng cúi chào, dất cô nhỏ đi lui giữa rầm rộ tiếng cười, tiếng vỗ tay

la hét vì bất ngờ và thích thú.

Chưa gì cô nhỏ đã cấu tay tôi:

- Bỏ tay tôi ra, đồ lợi dụng!

Tôi sượng cứng. Thật là oan ôi ông địa. Rõ ràng cô nhỏ bảo tôi dẫn đi, rút lui; bây giờ lại trở mặt. Cô quay đi hoà nhập vào đám bạn, thản nhiên cười nói như chưa hề chửi tôi tiếng nào. Chẳng lẽ trong cô nhỏ có hai con người hoàn toàn trái ngược nhau?

Ngồi giữa đám bạn, cô nhỏ hiền lành nhỏ bé, lí lắc dễ thương, hệt như cô tiểu thư thuở đó. Vậy sao cô nhỏ cứ trở mặt với tôi luôn luôn. Hay cô nhỏ đoán biết tôi có tình ý nên phải dẫn mặt? Cho tôi co vùi, cho tôi rút lui, cho tôi ê chề mà không dám bước tới?

- Ê Lộc, bạn lo học hoài, bây giờ ra làm việc, đã có "đối tượng" chưa?

Tiếng Thanh vang lên, bất ngờ. Thái dậm vào vai khi thấy tôi lắc đầu:

- Thôi đi! Nghe nói mi làm trưởng phòng, thiếu chi thư ký dưới quyền, tìm kiếm đâu cho xa, phải không bà con?

Cô nhỏ bĩu môi, quay mặt đi nơi khác. Nhưng rồi cũng bất ngờ như tôi, quay ngoắt mặt lại khi Tuyết Đông lên tiếng, tinh nghịch:

- Nếu ông Lộc chưa có "đối tượng" thì ở đây có Đá Xanh tiểu thư...

Cô nhỏ để hết cả hai bàn tay lên miệng Tuyết Đông, dè xuống. Cả hai té nhào trên cỏ, tiếng cười của Tuyết Đông nghẹn lại, còn cô nhỏ mặt mũi đỏ ửng, đẹp hơn bao giờ.

Buổi chiều, khi cô nhỏ một mình hát từng chiếc lá vàng xuống nương nước, tôi đi theo, lên tiếng:

- Trúc có biệt hiệu Đá Xanh hời nào vậy?

Cô nhỏ ngậm miệng, im lìm. Tôi không chịu thua, tiếp tục:

- Sao Trúc không giữ tóc dài như xưa?

Cô nhỏ xì một tiếng, bỏ đi. Đúng là ngang ngược và kiêu kỳ. Tôi đuổi theo:

- Sao Trúc không chịu xem tôi như là bạn cũ vậy?

Vẫn là một lặng thinh. Lá khô lạo xạo dưới chân. Cô nhỏ làm như lắng nghe tiếng lá, không thèm đếm xỉa đến tôi bên cạnh. Cục tức bay lên đê

ngang cổ, tôi dộp chất:

- Ê, phải Trúc tuổi con cua không?

- Đúng vậy! Còn nguyên quán của ông là Biên Hoà, phải không?

Tôi nói cô nhỏ tuổi con cua, ngang phề phề cho cô nhỏ tức mà lên tiếng. Ngờ đâu cô nhỏ phản ứng thần tốc, tặng cho tôi cái tú đung khi bảo tôi từ nhà thương điên Biên Hoà bước ra. Tôi cười:

- Thì tôi cũng đâu có quên, Trúc là dân Chợ Quán. Chúng ta cùng một dòng họ mà, đâu có khác xa nhau.

Cô nhỏ lặng thinh, lấy chân giày khua lá. Không biết "trận chiến" sẽ kéo dài bao lâu nếu không có Thuận chạy tới gọi tôi về hát, vì "có người yêu cầu". Cô nhỏ bĩu môi, giễu cợt. Tôi vừa quay đi, thì cô nhỏ đã chắn ngang, đưa cái cằm ra, nghênh nghênh, hàm hừ:

- Cho ông biết, nếu nói với bất cứ ai, tôi là trợ lý của ông, thì tôi sẽ cắt cổ ông, lập tức.

Tôi ôm đàn, đứng hát giữa trời. Thật lòng, tôi muốn hát cho cô nhỏ nghe lắm. Những bài hát tôi vẫn thường hát một mình, sau ngày em bỏ trường mà đi, mang theo trái tim tôi mười tám tuổi. Nhỏ đâu biết, tôi mang hình ảnh em cho đến bây giờ, cái vóc dáng nhỏ nhắn đứng tựa bờ tường cao trên lối dốc nhà thờ cạnh trường, chờ người đến đón mỗi buổi tan học, tóc dài xõa tung trong gió với một bàn tay em nhỏ nhoi nín giữ. Cho nên tôi cảm cổ học hoài. Cho nên chưa có ai lung lạc được trái tim tôi, dù dăm ba mối tình thoáng qua, đọng lại.

Tôi hát *Phượng hồng*. Tôi hát *Em đẹp như mơ*. Tôi đắm chìm trong tiếng nhạc. Tôi muốn nhấn gỏi. Tôi muốn moi móc hết trái tim mình, đem dâng tặng cho em. Tôi nhìn cô nhỏ. Cô nhỏ nhìn tôi. Đôi mắt cô nhỏ chùng như có lửa, sáng lên nhưng khuôn mặt xa vắng, u trầm.

Chiều tàn. Tiệc tan. Tôi đưa cô nhỏ về vì Tuyết Đông, người bạn cùng đi với cô nhỏ lúc nãy, ở lại Bình Dương. Sau lưng tôi, cô nhỏ lên tiếng:

- Tôi không biết là ông hát rất hay.

Tôi ma giáo, giả vờ không nghe rõ. Cô nhỏ phải chồm tới trước, nói to

hơn. Tôi nghe thân thể mềm ẩm của cô đổ trên lưng mình. Tôi cũng hét:

- Không ngờ là Trúc biết hát bài Khơi Lòng...

Giữa đường, trời đổ mưa. Tôi mừng rơn vì cơ hội nghìn vàng. Tôi đưa cô nhỏ vào quán nước ven đường. Những giọt mưa thấm trên mặt cô nhỏ. Tôi đưa khăn tay ra. Cô nhỏ ngần ngừ, rồi cầm lấy. Từ phút đó, nhỏ có vẻ bớt lạnh nhạt. Nhỏ đã mở miệng, vì mặt đối mặt, hết đường tránh né. Bên ly nước chanh, tôi hỏi cô nhỏ:

- Sao Trúc có vẻ thù ghét tôi dữ vậy?

Nhỏ trầm ngâm, rồi trả lời rành rẽ, dứt khoát:

- Tôi thù ghét tất cả đàn ông, trên cõi đời này.

Hai tai tôi lùng bùng, tưởng như vừa nghe lầm. Chẳng lẽ nào cái khuôn mặt nhỏ nhắn, trong trắng, thánh thiện như nhỏ lại thất tình, lại mang một vết thương tình ái?

- Thật sao? Tôi không tin.

- Thì thôi!

Cô nhỏ buông lúng, lặng yên mức từng muỗng nước chanh, đưa lên miệng ngậm.

- Vậy sao có biệt danh là Đá Xanh?

Lần này thì cô nhỏ quắc mắt, nhìn tôi dữ dội:

- Ông quả thật là tò mò. Nhưng nói ra thì ông lại không tin. Cho ông hay, tôi là người ghét đối trá. - Giọng cô nhỏ chột chùng xuống - Nhưng để tôi trả lời, kéo lỗi đạo.... Có lần tôi nói với Tuyết Đông: Tôi bây giờ là một cục đá xanh, vì đập bảy búa chắc cũng không ra một giọt nước mắt. Ông biết, khi xưa tôi mít ướt lắm mà. Tuyết Đông gọi tôi là Đá Xanh tiểu thư. Đầu ngõ lần này nó nói giữa đám đông.

Cơn mưa kéo dài. Ông trời quả là thương tôi vì dưới mưa, cô nhỏ bỗng trở nên dịu dàng, nhỏ nhẹ. Tôi nhìn đôi môi em nói, mới thấu hiểu thế nào là "uống ly chanh đường, uống môi em ngọt". Tôi nhìn sâu trong mắt em và lặng người. Em đã ngụ trị trong tôi, từ thuở đó, cho đến tận bây giờ.

Sáng ngày thứ hai, rồi thứ ba, cô nhỏ không đi làm. Tôi băng khuâng. Tôi bứt rứt. Chẳng lẽ nhỏ gan lì bỏ

việc vì đã lỡ trút nhiều tâm sự, nên bây giờ hối hận, không muốn thấy cái bản mặt của tôi? Sang ngày thứ tư, Cường kể toán vào phòng:

- Con nhỏ trợ lý của ông xin nghỉ một tuần.

- Vậy hả?

Tôi giả vờ thản nhiên cho Cường tiếp tục:

- Con nhỏ đó một cây xanh dờn. Tôi nói thật, ông đừng có đụng tới nó. Nó ghét đàn ông lắm.

Tôi hơi giật mình. Chẳng lẽ cô nhỏ lại tâm sự với Cường là cô thù ghét đàn ông? Tôi cười:

- Bộ cậu đụng nhỏ rồi sao?

- Đầu có, là ông Phó giám đốc. Bữa đó tôi vừa vào tới cửa thì gặp nhỏ chạy ra, nước mắt nước mũi tùm lum. Ông Phó còn đứng xớ rớ, thì ra con nhỏ đã tặng ông một cái tát đích đáng.

Tôi làm thinh. Cường khai luôn:

- Chuyện đó lâu lắm rồi. Hồi đó con nhỏ mới ra trường, còn hiền lắm, tóc dài, yếu điệu thực nữ. Bây giờ con nhỏ nanh nọc, dữ dằn, đụng đâu húc đó. Cũng may là ông Phó giám đốc đó cuốn gói đi rồi.

- Sao cậu biết cô ta ghét đàn ông? Cường cười:

- Thì ông không thấy nó đeo nhẫn ở ngón tay ghét con trai đó sao?

Cường đi ra khỏi phòng, lại ghé đầu vào:

- Ông đừng bao giờ hở môi là ông biết chuyện đó của con nhỏ, nhen.

Hết tuần, tôi trông ngóng cô nhỏ đi làm. Gặp tôi, cô nhỏ tảng lờ. Tôi than thầm. Chẳng lẽ nhỏ lại nổi cơn? Buổi chiều hôm đó, trên đường về nhà, sau cơn mưa đường xa, gió lạnh, nhỏ run rẩy nấp gió sau lưng tôi. Còn tôi thì run rẩy vì cảm nhận sự gần gũi, ấm áp của cô nhỏ. Có nằm chiêm bao mới tin được là, cô nhỏ của một thời thiếu niên mơ ước tưởng đã mịt mù, đã mất dấu, giờ lại nghiêng mình, đeo cứng trên lưng tôi. Và tôi thì không biết trời đất thế nào, gió lạnh ra sao, lúc có em bên cạnh. Khi bỏ em xuống trước nhà, tôi nói: "Đừng xem tôi là đàn ông. (Thật ra tôi muốn nói, đừng xem tôi như những hạng đàn ông khác, nhưng sợ cô nhỏ nổi sùng) Hãy xem tôi là bạn.

Hãy xem tôi như là trang nhật ký, nơi mà Trúc có thể trút bỏ mọi điều. Tôi tuyệt đối trung thành là trang nhật ký. Nói thật đó. Đừng giữ mãi trong lòng những chuyện buồn..." Đôi mắt cô nhỏ chớp chớp, ngần ngừ, rồi một bàn tay đưa ra: "OK tạm thời". Tôi nắm tay em, muốn giữ mãi bàn tay mềm mại, nhưng vội buông ra vì còn nhát gan, sợ cô nhỏ lại sùng sộ, kiếm chuyện.

Cô nhỏ mang hồ sơ vào, rồi ra, lặng lẽ, không cả nhìn tôi. Cho đến khi tôi nhin hết nổi, lên tiếng:

- Tuần qua Trúc đi đâu?

Cô nhỏ đứng lại, chỉ vào miệng mình, không nói.

Đến chiều, cô nhỏ thì thảo:

- Đừng nói chuyện với tôi, lây bệnh.

Sau đó thấy cô nhỏ cứ rầu rầu hoài, tôi hỏi:

- Hết bệnh chưa, sao không vui?

Cô nhỏ nhìn tôi gượng gạo, bơ thờ:

- Vui gì nổi!

Tôi nhìn kỹ, quả nhiên cô nhỏ ồm đi và xanh xao.

- Nói đi, chuyện gì đã xảy ra? Tôi là trang nhật ký của nhỏ mà.

Cô nhỏ hạ giọng:

- Việt kiều! Việt kiều! Bà nội bắt lấy chồng Việt kiều.

Tôi muốn đứng bật dậy vì cái tin chấn động kia, nhưng cố gắng kìm giữ, bật tiếng cười khan:

- Té ra cả tuần qua cô ở nhà đi chơi với Việt kiều. Vậy mà tôi tưởng cô bệnh, lo giùm cho cô.

- Tôi bệnh thật mà. Tại ông bắt tôi há họng bữa đó nhiều quá, gió vào bụng, chịu đâu nổi!

Giọng cô nhỏ yếu xìu, làm tôi nao núng, thương cảm rồi tự thương thân, trách phận. Mình vừa định bước tới thì người ta đã sắp sửa vu qui. Mình chậm chân nên bây giờ lỡ chuyến. Thật là cay đắng. Thật là dở dang.

Thấy cô nhỏ từ từ đỏ da thắm thit trở lại, tôi hồi hộp chờ nhỏ báo tin đám cưới, nên thăm dò:

- Chẳng nào có tin vui?

- Tin vui gì?

Cô nhỏ cau mày, sùng cò. Tôi hết hồn:

- Thì Việt kiều đó.

Cô nhỏ bỗng cười hờn nhiên:

- Dứt đẹp rồi. Tôi nói với bà nội, là không muốn để má lại một mình. Má cũng khóc. Bà nội day nghiêng hoài, cũng xong. Và tôi thoát nợ.

Tôi thở phào, nhẹ nhõm. Từ lúc đó tôi đã chính thức trở thành "trang nhật ký" của cô nhỏ, cho đến bây giờ. Đôi môi thơm tho, đẹp để kia đã nhả ra đủ điều, đủ chuyện, đủ cả hỉ nộ ái ố lên đời tôi. Tôi sống hoà lẫn trong cô nhỏ, mỗi ngày. Và mỗi ngày càng yêu cô nhỏ thêm một chút, đậm đà, thấm thiết. Tôi càng yêu, càng đuối. Cô nhỏ càng ở vòng ngoài, quán quanh lấy tôi, thu hút, lôi cuốn. Cô nhỏ là thời nam châm, tôi là từ trường nên cứ đi

theo cô nhỏ hoài hủ, quán quít, không mệt mỏi, cũng không thể lìa xa. Tôi đã thử, nhiều lần, tìm cách chui vào trái tim rong chơi bay nhảy của cô nhỏ. Tôi rất muốn cô nhỏ dừng lại, với tôi, làm người một đời, vĩnh cửu, bất tuyệt. Một đời chung, mãi mãi.

- Tên của tôi và của nhỏ cộng lại, sẽ thành một cái tên hay biết mấy. Nhỏ có biết không?

Nhỏ nghiêng đầu nhìn tôi:

- Biết rồi. An Lộc Sơn chứ gì! An Lộc Sơn người tình, dâng trái vãi lệ chi cho người yêu dấu. Đúng không?

Giọng nhỏ kéo dài, cười cợt, thản nhiên, vô tình. Tôi lại cụt hứng, hết dám tiến tới.

Bờ sông. Bờ lạch. Vía hè. Góc phố. Quán nước. Quán nhạc. Chiều xuống. Trăng lên. Bên ngoài công ty, cô nhỏ thân thiện, ngọt ngào, theo tôi đi cùng khắp. Lúc làm việc, cô nhỏ hăm dọa: "Ông mà nói với ai, tôi đi chơi với ông, tôi sẽ cắt cổ ông ra, lập tức". Tôi đưa tay, vờ ôm giữ cổ mình, cười cợt mà chột nghe đặng chát một nỗi niềm.

Lâu rồi, cô nhỏ thật tình xem tôi là bạn. Có phải cô nhỏ đã không xem tôi là một đấng nam nhi, khi cái miệng cứ ngọt sớt tui tui, Lọc Lọc. Tui-nói-cho-ông-nghe. Tui-nói-cho-Lọc-nghe. Đêm nằm, bên tai tôi cứ vang vọng tiếng nói của nhỏ, thỏ thẻ, thủ thủ. Quả là cô nhỏ đã có một giọng nói êm đềm chết người, khi kể lể: "Tui cắt tóc ngắn từ năm 18 tuổi, sau khi đọc quyển *Tình mộng*, sách dịch của Hoàng Hải Thủy do má giấu lại sau ngày 30.4. Tui cũng có đọc nguyên tác *Roman Holiday* rồi. Ông thấy, trên đời này, bây giờ, tìm đâu ra một người đàn ông cao thượng như anh chàng nhà báo Joe Bradley..."

Bây giờ thì tôi hiểu cô nhỏ, hiểu thấu suốt, cặn kẽ từ trong ra ngoài. Cô nhỏ có một tâm hồn trong trắng, thánh thiện, luôn luôn ướp đầy thơ nhạc, mộng mơ. Mà đời sống thì ập xuống đời cô những thực tế xấu xa, thô tục. Mười bảy tuổi, biết yêu lần đầu, ba cô nhỏ nói gã con trai đó lưu manh, du đãng, không xứng đáng. Người thứ hai, ba chê cù lần. Người thứ ba, người thứ tư... "Đến khi tui bắt đầu xem tình yêu chỉ là trò đùa thì ba chết. Ông biết, ba chết đi, mới hay ba đã có một đứa con gái khác, ngoài tui, mới có mấy tuổi. Tui cam đành mang tiếng bất hiếu mà nói rằng, ba tui đại diện cho những người đàn ông để dạy tui biết, đàn ông có thể dối trá và phản bội đến thế nào, có thể nhẫn tâm và bội bạc đến thế nào, có thể ích kỷ và vô trách nhiệm đến thế nào, khi họ muốn..."

Tôi muốn nói với nhỏ, rằng không phải đàn ông nào cũng thế. Nhưng cổ họng tôi dường như mắc nghẹn. Vì cô nhỏ không chỉ mang trong lòng một vết thương dễ chữa, mà là đời sống xấu xa đã làm cô nhỏ nghi ngờ, sợ hãi. Cho nên, từ một con cừu, cô nhỏ đã nhe nanh biến thành một con chó sói, khi bước xuống thềm đời nhiều lọc lừa, gian trá. Giờ thì tôi biết bên trong cái vỏ hung dữ, luôn luôn găm giữ, thủ thế đó, là một tâm hồn yếu đuối. Còn nhớ, khi tôi chạy vạy khắp nơi, tìm cho được cuốn phim *Tình mộng* rất cũ, do Audrey Hepburn đóng từ năm 53, lúc tôi với nhỏ còn ở đâu đó trong cũi

chiều vàng

*Chiều tà trời vàng như hơi thu
Mây chen nhau về nơi sa mù
Như âu lo tà dương sắp tắt
Rồi dật dờ trong đêm âm u.*

*Sao đừng không lòng buồn vu vơ
Đâu mong ai mà như trông chờ!
Nghe đâu đây chim trời lạnh lốt
Kêu nhau về kẻ rừng hoang sơ.*

*Em nghe không chiều nay mệnh mông?
Như thông reo từ xa nghìn trùng
Như ai đây âm thầm thổn thức
Ru ta về, về nơi hư không.*

*Em ca chi bài ca thu tàn
Cho chiều buồn, buồn ơi mệnh mang
Em nghe không ngoài kia nắng úa
Cho chiều vàng, chiều vàng băng khuâng.*

*Sao không ca bài ca ngọt ngào
Ru lòng ta thôi đừng nôn nao
Cho chim rừng về đây ca hát
Cho mây chiều vươn mình lên cao.*

*Ca đi em bài ca từng bừng
Cho chiều tàn thôi đừng rưng rưng
Tay em đâu ta cùng gõ nhịp
Rồi cùng ca, ca lên vang lừng.*

trần ngân tiêu



ta bà này, chưa ra đời; cô nhỏ đã mừng đến điên người, ôm chầm lấy tôi: “Cám ơn Lộc nghe! Cám ơn, cám ơn một ngàn, một triệu lần”. Và sáng thứ hai, cô nhỏ đi làm mang kính đen trên mắt. Tôi hỏi:

- Ê, sao bữa nay làm Văn Vỹ vậy?
Cô nhỏ kéo kính xuống:

- Ông nhìn xem, hai con mắt tui sưng chù vù. Tối hôm qua, tui khóc hết biết luôn. Tui xem *Roman Holiday* cả mấy lần. Tui thương công chúa và anh chàng Joe Bradley đó biết mấy...

Tôi thật muốn siết chặt cái đầu nhỏ nhắn, trong trắng đó vào ngực mình. Tôi muốn nghiền nát cô nhỏ trong tay. Tôi nghe trái tim mình rên rỉ: “Tôi yêu em! Tôi yêu em!”

Cô nhỏ đã không giấu tôi bất cứ điều gì:

- Ông là người bạn rất tốt. Tui không thích chơi với con gái. Bạn gái chỉ thật là bạn hồi còn đi học. Ra đời, tui không có bạn gái nào khác vì họ toàn là ganh đua, soi mói, bươi móc. Cho nên, cám ơn ông đã làm người bạn chân tình. Chừng nào ông có đối tượng, cứ nói, tui sẽ không còn phiền đến ông.

Quả thật cô nhỏ đã hợp hồn tôi, đã khiến tôi lơ dờ, dờ chết dờ sống mỗi bận em tuyên bố có người theo đuổi, tặng quà, mời uống nước, nghe nhạc. Và tôi như hồi sinh, mỗi lần nghe em nói: “Hết rồi! *Thôi hết rồi người đã xa tôi*”. “Ông biết không, chắc trái tim tui thành đá rồi. Chắc là tui sắp điên. Tui kiếm tìm và tui vô vọng. Làm sao để kiếm được một người vừa là bạn, vừa là người tình, vừa là chồng, vừa là anh, mà còn cả là... cha của tui... hì hì...” Tôi biết cô nhỏ hì hì để che giấu nỗi buồn. Tôi muốn nói với cô nhỏ, đừng đi mãi trên mây. Hãy ngó xuống, nơi này, có tôi đứng đợi. Nhưng cổ họng tôi cứ ngắc ngứ, ngăn ngừa. Vì cô nhỏ đã quá thân, xem tôi như bạn. Cô nhỏ còn rủ tôi chơi trò ví-dụ-ta-yêu-nhau mỗi khi buồn buồn, kêu là thất tình, không ai để giận hờn, để đưa đi phố.

- Ví-dụ-ta-yêu-nhau, khi tui giận, tui giả bộ chảy nước mắt, thì ông sẽ làm gì?

- Thì tôi sẽ giả bộ cuống cuống xin lỗi và lấy khăn ra, lau nước mắt cho nhỏ.

- Nếu tui giận, xuống xe, bỏ đi, thì sao?

- Thì tui sẽ năn nỉ đến hết nước miếng, chừng nào được, mới thôi.

Cô nhỏ phát tay, phán một câu xanh đờn:

- Tâm thường, như mọi đàn ông khác.

- Ví-dụ-ta-yêu-nhau, tui lỡ tát ông một cái, thì sao?

- Tôi sẽ đưa thêm má kia cho nhỏ tát.

- Không điểm. Ông thật là tẹ mà. Ví-dụ-ta-yêu-nhau! Cái trò này làm tôi điên đảo, si mê và cũng tức tối, bực bội.

- Lộc à, vui lòng cho tui mượn cái lưng một chút, tui muốn ngủ.

Rồi cô nhỏ áp má vào lưng tôi, im lặng, dịu dàng như “con mèo ngái ngủ trên lưng anh”. Tôi đang tưởng mình bước tới được một chút, chợt cô nhỏ lên tiếng:

- Ví dụ đó nha!

- Ví-dụ-ta-yêu-nhau. Nếu ông biết được, trước đây tui có một tá bồ, thì ông nghĩ sao?

- Đâu có sao! Ai cũng có thời con gái mà!

Cô nhỏ nhóm dậy sau lưng tôi, chồm cái mặt tới, nhìn:

- Thật không?

Và cô nhỏ cười. Nụ cười tươi trên đôi môi đẹp. Tôi ngây ngất. Tôi đắm đuối. Tôi nắm đôi vai nhỏ kéo sát vào mình, thốt lên bằng hết cả cõi lòng:

- Tôi yêu nhỏ! Tôi yêu em!

Cô nhỏ ngược nhìn tôi, chăm chú. Rồi phá lên cười:

- Ví dụ hả?

Tôi cứng họng. Tôi mắc nghẹn. Cảm thấy mình giống như một tên hề. Rồi bất động và nghẹn ngào để cô nhỏ cọ cái mũi vào mũi tôi, thầm thì: “Tôi cũng *love you*”, rồi lại cười hờn nhiên, y như tôi là một cục đất, không có trái tim rung động.

Một lần, tôi hát cho cô nhỏ nghe bài *Khi nào*, thơ của Mai Trung Tĩnh: “*Khi nào em mệt mỏi, xin em hãy nghiêng xuống đời anh. Lòng anh như*

võng nhưng tơ phù phiếm, anh sẽ ru, ru em vài giờ quên...” Cô nhỏ vờ lơ đãng, chống cằm nhìn ra cửa sổ. “*Khi nào em tội lỗi, thì xin em hãy cầm dao giết anh. Vì anh như tấm gương soi đối mặt em đó. Võ một lần, võ một lần cho xong. Khi nào em tuyệt vọng...*” Cô nhỏ đã bất thành linh đưa tay, bịt miệng tôi lại: “Tui bị đau bụng”. Tôi buông đàn, ao ước được ôm em, ấp ủ. Vì tôi biết, tôi đã thọc đúng vào trái tim em. Trái tim buồng bình, trái tim bất trị, trái tim hoài mãi đi kiếm tìm một mơ ước xa xôi, không chịu đối mặt hiện tại, không chịu ngó nhìn vào tôi: kẻ tự nguyện yêu em, đến chết.

Tôi nhận được điện thoại của cô nhỏ:

- Tui đang ở bờ sông và rất muốn đi xuống nước. Ông hãy ra đây với tui, nếu có thể.

Tôi vợ vội quần áo, chạy xuống đường. Quả thật cô nhỏ đang đứng ở bờ sông, một mình. Thật hú vía. Đêm khuya, cao bồi du đãng thiếu gì trong thời buổi nhiều nhượng của thành phố bấy giờ. Tôi thắng xe cái két, thiếu điều muốn đụng, mà cô nhỏ vẫn im lìm, không nhúc nhích. Tôi hét lên:

- Hê, bà điên! Lên xe đi.

Cô nhỏ vẫn lặng lẽ như pho tượng. Chắc có chuyện bất thường. Tôi tìm chỗ gửi xe. Khi nhìn cô nhỏ, tôi hết hồn thấy nước mắt chảy đầm đìa trên má, trên môi:

- Chuyện gì? Chuyện gì vậy nhỏ?

Tôi đưa khăn tay, cô nhỏ không cầm lấy mà ngang tay quẹt qua quẹt lại và tức tưởi:

- Tui muốn chết!

- Được rồi, chuyện gì vậy?

Cô nhỏ hít mũi:

- Tui sắp lấy chồng.

Lau lăm rồi mới nghe cô nhỏ nhắc lại chuyện này. Lại còn kèm theo nước mắt, chắc là nghiêm trọng. Tôi dờ dảnh:

- Nín đi! Con gái lớn lên, ai cũng phải có chồng mà.

- Nhưng mà, tui thương không nổi.

- Thì tập thương lần lần...

Tôi tìm cách kéo dài. Bấy lâu, tôi đợi chờ, tôi hy vọng, sẽ chiếm được

trái tim em. Tôi muốn, chính miệng em nói ra tình cảm của mình. Tôi không muốn thừa nước đục thả câu. Tôi muốn em tin tưởng, bước tới. Tôi muốn em ngả vào lòng tôi, tự nguyện.

Cô nhỏ nở nụ cười méo xệch, thiếu nảo:

- Trời, thương mà còn phải tập nữa sao? Chắc không đủ thời gian để tập đâu. Ông có bao giờ tập thương thử chưa?

- Chưa. Vì tôi thương thật lòng, nên không cần phải tập.

Tôi trả lời, nhìn sâu trong mắt cô nhỏ. Đôi mắt ướt, sáng long lanh. Cô nhỏ cũng gan lì nhìn thẳng vào mắt tôi:

- Vậy, ông đã có người thương?

Tôi gật đầu. Cô nhỏ dần dỗi, hết còn hít mũi:

- Thành ra, đây là lần đầu tiên tui khóc mà ông không chịu lau nước mắt cho tui. Đây là lần đầu tiên tui không chịu lên xe, ông cũng không thêm năn nỉ. Vậy mà, ông nói ví dụ...

Tôi ngắt ngang lời cô nhỏ:

sẽ về với huế

Sẽ về thôi, phải về thôi

Ba mươi năm

đã xa rời Huế xưa.

Về nhìn phố cũ chiều mưa

Tìm trong hư ảnh hương thừa nỗi đau

Mồ cha - mẹ mẹ - tình đầu

Ngắm vành nón trắng qua cầu gió bay

Gốc đa, lều nhỏ tháng ngày

Thời cắp sách,

cơ khổ thay, phận nghèo!

Về thăm Huế vốn diễm kiều

Sau Mậu Thân

nhận quá nhiều tang thương.

Nghe trong tiếng sáo đoạn trường

Câu thơ cha vọng dẫn đường con đi.

Nghe qua lời gió thầm thì

Huế ngàn năm

vẫn hoen mi lặng chờ.

Mai thuyền ghé bến sông thơ

Nổi tình

rồi lại xuôi bờ đại dương!

lê nguyên

- Tôi yêu thật, nên không cần ví dụ.

Chúng tôi đang đi dọc bờ sông. Cô nhỏ bỗng dừng lại:

- Bữa nay ông ngon thiệt! - Rồi bất ngờ nắm cả hai tay vào ngực tôi - Tui ghét ông! Tui ghét ông!...

Tôi giữ đôi tay của cô nhỏ trong tay mình:

- Và tôi cũng sắp làm đám cưới. Chúng ta sẽ chấm dứt trò chơi ở đây.

Dường như tôi nghe cô nhỏ có thoáng kèm giữ khi thở hắt ra:

- Được rồi, chúng ta hết nợ nần nhau.

Cô nhỏ đã lau khô nước mắt từ lúc nào, bắt đầu cười cợt, lên giọng:

- *Chỉ còn một đêm nay nữa thôi, mai chúng ta mỗi người một nơi...* Nè ông, mai mốt không được kể cho đức lang quân của tui nghe, là tui từng đi chơi với ông, được không?

Tôi cũng cười cợt, hoà nhịp theo cô nhỏ:

- Tôi hứa. Tôi sẽ không nói cho hán biết, nhỏ là người đi trên mây, nhỏ dữ như bà chằn lửa, nhỏ có nhiều người tình nhưng rất ghét con trai...

Cô nhỏ tiếp lời tôi:

- ... Là một người có đủ một ngàn lẻ một thói hư tật xấu, là con gái không kim chi... Ôi, cảm ơn ông rất nhiều. Hán đang tưởng tui hiền lành, ngoan ngoãn đó mà... Bắt đầu từ ngày mai,



tui sẽ không nói chuyện với ông. Tui sẽ tu tỉnh, sẽ “điều chỉnh” lại con người của mình. - Cô nhỏ thấp giọng, như thể chỉ nói cho một mình mình nghe - Tui sẽ đốt hết, những trang nhật-ký...

Tôi nghe nao lòng, nức tim với những lời của nhỏ. Tôi cũng hạ giọng:

- Bộ tính lấy chồng thiệt sao?

- Bạn này bà nội cương quyết lắm. Nội nói tui lớn lắm rồi, lại mồ côi cha, nội phải lo cho xong mới yên tâm nhắm mắt. Ông nhìn xem, phải tui lớn rồi không? Tui sắp già, phải lấy chồng. Tui không muốn lấy chồng! Tui không muốn lấy chồng!...

Đôi môi cô nhỏ run lên, nước mắt lại chảy xuống, thành dòng... Tôi lấy khăn lau nước mắt cho cô nhỏ. Lần đầu tiên cô nhỏ khóc trước mặt tôi, không giấu giếm. Cô nhỏ vẫn là một con cừu, dù cố đội lốt chó sói nhưng đã không thể che giấu được bản tính hiền lành, tốt đẹp. Tôi buột miệng:

- Ví dụ, người sắp đi hỏi cưới nhỏ, là tôi, thì nhỏ tính sao?

Dường như bước chân cô nhỏ hụt đi một nhịp. Cô nhỏ bấu vào vai tôi, nhắm mắt lại, thì thầm:

- Đừng ví dụ nữa. Tui giởn hết nổi rồi. Ông là người độc ác...

Tôi xoay mặt cô nhỏ lại đối diện mình. Tôi nắm đôi vai gầy guộc, bé bỏng của cô nhỏ, bắt nhìn thẳng vào mắt tôi:

- Tôi chính là người sẽ đi hỏi cưới em. Nếu không tin, về hỏi bà nội và má xem. Là tôi đó. *Hãy ngả vào lòng anh. Khi nào em tuyệt vọng.* Là tôi đó, biết chưa, cô nhỏ. Chính là tôi.

Đôi mắt cô nhỏ mở to, rồi đôi môi hé ra, thì thào:

- Tui không tin! Tui không tin! Ông nói xạo! Ông nói xạo!...

Tôi kéo cô nhỏ vào lòng. Cô nhỏ cũng ồm ồm lấy tôi. Tôi cảm nhận, cô nhỏ đã thật sự là của tôi, khi em ngả đầu trên vai tôi, bật khóc. Tôi tiếp tục nói. Chính là tôi. Chính là tôi đấy mà. Đừng khóc nữa, Đá Xanh. Là tôi đó. Và em thì lắc đầu. Không tin. Không tin. Cho đến khi, tôi chợt thấy đôi môi tôi đang gắn chặt lấy môi em, từ lúc nào...

Mức Độ Tốt Lành của Chúng Ta

Nguyễn Văn Thông

Mùa lễ nghỉ ở Bắc Mỹ dồn vào cuối năm, bắt đầu vào lễ Tạ Ơn, tung bừng nhất là lễ Giáng Sinh rồi êm dần sau ngày Tết tây. Đời sống thường nhật trở về.

Mùa lễ này, người ta được nghe nói về những điều lành, việc thiện. Các nhà lãnh đạo quốc gia nói về chính sách hoà bình, sự an cư lạc nghiệp cho dân chúng. Mọi người nghĩ về tình gia đình, sự sum họp, thăm nom, quà cáp, quyên góp, bố thí...

Báo chí mùa lễ đầy những hình ảnh hoặc rực rỡ hoặc thanh bình, nhắc nhở con người về một sự tốt lành nào đó. Không ít thì nhiều, đây đó đều có những chuyện tốt, những tin vui sưởi ấm lòng người giữa mùa đông giá.

Tờ *Reader's Digest* là nguyệt san rất được ưa chuộng, có số bán hàng tháng là 27 triệu cuốn, in bằng 18 thứ tiếng. Một con số khủng khiếp. Nó có đặc điểm gì? Dĩ nhiên là nhiều, mà một trong những đặc điểm đó là, theo lời viên chủ bút, "sự quan tâm về điều phải trái, đúng sai". Tờ báo thẳng thắn vạch trần những chính sách vô nhân, dã man của các chính sách phát xít, cộng sản, độc tài. Nó dám điều tra tận gốc những chính khách Mỹ có những việc làm ám muội. Nó nêu ra những cuộc xử án bất công. Mặt khác, nó tuyên dương những gương anh hùng trong cuộc sống bình thường, đề cao các giá trị nhân bản, những tâm tình

hướng thiện. Nó quan tâm nhiều đến người tàn tật, những bệnh nhân nan y. Chính *Reader's Digest* đã có bài viết về thảm trạng thuyền nhân Việt Nam ở biển Thái, hải tặc ở đảo Kro Kra.

Mùa lễ năm 95, toà báo làm một trắc nghiệm khá đặc biệt. Một nhóm biên tập viên đi 12 thành phố lớn nhỏ khắp nước Mỹ. Ở mỗi thành phố họ "đánh rơi" 10 chiếc ví, trong đó có những giấy tờ bình thường như ảnh gia đình, thẻ đi làm, giấy liệt kê các món đi chợ, 50 đồng tiền mặt và địa chỉ cùng số điện thoại ở ngay địa phương đó.

Họ chọn mười địa điểm khác nhau để đánh rơi như tại tiệm ăn, siêu thị, công viên, trạm xe điện ngầm... Họ đánh rơi ví một cách tự nhiên và không để ai thấy, rồi đứng từ xa giả vờ đọc báo hoặc nói điện thoại để quan sát. Khi có người nhặt được ví, họ sẽ theo dõi để ghi nhận thái độ, đi đâu, làm gì, và chờ điện thoại xem người nhặt có gọi lại không.

Kết quả cuộc trắc nghiệm được ghi nhận có nhiều lý thú. Người nhặt ví ở đủ mọi loại tuổi: già, thanh niên, thiếu niên, trẻ em; ở mọi tầng lớp: nghèo nàn, sang trọng, đẹp, xấu. Có những ví trả về giấy tờ thì còn mà tiền thì mất. Đây là kết quả của những ví được trả về nguyên vẹn.

Tại các thành phố lớn:
Seattle, WA trả về 9 mất 1
St. Louis: 7 - 3

Atlanta: 5 - 5
Los Angeles, CA: 6 - 4
Houston, TX: 5 - 5
Thành phố hạng trung:
Greenboro, NC: trả về 7 mất 3
Las Vegas, NV: 5 - 5
Dayton, OH: 5 - 5
Meaville, PA: 8 - 2
Concord, NH: 8 - 2
Cheyenne, WY: 8 - 2

Vùng ngoại ô Boston nơi tôi ở, dưới con mắt nhiều người, xoàng lăm. Khi kể chuyện này, một bà cụ cười đoán: "Chắc là mất cả!" Bà cụ nhận định không phải là vô lý. Boston có tiếng là một thành phố văn hoá với những đại học nổi tiếng thế giới đã đành, nhưng cũng có thành tích tội ác xảy ra hàng ngày. Cộng đồng người Việt tụ tập thành những khu vực có đầy đủ cơ sở thương mại và xã hội, ở mật độ mà bất cứ lúc nào lái xe trên đường phố bạn cũng có thể gặp vài đồng hương. Tình trạng trong cộng đồng mình cũng pha trộn tốt xấu. Có thời gian, báo chí thành phố với số in hàng triệu bản, có đầy đủ hình ảnh và bài tường thuật về tội ác xảy ra trong cộng đồng Việt khiến bạn không còn muốn bước ra đường nữa, nếu bạn có chút nhạy cảm.

Vậy mà trong khi Los Angeles có chỉ số 6-4, các thành phố Houston, Atlanta, Las Vegas, Dayton ở mức 5-5 thì ngoại ô Boston chiếm được chỉ số 7-3.

Chúng tôi vui và cảm thấy hãnh diện vì nơi mình ở. Đường phố của chúng tôi tình người vẫn trở mướt. Chẳng hạn bạn gặp nạn, nếu có 3 người bỏ đi thì vẫn có tới 7 người ngừng lại hỏi han giúp đỡ. Thành phố chúng tôi có tỉ số người Samaritans nhân hậu là 7-3 so với tỉ số trong Phúc Âm về xứ Judea là 1-3, vậy không đáng hãnh diện sao?

Những em học sinh nhỏ của tôi nôn nao ở tỉ số tốt lành này. Một em nói: "Nếu em là người lượm được ví tiền chưa trả thì em sẽ trả để thành phố mình có điểm 8-2". Có lẽ dù sự thi đua vốn là đặc điểm của tuổi trẻ thì ta cũng có thể thấy được sự lời cuốn, thúc giục của hành vi tốt lành này.

Có một điều hiển nhiên trong cuộc trắc nghiệm: Chỉ số thấp nhất về mức độ lương thiện ở Mỹ là 5-5. Mười ví tiền đánh rơi thì có tới 5 cái được trả về nguyên vẹn. Ta có thể hoài nghi mà bảo rằng người ta để trả lại bởi vì trong ví chỉ có 50 đồng. Thử là 500 hay 5.000 xem! Hoài nghi về thiện tính của những người xung quanh là quyền của ta, và đó cũng là chỉ số mức độ thiện tính của chính mình. Tôi chưa bao giờ biết tha thứ thì tôi không tin có người dễ tha thứ. Nhưng nhà báo đã cho ta những chi tiết lý thú, chẳng hạn một em trai đi bỏ báo hàng ngày, trong túi chỉ có mấy đồng mà nhất định không lấy số tiền trong ví, bảo rằng: “Đó không phải là tiền của em, em kiếm tiền đủ xài rồi”.

Nếu bạn vẫn không tin ở thiện tính con người thì xin bạn đọc mẩu tin sau đây được loan báo trên đài phát thanh và nhật báo khắp nước Mỹ, được tuần báo *Times* đăng lại: Ngày 6 tháng 12 năm 1995, tại Memphis thuộc tiểu bang Tennessee, một người trúng số 1 triệu đồng trong trò chơi triệu phú của công ty McDonald, đã gửi cái phiếu trúng đó trong một phong thư thường, không viết tên hay địa chỉ người gửi, tới nhà thương nhi đồng St. Jude ở Memphis. Nhà thương này nổi tiếng trên thế giới về việc chữa trị ung thư và các chứng nan y khác của nhi đồng mà việc trả bệnh viện phí do tùy tâm. Người ta gọi món quà ấy là một phép lạ của mùa Giáng Sinh.

Thưa bạn, tôi không nghĩ người trúng 1 triệu đồng đó giàu có, bởi một lý do đơn giản: ăn McDonald thường xuyên. Vâng, phải ăn thường xuyên mới có thể chơi trò chơi triệu phú được. Trước hết, vào khoảng lễ Tạ Ơn ở Mỹ, công ty McDonald quảng cáo trò chơi triệu phú trên báo để lôi cuốn khách hàng. Các con tôi cắt những coupon ở báo, bóc bóc, cạo cạo, trúng ô nào thì dán vào ô đó, bắt chúng tôi chờ đi mua ăn; lấy phiếu rồi lại cạo, lại dán. Những cái phiếu nhỏ bằng móng tay, chữ in li ti, thường chỉ có con nít mới kiên nhẫn chơi. Những món ăn của McDonald giá từ 69 xu cho tới hơn 2 đồng, so với mức sinh

hoạt ở Mỹ là thứ thực phẩm rất rẻ. Một tô phở 4.50, một cái Big Mac chỉ có 1.99 mà xem ra trọng lượng và chỉ số năng lượng còn có phần hơn.

Đấy, như thế thì người trúng 1 triệu đồng kia chắc không phải nhà triệu phú. Tấm lòng của người ấy là tấm lòng triệu phú thì đúng.

Hồi nhỏ, biết nhà mình nghèo nên tôi có tật hay tủi thân. Được đi chơi vui ở đâu, được ăn gì ngon tôi lại nhớ về nhà. Có lẽ cái tính tủi thân của tôi chưa hết.

Thấy chuyện hay ở Mỹ tôi lại nhớ Việt Nam. Ở bên đó dân tôi được bảo cho biết xã hội Mỹ là một xã hội tư bản đòi truy, hưởng thụ, ích kỷ, đầy tội ác... nhưng không biết trong nước có ai dám nghĩ đến việc làm trắc nghiệm “đánh rơi ví” không! Thật là đau lòng khi dân tộc có một nguồn gốc nhân bản, lễ giáo, văn hiến hàng ngàn năm bỗng không còn tìm được những hành vi lương thiện trong một xã hội tự nhận là thống nhất, độc lập, tự do, hạnh phúc cả hơn hai thập niên rồi!

Cộng đồng người Việt ở hải ngoại thì sao? Có nhiều người tốt, không nản lòng tranh đấu cho đồng bào còn trong trại tị nạn. Có nhiều người hơn nữa đang âm thầm xây dựng cộng đồng qua báo chí, giáo dục, sinh hoạt. Nhưng bên cạnh đó cũng có những sự việc không tốt.

Tôi muốn lưu ý đến một sự kiện tương đối có ảnh hưởng rộng trong cộng đồng: các băng hình ca nhạc; gần đây có khuynh hướng khai thác những màn hở hang hay những điệu

vũ mang tính cách khiêu dâm.

Những chương trình truyền hình của Mỹ dành cho đại chúng, tới bây giờ vẫn không hề có những màn hở hang. Nếu là tin tức thời sự, những hình chiếu có loại đó đều bị xóa mờ trên màn ảnh. Người ta đang tìm cách giảm thiểu những chương trình hội thoại đề cập vấn đề phái tính chiếu vào những giờ mà học sinh đi học về nhà có thể coi. Văn hoá Việt vốn được đánh giá là đề cao gia đình và tiết hạnh phụ nữ. Vậy tại sao lại đi vào vết xe đổ mà người Âu Mỹ muốn tránh?

Những màn vũ vén váy, hở ngực, mô phỏng cách làm tình còn được tăng bốc, gọi là “nghệ thuật”. Tôi thấy không ổn chút nào!

Cái gì được gọi là nghệ thuật đều phải có mức độ cân xứng giữa hình thức và nội dung, nếu không nói là nội dung thường phải đầy đủ hơn, phong phú hơn hình thức. Cũng là cách phô bày vẻ đẹp nữ giới, hình ảnh lồ lộ của những màn hở hang chẳng có gì là “nghệ thuật” vì nó không có “ý” mà cũng chẳng có “tứ”. Trái lại, đường nét ấy ở những vũ công ballet, ở vũ công trượt băng mới đẹp làm sao, vì đường nét thân xác họ chỉ là những nét gợi “ý” và “tứ”.

Nhu cầu xây dựng đất nước VN là nhu cầu hàng đầu cho những người Việt biết thao thức. Xây dựng về mọi mặt chứ chẳng riêng gì về kinh tế hay luân lý. Nếu không đi đúng, những nghệ sĩ chân chính của chúng ta có thể đánh rơi mất cái chức năng đáng quý, đặc biệt trong thời điểm này, đó là khả năng hướng dẫn, là tiếng lương tâm của đại chúng.

rừng phong

*cánh rừng phong tôi chân chạy chậm
không may lá đã héo hơn gầy
hay là nắng chứa đầy trong lá
nên bóng hình võ nắng quanh đây.*

nguyễn đăng tuân mệnh



Nhấn Giùm Với Nhà Tôi



Phạm Thị Thanh Bách

phỏng theo "Tell Millie, I'll be along soon"

của D. Hunter

Nét mặt của những người trong đám đông vây quanh chỗ xảy ra tai nạn cho tôi biết đây là một vụ nghiêm trọng. Dù không thuộc khu vực hành sự của mình và mười phút nữa phải có mặt tại ty cảnh sát, tôi không thể bỏ đi. Thở dài, tôi bật ngọn đèn chớp trên nóc xe, nhắc ống liên hợp gọi xe cứu thương và bước xuống.

Thấy tôi, kẻ gây ra tai nạn, vội phân trần, giọng lẽ nhề hơi men:

- Tự nhiên ở đâu ông nhảy ra ngay trước đầu xe tôi, làm sao tôi thắng kịp.

Tôi nói với gã:

- Anh ra đứng ngay góc cột đèn kia, chờ nhân viên công lực đến làm biên bản.

Gã lặng lẽ làm theo lời tôi.

Nạn nhân vẫn nằm trên lề đường, chỗ ông ta bị tông phải. Điều đầu tiên đập vào mắt tôi là đôi chân gầy của ông. Chúng cong queo, không còn hình thù gì nữa. Tôi cúi xuống nhìn nạn nhân. Đó là một người lớn tuổi, gầy gò. Ông ta vẫn tỉnh táo, đưa mắt nhìn tôi. Tôi quỳ xuống cạnh ông, nhỏ

nhẹ:

- Ông yên tâm, rán chịu đựng chút xíu. Xe cứu thương sắp đến rồi.

Ông trả lời, giọng mang âm hưởng của dân Ohio:

- Không gấp đâu, cậu! Tôi không cảm thấy đau đớn mấy.

Nạn nhân bị thương khá nặng. Một bên hông ông tét thịt, lõi xương trắng hếu, đội một phần áo lên, nhuộm máu đỏ lôm. Tôi cởi chiếc áo khoác đắp lên mình ông. Cái vớ liếng hiểu biết về cấp cứu của tôi không đủ để săn sóc vết thương cho ông trong trường hợp này.

Tôi ân cần:

- Thưa, tôi có thể làm gì được cho ông không?

- Tôi đi xuống phố mua báo, bắt ngờ bị thế này. Cậu làm ơn đến cái khách sạn nhỏ bên kia đường, báo cho nhà tôi hay kéo nhà tôi lo. Nói giùm với nhà tôi, tôi sẽ về liền sau khi bác sĩ khám xong. Nhà tôi tên Millie.

Tôi rút sổ tay ghi tên người vợ và số phòng, tránh nhìn thẳng vào khuôn mặt gầy gò với những nếp nhăn trên má, khoé miệng và mái tóc bạc phơ để khỏi phải trực diện với sự bất lực của mình.

Ông ta tiếp tục, nhẹ nhàng:

- Năm mươi năm rồi, mỗi năm chúng tôi đều đến đây nghỉ mát nhân ngày kỷ niệm thành hôn. Nhớ lại năm đầu tiên, chúng tôi dự định đi nghỉ mát ở New Orleans, nhưng khi lái xe ngang qua thành phố Knoxville này, những ngọn đồi xanh mướt đã làm vợ tôi say mê, và chúng tôi dừng lại. Đây là một trong những nơi chốn đẹp nhất trái đất, cậu biết không?

Ông ngừng lại, húng hắng ho. Một dòng máu loãng rỉ trên khoé môi. Tôi hoảng hốt quay lại xe, la lớn vào ống liên hợp:

- Giục xe cứu thương mau lên!

Trở lại với nạn nhân, ông ta vẫn tỉnh táo:

- Cậu đừng quên nhấn giùm nhà tôi, cậu nhé! Chắc nhà tôi đang lo lắng, nóng ruột lắm. Sau 50 năm, hai chúng tôi đã gần như một vậy.

Tôi trấn an ông:

- Ông yên tâm, tôi sẽ lo việc này.

Xe cứu thương đang trên đường đến đây. Gắng đợi một chút.

Hứa với ông mà lòng tôi bất ổn. Tôi sẽ phải gõ cửa một căn phòng khách sạn, sẽ đối diện một khuôn mặt hiền từ với mái tóc bạc trắng, nụ cười dịu dàng nở trên môi. Bà đang mong chồng về, người chồng của 50 năm tình nghĩa. Và tôi là người thông báo tin dữ. Trời ơi!

Nạn nhân cất tiếng:

- Tôi biết người tài xế đụng phải tôi đang khổ tâm lắm. Nói giùm với cậu ấy, đó là lỗi tại tôi. Tôi đang suy nghĩ mông lung khi băng qua đường...

Tôi nuốt vợi nước miếng để khỏi nghẹn:

- Vâng.

Ông ân cần:

- Cậu đã có cháu nào chưa?

- Thưa, tôi được ba đứa. Hai gái, một trai.

- Chúng tôi cũng có ba người con. Đứa đầu mất vì sốt tề liệt đã lâu lắm rồi. Hai đứa còn lại đều đã có gia đình riêng. Thời gian qua nhanh lắm cậu ạ. Thoáng chốc...

Ông lại ho. Một người đứng gần đấy đưa tôi chiếc khăn tay. Tôi lau nhẹ dòng máu rỉ trên môi ông. Chỉ mới mười phút trôi qua, sao tôi tưởng chừng hàng thế kỷ!

Tiếng ông dịu dàng:

- Một dạo chúng tôi đã định dọn về nghỉ hưu ở đây, nhưng các con, chúng muốn chúng tôi ở gần. Sống trong thành phố này, chắc cậu không còn thấy cái đẹp tuyệt vời của nó nữa, phải không?

- Thưa, không hẳn thế đâu! Mỗi năm, gia đình tôi cũng chỉ đi nghỉ mát trong vòng 30 dặm quanh đây thôi.

Tôi muốn khóc khi trả lời ông. Tình huống khôi hài đến bi thảm. Một người đang hấp hối trước mặt tôi, và chúng tôi cùng nói chuyện nghỉ mát, du lịch!

Cuối cùng xe cứu thương cũng đến. Nhân viên cấp cứu bảo tôi tránh ra để họ làm phận sự.

Tôi đang thuật lại diễn biến tai nạn cho viên cảnh sát khu vực làm biên bản thì một nhân viên cứu thương gọi lớn:

- Ông cảnh sát! Ông cụ muốn nói chuyện với ông!

Tôi chạy vội lại. Cầm chiếc áo khoác đã đắp nạn nhân từ tay nhân viên cứu thương, tôi cúi xuống:

- Vâng.

Giọng ông nhẹ nhàng:

- Cậu tốt bụng lắm, cảm ơn cậu. Cậu nhớ nhắn với nhà tôi là tôi sẽ về với bà ấy ngay sau khi bác sĩ cho phép. Nhớ trấn an nhà tôi giùm, cậu nhé!

Tôi cảm thấy nghẹn ở cổ:

- Ông yên tâm. Tôi sẽ làm như ông dặn.

Khi chúng tôi trở lại xe thì cũng đúng lúc tôi bị gọi đi làm biên bản một tai nạn trong khu vực thuộc phận sự của tôi. Tôi giao vợi "trách nhiệm thông báo" cho người bạn đồng sự với tâm trạng nửa áy náy, nửa nhẹ nhõm. Áy náy vì tôi không chính mình thi hành việc ông cụ giao phó; nhẹ nhõm vì không phải nhìn thấy sự đau khổ của vợ ông khi biết tin.

Anh bạn đồng sự vỗ vai tôi:

- Yên tâm, tôi sẽ lo chu đáo.

Tôi nói vợi câu cảm ơn trước khi phóng xe đi.

Một ngày bận rộn với những tai nạn, những ẩu đả, rồi cũng trôi qua. Trở về ty cảnh sát, tôi tìm gặp anh bạn đồng sự lo vụ của ông cụ hồi chiều. Anh ta nhìn tôi:

- Ông cụ mất trước khi lên bàn giải phẫu. Vẫn tỉnh táo đến phút cuối cùng.

Tôi đứng lặng. Anh bạn nói nhỏ:

- Bác sĩ cho biết ông cụ không hề chịu chút đau đớn nào. Có thể nào thân thể tự nó tiết ra chất trấn thống không?

Tôi thờ dãi:

- Phản ứng của bà cụ ra sao khi hay tin?

Anh bạn lắc đầu:

- Không có ai ở đó cả. Ông cụ ở một mình. Tôi bắt nhân viên khách sạn dò đi dò lại danh sách khách trọ cả chục lần. Cuối cùng tôi bắt được liên lạc với người con trai của ông cụ. Anh ta cho biết bà cụ đã mất gần 12 năm rồi. Mỗi năm, vào ngày kỷ niệm thành hôn, ông cụ vẫn lái xe xuống

đây nghỉ mát, như những năm bà cụ còn.

Tôi cảm ơn anh bạn, ra xe lái về nhà. Trên đường về, tôi nghĩ đến người đàn ông vừa qua đời, về 12 năm đơn côi của ông. Mỗi năm, ông trở về thành phố kỷ niệm của hai vợ chồng để làm sống lại kỷ ức, sống lại quãng thời gian có người vợ đầu gối tay ấp nhiều năm. Ông nói: "Sau 50 năm chung sống, hai chúng tôi đã gần như là một". Đúng thế! Sau những năm tháng dài cùng chia sẻ những vui buồn trong đời thì người kia đã trở thành một phần bản thân mình, với cùng những khát khao, thỏa nguyện.

Tôi vùng nói lớn với người đàn bà đã mất 12 năm, người đàn bà tôi chưa từng gặp trong đời:

- Bà Millie, ông nhà vừa rời khỏi đây để về với bà. Chắc ông sắp về đến rồi.

Ồi, sự chết là gì? Có phải là một điều đáng sợ?

ý thức rời

*Chiều lang thang trên đời
Tôi cùng mây trắng trôi
Chẳng thấy đâu đâu biển
Chẳng thấy đâu cuối trời!*

*Như con chim soái cánh
Gió nâng hồn tôi lên
Tôi tan vào mộng mênh
Và mây rồi tan hết.*

*Xin cảm ơn sự chết
Đã cho lòng tôi quên
Tia nắng chiều mỗi mặt
Đã tan thành bóng đêm.*

*Trên đời, tôi đã ngủ
Một giấc nồng đắm say
Cảm ơn con chim cú
Rúc tiếng buồn trong cây.*

*Những ý thức lang thang
Động thành câu thơ mật
Nhưng lạ, ánh trăng vàng
Tại sao thành nước mắt?*

trần văn lệ

Bùn Đen

Nguyễn Duy Tâm

- Cho tô hủ tiếu, chị hai ơi!

Tư Thạnh kéo cái ghế gỗ ọp ẹp từ dưới gầm bàn đầy cộng rau thơm đã lật hết lá. Hắn xoa xoa cái bụng còn bám những hạt muối màu ngà ra về đói lắm:

- Làm lẹ nghe chị hai! Bốc nguyên xe muối từ chiều tới giờ chưa có một hột cơm, đói muốn rã họng luôn!

Người đàn bà chủ quán cười ngoác miệng, để lộ cái răng cửa bity vàng:

- Bánh dữ hé! Bữa nay ăn hủ tiếu chớ hong thèm ăn cơm bình dân. Bộ xe muối này được nhiều tiền lắm hả?

Tư Thạnh móc túi thuốc Đà-lạt từ trong túi áo nhàu nát đặt lên môi. Hắn phải đốt tới que diêm thứ ba và bập bập liên tục mới làm cho đầu thuốc cháy đỏ. Hắn chậm rãi đáp vừa phun khói vừa đáp:

- Bánh gì đâu bà chị ơi! Bốc xong xe muối chia nhau, mỗi đứa có hơn mười ngàn.

- Mấy tô? Sức mấy cha phải hai, ba tô mới đủ no!

Chị ta vừa hỏi vừa bốc hủ tiếu đã trung vô cái tô lớn rồi múc nước lèo đổ ngập lên gần tới miệng tô.

- Một tô đủ rồi chị hai. Tiền đâu ăn hai, ba tô, với lại để lát đói ăn thêm đĩa cơm cho chắc bụng.

Tư Thạnh xoa hai bàn tay thô ráp cho sạch những hạt muối rồi cầm dĩa. Một loáng, tô hủ tiếu chỉ còn chút cặn lấm tẩm hạt tiêu. Hắn đặt cái tô không xuống bàn, với tay lấy bình trà nguội rót ra cái ly nhựa cáu bẩn. Tư Thạnh lơ đãng nhìn mấy chiếc xe ba gác ra vào kho muối. Buổi tối thật oi bức, từng bầy muỗi đói túa ra bu, chích vào

cổ vào mặt hắn nhoi nhói. Toán phu bốc vác lúc nãy tản mát chỗ này chỗ nọ để ăn uống. Người đứng cạnh xe bánh mì nhai nhồm nhoàm khúc bánh mì thịt nguội, kẻ cầm cúi trước đĩa cơm tàu hũ kho nơi quán bà Sáu Chảy. Kiếng rỏ từ bên kia đường bước qua chỗ Tư Thạnh. Mặt gã đỏ phừng, mắt lơ dờ. Gã vỗ vai Tư Thạnh:

- Ê, đi "xả xui" không mậy? Xóm trên có một em ở tỉnh mới lên mướn lắm.

Chị hai đang tráng mấy cái tô trong xô nước văng mỡ, quay lại lườm gã:

- Lo làm ăn không lo, kiếm được đồng nào đem chum vô mấy cái lỗ đó hết!

Kiếng rỏ nhướng mắt, cười:

- Chớ để làm chi, chị hai? - Gã cúi xuống, lay vai Tư Thạnh - Còn mầy, đi hông? Sao không trả lời?

Tư Thạnh gạt tay Kiếng rỏ, lắc đầu:

- Mầy đi một mình đi, bữa nay tao mệt.

- Đ.M. Sợ bể ống "pô" hả? Hay để dành cưới vợ? Thời buổi này cưới vợ làm đ. gì! Hồi nào thèm thì đi kiếm ghế. Nhiều tiền thì ghế thơm, ít tiền kiếm ghế mộc, rách nữa thì kiếm ghế thúi... Mầy hong đi thì tao đi...

Kiếng rỏ quay lưng đi, miệng hát lảm nhảm. Ánh đèn in cái cái bóng xiêu vẹo của hắn rõ mồn một trên vách tường kho muối. Ngồi một mình thấy buồn, Tư Thạnh băng qua đường đi lên cầu. Tối nào không phải phiên toán hắn trực bốc hàng, Tư Thạnh thường lang thang qua bên kia sông

kiếm bạn bè tán dóc hoặc nhậu tới hoắc cần câu, lết về không nổi. Hắn bước chầm chậm dọc theo thành cầu đã gãy nhiều chỗ. Buổi tối, cái chợ chồm hổm trên cầu biến mất hẳn, chỉ còn lèo tèo vài ba gánh hột vịt lộn, cháo lòng lập loè ánh đèn. Mùi đủ loại rác rưởi xộc vào mũi Tư Thạnh khiến hắn muối ối dù đã quá quen. Lòng sông phía dưới hiện ra lơ mờ lớp bùn phản chiếu ánh sáng từ vài ngọn đèn ở những ngôi nhà lụp xụp hai bên bờ. Mùi bùn ngai ngái nồng nồng, tuy hôi nhưng còn dễ chịu hơn mùi rác trên cầu. Tư Thạnh tựa mình lên một khoảng thành cầu còn chắc, cúi nhìn lòng sông nghĩ ngợi vẩn vơ. Làm nghề bốc vác khi thì quần quật suốt đêm, khi thì nằm dài với cái bụng lép kẹp. Vay chớ cờ bạc, rượu chè, chơi bời không chịu thua ai. "Chơi cho quên đời, đời chớ má lắm! Chỉ có đế, diêm, xì là bạn tốt của mình thôi!" Thành Kiếng rỏ mỗi lần nhậu say thường ca đi ca lại cái điệp khúc đó.

Tư Thạnh băng qua cầu xuống bến Văn Đồn. Đi được một quãng, tới chỗ bóng tối cây vông đồng trước cửa trường học, một con bé chừng mười tuổi, tóc bù xù lộ ra hỏi hắn:

- Đi không chú hai? Rẻ lắm, có năm xin thôi! Giường chiếu mới giặt sạch sẽ. Đi chút xíu là tới liền hà, hong xa đâu!

Tư Thạnh cười nhăn nhó:

- Ai đi? Mầy hả?

Con bé dẩu môi:

- Ê, bậy cha nội! Con mẹ tui đi chớ tui bậy lớn mà đi gì!

- Chớ cha mầy đâu mà để má mầy đi khách?

Con bé hứ một tiếng kèm câu chữ thề:

- Đi hay không mà hỏi cà chớn dzậy cha nội? Lát nữa vô... với con mẹ tui rồi tha hồ hỏi.

Tự nhiên Tư Thạnh thấy thèm một hơi hướm đàn bà. Biết vậy nãy đi với thành Kiếng rỏ cho xong. Mọi khi nhậu rồi cùng đám bạn mò vô xóm chị em ta, thường hắn say bí tỉ chẳng biết trời trăng gì. Tối nay Tư Thạnh hoàn toàn tỉnh táo, lang thang một mình thấy buồn, cũng muốn ghé đại đâu đó

ôm một con nhỏ thủ thủ cho qua đêm. Hấn móc trong túi quần sau mớ tiền bốc vác hồi chiều ra đếm rồi hỏi con bé:

- Bao nguyên đêm nhiều?

Con oắt đưa ngón tay gãi gãi cầm:

- Gấp ba lần. Lấy rẻ cha đó.

- Sao mắc quá vậy?

- Mắc gì! Một đêm, sức mấy cha cỡ... ba lần. Tính vậy là phải rồi.

Tư Thanh chặc lưỡi, còn có hơn mười nghìn. Kệ mẹ, xả láng một bữa, mai tính!

- Còn có hơn mười xấp nhỏ ời! Không biết má mày có chịu không?

Con oắt đứng suy nghĩ một hồi rồi đáp lại:

- Dzậy cũng được! Để tui nói với con mẹ. Đ.M. mấy bữa nay không có mối nào hết trời, đói thấy mụ nội rồi. Đi theo tui, cha nội.

Con bé quay ngoắt đi. Tư Thanh bước theo nó vô sâu trong hẻm tối. Từng bầy chuột xục xạo trên những đồng rác, thân nhiên vượt rêu nhìn bóng người đi qua. Mùi thơm từ nhà máy thuốc lá gần đó bay qua mũi Tư Thanh khiến hấn nhớ khi nãy quên

mua gói thuốc hút. Hấn vỗ vai con bé:

- Ê! Bé con, chờ tao mua gói thuốc đã mày.

- Vô trông hút tha hồ. Thuốc thơm không có chớ thuốc đen thiếu gì! Con mẹ tui luôn luôn để sẵn xà bông, kem đánh răng nữa, cha đừng lo. Dịch vụ của tui cũng thuộc loại xịn chớ không tới nỗi nằm vĩa hè đâu nghe cha. Tui nói thiệt chớ hổng thềm quảng cáo đâu. Con bé nói mà không nhìn lại, đôi chân khẳng khiu của nó bước thoăn thoắt. Đi quanh co hồi lâu, con bé dừng lại trước một căn nhà sàn ló ra mặt sông. Phải gọi là cái chòi mới đúng vì nó chỉ là một khối hình hộp méo mó nép vào cây sung lớn. Tư Thanh theo con bé leo lên bờ đất ken bằng cây nhấp nhô trơn trượt. Dưới ánh sáng lờ mờ của ánh trăng hạ tuần, hấn vẫn có thể thấy những bèo rác bám chung quanh mấy cây cột chống sàn. Vừa tới trước cái cửa xập xệ đóng bằng miếng ván ép đã bong từng mảng, con bé nói lớn:

- Má! Có khứa bao nguyên đêm nè. Phần tui một xín nghen.

Một giọng đàn bà khô khốc đáp

lại:

- Con đi mẹ mày! Lần nào mày cũng đòi công cả ngàn, chịu đời sao thấu mày!

Cánh cửa mở bung dưới sức đẩy của con bé. Ánh đèn đầu vàng vọt hắt ra. Tư Thanh bước vô theo nó. Sàn nhà rung lên theo nhịp chân hấn. Mùi hôi từ lớp bùn phía dưới chui qua khe hở ván sàn lại bít kín hai lỗ mũi hấn. Tiếng người đàn bà trong góc tối vang lên:

- Anh hai cởi quần áo máng lên cái ghế gần cửa đó, không mất đâu! À, đưa tiền trước nghe anh hai.

Tư Thanh móc tiền ra đếm lại:

- Chỉ có mười nghìn, được hông?

Con bé đứng kể đó vội nói:

- Chú hai đây là dân bốc xếp ở Cầu Ông Lãnh đó má, cũng không có tiền nhiều. Bao nguyên đêm lấy vậy được rồi.

Không đợi người đàn bà trả lời, con bé chìa tay ra trước mặt Tư Thanh:

- Đưa tui một nghìn đây, còn lại đưa cho bà.

Giọng người đàn bà lại vang lên the thé:

- Con đi mẹ mày! Lột xác tao vừa vừa thôi chớ! Đêm nay biến đi đâu cho khuất mắt tao nghe. Đứng rình coi, tao chém chết cha mày à!

Con bé lè lưỡi nhái lại rồi mở cửa phóng nhanh xuống con hẻm. Người đàn bà ra khỏi góc tối lấy tiền từ tay Tư Thanh rồi vén tấm màn che cái giường chui vào trong. Có tiếng lục đục một lúc mới thấy người đàn bà chui ra. Tư Thanh đoán chừng mụ giấu tiền ở đâu đó. Lúc này hấn mới nhìn rõ mặt người đàn bà. Tư Thanh giật mình khi thấy nét quen quen trên khuôn mặt còn trẻ nhưng đầy vẻ mệt mỏi, chịu đựng. Đôi mắt người đàn bà cũng ánh lên một tia kỳ lạ khi nhìn hấn rồi trở lại thân nhiên, giọng khô khan:

- Đi một cái trước rồi tâm sự chuyện đời suốt đêm nghe anh hai!

Như một cái máy, người đàn bà cởi nhanh chiếc áo cánh mỏng vắt lên ghế. Tư Thanh vẫn đứng bất động, đăm đăm nhìn.

- Đứng đó làm chi vậy? Tui đau phải hoa hậu mà ngó!



Người đàn bà vừa nói vừa tiến lại, thò tay cời khuy quần Tư Thanh. Hấn sức tỉnh, nắm vội tay người đàn bà, tay kia đặt lên ngực nàng, mấy ngón tay lướt nhanh dưới vú trái. Giọng hấn chợt cất cao, đau đớn:

- Trời ơi! Cái mọt ruồi... Lý, em Lý đây mà! Sao em ra tới nông nỗi này?

Người đàn bà vùng ra khỏi tay hấn, lùi lại ngồi phịch xuống giường, úp mặt vào hai bàn tay im lặng. Lúc lâu, nàng mới ngẩng mặt lên, giọng lạnh lùng:

- Tui đã nhận ra anh từ khi nãy nhưng tui im lặng vì muốn để mọi chuyện qua đi vĩnh viễn. Không ngờ số kiếp xui khiến tui lại gặp anh sau mười mấy năm trong hoàn cảnh trở trêu này!

Tư Thanh ngồi xuống bên Lý, lấy cái áo phủ lên vai nàng, giọng run run:

- Sao em lại như vậy hả Lý? Còn con bé kia con ai mà lại gọi em là má?

Lý gỡ nhẹ tay Tư Thanh, nói sau tiếng cười lạt:

- Có gì lạ đâu anh! Không làm được việc gì khác thì phải bán tròn nuôi miệng. Còn con bé, nói ra không biết anh có tin không. Nó là con anh đó.

- Sao lại... Không lẽ...

Lý lại cười lạt:

- Đúng! Cái đêm năm xưa đó, nơi miếu hoang gần trường học với anh, nhớ hông? Có lẽ đó là đêm khốn nạn nhất đời tui. Không ngờ sau đêm đó tui có thai và anh thì bỏ đi biệt.

Mặt Tư Thanh hiện rõ nét đau khổ. Hấn định nói nhưng Lý đã giơ tay ngăn lại:

- Anh hãy nghe tui kể hết mọi chuyện một lần rồi xếp cất, để không phải nhắc lại nữa. Sau đó cha tui đánh tui một trận gần chết. Không chịu nổi sự nhục nhã với lối xóm, sự nhiech móc của gia đình, tui bỏ xứ đi hết tỉnh này qua tỉnh khác với cái thai trong bụng. Tui đã làm đủ mọi thứ nghề, và cuối cùng tấp vô cái nghề này mà anh thấy đó. Và lại tui cũng chẳng còn gì để mà...

Lý không nói hết câu, nàng bặm môi với vẻ dứt khoát:

- Bây giờ anh và tui kể như hai

người xa lạ. Anh cứ coi tui như một con điểm bình thường hết đêm nay, còn như không thích thì tui trả tiền lại, anh cứ việc ra về.

Tư Thanh chẳng biết nói gì, cổ hấn nghẹn lại. Hấn thọc tay vô túi quần bước lại phía cửa sổ đứng nhìn lớp bùn đen thẫm dưới sông. Bao chuyện cũ đồn dập xô về như những cơn gió đang tấp vào mặt hấn lúc này. Ngôi làng nhỏ ở miền Tây với những cánh đồng lúa như hiện ra trước mắt hấn. Tuổi thơ hấn đã trải qua cảnh ngày quốc gia đêm cộng sản. Những sáng lính cộng hoà phá mô, gỡ mìn. Những đêm cả thôn đốt đuốc rước cán bộ giải phóng về kể tội ác Mỹ ngụy và kêu gọi ủng hộ tiền bạc thóc lúa. Cha mẹ hấn hồi đó đã tích cực đóng góp cho giải phóng với ước mơ đơn giản thật thà là mai này cách mạng thành công, họ sẽ được chia cho những cánh đồng phì nhiêu màu mỡ, những con trâu cày khoẻ mạnh. Chẳng thế mà hấn có ba anh em thì hết hai thằng đi theo cách mạng và trở thành liệt sĩ trước khi giải phóng. Lúc đó, thấy cả nhà ưa giải phóng thì hấn cũng thiên về bên đó chớ thực ra hấn thấy cuộc sống cũng chẳng lấy gì làm khổ. Hấn vẫn được no đủ để cấp sách đến trường như mọi trẻ trong làng. Có lần hấn bị ông già cho ăn mấy bạt tai vì lỡ dại hỏi rằng: "Sao mấy ông lại mất công vô đây đánh nhau chi vậy ba? Đừng đánh nhau coi bộ mình để thờ hơn nhiều!"

Rồi năm 75 tới như cơn bão dữ. Nếu nói theo ngôn từ cách mạng thì đó là cơn bão quét sạch đế quốc, tay sai gì gì đó. Nhưng với hấn thì cơn bão đó búng đi tất cả những gì hiền hoà nhất của tuổi thiếu niên. Hấn không còn được cấp sách đến trường vì phải trần thân phụ với gia đình làm quần quật từ sáng tới tối mịt mới có hột cơm bỏ bụng. Ba hấn cũng không còn tới tới ngồi rung đùi nhậu lai rai bàn chuyện thời sự với lối xóm nữa. Khi có chính sách ruộng đất, mấy miếng ruộng tốt của gia đình hấn bị sung vô hợp tác xã, còn lại có mấy miếng ruộng phèn mà cò cũng không thèm mọc. Ba hấn uất ức quá, đành trút hết nỗi căm hận vô mấy tấm bằng liệt sĩ được lộng kiếng,

đem ra sân đập tan nát. —t lâu sau ba hấn chết đuối ở con lạch trước nhà vào một đêm trăng. Làng xóm đồn ba hấn tự tử. Kể đó mẹ hấn đau bệnh, không có tiền uống thuốc, chết trong nghèo đói. Sau khi chôn cất mẹ xong, còn lại một mình, hấn quyết định bỏ xứ ra đi và thề không bao giờ quay lại.

Trong đoạn đời đen tối đó, Lý đã đến với hấn bằng một tình yêu ngùn ngụt, vội vã của tuổi trẻ. Đêm cuối cùng trước khi Tư Thanh ra đi, Lý đã hiến thân cho hấn...

Tư Thanh bước lại chỗ Lý, ngồi bệt xuống sàn nhà. Lý hai tay ôm đầu nói như khóc:

- Tui đã quá ngu dại khi tin vào tình yêu của anh. Anh tàn nhẫn quá! Tại sao anh lại bỏ đi biệt tích như vậy?

Tư Thanh xích lại gần Lý, bóp nhẹ bàn tay nàng có những làn gân nổi rõ dưới ánh đèn:

- Em thấy hồi đó tình cảnh tui làm sao cưới em được! Tui không muốn em khổ, với lại... - mắt Tư Thanh loé lên tia căm hận - tui không còn muốn ở vùng đất đó nữa. Tui chỉ ân hận do vậy mà tui làm hại cả cuộc đời em. - Giọng Tư Thanh dịu lại - Bây giờ tui sẽ làm lại tất cả để chuộc lại lỗi lầm. Tui sẽ cưới em, em bằng lòng chớ Lý?

Lý cười như mếu, khẽ lắc đầu:

- Trễ quá rồi anh Tư à!

Tư Thanh xiết chặt tay nàng hơn:

- Không trễ đâu em. Đối với tui, em vẫn là con nhỏ Lý lé kim ngày xưa. Tui mình sẽ kiếm thuê một cái chòi nhỏ, sẽ nuôi dạy con cái đàn ông. Tui sẽ rán kiếm cái nghề nào khác chớ không làm nghề bốc vác nữa.

Lý nhìn ra khung cửa tối đen, giọng thật buồn:

- Anh vẫn còn muốn lấy em khi cuộc đời em đã quá dơ bẩn rồi sao?

Tư Thanh lừa tay vào tóc Lý, vuốt ve đôi vai gầy mà vào một đêm xưa hấn nhớ rõ là rất tròn đầy, giọng chùng xuống:

- Em Lý à! Suốt bao năm nay, hể có lúc nào nghĩ tới em, tui đều buồn lắm. Nếu đêm xưa tui kiếm chế được thì em cũng đã có chồng con đàn ông rồi. Tui có lỗi với em nhiều lắm. Đời em rách nát hết thì đời tui

cũng có hơn gì đâu. Thôi thì cứ coi tụi mình như hai cái áo rách kết lại thành cái áo lành. Em có tin lời tui không Lý?

Lý cúi đầu không đáp, vai rung lên theo tiếng nấc.

*
* *
*

Khi Tư Thạnh thức giấc thì trời đã sáng rõ. Quờ tay qua bên cạnh, không thấy Lý nằm đó nữa, hần ngồi dậy nhìn quanh. Chợt thấy trên chiếc gối đêm qua Lý nằm còn hằn rõ vết trũng có một cuộn tiền dần trên tờ giấy gấp đôi. Hần chụp tờ giấy mở ra coi. Thư của Lý với những dòng chữ nguệch ngoạc bằng bút chì:

“Anh Tư à!

Đêm qua em đã rất mãn nguyện khi biết rằng anh Tư vẫn còn thương em như hồi xưa. Em cũng rất hạnh phúc khi được làm vợ anh thêm một lần nữa. Em cảm ơn anh Tư muốn lấy em, nhưng em đã suy nghĩ lung lắm và viết lá thư này khi anh Tư ngủ say. Tất cả đã trở rồi anh Tư à. Anh Tư có nói hai đứa mình như hai cái áo rách kết lại thành một cái áo lành. Nhưng em nghĩ khác. Hai cái áo rách quá rồi, có kết lại chắc cũng chỉ tả tơi thôi. Đứa con của tụi mình cũng hết dạy dỗ rồi như anh thấy đêm qua đó. Và lại nó cũng khó mà coi anh như cha nó vì nó đã chứng kiến bao lần cảnh ăn nằm của em với khách. Nó sẽ coi anh cũng như những người đàn ông kia thôi. Bởi vậy em quyết định bỏ đi. Anh đừng mất công tìm em làm chi vì căn nhà này em thuê của người ta để hành nghề. Em không còn trách móc anh Tư nữa đâu, chỉ giận cho số phận và thời buổi xui khiến không cho tụi mình nên vợ nên chồng. Thôi thì hẹn lại kiếp sau nghe anh Tư.

Em ngừng ở đây anh Tư à. Em không thể viết được nữa vì tay viết mà nước mắt em tuôn trào. Em mong anh đừng buồn có hại cho sức khỏe và cầu chúc anh có một cuộc sống tốt đẹp hơn.

Con Lý lẻ kim của anh

TB: Anh Tư cất lại số tiền đưa em hôm qua đừng có mà xài.” ●

mưa đổ xuống đời

Ta ngồi nhìn từng giọt mưa
Là em chợt thả thính vừa vuốt tay
Giữa trời chao lượn, tình bay
Ngậm ngùi nuối tiếc những ngày đượm hương
Dạt dờ trong cõi vô thường
Cũng lâm li chút đoạn trường bể dâu
Mưa tuôn xả lên mái đầu
Âm vang dội khúc để nhau nhớ đời
Vỡ oà trong tiếng mưa rơi
U trầm một cõi ghen lời trời trăn.

phan xuân sinh

buổi đó ta về

Buổi ta về con đường xưa tên đã mất
Phố phường quanh ta sao quá điêu tàn
Ta không biết nên cười hay nên khóc
Giữa lũ người như bộ lạc rừng hoang.

Dăm thằng bạn nhìn ta như lẩn tránh
Người thân rồi cũng giả bộ không quen
Sống giữa mùa đông mới biết trời có lạnh
Cuộc chiến tàn mới rõ mặt trắng đen.

Ta cũng muốn rời xa con phố cũ
Tìm lên rừng làm Tô Vũ ngày xưa
Chút nợ chút nần chưa thanh toán đủ
Nên để đời hụp lặn với gió mưa.

Chuyện cung kiếm thời cũng đành gác lại
Vết đau xưa có nhớ cũng tạm quên
Ta làm người nửa khôn nửa dại
Đi giữa con đường ta không muốn biết tên.

dư mỹ

không đề

một thoáng ngậm ngùi tay vuốt mặt
trần trần nhìn đôi mắt lạc thần
còn chút niềm tin vừa đánh mất
hỡi ơi hồn tứ cố vô thân!

đông vũ



chiều tường nhớ

Trang sách đã qua rồi
Còn đâu những ngày vui
Bao giờ ta có lại
Chiều bên nhau trên đồi.

Một trang đời thoáng qua
Bóng chim không về nữa
Lá bay khung cửa nhòa
Quyển sách đời thêm mỏng.

Một thuở nào thanh tân
Bên nồi khoai ủ kín
Bàn tay khơi lửa hồng
Nghe lòng xuân vừa chín.

Một mùa hè vắng xa
Buổi trưa về nước lũ
Gốc điệp buồn thiết tha
Còn thương hoài chiếc võng.

Con cá đợi trên bờ
Lòng mong hoài cơn lũ
Nắng oi nồng không mưa
Buồn ao hồ viễn xứ.

Chợt dừng trang bình lửa
Vui buồn như vẩy quanh
Lá vàng rơi trên cỏ
Chiều tàn, tối lên nhanh.

Người ngồi im bóng nắng
Gom đất trời âm thanh
Lung linh vòng ánh sáng
Chợt òa vỡ tim mình.

t.t. mây trên ngàn

Nói Điều Ràng Buộc

Hồng Huy

Nói điều ràng buộc thì tay cũng già

Đây là câu Kiều 1534. Điều đáng bàn nằm ở riêng câu này, nhưng xin trích cả câu trước, để dễ nhận định:

Ở ăn thì nết cũng hay,

Nói điều ràng buộc thì tay cũng già.

Truyện Kiều dùng hai câu này để giới thiệu tổng quát về tính tình và cung cách của Hoạn Thư. Kể ra thì lời thơ không có gì khó hiểu, nhưng xưa nay vẫn có nhiều sách chú giải và sách dịch hiểu lầm câu thứ hai.

Sách chú giải:

- Của Bùi Kỳ và Trần Trọng Kim (BK-TTK): *Nói những điều thất vào lý sự thì thật giỏi.*

- Của Lê Văn Hòe (LVH): *Nói điều ràng buộc là nói điều thất vào lý sự. Tay cũng già: cũng già tay, cũng giỏi. Câu trên và câu này: tính nết Hoạn Thư đứng đắn đảm đang và riết róng lý sự.*

- Của Đào Duy Anh (ĐDA): *Ràng buộc là tìm cách trói chặt người khác, hay đối xử khắt khe làm cho người ta không thoát khỏi tay mình.*

- Của Huyền Mặc Đạo Nhân (HMDN): *Cách ăn ở thì nết cũng khá, mà nói về điều giam buộc người ta thì cũng già tay.*

- Của Nguyễn Thạch Giang (NTG): (chỉ dẫn lời phê của Vũ Trinh) *Thật đúng là một vị mệnh phụ đảm*

đương việc nhà. Ta với nàng, sinh không đồng thời, ở không cùng chỗ, mà nay đọc đến hai câu đây, như cảm thấy không rét mà run.

Trước hết, lời phê của Vũ Trinh không giúp ích được gì trong vấn đề tìm hiểu câu Kiều; chỉ cho thấy họ Vũ có thành kiến với Hoạn Thư. Nhưng chúng ta không khỏi cảm thấy buồn cười khi nghe ông bảo “không rét mà run”. Có run chẳng thì chàng Thúc run, chớ ông can chi mà run?

Còn lại 4 bản, BK-TTK hiểu câu bát giống LVH: Hoạn Thư giỏi lý sự, giỏi bắt bẻ người khác. ĐDA hiểu giống HMDN: Hoạn Thư đối xử khắt khe với người khác, khiến người ta mất hết tự do. Nhưng cả hai bản đều không nói rõ “người khác”, “người ta” đây là ai.

Các bản dịch:

- René Crayssac (RC): *Grande était sa vertu, mais grand était aussi son art de bien masquer ses personnalités soucis* (Nàng có đức hạnh, nhưng cũng khéo che giấu những phiền muộn riêng của mình).

- Nguyễn Văn Vĩnh (NVV): *Pour la conduite, c'était un assez bon caractère. Pour la discussion, c'était une forte tête qui entendait avoir toujours raison* (Về tính tình, nàng là một con người khá tốt. Về tranh luận, nàng là con người bướng bỉnh, lúc nào cũng muốn là mình đúng).

- Nguyễn Khắc Viện (NKV): *On*

ne pouvait que louer sa bonne conduite. Mais elle avait la main dure, quand elle voulait sévir (Người ta phải khen nàng có nết tốt, nhưng khi cần trừng trị ai thì nàng rất nghiêm khắc).

- Lê Xuân Thủy (LXT): *There existed nothing to criticize about her behavior and manners, but one should state that her arguments were truly peerless* (Tính tình và cung cách của nàng thì không có điều gì đáng chê, nhưng phải nói là về mặt tranh luận thì nàng vô địch).

- Huỳnh Sanh Thông (HST): *Living above reproach, Miss Hoan could wield the surest hand in catching one at fault* (Với lối sống không có gì đáng chê trách, Hoạn Thư có cách chắc chắn nhất để bắt người phạm lỗi).

Rõ ràng RC không hiểu câu bát, dịch lạc ý rất xa. NKV gán nghĩa câu ấy cho việc Hoạn Thư hành hạ Thúy Kiều. HST lại gán câu ấy cho việc Hoạn Thư đối phó với cả chồng và tình địch.

NVV và LXT hiểu “nói điều ràng buộc” là lý luận, là tranh cãi.

Chung qui, có 4 người hiểu câu Kiều 1534 theo nghĩa Hoạn Thư có tài tranh cãi, lý luận.

Điều gì đã khiến các vị này nghĩ như vậy? Kể cũng khá lạ. Phạm trong tác phẩm nào cũng vậy, tính tình của mỗi nhân vật đều có chủ điểm. Trong TK, với Hoạn Thư, chủ điểm là mưu mô và ghen độc. Kỳ dư, không có gì chứng tỏ y thị giỏi tranh biện. Chi tiết Hoạn Thư nói mấy câu “phải lẽ” để xin Thúy Kiều dung mạng, cũng không chứng tỏ là giỏi tranh biện. Nếu cần giới thiệu người giỏi tranh biện, thì phải giới thiệu Thúy Kiều.

Tôi nghĩ gây nên hiểu lầm chính là chữ “nói” ở đầu câu. Người hiểu lầm gán cho chữ này chức năng động từ, rồi hiểu “nói điều ràng buộc” là “nói ra những lời để gài người đối thoại, khiến người ta không cãi lại được”.

Thật ra, chữ “nói” đây có chức năng giới từ: “Nói” tức là “nói về” (à propos de; about). “Nói điều ràng buộc” tức là “về chuyện ràng buộc”. “Nói điều ràng buộc thì tay cũng già”

có nghĩa là: *Còn về chuyện ràng buộc, thì cũng là tay già dặn.*

Cách đặt câu và dùng chữ của hai câu Kiều “*Ở ăn thì nết cũng hay, nói điều ràng buộc thì tay cũng già*”, cũng giống như hai câu này: “Chỉ huy thì tài cũng cao. Nói việc đối xử với thuộc cấp, thì cũng là tay độ lượng”.

Bây giờ đến chữ “ràng buộc”. “Ràng buộc” ở đây có nghĩa là “giữ chồng”, “ràng buộc chồng, không cho chồng đi ngang về tắt”.

Nhưng thiết tưởng cần đã thông ngay một thắc mắc có thể có: Nói rằng Hoạn Thư già tay giữ chồng, thì tại sao nàng lại để Thúc Sinh ở xa, cả năm

mới về nhà một lần?

Xin trả lời: Hoạn Thư là con nhà danh gia vọng tộc, lúc nào cũng muốn giữ thể diện cho chồng, cho mình, cho cha mẹ. Thử dẫn mấy câu Kiều:

“*Tốt chi mà rước tiếng ghen vào mình* (1542);

“*Chồng tao nào phải như ai* (1559);

“*Xấu chàng mà có ai khen chi mình* (1610).

Với tâm lý đó, khi chồng có duyên có chính đáng để sống xa nhà, tới Lâm Tri để cùng Thúc ông buôn bán, Hoạn Thư dù có muốn cũng không thể giữ. Nàng chỉ chờ để phản ứng khi có việc

xảy ra.

Bây giờ, xin đối chiếu với nguyên truyện.

Ở hồi 13, có đoạn này, diễn tả ý nghĩ của Hoạn Thư khi nghe chuyện Thúc Sinh chung sống với Thúy Kiều: “*Chính yêu tha man ngã. Nhược mình thuyết ngã, thuyết thú liễu nhất thiếp, ngã đáo yêu thể thiếp trượng phu chí khí, tích tỵ dĩ thể diện. Tha ký man ngã, ngã tiện tương kế tỵ kế, lộng đắc tha á khẩu vô ngôn, khán tha chấm hà năng xuất ngã chi phạm vi chi nội mà!* (Mình cần chàng giấu. Nếu chàng khai thật là đã lỡ lấy vợ bé, thì mình cũng phải nể chàng, và giữ thể diện của mình. Nay chàng đã giấu, mình sẽ nương theo kiếm cách làm cho chàng không thể mở miệng nữa. Để thử coi chàng làm sao thoát ra được sự ràng buộc của mình).

Trong bản dịch, Nguyễn Đình Diệm dùng chữ “ràng buộc” để dịch chữ “phạm vi” của nguyên tác. Tôi thấy đúng, nên dùng theo. Trong khi đó, tuy không dám mạnh dạn nghĩ rằng chữ “ràng buộc” của câu Kiều 1534 là do chữ “phạm vi” này, nhưng cũng không dám chắc là không phải.

Tất nhiên, dù Hoạn Thư có nói ra hay không, thì sự “ràng buộc” của y thị đối với Thúc Sinh cũng hiển hiện ra đó, suốt cuộc sống chồng vợ của hai người, chớ không riêng khi phải đối phó với Thúy Kiều. Hoạn Thư ràng buộc chồng không chỉ bằng thủ đoạn, bằng mách khéo, mà còn bằng tâm lý: Thúc Sinh lúc nào cũng nể vợ, sợ vợ. Không phải vì chỉ vì chàng cảm thấy có lỗi, mà căn bản vì chàng tự biết mình kém vợ về đủ mọi mặt: Trí thông minh, tính nghiêm cẩn, và gia thế. Nhất là gia thế. Đây là sự ràng buộc tinh thần, sự ràng buộc này lúc nào cũng có, kể cả lúc Thúc Sinh sống xa vợ.

Nhưng, chỉ đến khi nào, Hoạn Thư dùng đến thủ đoạn “giữ chồng”, thì sự “ràng buộc” mới trở thành hiển nhiên.

Tóm lại,

“*Ở ăn thì nết cũng hay,*

“*Nói điều ràng buộc thì tay cũng già.*

có nghĩa:



- Nói về cách cư xử, nàng cũng là người tốt,
- Nói về chuyện giữ chồng, thì nàng cũng không non kém gì.

Mai Cốt Cách Tuyết Tinh Thần

Đây là câu Kiều 17, gồm hai vế đối nhau. Vế trước ai cũng hiểu một cách, nhưng vế sau đã có hai cách hiểu.

Những bản dịch:

- NVV: *Elles avaient toutes deux le profil gracieux des abricotiers et la blancheur pure de la neige* (Hai nàng đều có cái dáng đẹp của những cây mơ và cái sắc trắng trong của tuyết).

- RC: *Tel un abricotier ayant taille fluette, un visage pur comme neige...* (Thân hình mảnh khảnh như cây mơ, gương mặt trắng như tuyết...).

- NKV: *Grâce de prunier en fleur, candeur de neige* (Dáng dấp yêu kiều như cây mận đang trở hoa, tâm hồn ngây thơ trong trắng như tuyết).

- LXT: *Thuy Kieu and Thuy Van were as slender as apricot-trees, as pure as snow* (Thúy Kiều và Thúy Vân mảnh mai như những cây mơ, và

trong trắng như tuyết).

- HST: *Bodies like slim plum branches, snow-pure souls* (Thân thể mảnh mai như cành mận, tâm hồn trong trắng như tuyết).

Tôi xin dừng lại đây một chút để nêu một điều tồn nghi: Hình như trong tiếng Anh, tiếng Pháp, không có chữ nào chỉ đúng “cây mai” mà người Việt mình vẫn trồng để chơi hoa. Thứ mai này không có trái. “Abricotier”, “prunier”, “apricot-tree”, “plum-tree” đều là những loại cây có trái.

Mở Từ Hải ra coi, ở chỗ chữ “mai”, thấy có vẽ một cành có hoa hơi giống hoa mai chúng ta vẫn chơi Tết, nhưng lại có trái tròn như trái thị. Mai Tàu khác mai Việt chăng?

Những cuốn biên khảo:

- BK-TTK: *Mai cốt cách là người tâm thước, tuyết tinh thần là người trắng trẻo.*

Nhưng đến câu “Nét buồn như cúc, điệu gầy như mai” (638), cuốn này lại dẫn câu thơ cổ “Dung đậm như

cúc, cách sấu như mai” (vẻ thanh như hoa cúc, dáng gầy như cành mai).

- ĐDA: *Tuyết tinh thần là tinh thần trong trắng như tuyết, chỉ lòng trong trắng.*

- HMDN: *Nói về phần dung nhan hai chị em, thì cốt cách dong dầy như huê mai, tinh thần quang nhuận như màu tuyết.*

- LVH: *Mai cốt cách: cốt cách thanh kỳ như cây mai hoặc cành mai, ý nói tâm vóc người dong dỏng cao thanh thanh như cành mai. Mấy chữ này tả tâm vóc Thúy Kiều; Thúy Vân không có cốt cách như thế. Tuyết tinh thần: tinh thần trong trắng như tuyết, ý nói tư tưởng trong sạch, đầu óc ngây thơ, không có một chút gì là ô trọc, tức là ngoan ngoãn nết na, thật thà, chất phác. Mấy chữ này tả tính tình, đức hạnh của Thúy Vân. Kiều không có tinh thần ấy.*

Tổng kết, có 3 dịch giả và 2 nhà chú giải hiểu “tuyết tinh thần” là “tâm hồn trong sạch”.

bóng đời

Sáng ra bóng mình dài bóng nắng
Giữa trưa đứng bóng, tròn bóng người.
Xế chiều bóng ngả, hình bóng vắng
Tối về khuất bóng, nhòa bóng đời.

Bóng anh cương trực thời trai trẻ
Giữa buổi lộn gió cánh diều rơi.
Cuộn sóng mù khơi, liễu vận mệnh
Thế thời con tốt tàn cuộc chơi.

Bóng em lả lướt hồng xuân sắc
Nhiều nhưong rong ruổi bạc thoi đời
Con thuyền nổi trôi đời con gái
Tàn canh xơ xác bóng thuyền phơi.

Một thời sung mãn đời vang bóng
Lỡ thời mạt vận bóng đơn côi
Hết thời ôm bóng hận cay đắng
Đời thừa sót lại cái bóng đời.

nguyên anh

tìm tâm

Ru ta tiếng hát ngậm ngùi
Lênh đênh mộng mị nửa đời hoang mang
Vô duyên dài các điểm trang
Vàng son ảo ảnh thế gian dị kỳ
Giật mình tỉnh giấc mê si
Vô mình nửa kiếp qui y nửa đời
Mật mừng quá khứ buông trôi
Tìm ta bỗng thấy ta thời tại tâm.

viết liễu

về đi

Về đi buồn đã lấp đầy
Lệ khô phơi trắng nơi này mai sau.
Ta còn gì để cho nhau
Chút hương lửa muộn, niềm đau rã rời.
Về đi, soi lại bóng đời
Buộc chi đây mãi khoảng trời lưu vong.
Mơ thăm giọt nắng bên sông
Mù xa nguồn đã khơi dòng trầm luân.

nguyễn đức thanh



hạnh phúc

Mưa rơi sợi nhỏ
Thương em một thuở
Ta đứng âm thầm
Rưng rưng mắt đỏ

Chỉ còn nỗi nhớ
Thăm thẳm đáy tim
Thôi nhé người tình
Quên là hạnh phúc

nguyễn hải hà

Cũng hiểu như thế, nhưng riêng LVH đem cái “trong sạch” ấy dành riêng cho Thúy Vân, nói rõ Thúy Kiều không có đức tính đó. Có lẽ nhà biên khảo này nghĩ rằng với câu thơ đang bàn, Nguyễn Du muốn đánh giá trọn đời hai chị em họ Vương, chứ không phải chỉ là giới thiệu sơ khởi.

Thật ra, nhóm chữ “tuyệt tình thần” không hề có ý nói về phẩm hạnh, đạo đức của Thúy Kiều Thúy Vân.

Đọc kỹ cả đoạn (cho đến câu 28), chúng ta chưa thấy một ý nào đề cập đến đức hạnh của hai nàng. Và lại, cũng không cần phải dẫn xa. Chỉ cần để ý câu 18 “*Mỗi người một vẻ, mười phân vẹn mười*”, và nhận cho ra nghĩa mấy chữ “mỗi người một vẻ”, thì thấy ngay 3 chữ “tuyệt tình thần” ở câu trước, vẫn chỉ nói về bề ngoài.

Chữ “tinh thần” ở đây là chữ “thần” trong “bức tranh có thần”, “nét bút có thần”, “đôi mắt lạc thần”...

Tuy trình độ có khác nhau, nhưng cái làm ở đây cũng giống cái làm của một số người đối với thành ngữ “quốc sắc thiên hương”. Họ tưởng “thiên hương” nói về phẩm hạnh. Thật ra, cả “sắc nước” và “hương trời” cũng đều nói về vẻ đẹp bề ngoài của một người phụ nữ. Thành ngữ này khác nghĩa với thành ngữ “hữu sắc vô hương”, hoặc “hoa đẹp mà không thơm”. Chữ “hương”, chữ “thơm” trong hai câu này mới nói về đức hạnh.

Tóm lại, trong câu “*Mai cốt cách, tuyệt tình thần*”, “cốt cách” là cái đáng, “tinh thần” là cái vẻ. Đáng là đường nét cụ thể, vẻ là cái mà người nhìn chỉ cảm nhận. Nghĩa cả câu là:

- Hình dáng thì mảnh mai, vẻ

người thì cao sang trong trắng.

Câu Kiều 96: “đặt cỏ” hay “và gặt”

Vấn đề này thuộc về dị bản, nhưng tự dạng chữ Nôm không đóng vai trò quyết định. Trong chữ Nôm, “đặt cỏ” và “và gặt” viết khác hẳn nhau, không thể có sự lẫn lộn. Viết như thế nào, là do người chép luận nghĩa ra mà viết: Cho “đặt cỏ” đúng thì chép “đặt cỏ”; cho phải là “và gặt” mới đúng, thì chép “và gặt”.

Trong 4 cuốn chú giải và 5 tác phẩm dịch thuật được tham khảo ở đây, thuộc phe:

- “đặt cỏ” có: BK-TTK, NVV, NKV, HMĐN và NTG.

- “và gặt” có: LVH, RC, ĐDA và HST.

- RC không chép tiếng Việt, chỉ dịch những câu Kiều ra thơ tiếng Pháp. Câu 96:

“*Ensuite, elle s'assit, accomplit des courbettes,*

“*Toujours face à la tombe, en inclinant la tête.*

(Rồi nàng ngồi xuống, hướng vào mộ, lạy mấy cái).

- HST chép “và gặt”, và dịch: ...then she knelt down to make a few low bows before the tomb (...rồi nàng ngồi xuống trước mộ, vái mấy cái).

- LVH chép “và gặt” và chú cả câu: *Sụp ngồi xuống trước mồ gặt vài cái rồi bước ra chỗ khác.*

- ĐDA chép “và gặt” và chú riêng hai chữ này: “*gục đầu mấy cái*”.

Nghiệm kỹ, hai chữ “và gặt” không hợp lý, vì:

1- Trong TK, không có chữ “và” có nghĩa như chữ “cùng”, dùng làm liên từ (conjonction; có người gọi là “kết từ”). Thí dụ: Thúy Kiều và Thúy Vân; đánh đàn và đọc sách.

Trong TK, chỉ có chữ “và” có nghĩa là “đôi ba”, là “mấy”, dùng làm số đếm (dựa theo văn phạm Pháp, có thể xếp chữ này vào loại adjectif indéfini). Trong TK, chữ này được dùng y như chữ “vài” cùng nghĩa, ở những chỗ cần hợp vần. Riêng ở câu Kiều đang bàn, không có nhu cầu hợp

ngâm ngùi

Hai chực xuân thu với đất trời
Quê hương tạm biệt lệ đầy vơi
Dang tay hứng tuyết buồn lai láng
Ngửa mặt nhìn mây dạ ngậm ngùi.
Hoa thắm gọi sương mờ núi lạnh,
Lá vàng giải gió lạnh thu rơi
Nghìn năm còn đó, lời son sắt
Quyết chí bình sinh cuộc đời.

xuân dài

giáng thu

Bất ngờ nhìn lá vàng bay
Giật mình!
Bỗng thấy hôm nay thu về
Thấy trong lá chút hồn quê
Thấy trong nắng dịu chút gì nhớ nhung
Thấy trong gió chút hương nồng
Thấy trong cây cỏ chút lòng quạnh hiu
Nhớ quay quắt một dáng chiều
Hoa e thẹn, nở đoá yêu cuối vườn.
Trong tôi thu vẫn u buồn
Dường như trời đất cũng hờn cỏ cây.

đan hà

ngủ

Kỳ hồ sóng vỗ, ghềnh xa
Hắt hiu bóng núi,
gọi ma trở về
Dừng đất ngã, gió lối mê
Gác chân chớp núi,
phượng hề ngủ yên.

gã tư mã

còn gì

Giật mình ta thấy thương ta
U mê trong cõi ta bà
mỏng manh.
Cuộc đời vốn đã trôi nhanh
Hoài công đeo đuổi
phù danh được gì!
Lệ buồn đọng sót trên mi
Bỗng dưng ta thấy
có gì ảm nản.

thiên di

văn, nhưng vẫn là chữ “và” đồng nghĩa với “vài”.

(Chữ “và” này, không chỉ xuất hiện trong các tác phẩm xưa, mà cả trong những sách vở thuộc đầu thế kỷ 20, cũng có. Đọc cuốn *Phan Bội Châu niên biểu* (viết khoảng đầu thập niên 1930), chúng ta gặp khá nhiều chữ “và” loại này).

2- Như vậy, “súp ngồi và gặt” tức là “súp ngồi vài gặt”, tức là “ngồi xuống vài vài”. “Gặt” và “vái” đây là danh từ. Nói kiểu này cũng giống như nói về một ca sĩ, mà nói: “Đứng lên vài bài”, để nói là cô ta “đứng dậy hát vài bài”. Chắc không ai nói như vậy. Chỉ có thể nói “đứng lên và hát”.

Phải chi, trong TK có chữ “và” liên từ, thì có thể hiểu chữ “gặt” đứng sau là động từ, và như thế cũng sẽ ổn.

Nhưng khổ nỗi, Nguyễn Du trước sau không hề dùng chữ “và”, chữ mà có thể dịch ra tiếng Pháp là “et”, ra tiếng Anh là “and”.

Còn “súp ngồi đặt cỏ” thì sao?

Hai chữ “đặt cỏ” lấy ở tục người Tàu xưa hay dùng cỏ tươi mới cắt, để đi phúng người chết.

Đầu mối là bài “Bạch Cầu” trong Kinh Thi (Tiểu Nhã). Toàn bài gồm 4 đoạn, mỗi đoạn 6 câu. Ở đây, xin trích đoạn cuối, có những câu xuất điển:

“Kiểu kiểu bạch cầu
“Tại bỉ không cốc,
“Sinh sô nhất thúc.
“Kỳ nhân như ngọc,
“Vô kim ngọc nhĩ âm,

thu biệt

Người bỏ tôi đi một buổi chiều
Vàng hoa quanh quẽ bóng xiêu xiêu
Cành khô rũ lá buồn như tuổi
Chân giẫm ngang đời vang tiếng kêu.

Là lời từ tạ giấu nhau đưa
Nghĩ cũng thường như chuyện nắng mưa
Mà sao mưa nắng chiều nay hỏi
Tiễn biệt bao lần em khóc chưa?

lộc quy

“Nhi hữu hà tâm.

(Con ngựa tơ lông trắng ở trong cái động không kia. Dem một bó cỏ tươi [vào cho nó ăn]. (Đức hạnh) của người kia đẹp như ngọc. Đừng quá coi trọng tin về người ấy, mà giấu không cho (chúng tôi) biết).

Đây là chuyện một người hiền đạo cao đức trọng, đến một địa phương nọ, dân muốn lưu lại, đem cỏ tươi dụ con ngựa. Nhưng người ấy vẫn ra đi. Dân mến tiếc, dặn nhau ai biết tin thì báo cho nhau biết.

Về sau, mỗi khi muốn nói đến cách cư xử coi trọng nhau, văn chương Tàu thường dùng hai câu “sinh sô nhất thúc, kỳ nhân như ngọc”. Đầu mối này dẫn đến chuyện Từ Trĩ trong *Hậu Hán Thư*: Từ Trĩ và Quách Thái (tự Lâm Tông) rất quý nhau. Khi mẹ Quách qua đời, Từ đem một bó cỏ tươi đặt trước nhà Quách, rồi ra về. Từ và Quách là mẫu người hiền, nên về sau hành động đó thành lệ: Người ta dùng cỏ tươi để viếng người chết.

NKV chép “đặt cỏ”, nhưng khi dịch lược bỏ chữ này. BK-TTK, NVV và HMDN nói tục xưa hay dùng một

bó cỏ tươi để thay nhang, hoặc để rót rượu vào, để viếng mộ. NTG dẫn điển khá kỹ, và chú rất gọn: “đặt cỏ” là “đặt chút lễ viếng”.

Tôi nghĩ câu Kiều 96 nên được đọc là: “*Súp ngồi đặt cỏ trước mồ, bước ra*”.

Sầu Đông Càng Lắc Càng Đầy

“Lắc” hay “khắc”, hay là gì khác?

Đây là câu Kiều 247. Coi lại các bản Nôm và Quốc ngữ, số bản chép “lắc” nhiều, số chép “khắc” ít hơn; ngoài ra, còn có những bản chép khác.

Xin nói về loại sau cùng trước:

- Bản Kiều Oánh Mậu chép: *Sầu đông càng gặt càng đầy*, nghe cũng có lý. Đây là hình tượng đông ngũ cốc bằng gĩa, bằng ang, ở các miền nông thôn. Nếu không phải là đông vun có ngọn, mà là đông sét, thì phải dùng một cái ống tre (gọi là “ông gặt”) cạo ngang miệng cho bằng. Động tác này được gọi là “gặt”. Khi đã gặt, thì số ngũ cốc trong đồ đông chỉ cao ngang miệng thôi.

Nhưng theo Kiều Oánh Mậu, đông

khi mùa sang

Không trở lại với lời thề xưa cũ
Giữa vườn hoang khóm cúc vẫn ươm vàng
Chùm nhãn ngọt để bày dơi làm chủ
Giọng hò nào đưa tiễn chuyển dò ngang.

Không trở lại với mùa lá rụng
Để nắng hanh lay lắt chan thềm
Những nẻo cũ nín chân loài cỏ dại
Anh một mình một bóng khó tìm quên.

Ngày xa vắng chợt thấy cô đơn quá
Hồi mùa thu một thuở thật gần
Nắng vẫn rắc trên hàng cây thưa lá
Nỗi nhớ ơi! Trắng tóc lúc còn xanh.

Không trở lại với lời thề xưa cũ
Giọt buồn in trong mắt chưa tan
Rồi đông đến, đông tàn nơi viễn xứ
Mình với mình, lặng lẽ khi mùa sang!

nguyễn trọng lượng



sâu khác với dong ngũ cốc, càng gạt đi thì nó lại càng đầy lên.

- HMDN chép: *Sầu xuân càng khắc càng đầy*, và luận đại ý: Có bản Nôm chép “Sầu đông...” là lầm, vì lúc bấy giờ đang là mùa xuân, nên chữa lại là “Sầu xuân...” cho hợp lý. Còn chữ “khắc” là dựa theo mấy câu trong *Tinh Sử*: “Xuân sầu tự hải, khắc độ như niên” (Sầu xuân mênh mang tựa biển, thời khắc đo dài bằng năm).

HMDN luận phần sau mới nghe như có thể làm sở cứ cho chữ khắc. Trong *Chinh Phụ Ngâm Khúc* của Đặng Trần Côn, cũng có: “Sầu tự hải, khắc như niên” (Đoàn Thị Điểm dịch: Khắc giờ đằng đằng như niên, mối sầu đằng đằng tựa miền biển xa).

Nhưng xét kỹ, thấy không đúng, vì ý câu Kiều không lấy ở đó.

Riêng nhà thơ tài tử René Crayssac không dịch câu Kiều 247. Ông ta không hiểu, vì cái khái niệm “dong sầu” hiểm hóc quá chăng? Tôi đã bỏ mấy ngày công, đọc hết tập Kiều dịch ra thơ Pháp của ông, dài trên tám ngàn câu. Hình như ông chỉ bỏ qua chỗ này không dịch. Thế mới biết, cũng có lúc tiếng Việt khó hơn tiếng Pháp!

Còn lại hai phe, “khắc” là “lắc”.

BK-TTK và NVV theo các bản Quan Văn Đường Thành Thái Bính Ngọ (1906) và Khải Định Ất Sửu (1925) chép: *Sầu đông càng khắc càng đầy*. LXT cũng chép như vậy, nhưng dịch thoát, không giúp gì cho việc tìm hiểu.

- BK-TTK giảng: Cái sầu đông cho vơi đi, thì chốc chốc lại đầy lên. Cũng như nói: Buồn muốn làm khuây mà không khuây được.

(Lời giảng nghe khó hiểu: “dong cho vơi đi” và “chốc chốc lại đầy lên” nghĩa là thế nào?)

- NVV dịch: *Mesurant sa tristesse, il la trouvait plus profonde, à chaque instant.*

(Dịch như vậy, lẽ ra phải chép “sầu đo càng khắc càng sâu”, thì mới khớp).

ĐDA, LVH, NKV, NTG, HST chép: *Sầu đông càng lắc càng đầy*.

- ĐDA giảng: *Dong hạt ngũ cốc thì càng lắc càng vơi, chứ dong sầu thì càng lắc lại càng đầy thêm, tức càng tìm cách giải sầu thì sầu lại càng nặng. So với câu: Lửa phiền càng dập càng khôu mới phiền.*

- LVH giảng đại ý như trên.

- NKV dịch: *Plus il jaugeait sa*

tristesse, plus elle débordait.

(Dịch như thế này không đúng ý: Kim Trọng dong sầu làm gì? Mà dịch “il jaugeait sa tristesse” thì có ý nói chàng Kim dong thật, để coi nhiều hay ít).

- HST lại đưa ra một hình tượng khác hẳn: *He drained the cup of gloom: it filled anew* (Chàng uống cạn ly sầu, nó lại đầy trở lại).

- NTG giảng: *Ý cả câu: Nói mối sầu không thể át đi được, càng cố dẹp xuống thì lại càng buồn thêm. Ca dao: Ai đi muôn dặm non sông, để ai chất chứa sầu đông vơi đầy.*

(NTG tránh đi vào hình tượng của câu Kiều, chỉ giảng thoát. Nhưng câu ca dao dẫn ra rất hữu ích).

Bây giờ, trước khi nêu nhận định riêng, tôi xin mạn phép đặt một điều kiện tiên quyết, là câu ca dao:

“Ai đi muôn dặm non sông,

“Để ai chất chứa sầu đông vơi đầy.

đã có từ trước, trước khi Nguyễn Du viết *Truyện Kiều*.

Tôi nghĩ Nguyễn Du khi viết câu Kiều kia, đã mượn ý câu thứ hai, và mượn hẳn hai chữ “sầu đông”.

Nguyễn Du là nhà thơ thiên tài, vừa bác học vừa dân gian, vừa hàn lâm vừa bình dị. Khi cần tả nỗi lòng Kim Trọng buồn nhớ Thúy Kiều, ông không thể quên câu ca dao cực hay này. Cả 14 chữ, không có chữ nào là không hay. Câu bát lại đầy cả hình tượng: “chất chứa”, “vơi đầy”, “dong”. Nếu Nguyễn Du bỏ qua câu này, không đưa vào tác phẩm Nôm chính của ông, thì cái tiếng tôn xưng của người đời đối với ông là “nhà thơ dân tộc”, hẳn phải nhẹ đi một chút.

Mà trong văn của Nguyễn Du, đã có “dong” thì phải có “lắc”; hai động từ liên hệ đến việc đo lường ngũ cốc này, hô ứng với nhau. Chữ “khắc” nói về thời gian, không ứng được với chữ “dong”.

Chữ “gạt” của bản Kinh, mà Kiều Oánh Mậu dùng, cũng rất có lý. Nhưng tôi xin theo đa số, nghĩ là nên đọc câu Kiều ấy là:

Sầu đông càng lắc càng đầy.

lá

Cứ mỗi cuối năm mùa lá đỏ
Vàng phai xác lá rụng đầy sân
Nhẹ tay nhặt lá khô từng chiếc
Chợt thấy thời gian nhích lại gần.

nguyên vĩnh long

lạc

Vẫn lãng tử đêm tình say lão đảo
Bước rong chơi, lạc giữa trái tim người
Đêm một khắc ngàn vàng trời tuốt lướt
Tình trăm năm, hư ảo mấy giờ vui.

đông nghi



Chữ Tâm

Nguyễn Hữu Nhật

*trăng chiếu sáng cây vườn gió lộng
in lên khung cửa bóng hoa lay
người về rung nhẹ chuông thiền thất
trắng xóa lòng đêm mây thoáng bay*

Ngôi âm dương cuộn cuộn như sóng vỗ, vút lên những đao cong đầu mái vươn ra, chắm phải các bề sương hoa trắng, mùa xuân trong nếp chùa cổ vắng lặng, tưởng chừng như hai con rồng sứ trên nóc rêu biếc cũng ngừng tranh nhau trái châu. Nếu như cây cối là chữ nghĩa xanh tốt và hoa là thơ, khởi từ ý tứ mùa xuân, thì con đường đi xuống bến sông, hai bên toàn thơ mai, hoa vàng óng tơ lụa cõi thanh tịnh, cành ngọn giao nhau thành một vòm cung bóng mát, che loáng thoáng một trăm lẻ tám bậc đá ong. Lượn chờ tôi về bờ bên này, tôi ngược nhìn lên, lúc con đò cập bến, thấy bậc thềm cao nhất cắt ngang gần hết hình dáng ngôi chùa. Hạt châu dính trong chiếc vòng minh nhật trên mái, như xoáy lượn, sáng hực lên. May nhờ ánh sắc đã sớm riêng phần nên ngọn cây hoa mai trắng độc nhất và những dải sương chiều lồng vào nhau mà không lẫn át nhau. Gốc bạch mai sống trên trăm năm ở trong Nam vốn hiếm, vào mùa khô chúng tôi phải thay phiên nhau xuống sông gánh nước tưới cây hàng ngày, ngang với việc tụng kinh hồi hướng. Ông cụ Nậm tuổi cao đương nhiên được miễn công việc nặng nhọc này. Thường Chuyển chỉ tưới cho có, sợ lâu dần ngã lòng vào chuyện chăm sóc thanh với sắc. Chim vườn hay ra đây đậu và hót rất hay trong mùa hoa

nở. Mặt Thế vốn dùng dung còn Tâm Đối thì lại hay quên mỗi khi tới phiên phải gánh nước. Nhất là từ khi Tâm Đối ở Đà Lạt về mang theo hai bao bố nhựa thông, tới nay suốt ngày cùng ông cụ Nậm loay hoay tìm cách chế một loại keo mới. Thử nhựa thông đen, hắc tất thông, rất dính tới nổi có thể dùng làm keo trám hay sơn thuyền được. Tâm Đối đang thử pha hắc tất thông với nhựa mít và mật cửa mìn cho keo chắc, lại hạ giá bán để có nhiều nơi mua.

Chiều hôm qua, Lượn xin một thùng keo, mới thử chế mà đã thành công ngoài sức tưởng tượng, để quét trong lòng con đò gỗ cũ bạc phếch. Tôi quá giang sang xóm Bàu Nai, thay chùa đem một số tiền nhỏ và dăm ký gạo giúp cho nhà ông Năm Cao, gà trống nuôi con, mới mừng ba Tết đã phải đi bán máu. Sáng nay trở về chùa, đứng dưới bến sông, không hiểu sao một nhà tu như tôi mà lòng lại dấy lên, nổi xót xa thường tình. Hình ảnh em bé gái, con út ông Năm Cao, ngồi trước mớ vỏ chuối, bốc ăn dần. Tôi nhớ từng chi tiết quanh em bé. Đóng cát trước nhà, có cắm một cái xèng mà cán gãy ngang, phả ra mùi nồng nặc, phân và nước tiểu. Sau lưng em bé, cánh cửa gỗ xiêu vẹo, không có bản lề, dựa nghiêng để chắn gió, ở thế như người ta bắc thang, che lối ra vào căn chòi lá. Trên cánh cửa, lá cờ đỏ sao

vàng vẽ đề lên lá cờ cũ bằng sơn xấu hoặc nước sơn quá mỏng, ba sọc đỏ của lá cờ cũ vẫn hiện ra. Màu đỏ của lá cờ mới và sắc đen thâm của vỏ chuối còn theo tôi mãi tới bến sông này.

Lượn cho tôi biết: Mấy anh em chúng thường ăn vậy đó. Vỏ chuối nhật ở ngoài chợ! Bỗng dưng tôi nghĩ tới ông Thiều Chửu, người dịch Kim Cương Tâm Kinh ra tiếng Việt, một người mà tôi chỉ biết qua sách vở và nghe ông cụ Nậm kể. Kinh khủng quá, con sông lớn vô hình, đầu đó, bắt ngờ đổ xuống, cuốn xoáy lấy tôi lại là đôi mắt trẻ thơ, ngồi ăn vỏ chuối, nhìn theo tôi và Lượn đi về cuối bãi sông. Bỗng dưng tôi tìm ra được "cái tôi muốn tìm". Những "Nẻo về Cõi Phúc" nào mà cuối cùng chỉ còn trơ ra một lời hứa hẹn Niết Bàn, cho các kiếp sau, không phải là linh hồn của Kim Cương Tâm Kinh, càng không là đạo Phật.

Tôi thường ngồi yên lặng hàng tiếng đồng hồ để nhìn mây trắng bay. Ôi giòng Thiển Bích Quán, ngồi lắng đọng mặt quay vào vách, cốt tìm ra mình, một phần khối thống khổ của chúng sinh. Giữa mặt người với vách tường, chảy mãi giòng sông tâm thức, mà "bờ bên này" hay "bờ bên kia", tùy tâm cảnh mà gọi. Thấy chính mình là bức tường, đối thẳng mặt người ngồi yên lặng. Cái yên lặng nọ in vào cái yên lặng kia, cuối cùng thành ra sinh động, người mất đi nhưng sự sống còn chuyển động mãi mãi, hết đời này sang đời nọ. Phải phá cho xong cái "địa ngục trần gian" này, người hại người, xong mới tìm thấy cõi Niết Bàn có thật trong tâm cảnh, "ngay lúc này ở đây", không ngoài cõi thế.

Thiều Chửu Nguyễn Hữu Kha, một nhà tu không ở trong chùa, vẫn theo lời ông cụ Nậm, là một người chuyển kinh Kim Cương sang tiếng Việt và thấm nhuần tận cốt lõi những gì mình dịch. Bằng chính đời sống của ông: Ăn trường chay, mặc áo vải tám, buồn ngủ thì trải chiếu xuống đất mà nằm. Đêm hơi đất lạnh, tỉnh ngủ, để có nhiều thời giờ ngồi thiền. Lấy dùi gõ gõ vào đầu gối thay cho mõ, tránh

mê trầm do giống thiên ma tác quái, nảy sinh nhiều cảnh thần tiên lộng giả. Dịch kinh, cân nhắc từng chữ vì sợ phải tội lộng ngôn, lạc ý. Rồi sắp lấy khuôn chữ chì, tự đập máy in cho Tâm Kinh ra đời những năm 30 ở Hà Nội. Như hoa gạo, mùa khô quả tung ra vô vàn chùm bông nõn. Mỗi chùm dính một cái hạt, theo gió bay đi mười phương, xuống đất nảy mầm thành muôn cây hoa gạo mới. Những người học trò của ông Kha, phóng xe đạp chở kinh đi cúng dường. Cái tiếng chuông xe đạp kêu “kính coong” trở nên tiếng nhái giọng đùa vui “cúng kính”. Mà vui thật: Kinh hay nên

nhều người thỉnh, tiền ấn tống khá dân. Nhờ vậy, ông Thiều Chửu, suốt đời không lấy vợ mà làm cha cả bảy con khoảng ba trăm đứa, toàn trẻ mồ côi không nơi nương tựa. Kim Cương Chân Kinh đã nuôi người khốn khó!

Sau, những người ở trong rừng ra, năm năm tư về “tiếp thu” Hà Nội, nhà trẻ mồ côi tan, cha con tứ tán. Ông Thiều Chửu bị bắt lên mạn ngược vùng nước độc Việt Bắc. Chết trong cảnh oan khuất, cổ bị buộc vào bao tải chứa toàn đá, chìm dưới đáy sông. Nhưng nhà cầm quyền chạy theo Tàu, nên cuốn Hán Việt Tự Điển của ông, tra theo số nét chữ và bộ chữ, vẫn được

trân trọng cho tới nay. Người tử tế này là con một cụ cử nhân trong nhóm Đông Kinh Nghĩa Thục chống Pháp. Việc hồng, cụ về ở ẩn, mở cửa hàng thuốc Bắc tại Ngã Tư Sở, ngoại ô Hà Nội. Người con cũng từng bị đẩy ra côn đảo cùng nhà chí sĩ cử nhân Lương Văn Can. Chủ nghĩa nào rồi cũng qua đi, như xác thân Thiều Chửu, chỉ có Tấm Lòng của ông, như Kim Cương Chân Kinh còn đó và mãi mãi sống trong hơi thở sinh tồn của dân tộc Việt: *Dù xây, chín kiếp, phù đồ. Không bằng làm phúc cứu cho một người!* Phù đồ? “Dagoba”, tháp thờ Phật hoặc tháp thờ các vị Tổ. Đấy cũng là ý chỉ của Bồ Đề Đạt Ma khi qua bên này, bờ Đông: “Vua Lương Vũ Đế hỏi: Trẫm từ khi lên ngôi tới nay, cất chùa, chép kinh, độ tăng... không biết bao nhiêu mà kể. Có công đức gì chăng? - Sư đáp: Tuy có nhưng không thật!” Vua chúa ngày xưa không hiểu và người đời nay cũng mấy ai hiểu câu nói thâm thúy trên. Nhưng câu ca dao Việt Nam nói trên thì chẳng ai là không hiểu. Có điều, hiểu và làm còn khoảng cách khá xa!

Lòng ngã mạn trong tôi, mà chính tôi không hay, thường xem việc làm keo của Tâm Đối, như chuyện kiếm ăn qua ngày. Nhưng chính Tâm Đối, người con vẫn chưa biết mẹ mình hiện giờ sống chết ra sao, khi mới ở Đà Lạt về đã nói ngay với tôi: “Trên xe đò, lúc ngừng ở Định Quán, tôi chợt tự hỏi, tại sao vùng đất này lại được người ta đặt tên là Định Quán. Quán gì mà Định? Rồi ngay lúc ấy, tôi xuống đón xe ngược trở lại Đà Lạt, mua nhựa thông. Chư Phật sẽ phù hộ. Chúng ta phải thắng. Nhìn chung, bây giờ họ chỉ lo giữ ghế ngồi, nên chuyện lập cơ nhi viện trên miếng đất giữa xóm Đầm Sen và Bàu Nai không khó lắm. Chúng ta phải có tiền!” Tôi đã nghĩ: “Dính mãi vào chuyện tiền nong thì còn tu hành nổi gì? Nó như nhựa thông đen, hắc tất thông, mà nhà Phật dùng để ám chỉ sự tăm tối, phiền não. Nó dính chặt vào lòng người đầy đặc và kiên cố.” Nhưng nhờ ánh mắt trẻ thơ tại xóm Bàu Nai và tiếng rên rỉ của con chó bị đem ra làm thịt tại xóm



Đàm Sen đã khiến tôi thức tỉnh. Tâm Đối vóc người thấp nhỏ hơn tôi, nhưng thật sự những gì trong đầu óc tôi, so với Tâm Đối, chẳng cao lớn gì. Sau này, tôi kể lại cho ông cụ Nậm nghe việc con người đã giết một con chó ra sao. Ông cụ nghe rồi, mới đầu, chỉ khóc và than:

“Tội nghiệp anh Tư Chơi, nghèo quá mà phải làm nghề giết mổ cho hàng thịt chó! - Ké, lại hỏi đồn đập - Có thật không? Có thật không?” về một câu chuyện mà cậu bé Lượm cũng biết.

Giữa con chó và con người là một sợi dây thừng căng thẳng. Con người ra sức kéo, đỏ mặt tía tai. Con chó cong mình, chụm bốn chân run rẩy, các móng bầu chặt xuống mặt đất. Con người là anh Tư Chơi, bất ngờ đứng khựng lại, nới tay thật nhanh, sợi dây thừng chùng ngay xuống. Con chó mực mất đà, lộn một vòng ra phía sau, bộp sùi ra hai bên mép. Cả người lẫn chó đều thở dốc. Lông đuôi ướt đầm mồ hôi lẫn nước tiểu, con chó sợ quá sồn ra một bãi. Con người trợn mắt lên trắng dã, khắc một đồng đờm, xoáy tia nhìn vào hai con mắt đen láy, con chó tru lên những tiếng tắc nghẽn trong cổ. Sợi dây thừng căng trở lại. Con chó bị kéo thốc đi, để lại phía sau nó những vết cào đất, kéo dài. Anh Tư Chơi quấn vội mấy vòng dây vào cây cọc tre, buộc chặt lại. Xong, đứng nhìn đám đông, cười. Khói thuốc lá, từ bàn tay cắt một ngón, anh chặt thời trốn lính, tỏa ra những lượn màu xanh lam, nhàn nhạt. Cạnh chiếc cọc tre, một cái chậu sành, mẻ miệng, trên đó người ta đã gác sẵn con dao dài và nhọn. Con chó ngồi thu mình gần mấy bó rơm khô và bao diêm hiệu Sao Vàng. Con người thẳng lớn, nhìn con chó thăm bại một lần cuối, giọng hể hả:

- Chà! nhất mực nhì vàng, tam khoang, tứ đốm... - Rồi quay ngoắt sang phía người vợ, nói như quát lên - Còn đứng đó à? Liếc con dao ... Phải cho thiệt bén đó!

Chân tôi mới dướn bước, bỗng khựng lại vì một em bé trong bọn trẻ reo lên:

- Ê! Tụi bay ơi! Nó khóc kìa... Chó mà cũng biết khóc... Kìa!

Tôi liếc nhìn con chó và không hiểu sao tôi cảm thấy như nó cũng đang nhìn tôi. Nó khóc, nó khóc thật. Nước mắt chảy ra, toàn thân run lên. Rõ ràng những giọt nước trong suốt từ hai khoé mắt nó tuôn ra, không nhiều, đủ chảy một dòng ướt xuống sống mũi đen bóng. Tôi gai người như lúc hai hàm răng cắn vào một sợi rơm đang được kéo nhẹ. Anh Tư Chơi, theo lời Lượm, một người nổi tiếng nhờ tài làm thịt chó, lúc này thật sự gắt lên:

- Thôi! Để... tao!

Đám đông cười ồ lên. Con chó thấy con người cầm cái chày tiến lại, đuôi nó ve vẩy, ánh mắt như van xin, lay lục. Trong lúc đi như chạy về nhà cậu bé Lượm, hai tai tôi bị ù, nhưng vẫn còn nghe thấy, phía sau vang lên một tiếng “ằng”, khô khan. Tiếng rên của một sự sống tắt vội theo buổi chiều nắng nhạt. Ruột gan tôi như thắt lại. Không phải vì đám đông đã chẳng đếm xỉa gì tới sự có mặt của một nhà sư. Chính một góc cạnh nào đó ở ngay cuộc đời này, mang hình ảnh của “Địa ngục Dây đen”, Hắc Thành Địa Ngục, một trong tám địa ngục, nơi kẻ dọa dẫm bị ngục tốt lấy dây trói lại rồi mới chặt, chém. Khiến tôi buồn.

Lên tới chùa, tôi gặp Thường Chuyển đang từ bậc tam cấp, của lầu chuông Tâm Chung Các, bước xuống nền sân gạch trải đầy cánh hoa. Thường Chuyển tươi cười nói với tôi:

- May quá, Quán Chỉ về kịp. Thầy vừa mới nhắc... riêng tôi, nên bàn trước với Quán Chỉ. Thầy bảo, nhân bài giáo hạnh Phá Ngã Sở Kiến sáng nay, anh em chúng ta nên dựa vào Kim Cương Tâm Kinh để bỏ thói khu khu chấp nhặt ý riêng mỗi người, cố tìm cho ra một cái nhìn chung đúng nhất. Sau đó mới bàn tới việc mở lò đậu hũ hay xưởng làm keo. Theo tôi biết thì Mật Thể và Tâm Đối không ăn ý với nhau nhiều chuyện. Mật Thể nói là nên giao cho nhà nước các công thức chế keo, chúng ta chỉ được làm thợ. Nếu không sẽ như tình cảnh Ông Vua Lốp ngoài Hà Nội. Làm ăn riêng

lẽ là đi tù. Họ bảo quyền tư hữu là của ăn cắp mà!...

Tôi hỏi:

- Ý Thường Chuyển ra sao?

- Tôi ấy à? Nhà in phải nằm trong tay Nhà Nước. Chưa có chùa nào được phép in kinh. Mở rộng việc chế keo ư? Keo đã dính lại còn dính vào keo. Lỗi thôi lắm! Thế còn Quán Chỉ?

- Tôi chưa biết sao cả! Động một chút là bị để ý ngay.

Chúng tôi lên thiền đường, thầy và mọi người đang uống trà. Ông cụ Nậm, thường rất ghét bất cứ thứ gì có vẻ trang trọng, cũng ngồi dự theo ý thầy.

Mở đầu bài hạnh giáo, Tâm Đối chấp tay xá thầy và cúi chào chúng tôi, xong cầm cuốn kinh Kim Cương, giơ lên cao và nói:

- Mỗi người đã có trong tay, từ tuần trước, một bản sao! Bản chính mà tôi đang cầm đây là bản in khắc gỗ cùng dấu triện son Mạc Tiểu Thư, mờ lắm. Tôi áng chừng cuốn kinh của một người Minh Hương trong giòng họ Mạc Cửu, người được chúa Nguyễn giao cho quyền mở rộng đất Hà Tiên. Nhưng không chắc lắm! Tủ sách trong chùa, như quý thầy đã biết, chỉ có bản tiếng Việt do Thiều Chửu dịch, chùa Quán Sứ Hà Nội in năm 1930. Đọc bản chữ Hán Kim Cương Tâm Chân Ngôn cũng đã là một bản dịch từ tiếng Phạn, hướng chỉ lại chỉ đọc bản tiếng Việt dịch từ chữ Hán, do người mình in lại, nhiều chỗ sai lạc vì tối nghĩa hoặc mù mờ. Tôi chỉ hơi tiếc cuốn kinh này bị mất vài trang cuối, nên không biết ai khắc chữ và in vào năm nào. Nhưng nhìn loại giấy Bạch Tàu, tôi có thể đoán chừng những năm đầu thế kỷ...

Ông cụ Nậm lên tiếng hỏi:

- Thầy làm sao có được một cuốn kinh quý như thế này?

- Vay mà nó nằm mốc meo trong xó một cửa hàng thu mua giấy vụn đường Hoàng Diệu ở Đà Lạt. Bà bán hàng bảo tôi: Thầy phải mua từ một ký trở lên chúng tôi mới bán. Mớ giấy này mỏng tèo, đáng bao nhiêu mà tính tiền... Tôi nói: Cho tôi trả theo giá một ký lô hay mấy ký, tùy bà. Đây là một

cuốn kinh! Bà hàng cầm ngược xấp giấy, nhìn tôi và mỉm cười, xong vui vẻ cho không.

Mật Thế đòi xem qua bản chính. Rồi giao trả Tâm Đối và tấm tắc khen:

- Tôi nghĩ người khắc bản in phải là một nhà sư hay chữ hoặc một tay nghệ sĩ nào đó đã thấm nhuần đạo Phật. Tuyệt vời ở các chữ Tâm, viết theo lối đá thảo cùng những nét mầu từ gân gà... Đúng không, Quán Chỉ?

Tôi gật đầu. Ngay từ khi thấy cuốn kinh, tôi đã nhận ra ngay, nét Mầu Từ rất đẹp. Gân guốc. Sợi lớn như dây mướp khô xoắn leo giàn cao nở hoa. Sợi nhỏ như những tua xanh, cuốn chặt lò xo, bám vào cành tre làm gạc. Tự nhiên, tôi cảm thấy có một cái gì đó, hết sức thanh thoát và nhẹ nhàng. Nảy sinh trong lòng tôi tình thương yêu và kính trọng, bất cứ ai đã làm chuyện gì công đức để lại cho đời. Như ngày xưa Nguyễn Du loay hoay thuê khắc hàng mấy chục bộ chữ Nôm truyện Kiều. Rồi thuê người gánh từ phường Chữ đất Thăng Long về tận chân núi Hồng Lĩnh...

Tâm Đối tiếp tục:

- Bản Tâm Kinh này quả thật là Chân Ngôn, cội nguồn của một câu thơ nổi tiếng trong Kiều: *Chữ Tâm kia mới bằng ba chữ tài*. Hôm nay, thầy muốn nghe chúng ta bàn về chữ Tâm, trong tinh thần hồi hướng công đức. Lẽ ra, bài hạnh giáo chỉ nói về giới hạnh, giúp chúng ta biết cách thức tu tập và giữ giới, từ 5 tới 348 giới. Nhưng thầy dạy rằng, để cho việc giữ giới được tốt, trước hết chúng ta nên để ý tới cách tu tập. Đừng quên là Thiền không bao giờ rời chữ Tâm. Có điều, vào xong rồi ra...

Thường Chuyển lấy làm lạ:

- Kim Cương là kinh ruột của chúng ta. Học nhiều lần rồi mà!

- Lần này, chúng ta không tìm hiểu nghĩa kinh mà chỉ bàn về ý kinh. Mỗi người tha hồ bày tỏ ý riêng. Cuối cùng, đúc kết lại thành ý chung. Tôi xin được nói trước, thí dụ, như khi chúng ta đã hiểu thấu nghĩa của bài một bài Tanka, cổ thi Nhật, gồm năm dòng sau đây của Abe No Nakamaro (698-770): «Ama no hara. Furisake

mireba. Kasuga naru. Mikasa no yama ni. Ideshi tsuki kamo». Cõi như chúng ta tạm chấp nhận xong phần dịch cũng như cắt nghĩa, dù chỉ tương đối. Chẳng hạn: "Đêm về trời rộng, ngược nhìn. Ngọn Mikasa, mảnh trăng in, ngỡ là. Như từ ở Kasuga. Quê hương mình, kẻ xa nhà, mọc lên". Không phải tôi dịch. Quán Chỉ đấy!

Ông cụ Nậm khen:

- Hay quá! Hay quá. Nghe mà thấy nhớ xóm làng...

- Đấy, như thế đấy! Với Kim Cương Chân Kinh cũng vậy, hãy nói lên ý nghĩ của mình về Chữ Tâm! Phần tôi, sau khi đọc bản kinh này, tôi nghĩ tới vị tổ thứ năm của Thiền là ngài Hoàng Nhãn. Trong số học trò của ngài có Huệ Năng, kém tài Thần Tú, chỉ hết già gạo lại lo thổi cơm dưới bếp chùa. Nhưng người bán củi nghèo khó đất Lĩnh Nam kia, lại được thầy mình nhìn ra, nhờ ở cái tâm ngồi rỗng, sau này thành người độc nhất khép kín được cái vòng Thiền, viên mãn cho tới nay. Tròn và đầy một vàng trắng đêm rằm. Nhưng như một vòng sóng động lan ra nhiều vòng, Thiền sau thời vị tổ thứ sáu, được bề rộng lại thiếu chiều sâu. Xa dần gốc gác là "cái dùng được" của Thiền cho người đời vui sống.

Mật Thế góp ý:

- Cứ gì Thiền, ngay chính đạo Phật ngày nay cũng nhiều ngã rẽ. Khoảng một ngàn năm trăm năm sau ngày đức Phật rời cõi thế, bắt đầu thời mạt pháp.... Giòng sông ra biển sóng lớn tung lên trời cao, nhưng nguồn từ "Hoa Sen, Nụ Cười", lẽ Đạo làm cho con người tươi cười, mỗi lúc nhạt dần dần. Ai cũng thấy. Vắng bóng cái thăm thẳm của Mật Tông và cái vui vợi của Thiền, phần đông dưới các mái chùa chỉ còn vang lên những giọng ề a cùng lời vật vã, nài xin phúc đức, bổng lộc. Không ít chùa chiền bị biến thành tấm bình phong của những kẻ buôn thần, bán thánh... Chúng ta cần quay ngược về nguồn, đọc lại kinh Kim Cương. Bởi nơi đã đến, theo lẽ thường chuyển, lòng người thường ngã sang nhiều ngã rẽ, không chịu ở yên một chỗ, dễ lạc hướng...

về thăm quảng ngãi

Tôi về Quảng Ngãi tìm em

Xe chiều một chuyến, sông đêm một dòng

Hàng dừa cuối bãi buồn xo

Bến sông trắng rọi mịt mờ khói mây.

Dường như cảnh cũ còn đây

Mà người xưa đã đổi thay ít nhiều!

Tôi về Quảng Ngãi buồn hiu

Sông Trà núi Ấn tiêu điều nước non

Còn đâu những nụ cười dòn

Những lời vui

dưới hàng bông bụt hiền!

Qua cầu sông Vệ chênh vênh

em đi lặng lẽ sao đành hỡi em!

Một đời em vẫn hay quên

Bỏ giòng sông chảy lênh đênh hững hờ.

Tôi về Quảng Ngãi bơ vơ

Hỏi hoa hoa úa, hỏi mưa mưa mù

Hỏi thăm bè bạn: trong tù

Hỏi tình yêu

đã thiên thu lỡ làng.

Bỗng dưng

nước mắt hai hàng...

phạm tâm phổ

Thường Chuyển cũng xen vào:

- Chính thế! Chính cái viên trăng non, lưỡi liềm, Thiền thời chưa khép kín, mang trọn vẹn hình dáng chữ Tâm. Nhưng tôi muốn biết vì đâu mà ngài Huệ Năng bỏ cõi cha lúc còn tám bé, lớn lên phải bán củi ngoài chợ độ thân, trôi giạt từ Tân Châu sang Nam Hải, Không biết chữ mà cắt nghĩa được cho nhiều người khác?

Tôi đặt tách trà xuống và nói lên cái ý của mình:

- Kinh Kim Cương đến với ngài Huệ Năng hai lần. Lần đầu: Tiếng Kim Cương vang lên trong tâm hồn người trai trẻ gánh củi muốn về tận nhà cho người mua. Nhận tiền xong, vừa bước chân ra tới cửa, chợt nghe những lời kinh tụng. Tôi thấy chỉ nội một mùi hoa sớm thoảng hay tiếng gà gáy trưa hoặc vạt nắng chiều, đôi khi cũng đủ làm nhớ lại, nơi mỗi người

chúng ta, bao chuyện đời cũ, đã qua lâu lắm rồi. Với những ai tốt cùng bên nhau như ngài Huệ Năng, sự hồi tưởng không chỉ quãng đời mà nhiều kiếp, bừng tỉnh khi nghe tiếng chuông thỉnh hoặc lời kinh tụng, bỗng sống lại với những gì từng sống...

- Không chừng từ vô lượng kiếp!

- Khi người chủ nhà cho biết đã thỉnh kinh ở chùa Đông Thuyền xứ Hoàng Mai của ngài Hoàng Nhãn là vị tổ thứ năm giòng Thiền phương Đông, ngài Huệ Năng liền tìm đến nơi, mong học được Đạo cả.

Lần sau, một đêm vào độ canh ba nơi thiền thất của sư Tổ, ngài Huệ năng được nghe giảng Kim Cương, tới câu “ưng vô sở trú nhi sanh kỳ tâm”, không dựa dẫm vào ai, không nương tựa cái gì thì lòng mình mới nguyên vẹn, vững vàng, ngài Huệ Năng chợt vỡ lẽ. Kỳ tâm chính là Phật tính, không lay chuyển, vẫn tròn đầy, cội rễ nảy sinh ra bao mối Đạo.

Thường Chuyển giơ tay nhưng Tâm Đối cứ lơ đi:

- Đúng! Sáng tỏ như Kim Cương Tâm Kinh, phá nát mọi định kiến, nghe chuyện người và nhìn việc đời như những gì chúng “phải xảy ra”, chứ không theo ý muốn riêng tư, trông chờ những điều chúng “nên xảy ra”.

Tôi hỏi:

- Vậy, theo Tâm Đối, hình tướng thật của Đạo là gì?

- Vô tướng!

- Còn tâm tính đúng của Đạo?

- Là vô tâm! Cả tướng lẫn tánh thay đều là Không. Không của tướng, akāsa, chỉ vồn vện nghĩa là trống rỗng. Nhưng Không của tánh, mahābhūta, lại là cái Không, để chứa hết thay những cái Có. Nên nhà tu buông bỏ chuyện đời chẳng hề có nghĩa là buông bỏ luôn cả sự cư mang con người khốn khổ. Mỗi người, sống đời riêng “Không”» lâu bền, nhưng nó là “Có”. Nếu nó đối, phải được ăn. Khát, phải được uống! Nô lệ, hãi hùng? Phải được tự do, hôn hờ. Đây là nơi Thuyền về cập bến. Tấm lòng của Phật gửi gắm nơi kinh Kim Cương, trước sau như một, không phải là không hiểu được, vẫn là: Người

sáng suốt đem lòng trong sạch của mình ra cứu đời.

Ngay nơi tựa đề “Tâm Kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa”, Trí Huệ Đáo Bỉ Ngạn, itta Sūtras Prajñā - Paramita, đưa người qua sông mê, độ, sang bờ bên kia, tỉnh, là sự khôn ngoan lớn lao nhất...

Mật Thể gật đầu, định nói gì nói với tôi. Song le, ông cụ Nậm đã lên tiếng trước:

- Thời mật pháp, tu giả nhiều hơn tu thật! Sao mà độ cho ai được. Tin vào cái đám đó để mà chết à? Ngoài đời cũng thế. Làm vua, làm quan mà cứ bảo là làm cách mạng...

Thường Chuyển vội chuyển câu chuyện sang một ý khác, bớt căng thẳng:

- Cụ ạ, ngày xưa nhà vua thường hỏi ý kiến nhà tu. Nhưng phải là nhà tu như tổ Bồ Đề Đạt Ma, vị tổ thứ tám giòng Thiền Ấn và là vị tổ thứ nhất của giòng Thiền Hoa, xem thường mọi thế lực, đã trả lời Lương Vũ Đế bên Tàu: “Không biết!” khi nhà vua hỏi: “Trước mặt Trẫm là ai?”. Nhà tu muốn nhắc nhở đến tâm thanh tịnh và thân phải lắng đọng. Không

trước hết chính cái thân mình. Sau cùng là tâm Không. Ý của Tâm Kinh, ai cũng thấy, phá chấp tới tột cùng, là thế!

Tâm Đối cũng mỉm cười:

- Đúng! Nhà vua chỉ cốt hỏi: “Chân lý tột cùng của đạo Phật là gì?” Nhà sư đáp: “Trống rỗng, hờn nhiên, không có gì là Phật mà cũng chẳng có gì là không Phật!”

Ông cụ Nậm hỏi ngay:

- Hôm nọ, tôi đọc một cuốn sách, nhức cả đầu, trong đó có người hỏi một nhà sư, cái câu nghe chói tai quá: “Con chó có Phật tính không?” Nhưng chắc là phải có ý gì chứ?

Tôi vội trả lời thay Tâm Đối:

- Cụ tính coi? Con chó tự nhiên nhảy xuống nước cứu người và con người đứng trên bờ ném đá cho kẻ chơi vơi giữa giòng chết luôn. Đã thế, lại còn kêu gọi hoặc bắt buộc những người khác phải ném đá theo mình nữa. Thứ nào có và thứ nào không có Phật tính? Và lại, chúng ta nên để ý tới câu nói này trong kinh: “Không có gì là Phật”, bởi trước khi đạo Phật ra đời, con người từ hàng muôn năm trước, như trời đất có ánh sáng có bóng tối,

vẫn qua mau

*Vẫn qua mau những tháng ngày vô nghĩa
Những mùa thu vắng vặc ánh trắng sương
Những tấm tức, những nét cười mai mỉa
Những ngậm hờn cay đắng giữa yêu thương.*

*Vẫn qua mau bao đêm dài mê sảng
Bao khổ đau chất chứa bởi hận thù
Bao ý niệm thiêng liêng và nứt rạn
Bao niềm mơ nhỏ bé hoá thành hư.*

*Ta hèn yếu như cây lau, cây sậy
Gió thoảng qua là cúi gập thân mình
Bao nhúc nhối theo thời gian trôi mất
Khư khư ôm một mảnh sống điều linh.*

*Cười lên chút! Ngày mai trời sẽ sáng
Dẫu hôm nay còn ướt đầm mi sầu
Đời vong quốc cũng chỉ như cội tạm
Và dòng sông rác rưởi qua mau.*

lê văn thịnh



vẫn có xấu có tốt! “Chẳng có gì là không Phật”? Gà, chó cũng biết dùm bọc, che chở cho đàn con chúng như người lúc làm mẹ nâng niu và sống chết vì con mình!

Ông cụ Nậm mỉm cười:

- Lẽ tự nhiên...

- Đúng thế đấy cụ ạ, “lẽ tự nhiên” là Chân Như. Tự nhiên như là lửa, “là lửa thì cứ cháy đi, đừng loay hoay bàn về sự sáng”. Chỉ lo mưu mẹo giết người hoặc lừa người ta vào chỗ chết là không thương yêu chính mình, bởi chính mình cũng không còn được trọn vẹn sống yên. Sống tràn đầy với “cái tự nhiên có”, sau mỗi việc làm lành, lòng tự nhiên mát mẻ như vừa tắm gội. Không thương yêu giống chim sẻ, giết sạch, sâu bọ sẽ tàn phá mùa màng. Con người chết đói. Diệt gọn loài sâu, lấy đâu qua thời ấu trùng, bướm bướm trắng bay đẹp quanh ngồng cải hoa vàng, cồi thanh tịnh? Trời đất vốn hồn nhiên, chứa đầy mọi thứ, tự cân đối và thăng bằng, trong bầu trống rỗng tận cùng, ba ngàn thế giới lớn, ứ ứ ngôi sao khác nhau mà vẫn cùng nhau thường chuyển, quay vòng, tròn và trượt như Thiên... Trên ngôi sao nọ có sự sống còn ngôi sao kia thì không. Như cuộc đời có kẻ ác, người xấu. Cho rằng chỉ có một giai cấp nào đó duy nhất hoàn toàn tốt đẹp là đất nhau xuống địa ngục. Địa ngục có thật, ngay ở chốn trần gian này...

Tôi hoàn toàn không có ý nói xa xôi gì Mật Thể. Song, dường như ai cũng thấy Mật Thể hơi chau mày. Tâm Đối ra hiệu cho tôi ngưng bằng cách gõ ngón tay trở vào thành tách trà. Rồi Tâm Đối gơ cái tách lên, nói:

- Nguyên lý tính Không nằm trong lòng cái tách này đây, nếu đây áp, kín đặc như cục đá, hỏi còn chứa được những gì?

Lúc ấy, tôi không nhớ ai đã nói và nói gì? Tôi bị ý thơ của bài “Mảnh Trăng Núi Mikasa” của An Bội Trung Ma Lữ chi phối. Trăng ở nơi này mà người tưởng mọc ở nơi kia. Chỉ vì nơi kia, Kasuga, là chốn quê hương của một nhà sư làm thơ Thiên. Sau này, lỡ khi ra ngoài đời, sống ở một nơi nào đó, không biết mỗi khi thấy một viên

trăng non mới mọc, tôi có nhớ đến những mảnh trăng ở chốn chùa Hoa? Có thể tôi như con sâu róm, trên cây ổi vườn chùa, co thắt lại từng khúc mộng mềm những nước, lại còn nhày nhám tủa những lông gai. Sau biến thành loài bướm, đập cánh bay đi và không bao giờ quay trở về khu vườn quả chín?...

Tâm Đối rung chuông, nhìn đồng hồ, nói:

- Chúng ta nghỉ một lát.

Mọi người ra sân, đi thành một vòng tròn nối bước nhau cho thư dãn tinh thần. Tôi ngồi lại. Yên lặng như thầy chúng tôi. Trong cung cách điềm đạm và thông dong, tôi thấy được sự im lặng sấm sét nơi ông. Thầy luôn luôn nhắc nhở chúng tôi: “Các con đừng quên là mình đi tu để soi gương và nếu may mắn có phúc đức thì làm được mảnh gương nhỏ cho những người khác về tính từ bi và lòng hỷ xả!” Nhưng tôi không chịu nổi cảnh đời ngoài kia, hình ảnh con chó sói đóng vai người bà nhân hậu trong chuyện cổ tích *Cô Bé Quàng Khăn Đỏ*, mà Mật Thể lại ngở nó “vì con người, cho con người”. Thầy tôi từng nói: “Không có chuyện hai con rồng tranh nhau trái châu, dưới cái nhìn của Thiên, con sẽ rõ sự giống nhau được tìm thấy ở giữa hai sự khác nhau, đôi khi đối đầu. Tất cả, hai con rồng thay cho tính biện biệt, đều hướng về Một là sự đồng thể, nhất nguyên. Cả hai, Phật với Người là một, tại Tâm. Trái châu cũng chỉ là vòng Luân Chuyển Hồi Hướng. Nơi đi đến cũng lại là nơi bắt đầu lên đường. Giáp một vòng hoa mùa xuân là nở và rụng, rồi lại nở. Việc gì các con phải tranh chấp với nhau! Đây không chỉ là chuyện đạo đức. Họ thừa sức giết hết các nhà sư nhưng không giết hết được mọi người. Phật tại Tâm. Thiên nhắc chúng ta điều ấy!”

Khi mọi người trở vào, dáng thanh thản như những lượn khói nhang trầm được ông cụ Nậm đốt thêm, đang thoảng mùi thơm ngát. Mật Thể, tận tay rót trà và mang đến trao cho tôi, cũng tận tay. Tôi mỉm cười và khẽ gật đầu, thay cho lời cảm ơn. Tâm Đối

ngồi trở lại vào chỗ của người chủ tọa, phác tay ra dấu cho những người khác sắp sẵn câu hỏi. Mọi sự đều im ắng. Tiếng một nghiêng gối ở đà ngang nhà, phía trên bàn thờ Tổ, nghe rõ mồn một. Thường Chuyển sửa lại nếp áo cho ngay ngắn rồi nói:

- Tôi nghĩ bài hạnh giáo hôm nay, nếu còn phần nói thêm, xin để ngày mai. Giờ nên bàn về chuyện khác. Hoàn cảnh chùa nhà đã được một thiền ni, hiện sống ở Pháp, biết đến. Thiền ni An Nhiên, qua thư gửi cho một Phật tử, có ý muốn cúng dường một Nhà Thuốc Nam, lấy tên là Tuệ Tĩnh Đường... Khi nhận được sự giúp đỡ ấy, chùa phải làm gì?

Tâm Đối nói ngay:

- Chùng nào có hầy hay! Trước mắt, lo việc chế keo cái dĩa! Cụ Nậm và tôi mới làm thử được năm thùng. Một thùng cho Lược sửa lại con đồ cũ, Quán Chỉ nói là rất tốt. Còn lại, cụ Nậm bán hết ngay và được giá...

Ông cụ Nậm tiếp lời:

- Thầy Quán Chỉ và tôi mới mua được mớ vải tám cho chùa... Quần áo, mừng màn bướm cá. Hồi này không hiểu muỗi ở đâu ra mà lăm thế. Nồi soong, rổ rá trong nhà bếp cũng đều hư nát...

Trong khi còn chờ thiền ni An Nhiên, vào mùa hè này, từ Pháp về, Thường Chuyển cứ nhắc đi nhắc lại mãi: “Tĩnh thế chưa cho phép in kinh thì cũng phải mua lại những cuốn kinh bán ngoài chợ trời Hồ Nai. Cất hết vào tủ sách chùa, chờ ngày tái bản.” Lại còn nhấn mạnh: “Người xưa còn kêu việc in kinh là chuyện Trang Nghiêm Phật Đạo!”

Bữa chay tịnh xong, vừa đúng giờ Ngọ, ông cụ Nậm rủ tôi ra ngồi trên bậc đá ong trên con đường dẫn xuống bến sông, để “có chuyện này muốn nói với thầy”:

- Chiều hôm qua thầy đi vắng. Sư cụ và tôi dọn dẹp ở nhà Vong, ngài có bảo cụ nhắc thầy Quán Chỉ điều này: “Có sang bên kia sông dạy trẻ con, hầy cho chúng nó học chữ trước! Trẻ con còn nguyên Phật tính! Chưa cần phải giảng đạo pháp vội!” Sư cụ nói khó hiểu quá. Và...

- Xin cụ cứ dạy!

- Thầy... chưa hiểu rõ thầy Mật Thế đâu! Không có thầy ấy lo giấy tờ thì chùa mình nhỏ, chỉ được ba hộ khẩu thường trú là cùng. Mai mốt, biết đâu được, chùa lại còn mở Tuệ Tĩnh Đường nữa. Khó khăn chồng chất.

- Ý cụ thế nào?

- Tôi đã tính rồi thầy ạ, nói là mở phòng thuốc phát cho dân nghèo thì đời nào họ chịu. Thế chẳng hóa ra họ thiếu nhà thương hay sao? Chỉ nên gọi là "tổ nghiên cứu thuốc Nam" thôi. Còn xương keo? Cũng chẳng dễ! Nhưng cứ đóng thuế cho nhiều. Là xong hết...

Tôi không biết nói gì hơn:

- Cảm ơn cụ!

- Thầy thấy dân tình bờ bên kia sống ra sao?

- Khổ lắm!

Rồi tôi kể cho ông cụ Nậm việc trẻ con phải ăn vỏ chuối thay cơm. Tới chuyện con vật đã bị người ta giết như thế nào, ông cụ chỉ lắc đầu, thở dài:

- Người còn khốn nữa là chó!

Sau đó, ông cụ Nậm đi xuống nhà bếp, nằm võng ngủ trưa. Còn lại mình tôi giữa cảnh chùa vắng, ngồi nhìn các vệt nắng nhảy múa trên những bậc thềm đá ong. Gió từ dưới sông thổi lên, lay vạt áo nâu, mát rượi. Dù sao thì cái màu nâu ở đây cũng tươi sắc hơn cánh áo cộc của ông cụ Nậm. Bao năm nay, hàng ngày, tôi vẫn trông thấy cụ mà không nhìn ra cụ. Thoáng chốc, tôi nghĩ ngôi chùa này như chỉ có hai nhà sư, thầy tôi và ông cụ Nậm, một mặc áo tu, một không. Còn chúng tôi chỉ là những chiếc bóng. Như bóng cây trên thềm đá, chiều nắng tắt, mất đi. Ông cụ Nậm không phải là một người đi làm công quả để đổi lấy miếng ăn thập phương. Người ăn mày và kẻ sĩ khát thực khác nhau xa. Trưa hôm nay, chính tôi vừa nhận được một bài học mà người cho tôi lại không có ý dạy: "Thầy ạ, đừng có lấy tên là Nhà Mồ Côi hay Viện Dục Anh gì nhé! Lớn lên, chúng nó sẽ nghĩ ngợi, càng khổ thêm, cứ coi các trẻ em mồ côi như những người bệnh. Bệnh đói, bệnh dốt, bệnh cô đơn cô độc ấy mà. Thế nên ai đến đây, "đói ăn rau, đau

uống thuốc", mà buồn thì chữa cho vui, Tuệ Tĩnh Đường phải như thế thì mới thích!" Nam Mô A Di Đà Phật, đấy là lời của một người không thuộc nổi nửa trang kinh! Tôi chợt vỡ lẽ. Hiểu ngay đó là tiếng nói từ Tấm Lòng. Trái vô lượng kiếp, không trước cũng chẳng sau, Tấm Lòng ấy thốt lên thành lời, viết xuống thành chữ mà ra Tâm Kinh Chân Ngôn. Công đức không phải là xây cho thật nhiều Phù Đồ rực rỡ, hết chùa cao lại tượng lớn, mà ở việc dạy bảo nhau làm Người, đừng như thú vật, quen thói mạnh con nào con nấy sống. Tệ hơn, cái chết của con này lại là sự sống của con kia.

Thân tôi ở chùa mười chín năm nhưng hôm nay Tâm tôi mới bắt đầu vào cửa Phật. Nghe trái tai. Nhưng đấy lại là sự thật. Trong chương Y Pháp Xuất Sinh của Tâm Kinh Chân Ngôn, nương theo pháp mà sinh ra, tôi chỉ âm thầm tìm hiểu chánh pháp không một ngày ngưng nghỉ. Cố nắm vững phần nào thể và lý của chánh pháp, một nền Tam Bảo trong sạch, mong hiểu từng chữ một cho đúng nghĩa nhà Phật để sớm chứng quả. Nhưng tôi chưa một lần nghĩ tới Hạnh, nghĩa là nương theo ý đạo để sáng suốt tâm trí, thấy rõ *sở vị Phật pháp giả, tức phi Phật pháp*, ngay trong kinh Kim Cương, sở là sở thuyết, lấy lời đưa lời nên "nói là Phật pháp, tức là chẳng phải Phật pháp". Vậy mà tôi cứ sở trú, tìm chỗ dựa, vào nhất thiết hữu vi pháp là thứ phi Phật pháp. Như mộng huyễn bào ảnh. Như lộ, diệc như điện. Chỉ như bóng in hay bọt nước. Như tia chớp nhoáng mưa rào. Đúng ra tôi nên nương theo pháp mà sinh ra nhiều thứ hạnh, trong đó hạnh bố thí là điều cần phải làm trước tiên. Bố thí, "dāna", theo Tâm Kinh, mà không thấy mình bố thí, vô chấp tướng. Trong sáu cách lớn đưa người và mình sang bờ bên kia, bố thí đứng hàng đầu và cuối cùng mới tới trí huệ. Con người, nhất là người tu hành, không bố thí thì không trí huệ, hay ngược lại. Tôi yêu đạo Phật cũng bởi chỗ này: Nhìn nhận mọi loài, thật sự và tự nhiên, đều có Phật tính, Chân Như. Cho dù tất cả những gì có ở bên ngoài đạo Phật, thì đạo

Phật vẫn ở trong hết thảy những thứ đó. Đạo Phật ở đây là trí huệ Bát Nhã, sự sáng suốt tốt cùng để độ, paramita, cũng chính là «dāna», bố thí, cứu người và giúp đời. Bởi đạo Phật chỉ mới có mặt ở đời này chưa đến ba ngàn năm. Nhưng lịch sử muôn loài, tẻ nhất, cũng dài hàng mấy triệu lần hơn thế.

Cậu bé Lượm, mười hai tuổi, đã vào cửa Phật đầu, mà hạnh bố thí, đồng nghĩa với trí huệ, đã tự nhiên có thật. Hàng ngày đi chở đồ muốn, nhặt một hòn đá vừa đủ sức mang. Suốt hai năm qua, được khoảng sáu trăm cục đá. Cộng với tiền nhặn ăn quả sáng, Lượm đã cùng mẹ xây xong cho bà ngoại một ngôi mộ đá, đẹp nhất vùng này, chưa một nhà giàu nào làm được như vậy. Bố thí công sức, bố thí tiền của và bố thí lời nói khi người mẹ khóc và khen "giỏi quá ta" thay cho lời cảm ơn con. Lượm đã bảo: "Con nhớ bà ngoại lắm!" Từ ý nghĩ, lời nói và việc làm kể trên, thân khẩu ý, thảy đều nằm trong Phật pháp, Chân Như, mặc dù Lượm chưa hiểu cái chữ Phật nghĩa là gì. Còn tôi, tôi biết đạo cả, lớn lao ở chỗ giúp con người chấm dứt được sự sợ hãi, "úy", một trong những nguồn khổ đau. Tôi hoàn toàn chưa biết y pháp xuất sinh, dùng bố úy thí đem điều không sợ tới cho người có sợ, nhất là sợ chết. Nói cho ai nghe hiểu về thực tướng của cuộc nhân sinh, người ta sẽ sống sung sướng vì không còn thấy "đáng sợ" cái "không đáng sợ" nữa. Tôi không nói là anh Tư Chơi không có Phật tính. Bụi thường làm mặt gương mờ mịt! Nhưng tôi biết chắc rằng Lượm đã được cứu khỏi chết đuối, một lần tắm sông bị vộp bẻ, nhờ một con chó có Phật tính. Kéo một con người lên bờ..., độ, cứu cho và cho không.

Vươn tầm mắt, trên các ngọn cây, ngồi ở bậc đá cao tôi nhìn ra khoảng sông lấp lánh nắng. Ô kìa, cậu bé Lượm đang chống sào sang bên này. Bị giòng nước và hướng gió làm chệch ngang, khiến dáng người khom lưng, tay quơ lên vung sào, cùng nét cong mảnh mai của con đò, gom lại, nom xa như một chữ... Tâm. ●

xóm cũ

LTS: Để gợi lại, chia-sẻ và giữ-gìn những kỷ-niệm của đời người bên cạnh nét đẹp quê-hương, tòa-soạn mở mục "Xóm cũ" để chào-dón các bài viết về phong-thổ, tập-quán, con người, đặc-tính địa-phương,... Hãy ghi chép lại trước khi kỷ-niệm chìm sâu. Hãy phơi trải, trước khi lớp bụi thời-gian phủ mờ ký-ức. Viết về một lùm lúa, một cánh vạc, một câu hò, một ngôi miếu, một cảnh chùa, một dòng sông, một trái núi, một bờ kênh,... nơi bạn đã ra đời, lớn lên hay thắt chặt một mối tình đằm-thắm. Hãy sót chia, để được gìn-giữ. Hãy cho, và hãy nhận...

Quê Tôi Với Văn Chương Truyền Khẩu

Diên Khánh



Văn chương truyền khẩu là những "tác phẩm" nhỏ, có tính cách bình dị, vốn không biết do ai làm, nhưng được nhiều người thuộc, nhờ đó mà lưu truyền. Hai tính cách chủ yếu của văn chương truyền khẩu là "vô danh" và "phổ biến". Tính cách "truyền khẩu" không cần nhấn mạnh, là vì một khi được ghi chép ra, nó giảm đi một phần; vả lại, nó là tính cách căn bản thuộc ban đầu.

Văn chương truyền khẩu gồm

những câu tục ngữ, những câu ca dao (gồm cả đồng dao), những bài vè, những câu đố, và những mẩu chuyện tiểu lâm.

Đã từ lâu, tôi vẫn có ý sưu tập những cái đó, riêng của hai tỉnh Phú-Yên và Khánh-Hòa. Nhưng lần nào cũng chỉ được một phần rồi bỏ dở. Lý do là vì tôi hay ngộ nhận "của chung" là "của riêng". Căn cứ vào trí nhớ của chính tôi, của người thân, và của bạn bè cùng quê, tôi chép lại những câu,

những bài "của riêng". Nhưng sau một thời gian, những cái ấy cứ mòn đi, cho đến khi hết hẳn. Tôi đã gặp chúng ở những cuốn sưu tập, hoặc ở miệng những người quen khác tỉnh. Có khi mấy chục trang ghi chép, chỉ còn sót lại một vài câu "không giống ai".

Hôm nay, tôi lại trở lại với công việc cũ. Tôi trình bày ra đây những "tác phẩm" của riêng quê tôi, hoặc nói tới quê tôi. Nhưng chắc không được bao nhiêu.

Những Câu Ca Dao

Vì vấn đề "bản quyền" không được đặt ra ở đây, nên "mơ phỏng" hoặc "nối dài" cứ tha hồ.

Hồi còn thật nhỏ, tôi nghe trong xóm tôi người ta hát ru em bằng những câu:

*Chiều chiều quạ nói với diều
Tìm nơi đóng trấu có nhiều gà con.*

Khi theo chồng về sống ở Phú-Yên, tôi cũng nghe lại câu ấy, nhưng dài thêm 2 câu nữa:

*Gà con bươi rác bươi rơm,
Con anh chèo chèo đòi com tối ngày.*

Mới đây, đọc cuốn *Ca Dao Dân Ca Nam Bộ* (của nhiều tác giả), tôi lại thấy có rất nhiều câu tương tự:

*Bao phen quạ nói với diều:
Cù lao Ông Chuông có nhiều cá tôm.*

Hoặc:

*Ba phen quạ nói với diều:
Ngã ba Rạch Cát có nhiều cá tôm.*

Vậy, câu kể trước có phải là của quê tôi không? Cũng không lấy gì làm chắc.

Đến câu này, lúc đầu tôi kể như chắc ăn, vì nghe có vẻ "rất là quê tôi":

*Chim chuyền bụi ớt lú lo,
Lòng thương quân tử, ốm o gầy mòn.*

Hoặc:

*Chim chuyền bụi ớt lú lo,
Lú lo bụi ớt, đừng cho chim chuyền.*

Nhưng trong cuốn *Tục Ngữ Ca Dao Dân Ca Việt Nam* (của Vũ Ngọc Phan) cũng có một câu tương tự:

Chim chuyền nhành ớt lú lo,

Sầu ai nên mới ốm o gầy mòn.

Tóm lại, về mặt ca dao, quê tôi không có, hoặc không còn câu nào riêng cả. Nghĩ cho cùng, thì cũng là hay. Văn chương bình dân là của chung. Những tác giả vô danh của quê tôi, đã sáng tác những câu kia, ngày nay được phổ cập, là vinh dự cho họ.

Vậy, chỉ còn lại những câu nói về quê tôi. Nhưng những câu này cũng không hẳn là do quê tôi sản xuất. Có thể phải, mà cũng có thể không. Suy ra thì biết. Thí dụ câu: *Trai Cầu Vồng Yên Thế, gái Nội Duệ Cầu Lim*, không lấy gì làm chắc là do người sở tại đặt ra. Hơn nữa, câu có ý khen thì còn miễn cưỡng; nhưng câu có ý chê, không lẽ người địa phương đặt ra để tự chê mình?

Nhưng dù là thế nào, tôi cũng sẽ kể hết ra đây cho các bạn nghe.

Anh về Bình-Định thăm cha,

Phú-Yên thăm mẹ, Khánh-Hòa thăm em.

Câu này là lời của người nữ, mà cũng có thể là của người nam. Hai tiếng "anh, em" là tiếng gọi bạn, mà cũng là tiếng tự xưng. Nhưng câu ca

dao này rõ ràng muốn nói lên cái tình gia đình lẫn tình quê hương. Bình-Định, Phú-Yên và Khánh-Hòa là 3 tỉnh liên ranh, đã được hôn nhân, huyết thống thắt chặt thêm.

Phú-Yên dễ ở khó về,

Trai đi có vợ, gái về có con.

Câu này chê hay khen đây, các bạn? "Dễ ở, khó về" có ý như "có tình", "đất lành chim đậu". Nhưng "trai đi có vợ" thì là chuyện chỉ đáng mừng, không có gì đáng ngại; riêng "gái về có con" nghe không được ổn cho lắm. Lỡ ra, địa phương là cái ổ dục đồ, thì sao? Nhưng xin các bạn yên tâm. Tôi đã sống ở đó lâu, tôi biết. Chỉ có tình thương, chứ không có cạm bẫy. Ngày trước, tôi muốn nói khoảng chính quyền quốc gia mới thiết lập tại đây (1955-56), khi tỉnh lỵ Tuy-Hòa còn là những con đường đầy bụi đỏ và những dãy nhà lợp tôn, có những người công chức từ xa đối tới đây, đã "than thân trách phận" không ít. Nhưng sau đó, họ lại lập gia đình và sống luôn ở đây.

Tiếng đồn con gái Phú-Yên,

Trai Bình-Thuận cưới một thiên cá mồi.

Lời lẽ thì rõ là chê. Chỉ mong là ý

chê cũng. Như miệng nói "dễ ghét" mà trong lòng lại nghĩ là "dễ thương" vậy. Chúng ta thử luận xem: Từ Bình-Thuận muốn tới Phú-Yên phải vượt ngang 2 tỉnh: Ninh-Thuận và Khánh-Hòa, đường xa diệu vợi. Muốn tìm vợ đẹp, thì mới phải đi xa, chứ chỉ cần vợ xấu, thì việc gì phải vượt trên 300 cây số? Đỡ tốn tiền ư? Nhưng nạp sinh lễ bằng 1.000 con cá mồi, thì chắc con gái Phú-Yên không người nào chịu đâu. Là vì biển Phú-Yên, cá mồi cũng rất nhiều.

Nhân đây, tôi thấy cũng cần có vài lời về giống cá mồi. Có nhiều người dùng chữ "cá mồi" để gọi thứ cá hộp của Âu-Mỹ đề là "sardine". Tôi nghĩ là không phải. Biển miền nam Trung phần có những con cá này gần giống nhau: Cá lép, cá trích, cá mậu, cá mồi, cá làm. Cả 5 thứ đều là cá rẻ tiền. Nhưng trong đó, chỉ có cá trích vô hộp được, vì xương mềm. Cá mồi lớn bằng bàn tay, lắm xương, xương lại không mềm. Có thể ăn tươi (nấu ngọt, hoặc nướng), nhưng thường là đem muối thành cá mặn. Cá mồi mặn là một món ăn hay đi kèm với cơm nguội, thành một kiểu ăn bình dân, mà tôi đã có lần kể lại trong bài *Món Khổ Quê Nghèo*. Cá làm cũng là một thứ cá mồi, nhưng nhiều thịt hơn. Còn cá mồi mà con nhỏ và mỏng mình ít thịt, thì được gọi là *cá mồi ranh*. Các bạn cùng quê với tôi có nhớ hiện tượng mùa hè 1943, biển Trung phần từ Phan-Thiết ra đến Qui-Nhơn, bỗng được mùa cá mồi, và con nào cũng mập một cách khác thường? Nhưng ngư dân lại gặp khó khăn, vì cá đánh lên không bán được, phải đem đổ đi. Người ta đồn rằng cá mồi ăn xác lính Nhật ném xuống biển, nên mập. Có người quả quyết đã gặp những lóng tay trong ruột cá mồi.

Cá rẻ thế, ghê thế, mà nữ đem làm sinh lễ đi cưới con gái quê tôi sao?

Chiều chiều mây phủ Đá-Bia,

Đá-Bia mây phủ, chị kia mất chồng.

Mất chồng như nậu mất trâu,

Chạy lên chạy xuống cái đầu chơm bom.

Đá-Bia là một ngọn núi trong dãy Đèo-Cà, phía nam tỉnh Phú-Yên. Tên

hồn anh thơm nức

*Đêm đã xuống bình minh lên điểm tuyết
Anh thả hồn về thăm mái nhà xưa
Nơi đàn chim ríu rít chuyền dợt đùa
Có em quét lá sân màu rắng đỏ.*

*Hương bồ kết tóc em trôi theo gió
Mùi ân tình mở cửa ngõ tim anh
Ta trao nhau dòng suối mắt long lanh
Đuôi xanh biếc dài theo anh năm tháng.*

*Hoa mắc cỡ em thường khen lãng mạn
Chẳng yêu sao chạm đến đã héo sầu.
Ngỡ ra rằng ta cũng có yêu nhau
Lần cỏ xước vương tóc em, anh gỡ.*

*Tình ấp ủ trong nỗi niềm thương nhớ
Vườn nhà em hoa bưởi chắc toả hương
Nhốt mùi thơm em hái gói đầu giường
Đêm trăn trở xông hồn anh thơm nức.*

nguyễn văn cường



chữ là Thạch-Bi-Son. Tương truyền năm 1471, vua Lê Thánh-Tôn đã cho dựng bia phân ranh giới Việt-Nam và Chiêm-Thành lúc bấy giờ ở đó. Nhưng tại sao núi Đá-Bia mây phủ, thì “chị kia” lại mất chồng, thì khó mà hiểu được.

Tại địa phương, còn có câu khác cũng mở đầu bằng “chiều chiều mây...”:

*Chiều chiều mây kéo về Kinh,
Ếch kêu giếng loạn, thăm tình đôi ta.*

Cũng khó cắt nghĩa cho rạch ròi. Chỉ có thể hiểu đại khái ý muốn nói đến một đôi nam nữ yêu nhau, nhưng duyên phận không như ý.

Lại cũng có câu khác liên hệ đến núi Đá-Bia:

*Chóp-Chài đội mũ,
Mây phủ Đá-Bia,
Ếch nhái kêu lia,
Trời kia mưa xuống.
Hoặc:
Chóp-Chài đội mũ,
Đá-Bia mây phủ,
Mai rủ đi cày.*

Đây là những câu ca dao dự đoán thời tiết, rất dễ hiểu, và thường rất trúng. Nhờ những địa danh, ai nghe cũng biết gốc gác của chúng là hạt Tuy-Hòa.

*Khánh-Hòa là xứ trầm hương,
Non cao biển rộng, người thương đi về.*

*Yến sào thơm ngọt tình quê,
Sông sâu đá tảng lời thề nước non.
Và:*

Cây quế Thiên-Thai mọc ngoài khe đá,

Trầm nơi Vạn-Giã hương tỏa sơn lâm.

*Đôi đứa ta như quế với trầm,
Trời xui đất khiến sắt cầm gặp nhau*

Hai bài trên được trích trong cuốn *Xứ Trầm Hương* của Quách Tấn. Tác giả có ghi đó là “ca dao”. Nhưng tôi vẫn ngờ đó là “thơ” cố làm ra cho có dáng vẻ ca dao, của chính tác giả. Thứ nhất, những câu ấy nghe không giống “ca dao” của quê tôi. Nghe nó “hay” hơn, “thơ” hơn. Thứ hai, tôi sinh trưởng và lớn lên tại địa phương,

nhưng không nghe những câu ấy bao giờ. Trong những cuốn sưu tập ca dao các miền, cũng không thấy.

Quách-Tấn là một nhà thơ có tài. Ông lại có nhiều cảm tình với Khánh-Hòa. Trong khi nói về địa phương này, thỉnh thoảng ông có phóng bút “thi vị hóa” nơi này chốn khác, thì cũng là điều tự nhiên. Nhưng cũng có khi những cái ấy làm cho người đọc muốn tìm hiểu sự thật, đâm ra hoang mang. Như trong tác phẩm, ông đã trích dẫn nhiều thơ của chính ông, nhưng lại ghi những bút hiệu khác mà ông chỉ dùng trong cuốn này.

*Yến sào Hòn Nội,
Vịt lội Ninh-Hòa,
Tôm hùm Bình-Ba,
Nai khô Diên-Khánh,
Cá tràu Võ-Cạnh,
Sò huyết Thủy-Triều.
Đời anh cay đắng đã nhiều,
Về đây ngọt sớm ngon chiều với em.*

Bài này nguyên chỉ có 4 câu đầu. Tác giả *Xứ Trầm Hương* đã viết thêm 4 câu sau. Sáu địa danh trong bài đều thuộc Khánh-Hòa. “Hòn Nội” là một hòn đảo có nhiều yến nằm gần vịnh Cam-Ranh; “Ninh-Hòa” là một quận giáp với thành phố Nha-Trang về phía bắc, có đồng rộng, và nhiều vùng có nước quanh năm, để nuôi vịt; “Diên-Khánh” là một quận nửa đồng bằng nửa miền núi, nên có nhiều nai; “Võ-Cạnh” là một làng thuộc quận Vĩnh-Xương, có ruộng nước nhiều cá; “Thủy-Triều” và “Bình-Ba” thuộc vùng biển Cam-Ranh, có nhiều tôm cua sò hến.

Tôi nói hơi kỹ ở phần trên cốt để nhìn nhận là những câu ca dao nói về đặc sản, thường là có đúng. Nhưng cũng không tuyệt đối đúng. Nó bị chi phối bởi 3 yếu tố: Người đặt ca dao biết tới đâu thì diễn tả tới đó; Người ấy khen theo khẩu vị của chính mình; Đôi khi cũng nói theo kiểu thuận miệng.

Tôi xin dẫn chứng: Khi nói về món ngon của Phú-Yên, thi sĩ Tản-Đà có câu:

*Lấy chi vui với thu tàn,
Phú-Câu cước cá, Ô-Loan miếng*

hàu.

Nhưng nếu dân Phú-Yên có nhắc đến câu đó thì cũng chỉ là để hãnh diện rằng quê mình cũng được một nhà thơ lớn nói đến, chứ không hề lấy đó làm kinh nghiệm thưởng thức món ngon. Khi ghé Phú-Yên, Tản-Đà chỉ thăm được vài nơi, chỉ ăn được vài món, thì làm sao có được cái lịch lãm đầy đủ.

*Mây Hòn Hèo;
Heo Đất Đỏ;
Mưa Đồng Cọ;
Gió Tu Hoa;
Cọp “Gà”;
Ma Đồng Lớn.*

Đây là những câu ca dao phổ biến ở vùng bắc Khánh-Hòa. “Hòn Hèo” là một hòn núi ven biển thuộc quận Ninh-Hòa, có nhiều mây song. “Đất Đỏ”, “Đồng Cọ”, “Gà”, và “Đồng Lớn” là những cái tên ai cũng “có nghe”, nhưng mỗi người chỉ một nơi. Riêng “Tu-Hoa” có lẽ là “Tu-Bông”, thuộc quận Vạn-Ninh.

Tôi xin dẫn một bài khác rất phổ biến ở Phú-Yên, có những câu tương tự, cũng có những địa danh không biết là ở đâu:

*Cọp núi Lá;
Cá sông Hình;
Mặt ổ gà;
Ma Đồng Lớn.*

Trong 3 địa danh kể trên, người địa phương chỉ biết sông Hình. Còn “ổ gà” đưa vào đây có lẽ chỉ là một kiểu nói “bất quàng”, rất hay gặp trong ca dao. Ngoài ra, trong bài trước, có 2 địa danh là “Đất Đỏ” và “Đồng Cọ” là hai nơi có thật ở Phú-Yên. Thế cho nên, tôi vẫn nghĩ những câu nói về đặc sản thường có nhiều lẫn lộn và nghi vấn.

*
* *

Vậy, quê tôi không có đặc sản gì đáng kể hay sao? Có chứ, các bạn. Trước hết, riêng Nha-Trang có nhiều yến sào. Hai quận Đồng-Xuân và Sơn-Hòa của Phú-Yên có nhiều bò thịt. Và cả Phú-Yên lẫn Khánh-Hòa đều có nhiều cá, tôm, mực và sò ngon. Nhưng đây chúng ta đang nói về ca dao, nói rõ ra như thế, e “thực tế” quá chẳng?

Những Bài Về

Ở Khánh-Hòa hình như không có những bài về địa phương, là những bài kể chuyện địa phương và do chính người địa phương đặt. Ở Phú-Yên có loại này.

Khoảng 1974, khi bắt đầu soạn cuốn địa phương chí cho tỉnh quê nhà, nhà tôi có sưu tập những tác phẩm văn học truyền khẩu của Phú-Yên. Bây giờ mất gần hết, nhưng anh vẫn còn thuộc một số câu:

- Bài về Lụt Giáp-Tí:

Giáp-Tí Khải-Định cứu niên,

Trời làm bão lụt Phú-Yên cơ hàn.

Tuy-Hòa cho thấu Tuy-An,

Đồng-Xuân phủ cũ mấy làng gần sông,

Đá-Bia chơ chí Cù Mông,

Dưới biển sóng dậy, trên đồng nước dưng.

- Bài về Huỳnh-Cát:

Tiếng đồn nội phủ Tuy-Hòa,

Có ông Huỳnh-Cát thiệt là giàu sang.

Quê nhà Phước-Hậu là làng,

Tánh tình ăn ở lòng càng hiền lương.

Người thêm đao bút văn chương,

Lễ nghi địa cuộc am tường lầu thông.

- Bài về Cúp Đầu anh không nhớ câu nào. Bài về Hộ Tịnh anh chỉ còn nhớ 2 câu đầu:

Tiếng đồn Hộ Tịnh giàu lâu,

Cưới con Thông Lý, đón dâu bằng bò.

Con của Thông Lý chắc cũng là con gái Phú-Yên. Thế mà lễ vật đón dâu phải là bò quay, thì chắc sinh lễ phải lớn lắm. Vậy, làm sao lại có vụ cưới bằng một thiên cá mời được.

Mấy bài về kể trên đều là tác phẩm của một nhà nho qua đời đã lâu, tên là Nguyễn-Chi, người xã Hòa-Phong, Tuy-Hòa.

Những Câu Hò Khoan

Như tôi đã nói ở những bài trước, quê tôi không phải là đất văn học. Cả Phú-Yên và Khánh-Hòa đều không có gì đặc sắc về văn chương nghệ thuật. Lễ hội cổ truyền không có, múa hát

địa phương cũng không. Thỉnh thoảng ở những làng quê có tổ chức cúng đình, có múa "lục cúng", và có hát bội. Nhưng nói chung, cũng không có gì khác mọi nơi.

Riêng về hò hát, thì có "hò khoan" và "hò bài chòi".

Cách điệu thì tôi đã trình bày ở những bài trước. Ở đây, tôi chỉ xin kể các bạn nghe một vài giai thoại trong chuyện "hò khoan" ở quê tôi. Và cũng xin nói rõ đây là những chuyện xảy ra trước chiến tranh khá lâu, khi mà con gái quê tôi còn phải kéo sợi dệt vải, con trai quê tôi còn lấy những nơi kéo vải, giã gạo làm chỗ hẹn hò.

Nhưng, như trên đã nói, đất xứ tôi không phát về văn học, mà "hò khoan" cũng là văn học, nên quê tôi không có "thầy hò". "Thầy hò" thường là những người đầu từ miền ngoài vào. Họ kiếm ăn bằng cách dạy chữ Hán, chữ quốc ngữ cho trẻ con tại gia, hoặc coi bói coi tướng đạo. Họ sống lẫn lộn trong dân chúng, vui buồn với địa phương. Thỉnh thoảng họ cũng đến những chỗ có "hò khoan" nghe chơi. Ngồi cạnh những cô, những cậu không hò đối đáp được, họ vui miệng nhắc cho một câu gỡ bí. Và họ thành "thầy hò".

Chẳng hạn, bên nữ hò:

Con chó đánh trên đầu sao kêu dưới cẳng?

Con ngựa cột trước cửa sao hí sau hè?

Anh mà đốiặng, em kết bè em theo.

Với một câu "chơi chữ" như thế, bên trai làm sao đối đáp được. Nhưng ông thầy hò thì được. Ông ta mách cho chàng trai hò:

Con cá đối nằm trong cối đá,

Con mèo cụt nằm mút đuôi kẻo,

Anh dà đốiặng, em theo cho rồi.

Nhưng chuyện đời không phải lúc nào cũng suôn sẻ. Có khi hai ông thầy hò đụng nhau đến gây hiềm khích. Đây là chuyện 2 ông thầy hò người Quảng-Nam, vào làm ăn tại Diên-Khánh hồi tôi chưa sinh ra. Một ông tên là Trần-Hàn chuyên dạy chữ Hán. Ông kia dạy cả chữ Hán và chữ quốc ngữ cho những người muốn thi Tuyển-Sinh, thường được gọi là Giáo Lương.

Hai người không ưa nhau, vì Giáo Lương vẫn khinh Trần-Hàn là dốt, lại hay tranh học trò của mình. Nhưng thật ra, hiềm khích chính vẫn là chuyện bày vẽ những câu hò "sáng tạo" có tính cách châm chọc, miệt thị nhau.

Câu chuyện kể rằng một đêm, tại chỗ cối đập, hai người trực diện chọi nhau. Trần-Hàn cất giọng hò:

Tay cầm cần ngắn chỉ dài,

Lưỡi câu không ngạnh, mo dài trùn quăn.

Ta móc mồi thả xuống cho mồi ăn;

Mi trời đầu ta nắm, thử mồi trơn bực nào.

Câu hò tả cảnh câu lươn. Tên đối phương là "Lương", nhưng người xứ Quảng và người quê tôi đọc "lươn" và "lương" không khác.

Giáo Lương điềm nhiên cất giọng:

Trần ai gặp lúc cơ hàn,

Rổ đan mặt mốt về làng dựng khoai.

Đói lòng ăn bẫy rổ khoai,

Uống năm lu nước, học hoài không thông.

Câu của Trần-Hàn xác, nhưng câu của Giáo Lương độc hơn. Trần-Hàn một mất, mà Giáo Lương móc đến cái tát ấy. Trần-Hàn tức giận, không thèm trả đũa bằng câu hò nữa, mà bằng đấm đá. Nội vụ phải đưa tới làng, và kết quả là Trần-Hàn phải bỏ đi nơi khác kiếm ăn.

Những Bài Đồng Dao

Đồng dao là ca dao của trẻ con. Tất nhiên dành cho trẻ con, nhưng do người lớn đặt. Cũng có khi người đặt dựa theo cách nói của trẻ con. Mục đích là để dạy trẻ tập nói, hoặc hiểu về một số thú vật, cây cối, dụng cụ. Có khi bài hát được đọc trong khi chơi.

Hai bài sau đây, tôi không thấy chép ở cuốn sưu tập nào hết cả. Bài trước dạy con nít tập nói, dài gần cả trăm câu; bài sau dùng đọc trong trò chơi "chồng tay", giống như kiểu "nu na nu nống" của trẻ con ngoài Bắc:

Trời mưa lâm râm,

Cây trâm có trái,

Con gái có duyên,

Đồng tiền có lỗ,
Bánh đồ thì ngon,
Bánh hòn thì béo,
Cái kéo thợ may,

.....
Chặt cây dừa, chừa cây mận;
Cây lòng thòng, cây bí đao;
Cây nào cao, cây nào thấp;
Cây nào rập, cây nào rời;
Mồng toi chín đỏ,
Con thỏ nhảy qua,
Bà già ú hự,
Chùm rùm chùm rịu,
Mà ra tay này.

Chuyện Tiểu Lâm

Có người quả quyết rằng chuyện tiểu lâm mà không có “chất tục” thì không hay. Nhận xét này chắc đúng, nếu xét chung. Vì vậy, thường thì đàn bà không nghe, không kể chuyện tiểu lâm. Tuy nhiên, tôi có biết một số chuyện tiểu lâm của quê tôi, không tục, mà hay; lại thể hiện được một phần lễ thói ở nông thôn.

Chuyện tiểu lâm phần nhiều đặt ra là để châm biếm những thói xấu: Hà tiện, tham ăn, đạo đức giả, mê tín; hoặc để thuật lại một tình trạng, cảnh nghèo chẳng hạn. Đối tượng của những chuyện tiểu lâm thường là các nhà trọc phú, những tay thầy bói thầy pháp, những chàng rể khờ, những ông cha vợ những bà mẹ vợ tham công tiếc việc...

Sau đây là một chuyện tiểu lâm về “lễ thói”. Xin các bạn phái nữ cứ đọc tự nhiên. Đọc xong, các bạn sẽ chỉ thấy thương quê tôi nghèo, chứ không đỏ mặt vì quê tôi tục đâu.

“Một chàng trai nghèo, về làm rể ở một gia đình cũng rất nghèo. Công việc chàng phải làm thì nặng, cần phải ăn no, mới đủ sức. Nhưng khổ nỗi, cơm nhà vợ không đủ cho chàng. Bữa ăn nào, cũng xảy ra tình trạng “còn thềm”. Một hôm, ăn được vài chén, bụng chỉ mới hơi lưng lửng, chàng rể muốn ăn nữa, nhưng không dám đưa chén cho cha vợ đơm, vì không biết tình trạng cơm trong nồi còn hết ra sao. Chàng nghĩ ra một kế, nghiêng chén cho cha vợ thấy là chén không,

và nói:

- Thưa cha, cha có thấy nhà nào cất mà đòn tay to bằng cái chén này không?

Ông cha vợ, biết ý chàng rể muốn gì, nhưng cơm trong nồi đã hết. Ông đành nghiêng nồi cho chàng rể thấy, cười đáp:

- Cha đã thấy rồi. Đòn tay cỡ đó thì cột phải bằng cái nồi này mới xứng.

Những Câu Đố

Tôi viết thêm phần này vì mới đây, có đọc thấy trong một tạp chí tiếng Việt, ở mục câu đố, người ta dùng câu: “Thương nhau cởi áo cho nhau, về nhà dỗi mẹ qua cầu gió bay” làm câu đố, nêu xuất là “thú vật”, và giảng là “con lừa mẹ”. Tôi nhận thấy cách đố rất khéo, chợt nhớ lại hồi nhỏ ở quê, cũng đã có lần nghe một câu đố tương tự. Xin kể ra đây cho các bạn nghe, để kết thúc bài này.

Hồi tôi còn nhỏ, bên nhà tôi là nhà một ông bác họ. Bác tôi giỏi chữ Hán, và thường giao du với những ông thầy Nghệ.

Trong thực tế, không phải những ông thầy đồ từ miền ngoài vào ngồi dạy học ở làng tôi đều là người Nghệ-An, nhưng hễ nghe tiếng nói “trọ trẹ”, thì người làng tôi nghĩ ngay họ gốc gác ở đó.

Những câu chuyện giữa bác tôi và những ông thầy Nghệ phần nhiều là những chuyện “văn chương chữ nghĩa”, hồi ấy tôi không hiểu được. Nhưng tôi lại thích nghe. Đã có lần, mẹ tôi hỏi: “Con nghe đâu có hiểu gì mà cứ chạy qua đó nghe hoài vậy?”

Bây giờ, sau bốn năm chục năm, tôi chỉ còn nhớ được những câu đố. Đây tôi kể các bạn nghe những câu mà tôi biết chắc không ở đâu có, vì do chính bác tôi đặt ra để đố bạn lúc bấy giờ.

Làm than quá lắm hóa đen sì,
Đỏ hồng xưa đã chẳng còn chi!
Mỗi lần khách đến nhà thăm viếng.
Lạnh nóng lên con biết uống gì.

Câu này đố chiếc ấm đất, nguyên lúc mới là màu đất nung đỏ hồng, dùng lâu đổi thành màu đen khói. Mỗi

nghĩa nước tình non

Ngàn xưa và mãi đến ngàn sau
Hận nước nào ai chẳng ai ngậm sầu
Mài kiếm dưới trăng chờ vận đến
Ngẫm nghiền binh pháp đến bạc đầu.

Có kẻ ra đi tìm phép lạ
Có người nuôi chí lớn rừng sâu
Thời gian cay nghiệt, thời gian đắng
Đối với lòng đau chẳng nhiệm màu.

Cuộc mãi kêu thương đêm hè vắng
Chim bằng mới cánh biết về đâu
Nghĩa nước, tình non nay phải trả
Được thua, thua được chuyện về sau!

phan long yên

khi có khách đến nhà, người ta đem đồ nước lạnh vào, rồi bắc ấm lên bếp nóng.

Anh kia mắc chứng bệnh chi,
Sau ca trước hát, cứ “i i” rên
hoài?

Câu này đố chữ “i” trong văn quốc ngữ. Trước nó là chữ “h”, sau nó là chữ “k”.

Nhưng hay nhất là câu đố sau đây. Chắc nhiều bạn đã biết câu ca dao này:

Rung rinh nước chảy qua đèo,
Bà già lật dật mua heo cưới chồng.
Một ông đồ Nghệ một hôm đố bác tôi bằng câu ấy. Bác tôi cãi là câu hát ru em, không phải câu đố. Ông đồ bảo là câu đố xuất “quả”. Bác tôi chịu thua, và ông đồ giảng:

- Nước làm sao chảy qua đèo được? Mà một khi đã chảy được qua đèo, thì nước đổ xuống, chứ làm sao lại còn có thể “rung rinh”? Xưa nay làm gì có chuyện đàn bà đi cưới đàn ông? Mà dù bà già kia, có vì muốn chồng quá, mà phải đi cưới, thì cũng phải từ từ. Già rồi, mà còn lật dật thì coi sao được? Tóm lại, nói toàn chuyện “trái lý”. Câu đố đố “trái lý” đấy.

Bác tôi thua, nhưng phải chịu là câu đố rất hay.

Xa xa trước cổng nhà tôi, qua hai bờ ao là một con sông đào, có cây cầu tre bắc ngang, người làng tôi thường gọi là cầu Bến Đông vì nó ở phía đông làng tôi. Qua cầu Bến Đông là một xóm nhỏ thuộc làng An Liêm. Đó là xóm Đồng Bùi.

Đồng Bùi có lẽ là xóm nghèo nhất làng. Trong xóm chỉ có chừng hơn mười gia đình ở rải rác nằm chắn ngang làng tôi, làng An Lập, về phía đông. Hồi nhỏ tôi cứ thắc mắc mãi về cái tên Đồng Bùi. Có người nói, vì xóm này nằm sát cánh đồng lại có nhiều người họ Bùi nên mang tên đó. Nhưng suy cho kỹ thì trong xóm chẳng có nhà nào mang họ Bùi cả, mà chỉ có hai họ là họ Đặng và họ Nguyễn thôi. Theo những người hiểu biết thì Đồng Bùi xưa kia là một khu đất ven làng, bờ lau bờ lách. Vào một thời loạn lạc dưới triều Minh Mạng, Thiệu Trị gì đó, vài gia đình từ làng An Bài, An Lễ tức làng Bùi, làng Lê, bồng bế nhau đến đây lánh nạn rồi sinh sôi nảy nở ra. Xóm Đồng Bùi là xóm của người làng Bùi di cư đến.

Khi lớn khôn tôi thường phải ra đồng trông coi việc ruộng nương. Những buổi chiều hè, nắng vàng trải dài trên đồng lúa mênh mông từ phía đông bắc của xóm Đồng Bùi, giáp giới làng Nguyên Lâm chạy xuôi xuống tận xóm Trại Bơn, Trại Vạn ở chân bờ sông Trà Lý. Dọc theo cánh đồng trên hai cây số đó, là một con đường phân ranh giữa hai huyện Tiên Hưng và Duyên Hà, nối liền từ đường giấy thép đến bờ sông Trà, dân quê tôi gọi là đường Đồi Buôn. Theo những người già cả kể lại, thì ngày xưa, đây là một thương lộ rộng lớn lắm, những người buôn bán gánh gồng, có cả ngựa xe đi lại vì nó là con đường giao thông của hai huyện Tiên Hưng và Thư Trì. Tuy nhiên vì đường qua một cánh đồng lúa rộng, lại giáp ranh hai huyện nên vấn đề an ninh không được chặt chẽ, thường xảy ra những vụ chặn đường cướp của, nhất là vào cuối thế kỷ 19 đầu 20. Sau này người Pháp thiết lập con đường giấy thép nối liền từ tỉnh Nam Định qua biên giới làng tôi, thẳng tới đường liên tỉnh Thái Bình-

Hải Phòng nên người ta bỏ con đường Đồi Buôn mà đi lại buôn bán bằng con đường giấy thép rộng rãi và phẳng phiu hơn.

Cầu Bến Đông cũng vậy, trước năm 1915 nơi này còn là bến dò, có thuyền bè buôn bán tới đậu, nhưng sau việc buôn bán bằng đường thủy không thuận lợi nên dẹp bỏ. Bây giờ Bến Đông chỉ còn lại một cây cầu tre chênh vênh có tới gần 30 nhịp, tuy có tay vịn khá chắc chắn nhưng vì quá dài nên không khỏi làm những người xù lẹ qua đây phải ngại ngùng e sợ. Có người lạ muốn vào xóm, thấy cây cầu, đã phải hỏi thăm lối khác, đi vòng theo bờ sông, ngược lên cửa đình Rèm, ra Tam Quan rồi theo đường chính vào xóm, mất gần hai cây số.

Lúc nhỏ tôi cứ thắc mắc mãi về cây cầu khốn khổ này. Tại sao trong xóm có nhiều nhà khá giả, nhất là có ruộng nương cày cấy bên cánh đồng Nam Đan, Thọ Vực, phải qua lại thường xuyên, mà không đắp đường cho tiện lợi, để cứ phải qua lại cây cầu kéo kẹt này. Nhưng các cụ bảo cứ để cầu như vậy, tuy khó đi nhưng kín đáo, đỡ lo trộm cướp.

À, thì ra thế! Nói theo nhà binh ta, đó là cây cầu chiến lược. Với dân làng tôi thì cây cầu này chẳng có gì đáng sợ cả. Ngày nào chúng tôi cũng qua lại. Buổi chiều nào anh em chúng tôi cũng rủ nhau ra Bến Đông tắm mát. Cứ đi đúng vào nhịp cầu thứ ba là nhảy ùm xuống, nước trong vắt và mát lạnh. Nước chỉ sâu đến ngực người

lớn. Ngay chỗ đó còn có một phiến đá rộng bằng hai cái chiếu, chẳng biết đã nằm đó từ thuở nào. Có người bảo đó là phiến đá của cây cầu Kênh gần đấy, lâu đời bị sụp, trôi giạt đến đây. Chiều nào chúng tôi tắm mát xong cũng leo lên ngồi chơi trên phiến đá hoặc trên tay vịn cầu, ngắm mây bay và nghe sáo diều vi vu từ xa vọng lại.

Bến Đông còn là điểm tụ của những tay bắt cá tài tử nữa. Vào đầu hè, người làng tôi rủ nhau đi bắt cá, gọi là đi "hồi". Dưới ánh nắng chói chang không một bóng mây, từng đoàn chồ năm chồ ba, cất tiếng hò: "Hò...i! Hò...i! Hò...i!" Thế là đàn ông con trai người nôm kẻ rập, lũ lượt kéo nhau ra ngồi, ra lách. Họ chia thành hai toán, chặn hai điểm một khúc ngòi chừng vài trăm thước, rồi giăng hàng ngang đi ngược chiều nhau, chỗ gặp thường là cầu Bến Đông. Thôi thì đủ thứ cá: trắm, chép, trôi, mè, rô, diếc,... Có người bắt được hàng xâu.

Nói đến bắt cá thì chỉ xóm Đồng Bùi là nhất, vì chẳng những chuyên nghiệp, họ còn biết cả thiên thời, địa lợi nữa: ngày nào bắt được nhiều, nơi nào có lấm tôm, cá, ốc, cua...

Chiều chiều, khi nắng vàng rơi rớt trên những ngọn tre già xơ xác, từng đàn chim trời ríu rít tìm về tổ ấm thì đây đó vang lên tiếng rao hàng lạnh lạnh. Họ có gì thì rao bán thứ đó: cá, tôm, cua, hến, ốc, trai... Ai muốn mua thì gọi vào. Thường thì đổi bằng gạo. Người bán thấy tiện vì khỏi mất công đi đong, người mua có sẵn gạo trong

Xóm Đồng Bùi

Thuý Sơn



nhà, đỡ phải móc hầu bao nên không thấy xót ruột. Việc mua bán vì vậy bao giờ cũng chóng vánh, dễ dàng hơn ở chợ.

Làng tôi cũng có hai ngôi chợ. Một họp ở đầu làng, nơi giáp ranh với hai xã Ban Thôn và Vạn Di. Ở đây có một cây cầu gỗ nên được gọi là chợ Cầu hay chợ Ngoài. Còn một chợ họp ngay trước sân đình thôn Liêm gọi là chợ Rèm hay chợ Trong. Cứ một ngày họp chợ Trong lại một ngày họp chợ Ngoài. Để dễ nhớ, những người buôn bán thường nhắc nhau: “Chăn Trong, lẻ Ngoài”, nghĩa là những ngày chăn như mồng hai, mồng bốn thì họp ở chợ Trong; còn những ngày lẻ như mồng một, mồng ba thì họp ở chợ Ngoài. Có người bảo: “Làng Rèm đúng là làng có máu cờ bạc. Họp chợ cũng chăn lẻ như người đánh xóc đĩa vậy!”. Chợ Cầu từ nhà tôi đi phải mất gần hai cây số, nhưng chợ Rèm thì gần hơn nhiều, chỉ qua cầu Bến Đông, đi dọc bờ sông một quãng, qua cầu Kênh vài trăm thước là đã tới chợ. Những giờ cao điểm của phiên chợ, đứng ở Bến Đông đã nghe thấy tiếng ồn ào rồi. Chợ Trong tuy nhỏ hơn chợ Ngoài nhưng cũng bán đủ mọi thứ, kể cả những thứ

được đem từ các nơi xa xôi như Nội Lãng, Ngoại Lãng, Thư Trì.

Hồi còn học trường phủ Tiên Hưng, chúng tôi thường qua chợ Rèm, băng qua một cánh đồng lên tới ngã tư Khô, nơi giao tiếp của hai con đường dây thép, đi chừng ba cây số nữa là tới trường. Đứng ở ngã tư này mà nhìn về xóm Đồng Bùi thấy chẳng khác nào một bức thành bằng tre xanh rì, hình cung, bao bọc lấy làng An Lập. Ở đây nổi bật một cây tháp chuông cao ngất của giáo đường họ Tiên Môn. Trên ngọn tháp là một cây thu lôi giả bằng gỗ, sơn hắc ín đen xì. Mỗi buổi hoàng hôn hay bình minh lại có tiếng chuông thánh thót vang lên từ ngọn tháp, kêu gọi những người mộ đạo đi xem lễ, đọc kinh. Nông dân cũng nhờ tiếng chuông đó mà thức dậy ra đồng làm việc. Xóm Đồng Bùi chẳng nhà nào cần phải nhìn đồng hồ, mà thực ra cũng chẳng ai có đồng hồ. Sáng, trưa, chiều, tối, cứ việc nghe tiếng chuông nhà thờ là biết ngay thời khắc. Nhưng tiếng chuông đặc biệt nhất vẫn là tiếng chuông Vực Sâu. Để chấm dứt giờ đọc kinh tối ở nhà thờ, vào quãng 8 giờ thường đọc một kinh Vực Sâu để cầu nguyện cho các linh hồn đã lìa thế.

Suốt trong bài kinh này, người ta đánh những tiếng chuông thật thông thả, chậm chạp, nghe buồn thảm vô cùng. Khi nghe tiếng chuông này là biết một ngày đã chấm dứt. Sau đó chỉ còn là giờ rên rỉ của côn trùng...

Càng về khuya, không gian càng trở nên tĩnh mịch, ngoài tiếng dế kêu, hoạ chăng chỉ có tiếng kéo kệt của vài khung dệt nghe buồn rười rượi.

Làng Rèm chuyên nghề dệt vải, sản xuất những tấm vải nổi tiếng đẹp và bền nên vào các phiên chợ Khô, chợ Bơn, người các nơi đổ về đây mua vải Rèm. Tiếng cú khung dệt đối với tôi rất quen thuộc, nhưng tiếng cú của xóm Đồng Bùi hình như có cảm tình với tôi hơn cả. Mỗi lần thăm ruộng, tôi phải đi qua cửa nhà ông Chính. Ngăn cách nhà ông với đường đi là một giậu tre gai dày đặc, nằm sát đường. Giậu tre cao gần hai thước tây, được ông chăm nom cắt xén công phu, thẳng tắp như một bức tường thành, ai thấy cũng phải khen. Có một điều lạ, là cả làng chẳng ai nói ngọng, ngoài mình ông. Chữ “l” ông đánh ra “n”. Có lúc ông than:

- Mùa màng qua rồi, tôi nài no đây!

- Tại ông ăn nhiều thì ông no chứ sao.

- Không phải no ấy. No nà no, no khôn no khổ vì thuế má sắp đến nơi rồi, chứ no bụng thì còn nói nài gì!

Ông Chính ở với người em trai, ông Tín, đã 30 mà chưa vợ, và người con gái độc nhất, cô Vụ. Từ ngày vợ mất, ông ở vậy nuôi con. Ông sống nhờ vào mấy sào ruộng công và mảnh vườn trà. Ông rất khéo tay về đan lát, trồng tía. Trước cửa nhà, nơi ngăn cách một cái sân nhỏ và vườn trà, ông trồng toàn mẫu đơn. Chính giữa là hai bụi mẫu đơn to mà ông ra công uốn, tía thành một cái trang thờ, giống như một cái lâu đài nhỏ, cũng có mái cong và lưỡng long triều nguyệt, bên trong để một bát hương bằng sành. Những ngày tư, ngày rằm, khói hương nghi ngút.

Đối diện với nhà ông Chính, qua một cái ao công, là nhà ông Đồ Tiệp. Điều lạ là giữa cả một xóm toàn tư điền tư thổ lại có một cái ao công, vì

vậy nên chẳng thể ban riêng cho ai được. Thỉnh thoảng cả xóm lại tát ao đắp đường, bắt cá chia nhau. Có năm vào tháng chạp, cả xóm rủ nhau tát ao lấy đất đắp đường, khi đào sâu chừng 3 thếp mai thì phát hiện một cái nồi đất rất lớn, trong đựng toàn những đồng tiền Càn Long bằng cái tròn bát, rất dày dặn, hình tròn giữa có lỗ vuông, giống như tiền Khải Định của ta, bằng đồng tũ, một mặt nhẵn, còn một mặt có bốn chữ *Càn Long Thông Bảo*. Nghe đồn xóm Đồng Bùi đào được tiền cổ, tôi có chạy sang xem thì họ đã chia nhau mỗi người mấy đồng, còn lại cả mấy trăm đồng, họ giao cho chú Văn đem sang Nam Định bán cho người Trung Hoa.

Mấy người đào ao kể lại, lúc đào lên thì cái nồi đất đã bị vỡ làm nhiều mảnh nhưng bên ngoài có một lớp giấy như giấy thông bong bao bọc. Có người cho rằng đây là tiền của bọn giặc cướp ngày xưa trong thời loạn ly, vì đất làng Rèm ngày xưa, dưới triều Minh Mạng, Tự Đức, là đất giặc đóng quân. Cũng có người đoán, biết đâu là của ông cha chúng ta chôn cất trong lúc chạy giặc, làm xóm Đồng Bùi hồi đó nhà nào cũng đào vườn xới đất,

viện lý là trồng lại cây cối, nhưng kỳ thực là tìm bói, xem may ra có gặp được của cải gì chăng!

Người trong làng gọi ông Đồ Tiệp là ông Đồ, nhưng thực ra ông không dạy học mà làm nghề bói toán, lý số. Địa bàn hoạt động của ông không phải ở An Liêm, An Lập hay Tiên Hưng, Duyên Hà mà là ở dốc Cầu Sắt Hải Phòng. Ông ở luôn ngoài ấy, mỗi năm chỉ về quê vài lần, vào ngày mùa, vụ thuế và dịp Tết Nguyên đán. Ông Tiệp gầy gò, mặc cái áo dài the thùng thình, đã lớn tuổi mà chẳng có râu ria gì, đi đâu cũng đội khăn xếp và cầm ô, trông chừng chặc lắm. Ông cũng như các thầy bói chuyên nghiệp khác, luôn luôn đeo kính đen tuy ông chẳng mù loà tí nào. Máy bà nhà quê thường bảo nhau: "Thầy bói nào có mù mới hay".

Ông Đồ Tiệp tuy là người Đồng Bùi, mang thẻ thuế thân của An Liêm nhưng thế giới của ông lại là Hải Phòng. Ông chỉ có người con gái duy nhất là Trâm. Mười ba tuổi Trâm đã mồ côi mẹ, sống một mình trong căn nhà tranh vách đất, kế cận nhà một người chị họ, cô Đồng, cũng thân phận mẹ góa con côi. Hai gia đình này chỉ có 3 người, chung nhau một lối đi,

một khu vườn nhỏ, bao bọc bởi những cụm tre già xơ xác. Ngoài đầu lối đi vào nhà là một cánh cổng bằng những cành rào tre khô để hờ cho có vị, vì chẳng cần phải đóng bao giờ.

Con đường đi ngang cổng nhà ông Đồ Tiệp là ruộng mạ nhà tôi, nên mỗi lần thăm ruộng, là tôi có thể nhìn thông suốt vào trong. Đằng trước nhà cũng có một cái sân đất nhỏ hình chữ nhật, rồi đến mảnh vườn trà. Ngăn cách sân là một cái giậu mùng tơi lá xanh mướt, điểm những chùm quả tím lịm, xen lẫn với những lá già lấm tấm sâu ăn. Trong vườn, ngoài mấy gốc chè tươi còn có những gốc rau thơm như húng, tía tô, kinh giới... Kế chân giậu là vài cái lon thùng dít trồng họ, nằm cạnh chum nước uống. Lá họ xanh um, mát rượi như khóm lá tót tiên vì được vun bón bằng bã cua đồng.

Cua đồng là món ăn thường xuyên của dân làng Đồng Bùi: kho; nấu canh mùng tơi, rau đay hoặc nấu riêu với vài quả cà chua đỏ chót.

Nhìn từ phía cầu Kênh, xóm Đồng Bùi giống như một cái vòng cung úp lại. Ngoài vòng cung là cánh đồng lúa mênh mông bát ngát của bốn, năm xã thuộc hai huyện Tiên Hưng và Duyên Hà. Trên cánh đồng thỉnh thoảng nổi lên những cái gò, cái cao cái thấp, cái lớn cái nhỏ, người làng cứ theo hình dáng mà đặt tên. Hai cái lớn nhất ngay trước cửa đình làng Thọ Vực, sừng sững như hai quả đồi trọc nhỏ là gò Con Voi và gò Sang, gần hơn là gò Mả-giẻ, xa về phía bắc là gò Năm-chiêng, Năm-gùng, Mả Phạm... Gọi là gò Mả Phạm vì giữa gò có một ngôi mộ cổ xây bằng gạch và đá ong. Đó là mộ tổ của dòng họ Phạm, đến lập nghiệp tại làng này đã hơn một thế kỷ.

Đồng Bùi tuy là xóm nghèo nhưng vẫn đông dân cư nhất làng An Liêm. Các xóm khác như Rộc Cháy, Đình Đồng, Chân Chim, Trại Chuối, Cầu Đèo, mỗi xóm chỉ có năm ba gia đình. Có xóm chỉ có một gia đình ở lọt vào giữa xóm những người Công giáo bên An Lập.

Đã gần nửa thế kỷ trôi qua, tôi chưa có dịp trở về làng cũ. Chẳng biết xóm Đồng Bùi nay đã ra sao! ●

lá bàng

Nhớ lại bao mùa thu cũ xưa
Mùa thu còn đọng chút hương thừa
Mùa thu quê mẹ như còn vắng
Kĩu kịt bờ tre theo gió đưa.

Nhớ bên đường vắng xa thôn xóm
Dưới ánh tà dương ngả sắc hồng
Chiếc bóng nghiêng nghiêng soi mặt nước
Con đò nằm đợi khách sang sông.

Lá bàng ai nhuộm đỏ chân đê
Cô gái làng Trung tất tả về
Chợ đã vắng rồi, chiều đã xuống
Nhà cô thấp thoáng phía bên kia.

Đò đã xoay ngang, lữ chuyển rồi
Cô đành ngồi đợi chuyển sau thôi
Ngồi buồn gom lá vàng rơi rụng
Thả xuống dòng sông với nụ cười.



Lá bàng nhuộm đỏ duyên con gái
Nhuộm đỏ trời thu những buổi nào
Vẫn bến sông xưa, đò đợi khách
Mà người trôi giạt tận phương nao?

vân nường

đùa với lửa

Tống Minh
Long Quân

(phóng-tác)



(tiếp theo)

Quả như lời Adam nói, đó là một tiệm ăn sang trọng, yên tĩnh với khung cảnh thơ mộng. Chủ quán là một cặp vợ chồng người Pháp có vẻ quen biết Adam.

Adam không đề cập đến vụ án trong bữa ăn. Chàng kể chuyện đi săn, những thắng cảnh mà chàng đã đi qua. Jennifer chỉ ngồi nghe. Nàng không còn lòng dạ nào thưởng thức món ăn. Dù cả ngày chưa ăn gì nhưng vì thần kinh quá căng thẳng nên Jennifer không thấy đói, nàng nuốt thức ăn như nuốt sỏi sạn. Người đàn ông đối diện nàng có vẻ thân thiện, nói chuyện duyên dáng, dí dỏm. Trong hoàn cảnh bình thường, có lẽ Jennifer rất thích thú nếu được đi ăn với chàng, nhưng hiện nay cả tương lai nàng nằm trong tay anh ta, nàng phải đề phòng.

Adam chờ ăn xong món tráng miệng rồi mới bắt đầu câu chuyện, giọng trầm tĩnh:

- Bây giờ tôi sẽ hỏi cô vài câu, tôi mong cô không khó chịu, đồng ý?

Có một cái gì chặn ngang cổ họng khiến Jennifer không thể trả lời được, nàng chỉ gật đầu.

- Tôi muốn cô kể lại tất cả mọi việc xảy ra ở toà án ngày hôm ấy, đừng quên một chi tiết nhỏ nhất nào, nhớ từng cảm giác... Cứ từ từ mà kể.

Jennifer đã sửa soạn tinh thần để chống lại, nhưng nghe giọng nói dịu dàng của Adam, sự chống đối của nàng tiêu tan. Cả khúc phim hôm ấy còn nguyên trong trí nàng. Hơn một tháng nay nàng đã cố tình quên đi, giờ Adam bảo nàng chiếu lại cuốn phim ngu ngốc nàng đã đóng hôm đó.

Ngừng lại vài lần để thở, Jennifer kể một mạch, càng lúc càng nhanh và sôi nổi như câu chuyện đang xảy ra trước mắt. Adam ngồi yên chăm chú nghe, quan sát kỹ nét mặt nàng. Chàng im lặng không nói gì.

Khi Jennifer dứt lời, Adam bắt đầu hỏi:

- Người đàn ông đưa cô chiếc bao thư, ông ta có mặt trong buổi sáng cô tuyên thệ không?

- Tôi có nghĩ đến điều đó nhưng thật tình mà nói, tôi không nhớ. Buổi sáng đó trong văn phòng có nhiều người và ai cũng là người xa lạ.

- Cô có nhớ là đã gặp người đó bao giờ không?

Jennifer lắc đầu chán nản:

- Tôi không nhớ. Nhưng chắc là không.

- Cô nói là cô thấy ông ta nói chuyện với ông Biện lý trước khi đi lại phía cô và trao bao thư. Cô có thấy ông Biện lý trao cho ông ta bao thư đó không?

- Tôi... Dạ không.

- Cô thấy rõ là ông ta nói chuyện với ông Biện lý hay chỉ là một người trong đám vây quanh ông Biện lý?

Jennifer nhắm mắt cố hồi tưởng:

- Xin lỗi. Mọi chuyện lộn xộn, tôi không nhớ rõ.

- Cô không nghĩ là tại sao ông ta biết tên cô?

- Không.

- Hoặc tại sao người ta lại chọn cô?

- Điều đó dễ mà. Ông ta nhìn mặt là biết ngay kẻ nào ngu ngốc nhất. Jennifer lắc đầu - Không, tôi xin lỗi ông Warner, tôi không nghĩ ra là tại sao.

- Cô Parker, cô cũng hiểu là có nhiều vấn đề trong vụ án này. Biện lý Di Silva đã mất nhiều thời gian theo dõi Michael Moretti. Đến khi chuyện xảy ra, bao công trình của ông ấy tan thành mây khói, vì vậy coi bộ ông ấy không được vui vì cô.

- Tôi còn không thấy vui về chính tôi huống hồ là...

Jennifer không thể trách Adam được. Chàng chỉ thi hành phận sự. Bọn họ chỉ muốn ví nàng vào đường cùng thôi. Jennifer bỗng cảm thấy tủ thân và cô đơn vô cùng. Nàng cần được yên tĩnh trong lúc này. Nàng không muốn ai thấy rõ sự khốn khổ của nàng trong mấy tuần nay.

- Xin lỗi ông, tôi không được khoẻ lắm. Tôi có thể xin kiếu...

Adam nhìn nàng một hồi lâu:

- Cô có cảm thấy khoẻ hơn nếu tôi cho biết là tôi sẽ đề nghị hủy bỏ việc treo bằng của cô không?

Phải mấy giây, những lời nói của Adam mới thấm vào tai nàng. Jennifer mở to mắt, há hốc miệng nhìn thẳng vào mắt chàng qua đôi kính cận:

- Ông... ông không đùa với tôi chứ?

- Bộ nghề luật sư đối với cô quan trọng như vậy sao?

Bất giác Jennifer nhớ đến cha, nhớ lại văn phòng bé tí xíu mà hai cha con từng làm chung, trò chuyện, hy vọng vào tương lai... Nàng còn nghe văng vẳng tiếng cha nói: "Con rán học nhanh lên để rồi cha con mình hợp tác..." Nước mắt nàng chảy ra. Cha ơi, con gái cha giờ khốn khổ thế này đây!

- Nếu vượt qua mọi khó khăn lúc đầu, tôi tin cô sẽ là một luật sư tài ba.

Jennifer nhìn Adam bằng cặp mắt biết ơn. Nàng mỉm cười:

- Cảm ơn ông, tôi sẽ cố gắng.

Nàng lặp lại câu nói đó trong đầu. Dù nàng có phải chia cái văn phòng xấu xí, buồn cười với chàng thám tử chuyên dò la đời tư và với một ông chuyên đi xiết nợ chẳng nữa nhưng cần gì, đó vẫn là một văn phòng nàng được hành nghề luật sư, không bị ai cấm cản nữa. Nàng nhìn người đàn ông đối diện và tự nhủ suốt đời có lẽ nàng không quên ơn anh ta.

Người bồi bàn đến thu dọn chén đĩa. Jennifer muốn nói vài câu để tỏ lòng biết ơn nhưng nàng nghẹn ngào, rốt cuộc chỉ cười ra nước mắt:

- Ông Warner...

Adam cười:

- Bây giờ chúng ta đã nói chuyện khá lâu. Cô có thể gọi tôi là Adam.

Mấy tuần lễ trôi qua. Jennifer bận rộn từ sáng đến chiều với công việc giao thư, khi thì trát toà, khi thì lệnh mời làm nhân chứng. Nàng biết rằng hy vọng xin một chỗ làm trong văn phòng luật sư là chuyện hảo huyền. Với tai họa "con chim bị bẻ cổ" ấy, ai mà dám mượn nàng bây giờ. Jennifer phải tự mình tìm cách tạo dựng uy tín từ bước đầu. Hiện tại chỉ có một đồng thư chờ nàng đi giao nằm ở văn phòng Luật sư Peabody & Peabody. Dù không phải hành nghề luật sư, ít ra nàng cũng được trả mười hai đồng rưỡi một lá thư cộng thêm chi phí di chuyển.

Đôi khi Jennifer giao thư về trễ, Ken Baily thường mời nàng đi ăn tối. Bên ngoài chàng có vẻ khó khăn lạnh lùng, nhưng Jennifer biết rõ đó chỉ là lớp mặt nạ che nổi cô đơn bên trong. Chàng đã tốt nghiệp đại học, thông minh, kiến thức rộng. Nàng không tưởng tượng được tại sao Ken cam phận ngày hai buổi đi làm một nghề không giống ai, chuyên dò la những người chồng, người vợ bỏ nhà ra đi. Có một cái gì đó trong đời khiến chàng không thành công. Một lần Jennifer vô tình nhắc đến hôn nhân

của Ken, chàng đổi ngay thái độ và gắt lên: "Việc gì đến cô mà phải tò mò?". Từ đó, Jennifer chẳng bao giờ nhắc đến đời tư chàng nữa.

Otto lại khác hẳn. Ông thấp lùn, bụng bự chất đầy bia, tính tình vui vẻ. Ông xem Jennifer như con gái. Thỉnh thoảng ông mang vào sở cho Jennifer súp hay bánh trái ở nhà vợ ông làm. Tiếc rằng vợ ông là người đầu bếp dở không thể tưởng tượng. Jennifer nhớ một chiều cuối tuần nàng được vợ chồng ông Otto mời đến nhà dùng cơm tối. Bà khoe làm món cải bọc thịt, món ruột của bà. Chúa ơi, cải thì mềm rục, thịt thì cứng ngắt còn cơm thì nửa sống nửa chín. Nàng cố gắng ăn từng muỗng, cố tình làm ra vẻ ngon miệng. Otto vừa ăn vừa ngòm ngoàm hỏi:

- Cô thấy vợ tôi nấu ăn thế nào?

- Ồ, đây là món hầu nhất của tôi.

Và từ đó, khi nào Jennifer được mời đến nhà họ dùng cơm, lúc nào bà Otto cũng làm "món hầu" cho nàng thưởng thức.

Một sáng sớm, Jennifer được bà thư ký riêng của ông con Peabody gọi đến nhà:

- Ông Peabody muốn gặp cô hôm nay lúc 11 giờ. Xin đến đúng hẹn.

- Thưa bà vâng.

Từ lúc bắt đầu công việc giao thư, Jennifer chỉ tiếp xúc với các thư ký, các nhân viên cấp thấp trong văn phòng Luật sư Peabody. Đây là một công ty lớn, có tiếng. Bất cứ luật sư trẻ nào cũng mơ ước được làm việc ở những nơi như vậy. Jennifer nôn nóng ngất ngây với cái hẹn. Nếu ông chủ con muốn tìm nàng tất nhiên phải có việc gì quan trọng. Hoặc giả anh ta nhìn thấy nàng lần nào đó, đoán được nàng sẽ là một luật sư khá nên cho nàng cơ hội để thi thố tài năng chăng? Được rồi, mọi người sẽ phải ngạc nhiên vì nàng. Biết đâu rồi đây công ty sẽ phải thêm tên thành Peabody, Peabody & Parker...

Còn ba mươi phút mới đến giờ hẹn, Jennifer nóng nảy chờ ở hành lang. Cây kim đồng hồ mắc dịch như đứng yên một chỗ, cuối cùng rồi cũng chỉ số 11. Nàng hít hơi thật mạnh, không

muốn bị thấy nàng quá nôn nóng.

Ông chủ con Peabody là một người ốm tong teo, mặc bộ đồ nhún vô đã thấy hơi tiền. Ông ta chẳng thèm mời nàng ngồi, nhập đề ngay:

- Đây cô Potter...

Hắn có giọng nói không mấy thiện cảm.

- Dạ, tên tôi là Parker.

Ông ta lấy một mảnh giấy để sẵn trên bàn viết đưa cho Jennifer:

- Đây là một trát đòi hầu toà. Tôi muốn nhờ cô...

Trong một giây, Jennifer biết ngay mộng được mời hợp tác tan thành mây khói. Ông Peabody Jr. đưa cho nàng lá thư:

- Tôi sẽ trả cô năm trăm đồng để giao lá thư này.

Jennifer tưởng chừng mình nghe lầm:

- Ông nói năm trăm đô hả?

- Đúng, nếu cô làm được việc.

- Có vấn đề gì khó khăn lắm thì phải?

- Đúng. - Peabody con thú nhận - Chúng tôi cố gắng liên lạc với ông này trên một năm mà không thành công. Ông ta là sở hữu chủ một bất động sản lớn ở đảo Trường Kỳ. Tên ông ta là William Carlisle. Ông ta chẳng bao giờ rời khỏi nhà. Căn nhà được bao bọc bởi hàng rào và hàng tá gia nhân. Ông ta có một gã cận vệ không cho ai đến gần ông chủ hắn và cũng không chịu nhận bất cứ giấy tờ toà án nào...

Jennifer ngần ngừ:

- Tôi sợ tôi cũng không thể...

Ông Peabody Jr. chồm người tới trước, giọng khích động:

- Nếu xong vụ này, chúng tôi sẽ có một số tiền huê hồng khá cao, nhưng tôi không thể nào mời ông ta ra hầu toà nếu tôi không giao được trát toà, cô Potter có hiểu không?

Jennifer không buồn cãi chính tên nàng nữa. Nàng đang nghĩ đến số tiền năm trăm đồng sẽ giúp nàng giải quyết được nhiều việc nên vội trả lời:

- Tôi sẽ cố gắng.

Đúng hai giờ chiều hôm đó, Jennifer đã đứng trước cửa lâu đài của William Carlisle. Toà nhà rộng lớn

nằm giữa mười mẫu tây, trồng nhiều cây cảnh quý giá. Jennifer đứng trước cổng suy nghĩ khá lâu. Tìm cách lọt vào lâu đài coi bộ khó, chỉ còn cách làm cho ông Carlisle lơ đãu ra là ăn tiền.

Cách đó một khoảng có một chiếc xe vận tải cũ của mấy người làm vườn. Nhìn chiếc xe, Jennifer bỗng loé lên một sáng kiến. Nàng tiến lại gần, dáo dác kiếm những người làm vườn gần đó. Quả đúng như nàng nghĩ, có ba người thợ Á đông đang cắm cúi làm việc. Jennifer mon-men hỏi chuyện:

- Ai là xếp trong đám các ông?

Một trong ba người đứng dậy:

gởi người bên sông dịch

*Kinh Kha giấu kiếm trong lễ vật
Ta giấu chí ta tận đáy lòng
Người xưa đập sóng qua sông Dịch
Ta ôm thuyền trôi giạt biển Đông.*

*Lòng thao thức những đêm bạch hạc
vỗ cánh không về cuối nẻo đời.
Trăng hoang lạng vang lên lời sếu
Lạc lõng âm ba, mất dấu người.*

*Những toan vung kiếm diệt bạo Tần
Ngờ đâu định mệnh trời buộc chân
Máu Kinh Kha uất hờn lên mắt,
Quê hương ơi, xin nhận trời trần!*

*Mười lăm năm là thằng dân nguy
Thêm năm năm làm kẻ đối còm,
Đời bất hạnh nên đời lẩn lóc
Sĩ khí thử người, đâu cần gươm!*

*Ta ở lại ôm lòng cao ngạo
Trở về chi, then với non sông
Không xưa nổi những đêm ma quỷ
Cũng giữ chút tàn lửa kiêu hùng.*

*Hỡi người tri kỷ bên sông Dịch
Có còn không hăm hở ngày nào
Hay gươm đã nhụt theo ngày tháng
Chí lớn chôn vùi dưới biển sâu!*

phạm hồng đậm

- Tôi.
Jennifer mỉm cười:
- Tôi có chút việc nhờ ông.
- Xin lỗi, chúng tôi bận lắm.
- Chỉ tốn chừng năm phút thôi mà!
- Không được.
- Tôi sẽ trả cho các ông một trăm đô-la.

Cả ba người đàn ông dừng tay ngạc nhiên. Người xếp cả đám hỏi lại:

- Cô trả chúng tôi một trăm đồng chỉ có năm phút làm việc?

- Đúng.

- Vậy chúng tôi phải làm gì?

Năm phút sau chiếc xe vận tải đậu trước cổng lâu đài. Jennifer và ba người đàn ông leo xuống. Nàng nhìn quanh quất rồi chọn một cây kiểng đẹp nhất trồng trước cổng, bảo:

- Nhổ cây này lên.

Mấy người đàn ông xách cuốc làm theo lệnh nàng. Vừa cuốc được vài nhát, bỗng đâu cánh cổng chính bật mở. Một người đàn ông to lớn, hùng hổ trong bộ đồng phục gác-dan, bước ra hét to lên:

- Bọn khốn nạn tụi bây tính giở trò

gì đây?

Jennifer tỉnh bơ trả lời:

- Xây nhà trẻ. Chúng tôi phải nhổ hết mấy cây kiểng ở đây.

Gã gác-dan tròn mắt nhìn nàng như nghe lộn:

- Cái gì?

Jennifer chìa tờ trát toà ra:

- Tôi có lệnh nhổ hết mấy cây này...

- Vô lý! Ông Carlisle sẽ không tha tụi bây đâu... - Hấn quát mấy người làm vườn - Ngừng tay lại!

Jennifer thách thức:

- Này ông bạn, chúng tôi chỉ thi hành lệnh trên. Ông thử vào hỏi xếp của ông xem có đúng vậy không!

Tên gác-dan vội vã quay trở vào nhà, đóng mạnh cánh cửa sau lưng cái rầm. Một lát sau hắn trở ra với người đàn ông đáng nhỏ nhắn tuổi trung niên.

- Cô làm ơn cho biết ma quỷ nào xúi cô làm chuyện này?

Jennifer chọc tức:

- Mắc mớ gì đến ông mà ông hỏi?

Ông già hét to lên:

- Mắc mớ gì à? Đây là đất của tôi! Của William Carlisle.

- Vậy à. Chào ông Carlisle, tôi có cái này cho ông.

Nàng móc túi lấy trát toà giao cho người đàn ông và quay lại bảo mấy người làm vườn:

- Các ông có thể dừng tay.

*

* *

Sáng hôm sau Adam Warner điện thoại đến văn phòng Jennifer. Nàng nhận ra giọng chàng ngay.

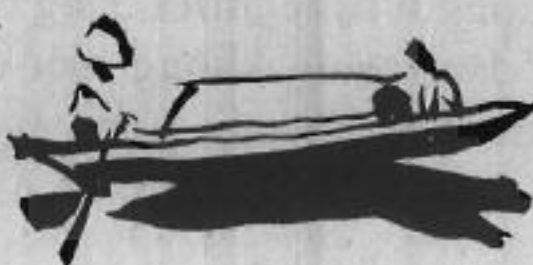
- Tôi nghĩ rằng cô nôn nóng muốn biết tin vui: đề nghị treo bằng hành nghề của cô đã bị hủy bỏ, cô hết lo rồi đó.

Jennifer nhắm mắt lại thầm cảm ơn Thượng đế.

- Tôi không biết làm sao để cảm ơn ông đã giúp tôi.

- Công lý lúc nào cũng sáng tỏ Jennifer ạ!

Thật ra Adam không kể cho Jennifer biết cơn giận dữ của Di Silva và ông cậu. Ông Biện lý như con thú điên: "Trời đất, cậu khùng hay sao mà



tha cho con chó để tay sai của Mafia đó? Mai kia nó sẽ hại luôn cậu cho mà coi..." Và còn nhiều nữa.

Cậu Needham có vẻ bất bình nhưng bình tĩnh hơn. Cuối cùng, Di Silva nói: "Được rồi, cô à vẫn còn là luật sư. Tôi chỉ cầu trời cô à hành nghề ở Nữ Ước để rồi ngày nào đó cô à đặt chân đến toà án, tôi sẽ tìm cách xoá hẳn tên cô ta!" Thế là Jennifer đã tạo nên một kẻ thù đáng ngại nhưng không cách nào tránh được. Jennifer thông minh, lý tưởng, trẻ và đẹp, vì thế nên Adam tự nhủ không nên gặp lại nàng một lần nào nữa.

Ngày qua ngày, đã mấy tháng trôi qua, Jennifer muốn dẹp bỏ "Jennifer Parker, Luật sư" cho rồi. Nàng chẳng có một mống khách nào, chỉ dùng thì giờ đi giao thư và trát toà. Hoạ hoàn lắm nàng mới có vài vụ vớ vẩn như giúp những người già xin phiếu lương thực, giúp những người nghèo về luật pháp.

Ban ngày còn đỡ, ban đêm Jennifer cảm thấy cô đơn tốt cùng. Trong giấc ngủ nàng toàn gặp những ác mộng. Kể từ lúc mẹ nàng bỏ nhà ra đi, lúc nào nàng nằm mơ cũng thấy những hình ảnh khủng khiếp.

Thỉnh thoảng Jennifer cũng nhận lời đi chơi với các bạn đồng nghiệp trẻ nhưng thăm so sánh thì nàng thấy họ thua Adam xa. Những buổi ăn tối lúc nào cũng kết thúc bằng sự giằng co trước cửa phòng nàng. Ứng thuận hay không, Jennifer luôn có cảm tưởng người đàn ông nào cũng vậy, trả cho nàng bữa ăn là đòi hỏi một sự đền bù. Nhiều lúc nàng chấp thuận không phải vì thích họ mà vì nàng quá cô đơn, nàng cần một thân hình ấm áp để ôm, để nói chuyện qua đêm... Những người đàn ông nàng chấm điểm trên trung bình đều có vợ. Jennifer nhất định không phiêu lưu tình cảm. Nàng nhớ lại phim *Gái trọ* của Billy Wilder với câu đáng nhớ: "Nếu bạn yêu một người đàn ông có vợ, tốt hơn là bạn đừng nên chải lông nheo với mascara". Mẹ nàng đã từng phá vỡ hôn nhân và gián tiếp giết chết cha nàng, điều này nàng không bao giờ quên được.

Những ngày nào Jennifer không được vui, Ken Bailey thường tìm cách làm nàng khuây khoả, rủ nàng đi chơi, đi nhảy hoặc đi xi-nê. Jennifer biết Ken có vẻ thích nàng nhưng cố tình tạo khoảng cách.

Cho đến ngày Otto Wenzel quyết định rời về Florida sinh sống, ông nói với Jennifer:

- Tôi già rồi, xương cốt bắt đầu lỏng lẻo nên không chịu được khí hậu mùa đông ở Nữ Ước.

- Ông đi tôi sẽ nhớ ông nhiều.

Jennifer thành thật nói. Nàng thực sự mến người bạn già tốt bụng này.

- Cô lo cho Ken giùm tôi.

Jennifer nhìn Otto ngạc nhiên, không hiểu, Otto ngần ngại:

- Vậy chờ bao lâu nay Ken không kể cho cô nghe về đời tư của hắn sao? Vợ hắn tự tử chết nên lúc nào hắn cũng hối hận.

Jennifer thấy khích động:

- Dễ sợ quá! Mà tại sao bà ấy phải làm vậy?

- Bà bắt gặp Ken đang ngủ với cô bồ trẻ tại nhà. Bà xách súng bắn Ken và quay lại bắn vào đầu mình. Rốt cuộc Ken sống còn bà chết.

- Trời ơi! Tôi không hề biết chuyện này.

- Ken cười nói nhiều nhưng lúc nào cũng mang nặng mặc cảm phạm tội.

Khi Jennifer trở lại văn phòng, Ken nói với nàng:

- Vậy là chỉ còn hai chúng ta. Ông già Otto đã bỏ chúng mình rồi.

Jennifer nhìn Ken với cặp mắt khác xưa. Nàng biết Ken đồng tính luyến ái chỉ vì chàng mang nặng mặc cảm trong đời.

*

* *

Thỉnh thoảng có một vài người khách ghé lại văn phòng. Họ ăn mặc nghèo nàn, nhờ khiếu nại những việc vớ vẩn. Các cô gái điểm trẻ thường đến nhờ Jennifer lo tại ngoại hầu tra. Tuy rằng tiền kiếm được không bao nhiêu nhưng ít ra Jennifer cũng có lợi tức đều đặn. Nàng không biết ai đã giới thiệu các cô gái điểm ấy đến nàng. Jennifer đem thắc mắc này ra

hỏi Ken thì chàng nhún vai ra vẻ không biết và bỏ đi. Thường thường hề Jennifer có khách là Ken thường kiếm cớ bỏ đi để nàng dễ nói chuyện. Chàng như một người cha khuyến khích con mình thành công.

Cho đến một ngày, vài người khách đến gặp Jennifer làm nàng bối rối không ít. Họ ăn mặc sang trọng chúng tỏ thuộc thành phần cao trong xã hội. Họ nhờ nàng những vụ mang lại huê hồng đáng kể. Nàng tự hỏi, với những việc như vậy họ có thể đến bất cứ văn phòng luật sư lớn nào và sẽ được tiếp đón nồng nhiệt, tại sao họ lại chịu khổ leo ba tầng lầu đến gặp nàng trong căn phòng nghèo nàn này? Jennifer tò mò hỏi khách tại sao họ biết đến nàng. Thường thì họ ngần ngại và trả lời qua loa: "Một người bạn của tôi giới thiệu...", "Tôi đọc báo biết đến cô..." hoặc "Người ta nhắc đến cô trong một bữa tiệc". Một hôm tình cờ có người khách nhắc đến tên Adam Warner khiến Jennifer chợt hiểu. Nàng hỏi thẳng:

- Có phải Adam Warner giới thiệu ông đến với tôi không?

Người khách có vẻ bối rối:

- Phải, nhưng ông ta dặn đừng cho cô biết là ông ta đã giới thiệu.

Jennifer quyết định điện thoại để cảm ơn Adam. Nàng mang ơn chàng thật nhiều. Nàng nghĩ trước những câu cần nói. Phải duyên dáng, lịch sự vừa phải để chàng không biết là mình ái mộ chàng.

Jennifer thu hết can đảm gọi đến văn phòng Adam. Cô thư ký cho biết chàng đang ở Âu châu và vài tuần lễ nữa mới về. Nàng thấy mình nghĩ nhiều đến Adam. Nhớ lại ngày gặp đầu chàng, nàng như một đứa trẻ cứng đầu, thế mà chàng không giận, trái lại còn âm thầm giúp nàng.

Mấy tuần lễ trôi qua chậm chạp. Jennifer lại điện thoại cho Adam. Lần này người ta cho nàng biết Adam đang ở Nam Phi.

Jennifer cố gắng quên Adam mà không được. Nàng không biết chàng đã có vợ chưa, vợ chàng đẹp xấu ra sao.

Thỉnh thoảng trên báo, Jennifer

đọc thấy những bài viết dài về Michael Moretti, về bố già Antonia Gratetti và gia đình Mafia. Dự luận đồn là bố già Antonia lúc này sức khoẻ kém, tương lai con rể Moretti sẽ lên thay. Họ nhắc lại vụ án xưa và tên Stela. Hẳn ta đang ngồi tù trong khi Moretti được tự do. Sự kiện đó khiến mọi người nhớ đến lỗi lầm của Jennifer. Nếu không có vụ "con chim bị bẻ cổ" thì giờ này Moretti đã ngồi rục trong tù hay đã lên ghế điện chó đẩu được sống cuộc sống đế vương như vậy!

Khách hàng của Jennifer tuy không bao nhiêu nhưng những kinh nghiệm học hỏi thật quý giá. Jennifer bắt đầu làm quen toà tiểu hình và những nhân viên làm việc tại đây. Thường thường thân chủ của nàng là những người phạm tội cấp vật, buôn lậu xì ke ma túy, dĩ điểm. Nàng đến thương lượng để họ được tại ngoại hậu tra. Nàng phải đem hoàn cảnh đáng thương của thân chủ ra để xin quan toà cho đóng tiền thế chân thật thấp. Jennifer quen dần với những tiếng lóng của dân trong nghề và những phiên xử ban đêm.

Những vụ xử ban đêm làm Jennifer xuống tinh thần rất nhiều vì hành lang phòng xử ngộp hơi người, mỗi đêm có đến hơn một trăm vụ xử lật vật. Thường toà chỉ phạt tiền rồi tha vì nếu bỏ tù họ thì chắc không chỗ đâu mà chứa cho hết. Phần đông những kẻ phạm tội xuất phát từ những khu ổ chuột, say sưa, nghiện ngập. Đủ các sắc dân. Tội chung của họ là nghèo. Có lẽ họ đã phấn đấu để vươn lên nhưng không thoát, đành buông trôi theo giòng đời. Jennifer không thấy mình hơn những người nghèo này. Có chăng nàng hơn họ ở chí phấn đấu. Nàng không để đầu hàng định mệnh.

Ken Bailey giới thiệu cha xứ Ryan cho Jennifer. Cha vào độ ngũ tuần, tóc hoa râm. Thoạt nhìn, Jennifer đã có cảm tình ngay với người tu sĩ này.

Thỉnh thoảng một vài tín đồ trong họ đạo bỏ đi biệt tăm, cha Ryan đến nhờ Ken tìm thử họ đang ở đâu, đang làm gì để sinh sống. Ken chẳng bao

duyên thơ

Dư ba kia thuở chín mười
 Âm âm xuyên suốt cuộc đời nũa ư?
 Đã đành chọn nốt ưu tư
 Vẩn rầu câu hát giã từ buổi mai
 Quê xa hắt lửa xóm chài
 Chuyện thơ sao nỡ một vài trống canh?
 Thôi liều gộp nhật về anh
 Câu lục bát vớt trên gành đá rêu.
 Gắng tin rằng bấy tin yêu
 Đã gom góp trả cho Kiều thành thoi
 Mảnh trăng nghiêng lệch mé đời
 Lòng riêng khép lại không lời, như xưa...

ông thế hùng

giờ tính tiền công cho những việc này. Chàng cười cười nói với Jennifer: "Đó là tiền bỏ ống để vào nước trời".

Một buổi chiều Jennifer đang ở văn phòng một mình thì cha Ryan ghé ngang. Nàng nói:

- Ken đi vắng rồi cha ạ, ngày mai mới trở lại.

Cha Ryan nói ngay:

- Không, cha muốn kiếm con chó không phải Ken.

Cha ngồi xuống chiếc ghế gỗ, tiếp tục:

- Cha có người bạn đang gặp rắc rối...

Đó là câu mở đầu cha thường nói với Ken.

- Rồi sao nữa cha?

- Đó là một tín đồ già trong họ đạo. Bà ấy dọn về họ đạo mấy tháng nay nhưng hệ thống điện toán làm lạc mất hồ sơ của bà nên bà không nhận được tiền già.

Jennifer mỉm cười:

- Được rồi, để con lo cho.

Nàng tưởng đâu giản dị, té ra nàng phải mất ba ngày trời mới lo xong thủ tục.

Chừng một tháng sau, cha Ryan trở lại văn phòng Jennifer và nói ngay:

- Cha không muốn làm phiền con, nhưng cha có một người bạn đang gặp rắc rối mà họ lại không có...

Jennifer cười:

- Tiền! Phải không cha?



- Ô, con nói đúng quá! Nhưng tội nghiệp lắm, họ rất cần sự giúp đỡ...

- Được rồi, cha kể xem chuyện gì...

- Tên hán là Abraham Wilson. Hán đang ở tù chung thân trong khám Sing Sing vì tội cướp của giết người.

- Nếu hán đang ở tù chung thân thì con không thể làm gì được đâu cha à.

Cha Ryan nhìn Jennifer, vẻ nghĩ ngợi:

- Không phải vấn đề đó.

- Ủa, vậy chuyện gì?

- Mấy tuần trước, Abraham đã giết một người bạn tù. Hán bị truy tố và có lẽ sẽ bị tử hình.

Jennifer nhớ lại tin trên báo:

- Con nhớ không lầm thì hán đánh người bạn tù đến chết.

- Đó là họ nói.

Jennifer cầm bút ghi chép:

- Cha có biết mình có nhân chứng không?

- Dĩ nhiên có hàng trăm nhân chứng vì chuyện xảy ra ngay tại sân mà.

- Dễ sợ! Vậy cha muốn con làm gì?

- Giúp đỡ hán.

Jennifer đặt bút xuống:

- Chỉ có trời mới giúp được hán thôi. Hán có ba nhược điểm lớn: da đen, sát nhân, giết người trước hàng trăm nhân chứng. Nếu hán giết người để tự vệ thì khác. Đàng này hán chơi luật rừng, ai mà tha cho hán được...

- Dù sao hán cũng là một con

người. Con có thể gặp hắn để nói chuyện thử xem sao?

- Con sẽ gặp hắn nhưng con không hứa với cha điều gì cả.

Cha Ryan gật gù:

- Biết đâu vụ này chẳng là một cách quảng cáo cho con.

Cha Ryan nói đúng. Vụ án Abraham được nhiều người biết.

Khám đường Sing Sing nằm cách Manhattan khoảng 30 dặm. Jennifer lấy xe buýt đến tận nơi. Nàng đã lấy hẹn để gặp Abraham. Hắn đang bị giam ở khu biệt lập. Trên đường, Jennifer suy nghĩ nhiều về trường hợp của Abraham. Thân chủ của nàng là một tên sát nhân, nàng hồi hộp như lần đầu tiên ra toà. Nàng không muốn đương đầu với một vụ án được báo chí bàn tán ầm ĩ. Nàng không chút hy vọng nào để cãi thắng cả, có lẽ nàng sẽ phải từ chối, không nhận đại diện hắn.

Taxi đưa nàng từ bến xe bus đến khám đường. Jennifer bấm chuông. Một nhân viên an ninh ra mở cổng, đưa nàng vào văn phòng vị phụ tá khám đường.

Viên phụ tá cao lớn, tóc cắt ngắn như quân nhân, mặt đầy mụn. Jennifer biết tên ông ta qua bảng tên trên ngực: Howard Patterson.

Jennifer mở đầu câu chuyện:

- Xin ông cho tôi biết về Abraham Wilson.

- Nếu không muốn rước phiền vào thân thì cô đã không lên đây. - Patterson nhìn vào hồ sơ để trước mặt - Abraham vào tù ra khám như đi chợ. Hắn bị bắt về tội ăn cắp xe từ lúc 11 tuổi, về tội buôn lậu năm 13, về tội hiếp dâm năm 15, 18 tuổi bị tống giam vì đánh bạn gái trọng thương. Thôi thì đủ thứ tội. Lần cuối cùng hắn bị tù chung thân vì tội giết người.

Nghe lý lịch về Abraham Wilson mà nản. Jennifer hỏi vớt vát:

- Có khi nào ông nghĩ Abraham Wilson không phải là người giết Raymond Thorpe không?

- Chuyện đó không thể có. Chính hắn đã thú tội giết người kia mà, dù hắn có chối chẳng nữa thì cũng có

hàng trăm nhân chứng thấy hắn giết.

- Vậy tôi có thể gặp Abraham một chút không?

Patterson đứng dậy:

- Dĩ nhiên, nhưng cô chỉ tốn thì giờ vô ích mà thôi.

Abraham Wilson là người đàn ông xấu xí nhất mà Jennifer từng gặp. Da hắn đen như cột nhà cháy, sống mũi gãy đôi ba chỗ, mấy chiếc răng cửa sún cộng thêm mí mắt đầy vết sẹo chứng tỏ cuộc đời anh chị của hắn. Hắn cao lớn như con bò mộng. Bàn chân hắn thô kệch, bước đi nặng nề nên có vẻ đe dọa. Jennifer có thể tưởng tượng, với nhân dáng ấy, hắn sẽ gây ấn tượng thế nào đối với bồi thẩm đoàn.

Jennifer và Abraham ngồi đối diện trong phòng tiếp tân, cách nhau một tấm kính dày. Jennifer mở đầu câu chuyện, giọng nói cố gây cảm tình:

- Tôi là Luật sư Jennifer Parker. Cha Ryan nhờ tôi đến gặp anh.

Abraham nhìn nàng, ánh mắt đầy hận thù. Hắn phun nước miếng vào tấm kính chắn ngang rồi văng tục. "Thật là buổi diện kiến kỳ cục", Jennifer thầm nghĩ. Nàng dè dặt hỏi:

- Tôi có thể giúp gì được anh không?

Hắn nhìn nàng, cười nham nhở:

- Đưa cái móng cho tui chơi một phát là đủ rồi.

Jennifer làm như không nghe, hỏi tiếp:

- Anh kể cho tôi nghe xem chuyện xảy ra như thế nào?

- Đây cô bé, cô muốn biết về đời tư của tui thì phải trả tiền đó nghe. Tui sẽ bán cho mấy tui làm phim và biết đâu tui sẽ đóng vai chánh.

Cơn giận dữ vô cớ thoát ra từ hắn khiến Jennifer sợ hãi, muốn ra khỏi nơi này ngay lập tức. Ông Phụ tá giám đốc khám đường nói đúng, mình tự chuốc phiền vào thân.

- Tôi sợ tôi không giúp được anh nếu anh không tự giúp mình. Tôi đã hứa với cha Ryan nên tôi rán vào gặp anh, thế thôi.

Abraham lại cười nham nhở, đưa hàm răng sún để ghét ra:

- Bọn da trắng tui bày nhiều chuyện! Cục cưng nhất định không đổi ý và đưa dít ra cho tui chơi một phát phải không?

Jennifer đứng lên:

- Đủ rồi! Bộ anh thù ghét hết mọi người sao?

- Tui nói cho cung biết, nếu tui với cung cọ sát da thịt vào nhau thì tui mới cho cung biết chữ "ghét" nó như thế nào!

Jennifer đứng nhìn sững vào khuôn mặt đen thui, xấu xí, thăm vào lòng từng chữ hắn nói. Nàng từ từ ngồi xuống, điềm đạm:

- Anh có thể kể cho tôi nghe sự thật là câu chuyện xảy ra như thế nào không?

Hắn nhìn lại nàng trân trân không trả lời. Jennifer kiên nhẫn quan sát hắn, tự hỏi không biết cảm tưởng của một người mang lớp da đen đầy sẹo như thế nào, và cả những vết sẹo trong tâm hồn hắn.

Cả hai cùng im lặng. Cuối cùng Abraham nói:

- Tui đã giết thằng chó đẻ. Tên khốn kiếp đến gần tui với một con dao và...

- Đừng đùa với tôi. Tui mà cầm dao đi khơi khơi trong khám à?

Mặt Abraham danh lại. Hắn chửi thề:

- Đ.M. Cô cút đi cho khuất mắt tui. Lần sau đừng có đến làm rộn tui nữa, tui không có rảnh...

Hắn đứng lên, đi về phía người canh tù. Cả hai bỏ đi. Jennifer không thể làm gì khác. Nhân viên an ninh hộ tống nàng ra cửa. Vừa đi nàng vừa suy nghĩ về Abraham Wilson. Phải thành thật thú nhận là nàng không ưa hắn ngay từ phút đầu. Nàng nhìn hắn bằng con mắt kết tội, đáng lý ra nàng không nên làm vậy. Biết đâu có ai tấn công hắn thật, không phải bằng dao, dĩ nhiên, nhưng bằng cục đá hay cục gạch gì đó. Jennifer dừng lại, suy nghĩ. Bàn năng bảo nàng nên trở về Manhattan ngay và quên hẳn cái tên Abraham Wilson đi. Nhưng cuối cùng nàng cũng quay lưng đi trở lại văn phòng viên phụ tá giám đốc khám đường. (còn tiếp)

mang xuống tuyền đài

Hoàng Hải Thủy



(tiếp theo)

Chương 10

Phillip Naifeh đã sáu mươi ba tuổi. Ông chỉ còn phải làm việc mười chín tháng nữa là về nghỉ hưu. Mười chín tháng bốn ngày. Ông giữ trách vụ tổng giám thị khám đường từ 27 năm nay, qua sáu đời thống đốc tiểu bang, đã đối phó với cả một tiểu đoàn những nhà lập pháp tiểu bang chuyên bới móc các sơ hở trong việc thực thi pháp luật của nhân viên hành pháp; đã giải quyết cả ngàn vụ kiện cáo, khiếu nại của các tù nhân, đã chịu đựng và làm vô hiệu cả ngàn vụ can thiệp vào công việc điều hành khám đường của những toà án lớn nhỏ, xa gần; đã thi hành một số án tử hình mà ông cố quên, không nhớ.

Naifeh thù ghét án tử hình. Ông hiểu rằng xã hội muốn có và cần có án tử hình. Từ lâu ông đã thuộc lòng những lý do bắt buộc xã hội phải có án tử hình. Đó là việc cần phải trừ khử những kẻ giết người. Đó là hành động trừng phạt cuối cùng. Đó là việc răn đe để con người không dám phạm tội. Việc đó làm thỏa mãn ý muốn báo thù của xã hội, giảm niềm đau của thân nhân nạn nhân. Khi cần đến, ông cũng có thể thao thao nói về sự cần thiết

phải có án tử hình như bất cứ vị chương lý nào trên cõi đời này. Riêng ông, ông cũng thấy một số lý do bắt buộc phải có án tử hình là đúng.

Nhưng tất cả gánh nặng của việc thi hành án tử hình đều đặt trên vai người Tổng giám thị Khám đường. Và Tổng giám thị Naifeh thù ghét việc làm ghê tởm ấy. Đôi khi ông triết lý vụn vặt và vắn vớ về chuyện liên can đến những sinh vật sống trên trái đất được gọi là hành tinh xanh này. Những loài sống bằng trái cây, lá cây, rễ cây không nói làm chi; kể cả những loài ăn thịt và chỉ ăn thịt để sống, như loài hổ báo, cũng không giết nhau, không ăn thịt nhau. Hổ báo giết dê, nai, ngựa vằn, trâu để ăn thịt. Chúng giết những loài khác chúng. Thiếu thịt, chúng chịu chết đói nhưng không ăn thịt lẫn nhau. Đặc biệt chỉ có con người là bỏ tù nhau và giết nhau.

Mỗi lần sắp có lệnh thi hành án tử hình, nhiều khi chỉ nghĩ đến việc sắp phải đích thân thi hành án cũng đủ làm Tổng giám thị Naifeh ăn mất ngon, ngủ không yên. Giờ ấy thường là nửa đêm, ông phải đích thân đưa người tử tù từ phòng giam của anh ta đến phòng cách ly khoảng ba giờ đồng hồ trước khi anh ta bị giết. Rồi cũng chính ông phải đích thân đưa người tử tù từ phòng cách ly sang phòng hơi độc.

Ông phải đứng bên cái ghế ác ôn, giám sát việc trói buộc chân tay người tử tù vào ghế. "Có nói lời cuối cùng gì không?", ông phải hỏi người tử tù câu đó theo luật. Trong 27 năm hành sự, ông đã phải hỏi câu trên hai mươi lần. Ông là người ra lệnh cho thuộc viên đóng cửa phòng hơi độc. Ông cũng phải gạt đầu ra hiệu cho chuyên viên hành quyết thi hành việc hoà tan độc được với nước để bốc hơi và cho khí độc bốc lên trong phòng.

Ông đã nhìn mặt hai người tử tù đầu tiên trong cuộc đời tổng giám thị của ông khi họ ngắc ngoải đầy chết trên ghế. Sau hai lần đó, ông thấy ông không nên nhìn nữa. Ông cũng phải tuyển lựa những chứng nhân: những công dân đến chứng kiến vụ hành quyết. Ông phải làm đúng và làm trọn cả trăm thủ tục linh kinh, rườm rà, nhiều thủ tục lỗi thời và rõ ràng là vô ích, làm cho có làm, để có thể thi hành án tử hình theo đúng luật pháp. Những thủ tục này được liệt kê trong quyển Chỉ Nam về những việc phải làm để có thể giết tử tù một cách hợp pháp, kể cả việc phải tuyên bố rõ ràng trước các chứng nhân câu: "Tử tù đã chịu án theo đúng pháp luật. Tử tù đã chết... Án tử hình đã được thi hành". Chưa hết, ông còn phải ở lại đó giám sát việc đưa xác chết tử tù trong phòng hơi độc ra, việc xịt nước, xịt thuốc rửa sạch xác chết trước khi cho vào áo quan, xem xét việc thông hơi phòng hơi độc, việc rửa sạch phòng... vân vân và vân vân...

Có một lần Naifeh ra điều trần trước một ủy ban lập pháp ở Jackson. Trong cuộc điều trần này, ông nói lên ý kiến của ông về việc giải quyết trường hợp những tù nhân bị kết án tử hình. Theo ông, nên giam giữ trọn đời những tử tù trong khu gọi là khu An ninh Tuyệt đối. Bọn tử tù này không thể giết người được nữa, họ không thể vượt ngục và sẽ chết dần trong tù. Ý kiến của Tổng giám thị Phillip Naifeh được các tờ báo địa phương đăng lên trang nhất. Và ý kiến đó làm ông chút xíu nữa mất chức và bị cho về hưu non.

Buổi sáng trong văn phòng, Naifeh

đọc phán quyết mới nhất của Đệ Ngũ Pháp Vụ về vụ Sam Cayhall. Luật sư Lucas Mann ngồi đối diện ông. Naifeh nén không thốt ra tiếng thở gì để Luật sư Mann có thể nghĩ là ông thờ dài:

- Bốn tuần nữa.

Ông nhìn Lucas Mann:

- Sam còn bao nhiêu toà án để có thể thương tố?

- Hết rồi - Lucas lắc đầu - Chỉ có mấy cái đơn xin khẩn cấp tối hậu thôi.

- Ông nghĩ sao?

- Có cái gì cho tôi thấy là lần này cửa tiệm nhà ta trúng số độc đắc rồi đấy.

Hai người cùng im lặng trong một lúc. Họ không nhìn nhau. Cả hai cùng nghĩ đến vấn đề thời gian. Sau cả năm bảy năm kéo dài ngày thi hành án vì những khiếu nại, thương tố, cứu xét, chờ đợi, bốn tuần lễ cuối cùng sẽ trôi qua nhanh như một cái chớp mắt.

- Ông đã báo cho Sam Cayhall biết rồi chứ?

Lucas Mann gật đầu:

- Sáng nay, tôi đã mang đến cho hắn một bản sao phán quyết.

- Gardner Goodman phôn cho tôi hôm qua, nói có phái một luật sư đến. Luật sư ấy đến chưa?

- Gardner cũng phôn cho tôi. Sáng nay tôi đã gặp người ông ta phái đến. Một luật sư trẻ. Phải nói là trẻ măng. Tên anh là Adam Hall và giờ này anh ta đang nói chuyện với Sam. Chi tiết này khá ly kỳ: Tử tù Sam Cayhall là ông nội của Luật sư Adam Hall.

Đôi lông mày rậm của Tổng giám thị Naifeh chuyển động:

- Ông nói gì?

- Sam Cayhall là ông nội của Adam Hall. Ông nội là tử tù, cháu ruột là luật sư. Hôm qua sau khi nói chuyện với Gardner - Gardner không cho tôi biết người ông ta phái đến là cháu của tử tù - tôi nhờ FBI Jackson điều tra giùm lý lịch của Luật sư Adam Hall. Sáng nay gặp Adam Hall, tôi mới nói xa gần cho anh ta biết là tôi nắm những dữ kiện về sự liên hệ giữa anh ta và Sam Cayhall, anh ta nhận ngay. Adam Hall có vẻ không muốn dấu chuyện anh ta là cháu của tử tù.

Naifeh nhú mày:

- Nhưng mà... sao ông cháu lại khác họ nhau?

- Chuyện hơi dài. Số là anh con của Sam Cayhall tên Eddie Cayhall đưa vợ con đi khỏi Memphis sau khi ông bố bị bắt về tội đặt bom chết người. Năm ấy người bây giờ là Luật sư Adam Hall mới có 3 tuổi. Eddie đưa vợ con đi về miền tây, định cư ở California, đổi họ thay tên. Adam Hall nguyên tên là Alan Cayhall. Anh cháu học khá, hoàn toàn không biết gì về nguồn gốc gia đình anh. Bố mẹ không nói, làm sao anh biết được, nhất là không biết gì về chuyện ông nội anh đang ngồi tù chờ bị giết về tội đặt bom. Mãi đến năm 1981, sau khi Sam Cayhall bị kết án tử hình, Eddie Cayhall tự tử chết, Adam Hall mới biết chuyện ông nội anh. Anh ta học luật ở Michigan, đứng trong danh sách mười sinh viên xuất sắc nhất toàn khoá. Đến làm việc với Công ty Kravitz-Bane và hôm nay đoàn tụ gia đình với ông nội.

Lần này thì Naifeh thờ dài thực sự. Ông lắc đầu:

- Chuyện nghe cảm động, mùi mẫn đấy. Nhưng đề tài ấy chỉ tốt cho các ông bà viết tiểu thuyết, màn phim ảnh; còn với chúng ta thì nó sẽ gây thêm rắc rối. Chuyện cái chết của tử tù Sam Cayhall chưa đủ để giới truyền thông làm ồn ào hay sao mà nay lại thêm chuyện ông cháu gặp nhau trong khám tử hình nữa!

Lucas Mann có vẻ ít xúc động hơn, ông nói:

- Hai ông cháu họ đang nói chuyện với nhau. Đây là lần thứ nhất họ gặp nhau kể từ khi Adam Hall rời Memphis lúc 3 tuổi. Theo tôi nghĩ thì Sam sẽ bằng lòng để anh cháu làm luật sư đại diện. Vậy cũng tốt. Chúng ta khỏi mất công tìm luật sư chỉ định cho Sam. Chúng ta không thể thi hành án tử hình với người tử tù không có luật sư đại diện.

Tổng giám thị Naifeh mỉm cười:

- Tôi thấy đã đến lúc ta nên xử tử vài luật sư thay thế cho tử tù.

Lucas Mann không để ý gì đến câu nói cay cú ấy của Naifeh. Ông biết Tổng giám thị Naifeh rất thù ghét giới luật sư. Ông ta đã bị các luật sư lôi ra

toà không biết bao nhiêu lần.

- Ông Luật sư ạ, tôi sắp về hưu rồi. Còn có mười mấy tháng nữa thôi...

Naifeh nói. Ông làm như Lucas Mann chưa hề hay biết gì về việc ông sắp thoát ra khỏi nhà cái nhà tù hắc ám này.

- Sau Sam rồi đến lượt ai? Naifeh hỏi.

Lucas suy nghĩ trước khi trả lời:

- Tôi không biết chắc. Đứng ra thì sau Sam Cayhall đến lượt Malcolm Friar, người đã giết ba người đi giao pizza trong một tuần. Nhưng hai tháng trước, lệnh thi hành án của Malcolm đã được hoãn. Hai năm nữa lệnh hoãn thi hành án của y mới hết hiệu lực.

- Ông Mann, tôi có chuyện này muốn nói với ông...

Naifeh ra đứng bên cửa sổ nhìn ra vườn, dáng vẻ biểu lộ ông có chuyện khó nói. Sau lần chủ trì cuộc thi hành án tử hình lần cuối, ông phải vào bệnh viện nằm mười ngày. Tim yếu: đó là phán quyết của y sĩ. Nằm trên giường bệnh, ông nhìn đồng ghi nhịp tim đập của ông lên xuống chập chờn trên tâm động đồ. Bà vợ ông được y sĩ cho biết là ông nên tránh những xúc động mạnh nên ông đã hứa với bà là ông sẽ tránh, không chủ trì một cuộc thi hành án tử hình nào nữa. Ông muốn còn khoẻ mạnh để dưỡng già với vợ. Làm việc vất vả suốt một đời để rồi sống những năm cuối cùng trong cảnh bại liệt thì chán chết. Ông giữ lời hứa với vợ nhưng ông cũng thấy tiếc. Nếu không có vụ Sam Cayhall, ông sẽ không phải về hưu non mất một năm.

Ông quay lại, xúc động nói với Lucas Mann:

- Tôi sẽ không làm vụ này đâu, tôi giao nó cho người khác. Người đó trẻ hơn tôi, mạnh hơn tôi, tin được hơn tôi. Người đó sẽ thi hành án lệnh tốt. Ông ta chưa lần nào phụ trách việc thi hành án tử hình nhưng tôi biết ông ta rất muốn làm.

Lucas hỏi vợ:

- Ai? Không phải Nugent chứ?

- Chính là Nugent, phụ tá của tôi.

- Cái nhà ông khùng khùng, mất mát ấy ư?

- Phải. Hấn khùng, hấn mát nhưng hấn về phe chúng ta. Hấn làm việc đúng từng chi tiết theo luật, theo lệnh, theo kỷ luật tuyệt đối, không chút sai sót. Hấn là người tốt nhất để ta giao việc thi hành án tử hình. Tôi sẽ đưa cho hấn quyển Chỉ Thị và tôi sẽ được thanh thoi vì tôi biết chắc hấn sẽ thực hiện vụ hành quyết hoàn hảo.

George Nugent là Phó Tổng giám thị. Ông ta là Đại tá hời huer được tuyển vào làm việc ở khám đường này. Ông áp dụng kỷ luật nhà binh với cả tù nhân lẫn nhân viên nên bị tất cả mọi người ở đây thù ghét.

Lucas cảnh cáo:

- Nói hấn khùng khùng, mát mát là không đúng. Hấn điên. Năm quyền, hấn sẽ gây thiệt hại cho người khác.

Rồi ông nhún vai:

- Tôi chỉ nói thế thôi. Việc quyết định là ở ông. Ông là xếp ở đây. Chỉ cần nhắc ông là hấn làm gì sai, ông sẽ chịu trách nhiệm về tinh thần đấy.

Naifeh lại thở dài:

- Cảm ơn.

Lucas Mann đứng lên:

- Tôi chờ gặp lại Luật sư Adam Hall xem cuộc gặp gỡ giữa ông cháu họ kết quả ra sao. Tôi sẽ báo cho ông biết sau.

- Cảm ơn.

Trong nhiều phút, chàng luật sư trẻ tuổi và người từ từ già cùng im lặng.

Ông già cúi mặt. Chàng trẻ nhìn lên máy điều hoà không khí như chàng chưa từng nhìn thấy một cái máy kỳ lạ như thế bao giờ. Gian phòng vắng chỉ có tiếng rè rè, sạch sạch của cái máy điều hoà không khí già lão.

Tiếng cửa mở.

Giám thị Parker thò đầu nhìn vào phòng.

Anh gật đầu, lùi ra ngay khi Adam nói:

- Chúng tôi còn nói chuyện.

Adam đứng lên nhìn qua tấm lưới sắt. Sam ngược mặt nhìn lên. Đôi mắt hai ông cháu gặp nhau.

- Ông ơi... Ông cháu mình cần nói với nhau...

Sam gật đầu. Ông đưa điều thuốc

lên môi. Những ngón tay ông run run khi ông bật lửa.

Không phải là câu hỏi, ông già nói nhỏ như nói với chính mình:

- Con là Alan đấy!

- Vâng. Đến năm ba con mắt, con mới biết hời nhỏ tên con là Alan.

- Con ra đời năm 1964?

- Vâng.

- Cháu nội đầu tiên của ông. Ông nghe nói Eddie đến California và có một đứa con gái nữa...

- Vâng, tên em con là Carmen.

- Ai nói cho con biết về ông và gia đình?

- Thưa ông, cô Lee.

Ông già nhắm mắt lại trong vài giây đồng hồ. Hai mắt vẫn nhắm, ông hít liên mấy hơi khói thuốc:

- Cô ấy... sao?

- Con mến cô lắm. Cô Lee đẹp, hiền sang, trí thức nữa. Con chưa được sống nhiều gần cô nên con cũng chưa biết gì nhiều. Song con nghĩ cô sống bình thường như mọi người.

Ông già mở mắt, đổi chuyện:

- Tại sao con đến làm việc cho nhà Bane?

- Thưa ông, đó là một cơ sở pháp luật rất tốt.

- Con biết nhà đó đại diện cho ông chứ?

- Vâng, con biết.

- Con đã dự tính làm việc này từ lâu rồi, phải không?

- Vâng. Con dự tính, quyết định và thực hiện nó từ năm năm nay.

- Tại sao?

- Con không biết.

Ông già hỏi gặng:

- Phải có lý do nào thúc đẩy con chứ?

- Lý do rõ ràng thôi. Ông là ông nội của con. Dù ông có muốn hay không ông cũng là ông nội của con và con là cháu nội của ông. Con đã đến đây với ông rồi. Bây giờ ông cháu ta chỉ còn phải tính đến chuyện sẽ làm gì thôi.

- Con ơi, con nên về đi. Đừng...

- Không. Con không bỏ đi. Con đã quyết định làm việc này từ lâu rồi.

- Con định làm cái việc gì chứ?

- Con cứu ông. Ông cần luật sư bảo

cám ơn những ước vọng

*có nhiều điều bất thường
đến từ ngày tháng động
những giấc mơ hoang đường
nuôi trái tim thiết sống.*

thuy ý

vệ. Con đến bảo vệ ông.

- Không ai có thể giúp ông được nữa. Họ đã quyết định giết ông. Vì nhiều lý do. Con không cần phải nhảy vào cuộc.

- Vì sao ạ?

- Vì tuyệt vọng. Con sẽ bị thiệt hại vô ích khi con cứ lao đầu vào vụ này. Con thất bại là cái chắc. Ông không muốn con bị thất bại. Ông không muốn vì ông mà con bị tai hại, thiệt thòi. Tại sao ta lại cứ nhất định làm một việc mà ta biết trước sẽ thất bại? Người ta sẽ moi ra việc con là cháu của ông. Lôi thôi cho con lắm. Đời con sẽ đỡ khổ hơn khi con là Adam Hall.

- Con là Adam Hall và con sẽ không đổi tên. Nhưng con cũng là cháu của ông và con chẳng có gì phải sợ người ta biết. Con đã nhận con là cháu của ông với Luật sư Lucas Mann ở đây rồi. Trước khi vào gặp ông, con phải gặp ông ấy. Công ty của con cũng biết con là cháu của ông.

Ông già thở dài:

- Vậy là cả nước biết mất thôi!

- Thưa ông, họ biết thì họ làm cái gì? Thì ông cháu ta đã làm sao? Con là cháu của ông thì ai làm gì được con? Con đã trưởng thành, con biết suy nghĩ và con tự chủ. Hơn nữa con còn là luật sư. Con biết luật. Không ai bắt nạt con được.

Ông già có vẻ thoải mái hơn. Ông ngồi hút thuốc, thỉnh thoảng lại lắc đầu và mỉm cười. Ánh mắt ông có cái thú vị như ánh mắt của những ông già có tính hài hước khi nói chuyện với

những anh bé con muốn tỏ ra mình là người lớn.

Rồi ngược lên nhìn anh cháu, ông hỏi:

- Con muốn gì?

- Trước hết con xin ông nói rõ về vụ đặt bom. Đêm ấy ai người cùng đi với ông?

- Một mình ông thôi, không có ai nữa.

Chàng trai khựng lại vì câu trả lời quá sẵn sàng của ông già. Nhưng chàng chỉ khựng lại trong một giây:

- Thôi được. Ông cháu ta sẽ nói đến chuyện đó sau. Bây giờ sau khi ông nói về vụ án, con xin ông cho con biết về gia đình, dòng họ, những người bà con thân thuộc với con. Có thể con sẽ không ưa họ đâu, nhưng con cần biết về họ. Con nghĩ con có quyền được hỏi, được biết.

Ông già lại lắc đầu:

- Có gì đáng kể đâu! Ông thấy con chẳng cần biết.

- Ông nói thật sao? Những nguyên nhân nào đưa ông đến chỗ này? Phải có nguyên nhân chứ? Đâu phải tự nhiên. Tại sao ông lại không cho con biết những nguyên nhân ấy? Đó không phải là chuyện đáng kể sao? Cái gì đã thúc đẩy ông làm những việc ông làm? Có bao nhiêu người Ku Klux Klan trong dòng họ ta? Những người Cayhall đã giết bao nhiêu người trong một trăm năm nay? Thưa ông, những chuyện ấy đáng kể lắm chứ!

Adam mở cặp, lấy ra tờ hợp đồng và cây bút đẩy qua khe hở sang cho Sam Cayhall:

- Đây là hợp đồng cho quyền đại diện. Ông ký đi.

Không cầm tờ hợp đồng lên xem, ông già hỏi:

- Lại ký hợp đồng với bọn Kravitz-Bane ư?

- Tất nhiên là với nhà Kravitz-Bane rồi. Ông thắc mắc làm chi.

- Tất nhiên là thế nào? Tại sao ông lại không thắc mắc? Ông đã đuổi cổ bọn này, không cho chúng nó đại diện ông. Bây giờ ông lại ký mời chúng nó trở lại.

- Ông ký là ký với con, ký cho con quyền đại diện ông. Nhà Kravitz-

Bane chỉ là cái vỏ. Ông sẽ không gặp bất cứ ai khác ngoài con. Vì con là nhân viên của Công ty này nên trên danh nghĩa ông ký với Công ty thôi.

- Ký rồi thì sao?

- Ký rồi thì ông cháu ta sẽ cùng nhau làm việc. Con không thể giúp gì ông được nếu ông không chịu ký. Nếu ông không ký, con không có cả quyền vào gặp ông bất cứ ngày nào, lúc nào. Về mặt pháp lý, ông phải ký trước đã.

Ông già nhắc lại:

- Ông muốn biết ông ký rồi thì sao? Những chuyện gì sẽ xảy ra? Con sẽ làm những gì?

- Trước hết ông cháu ta kiểm lại vụ đặt bom văn phòng Kramer.

- Kiểm đi kiểm lại cả ngàn lần rồi.

- Ông cháu ta vẫn kiểm lại. Con có cả ngàn câu hỏi cần hỏi ông.

- Thiên hạ cũng đã hỏi ông cả ngàn câu rồi. Những câu hỏi của con chẳng có gì mới lạ đâu.

- Vâng. Nhưng ông đã không chịu trả lời tất cả những câu hỏi của thiên hạ. Những người hỏi ông cũng không phải là con. Con khác họ. Ông cũng đâu có chịu nói tất cả sự thật.

- Ông chắc cuối cùng con cũng phải xin Thống đốc ân xá?

- Vâng.

Ông già bỗng thay đổi thái độ. Ông như nổi khùng lên:

- Nay con, ông cấm con không được xin xỏ gì tên khốn nạn ấy. Nó là thằng dối trá, thằng chó đẻ! Chính vì nó mà giờ đây ông phải ngồi ở đây. Nếu ông ký giấy này, tuyệt đối con không được gặp nó bằng bất cứ cách nào. Nếu con ngỏ lời xin nó khoan hồng tha chết cho ông, lập tức con không là luật sư của ông nữa.

Chàng trẻ mỉm cười:

- Ông nói vậy tức là con đã là luật sư của ông rồi?

- Chưa đâu. Ông cảm ơn con đã đến đây với ông. Nhưng ông còn phải suy nghĩ đã. Ông sẽ ghi thêm vài điều kiện vào hợp đồng này để khi nào ông cho con nghỉ việc, cái Công ty này bọn Do Thái chủ nhân của con sẽ không thể làm phiền gì được ông. Sáng mai con trở lại, chúng ta sẽ bàn tiếp về hợp đồng này.

Adam nhân mặt:

- Còn mai với một gì nữa, ông ơi. Gấp rồi!

Ông già nhún vai:

- Khi người ta đã chờ đợi được chín năm trời một mình trong phòng giam tử tù thì việc nhanh hay chậm hơn một ngày chẳng có gì quan trọng. Sáng mai con trở lại. Ngày mai chắc ông sẽ khá hơn. Ông cháu mình sẽ lại nói chuyện, ông hứa mà.

- Vâng. - Chàng trai đành tạm hài lòng - Sáng mai con trở lại. Con sẽ ở Memphis trong vài tháng.

- Memphis? Ông tưởng con ở Chicago?

- Công ty của con trụ sở chính ở Chicago nhưng có một văn phòng ở Memphis. Địa chỉ ghi trên danh thiếp con đưa ông đấy. Ông có thể phôn tới đó cho con bất cứ lúc nào.

- Con đã có vợ chưa?

- Thưa chưa.

- Còn Carmen, em con?

- Thưa nó còn đi học.

- Em con ra sao?

- Nó thông minh, khá đẹp. Nó giống má con.

- Evelyn, má con, trước kia rất đẹp.

- Má con bây giờ vẫn còn đẹp. Nhưng mà... con thấy con mền cô Lee hơn là con yêu má con. Nếu con là con của cô Lee chắc con sung sướng lắm.

Đôi mắt sắc của ông già nhìn kỹ anh cháu:

- Bây giờ má con sao?

Anh cháu hiểu ông nội muốn hỏi gì về bà mẹ anh:

- Má con tái giá rồi, hiện sống với ông chồng khá giàu ở Portland.

- Đừng khác nghiệt với má con. Má con chỉ đáng thương, không đáng trách.

Một lần nữa ông lại đột ngột đổi chuyện:

- Chúng ta chia tay đi. Hẹn gặp lại con sáng mai.

Ông cầm lấy tờ hợp đồng và cây bút.

- Vâng. Ông có muốn con mang gì vào cho ông không?

- Không. Con trở lại với ông là được rồi.

(còn tiếp)



Bút Chì phụ-trách

Làng Văn mở mục "Độc-giả thắc-mắc" để giải-đáp những nghi-vấn của bạn đọc về các lãnh-vực: văn-học, nghệ-thuật, khoa-học, xã-hội, chính-trị, kinh-tế, nhân-văn, v.v.

Trong mục-đích học-hỏi, Bút Chì hoan-ngheh mọi ý-kiến đóng-góp về câu trả lời.

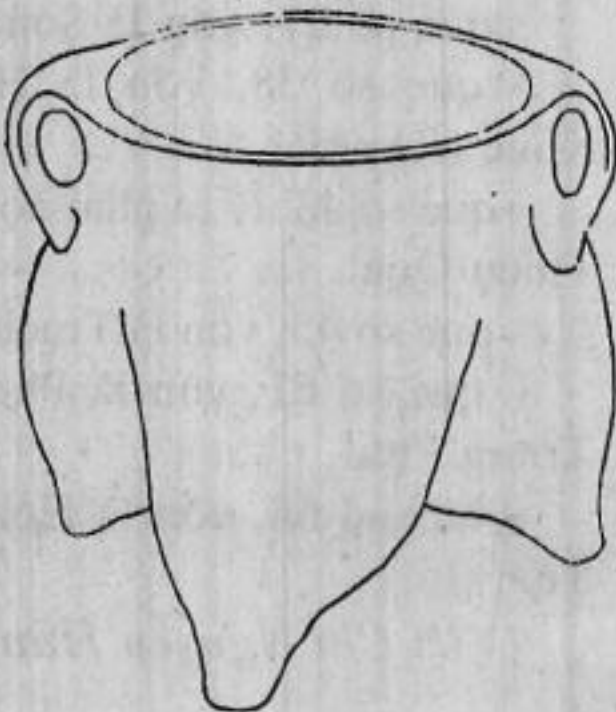
Vì khuôn-khổ hạn hẹp của một tiểu-mục, xin vui lòng hạn-chế mỗi lần hỏi tối-đa ba câu. Đa tạ.

Cái lịch

Hỏi: Đọc truyện miền Nam, thỉnh-thoảng tôi thấy nói tới cái "lịch" như một loại tô lớn, hay thố dùng đựng món lỏng, như canh, cháo,... Không biết hình dạng cái "lịch" này ra sao, và nó xuất-xứ từ đâu, của người Việt, gốc Tàu, hay gốc Miên?

Lê Hà
Toronto

Đáp:



Cái lịch to bằng cái thố lớn, có ba chân to và hai khoen để cầm, giống như cái đỉnh, nhưng không có nắp (xem tranh).

Cái lịch xuất xứ Trung-hoa. Người Tàu gọi là "lì", ta gọi là "lịch."

Cung phi mỹ nữ

Hỏi: Đọc sách cổ, thấy nói mấy ông vua Tàu bao giờ cũng có cung-phi mỹ-nữ quần-quít một bên, có ông lại có tới ... ba ngàn bà, không biết có đúng không?

Hương Giang
California

Đáp: Theo qui-chế nội-cung từ nhà Chu đến nhà Tần, Trung-hoa, thì Cung, Phi, Mỹ và Nữ là bốn giai cấp trong hậu cung của vua.

Cung: 1 bà, một mình hầu vua.

Phi: 3 bà, mỗi phiên 1 bà hầu vua.

Mỹ: 27 bà, mỗi phiên 3 bà hầu vua.

Nữ: 81 bà, mỗi phiên 9 bà hầu vua.

Âu-châu, Á-châu

Hỏi: Tên "Europe" (Âu-châu) và "Asia" (Á-châu) xuất-xứ từ đâu? Nghĩa là gì? Còn tên các châu khác: Africa, Australia, America, Arctic, Antarctic?

Trương Văn Trọng
New Mexico

Đáp: Hai tên Europe và Asia rất cổ và có nhiều lối giải-thích khác nhau.

Trước đây người ta tin rằng Europe, nguyên là "Europa", tên một vị hoàng-tử Hi-lạp trong truyện thần-thoại. Nay, người ta lại lui về xa hơn trong quá-khứ, cho rằng Europe xuất-xứ từ "ereb", tiếng Assyrian, có nghĩa là "hướng Tây" và "bóng tối", "mặt trời lặn." Assyria là một vương-quốc cổ (vào khoảng 1950 đến 1750 trước Tây-lịch), nằm giữa hai con sông Tigris và Euphrates, mở rộng đến biên-giới Ai-cập, Á-rập và Armenia.

Chữ Asia là biến âm của "asu", cũng tiếng Assyrian, có nghĩa là

"hướng Đông" và "mặt trời mọc."

Africa xuất-xứ từ tiếng La-mã, chỉ vùng đất quanh Carthage.

America được nhà địa-lý người Đức (ông Martin Waldseemüller, người làm bản-đồ thế-giới) đặt vào năm 1507, chữ Latin là "Americus". Đây là tên của nhà hàng-hải Ý-đại-lợi Amerigo Vespucci, người đến bờ Tân Thế-giới (Mundus Novus) năm 1499.

Thực ra, người Âu đầu-tiên đến châu Mỹ là Kha-luân-bố (Christopher Columbus), vào năm 1492 (trước Amerigo 7 năm), nhưng những người làm bản-đồ thế-giới thời đó không để ý, cứ theo tên Americus do Waldseemüller đặt ra mà dùng theo.

Australia là một chữ trong nhóm chữ La-mã: "Terra australis incognito", nghĩa là "vùng đất không ai biết ở phía Nam." Vùng đất này được nhắc tới từ thời-đại của nhà địa-lý Hi-lạp Ptolemy hồi thế-kỷ thứ 2. Đến khi nhà hàng-hải Anh-quốc, ông Matthew Flinders 1774-1814) viết cuốn Cuộc du-hành tới Terra Australis, thì "Australia" bắt đầu thành tên của lục-địa này. Trước đó lục-địa Úc-châu được các nhà hàng-hải Hòa-lan đặt tên là "New Holland"; rồi các nhà hàng-hải xứ Wales bên Anh đặt tên là "New South Wales" (xứ Wales mới ở phương Nam).

Arctic (Bắc-cực châu) gốc Hi-lạp "arktos": "con gấu" hay "thuộc về phương Bắc". Tên này xuất-hiện từ năm 1200 trên tự-điển Oxford của Anh.

Antarctic (Nam-cực châu) nghĩa là "đối-Arctic", vì lục-địa này nằm đối cực với Arctic. Tên này xuất-hiện trong sách-vở hàng hải của Anh quốc từ thế-kỷ 14.

Eskimos hay Inuit?

Hỏi: Cháu nghe nhiều người nói là không nên gọi người Eskimos (người da đỏ ở vùng Bắc-cực) bằng tên "Eskimos", mà nên gọi họ là người "Inuit." Cháu không hiểu tại sao có điều cấm kỵ này, và "Inuit" có nghĩa gì?

Sandra Nguyen, BC

Đáp: "Inuit" theo tiếng nói của người Inuit, chỉ có nghĩa là "người" (people/person).

"Eskimos" là một danh-từ của người Inuit mà các nhà truyền-giáo hiểu lầm và phát-âm sai. Từ năm 1970, tổ-chức Inuit Tapirisat yêu-cầu gọi dân-tộc họ là "Inuit" thay vì "Eskimos." Tổ-chức này giải-thích, danh-từ "Eskimos" có tính-cách phi-báng.

Nên ghi-nhận thêm: Inuit là danh-từ số nhiều; số ít là Inuk; tiếng Inuit là Inuktituk.

Đời vắng em rồi...

Hỏi: Các câu thơ

Một mai lửa tắt bình khô rượu

Đời vắng em rồi vui với ai?

là thơ của ai, bài nào, xin bác làm ơn cho cháu biết, thành thật cảm ơn bác.

Huỳnh Tiên
California

Đáp: Đó là hai câu trong bài *Đời vắng em rồi say với ai* của Vũ Hoàng Chương, in trong tập *Ta đợi em từ ba mươi năm*, trang 68, 69.

Tuần trăng mật

Hỏi: Tại sao những ngày đầu-tiên của cặp vợ chồng mới cưới lại gọi là "tuần trăng mật"?

TSP
Toronto

Đáp: Hai chữ "tuần trăng mật" dịch từ ngoại-ngữ ra. Người Pháp gọi là *lune de miel*, người anh gọi là *honey moon*.

Ngày xưa, theo truyền-thống Âu-châu, những cặp vợ chồng mới cưới, trong tháng đầu, buổi tối thường uống một thứ rượu chế bằng mật ong ướp trái cây, gọi là *mead*. Thứ rượu này được coi như có tác-dụng kích-dục.

Vào thời trung-cổ, "tuần trăng" được coi như một tháng. "Tuần-trăng mật" là thời-gian một tháng (*tuần trăng*) mà hai vợ chồng uống rượu

"mật".

Tuy-nhiên, một số nhà soạn tự-diễn thời thế-kỷ 17, 18 lại giải-thích khác. Họ cho rằng trong "tuần trăng" đầu sau khi cưới, tình-yêu còn ngọt (đậm-đà như "mật"?), sau nhạt dần cùng với vầng trăng khuyết. Lời giải-thích này chẳng biết có đúng không, nhưng đượm nhiều chua-chát. (*Một Sách*)

Ba vương, bảy tròn

Hỏi: Tôi thường nghe các cụ đọc câu ca dao:

Ba vương sánh với bảy tròn

Đời cha sung sướng đời con sang giàu.

Không hiểu ý-nghĩa câu này ra sao, xin vui lòng giải-thích. Câu này thuộc về tướng pháp, phong thủy hay dịch-lý?

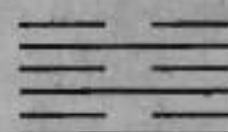
Một độc giả
Montréal

Đáp (lời giải-thích sau đây của nhà Dịch-học Việt Chi, Ottawa):

Theo thiên-kiến, câu lục-bát này liên-quan đến dịch-lý. Nguồn gốc của Dịch là Hà đồ, Lạc thư (mà có người bảo là sách của người Lạc Việt). Lạc thư chính là thần phương bậc 3. Ta thường nói "Đông Tây", do đó quẻ Ly trước, quẻ Khảm ra sau; mà Dịch, quẻ nào ra trước để dưới (Hạ quái), quẻ nào ra sau để trên (Thượng quái).

	NAM			
	4	9	2	
ĐÔNG (Ly, Hỏa) Trung nữ (âm=vuông)	3	5	7	TÂY (Khảm, Thủy) Trung nam (dương=tròn)
	8	1	6	
	BẮC			

Vô hình trung
ta được quẻ Thủy hỏa
ký tế (tới bến):



Quẻ này có nghĩa là thành-công hoàn-toàn và lâu bền, vì sáu hào đều dương cư, dương vị, âm cư, âm vị.

Nếu ta xét ba tầng Thiên Địa Nhân của quẻ, ta sẽ được ba thiếu dương hàng hàng lớp lớp thăng tiến (dương thăng âm giáng); hướng hồ theo thiên Hồng phạm trong kinh thư thì quẻ "Hỏa viêm thượng" làm ăn phát-đạt cứ như lửa bốc lên; lại thêm thủy hỏa ở đây không phải là thủy khắc hỏa mà là thủy hỏa bất tương xạ của Thuyết quái truyện trong kinh Dịch.

gôm

Nhỏ hơn một ly

Làng Văn số 144, Bút Chì cho biết, đơn-vị đo chiều dài nhỏ nhất là picometre. Thực ra, ba bốn chục năm trước, người ta đã dùng tới femtometer (10-15m); và bây giờ các "superstring" còn nhỏ hơn 10-33m nữa.

Làng Văn 145, BC đã đổi tên vài quẻ Dịch. Thí-dụ:

- quẻ số 3, vốn là Thủy Lôi Truân.
- quẻ số 8, vốn là Thủy Địa Ty (đọc đúng theo các sách âm-vận-học liên-quan mật-thiết đến âm Hán Việt như Thiết vận, Đường vận, Quảng vận, Tập vận).
- quẻ số 21, vốn là Hỏa Lôi Phệ Hạp.
- quẻ số 22, vốn là Sơn Hỏa Bí.
- quẻ số 26, vốn là Sơn Thiên Đại Súc.
- quẻ số 27, vốn là Sơn Lôi Di.
- quẻ số 38, vốn là Hỏa Trạch Khuê (Khuê).
- quẻ số 43, lý ra phải đọc là Trạch Thiên Quải.
- quẻ số 45, vốn là Trạch Địa Tụy.
- quẻ số 61, vốn là Phong Trạch Trung Phu.
- quẻ số 64, vốn là Hỏa Thủy Vị Tế.

(Việt Chi Nguyễn Hữu Quang)

đọc sách



Ba Miền Thương Nhớ

Tiểu Đăng

Hôm nay, tôi đưa ra giới thiệu với các bạn ba cuốn sách viết về quê hương. Đây là những truyện đã được đăng trên tạp chí *Làng Văn*, trong mục “Xóm Cũ”. Nhà xuất bản qui thành ba tập, mang tựa đề giống nhau *Trông Vời Quê Cũ*, với phụ chú “Miền Bắc”, “Miền Trung”, “Miền Nam”. Tập “Miền Trung” in trước (1994), có một sơ suất kỹ thuật: Tựa sách bên trong chỗ nào cũng là *Trông Vời Quê Cũ*, nhưng riêng trên tờ bìa, chữ *Trông* lại in làm thành chữ *Thương*. Hồi ấy, khi nghe biết chuyện này, tôi nghĩ: “Trông là mắt, thương là lòng; trông thành thương thì đậm đà hơn, chớ đâu có sao”. Nhưng bây giờ đem ra “đọc lại”, cũng xin nói cho rõ.

Trước khi đi vào nội dung của từng tập, có đôi điều nghĩ cần nói trước. Trước hết là ý nghĩa không gian của chữ “quê hương”, hoặc gọn hơn, chữ “quê”.

Tôi xin mượn thực dụng để biện luận. Những người Việt đang sống ở hải ngoại, dù nguyên là người miền nào ở Việt Nam, vẫn coi nhau là “đồng hương”. “Quê hương” trong trường hợp này là “quê hương lớn”, là cả nước Việt Nam. Nhỏ hơn thế, ngày

trước ở Miền Nam, và bây giờ ở hải ngoại, có những “hội đồng hương” của những người gốc cùng một tỉnh. Cũng vậy, một bà gốc Đà Lạt hiện sống tại Washington DC, đi Paris chơi, gặp một bà khác cũng gốc Đà Lạt, có thể giới thiệu với những người Việt hiện diện là bà kia “đồng hương” với mình. Đây, trong cái “đồng hương lớn”, có cái “đồng hương nhỏ”.

“Quê hương” trong ba cuốn sách sắp được giới thiệu là loại “quê hương nhỏ”. Là một làng, một xã, một quận, hoặc một tỉnh là cùng. Không ai viết cho cả miền, cả nước. Lý do không phải vì tác giả nào cũng có tinh thần cục bộ địa phương, mà vì viết về quê hương là viết “hoài cảm”, không tập trung thì nó “loãng” đi. Và lại, kỷ niệm và ký ức chỉ đáng quý vì tính cách thân thương, nên không thể dàn trải quá rộng. Thế cho nên, khi đọc một bài văn “hoài cảm” về “quê hương nhỏ”, độc giả sẽ gặp những chỗ “nói thiếu”, có thể ngầm nêu thắc mắc “sao không nhắc đến cái kia”; ngược lại, cũng có thể gặp những chỗ “nói thừa”, có thể nghĩ “có gì đáng đâu mà nói”.

Vậy, đọc những chuyện về quê

hương nhỏ, là tìm mối đồng cảm. Nếu cái “quê hương nhỏ” ấy cũng là của mình, thì là trường hợp “lưỡng tâm qui nhất lý”: “Quê mình đây, coi người này nhắc nhớ những gì”. Nếu là không phải, thì là trường hợp “Quân tư hương, ngã diệc tư hương”: Quê anh khác quê tôi, nhưng lòng thương nhớ của chúng ta không khác...

Ngoài ra, đọc những chuyện viết về quê hương, cũng có khi gặp được những điều “không đọc thì không biết”: Về phương ngữ, về di tích, về danh nhân, về tục lệ, về nghề riêng, về đặc sản...

Khi viết bài cho mục “Xóm Cũ”, các tác giả không nghĩ chuyện của mình sẽ được xếp vào “miền” nào. Đây, chỉ là nhà xuất bản “phân tập” để có những cuốn sách dày vừa phải. Nhưng tiện đây, chúng ta cũng nên bàn qua một chút về những địa danh đi với chữ “miền”.

Trước hết là chữ “Miền Nam” mà người Việt hải ngoại vẫn quen dùng. Chữ này chỉ nửa nước Việt Nam nằm phía nam sông Bến Hải, phần lãnh thổ của Việt Nam Cộng Hòa, sau hiệp định Genève và trước tháng 4-1975. Ai nói: “Ngày trước, ở Miền Nam...”, tức là muốn nói đến địa bàn này. Chữ “Miền Nam” này nên được viết hoa cả hai.

Ba chữ phụ chú in trên bìa sách: “miền Bắc”, “miền Trung”, và “miền Nam”, được hiểu theo khái niệm địa dư cũ. “Miền Bắc” là “Bắc kỳ”, từ tỉnh Ninh Bình cũ trở ra; “miền Trung” là “Trung kỳ”, từ tỉnh Thanh Hóa trở vào cho đến tỉnh Bình Thuận, vòng tròn vùng cao nguyên trung phần; “miền Nam” là “Nam kỳ”, gồm những tỉnh còn lại của đất nước. Đây là một khái niệm thuần túy địa lý, một cách qui phân tiện dụng.

Sự qui phân này chỉ tiện dụng khi trở thành thông dụng cho cả mọi người. Trong thực tế, cũng có khi “ranh giới” không được rõ ràng. Chẳng hạn, trong ba cuốn sách nói đây, cuốn “miền Trung” lại có bài nói về “Túc Trưng”; trong cuốn “miền Nam”, viết về *Món Ngon Miền Nam*,

Xuân Tước lại nhắc đến những đặc sản của Phan Thiết.

Tuy nhiên, đối với tình tự dân tộc nói chung, những chuyện vừa kể, chỉ là nhỏ nhất.

Các tác giả đã nói gì về quê hương mình? Nhiều lắm, và đủ thứ. Nhưng nếu chúng ta chờ đợi nghe ở họ một chuyện gì quan trọng, thì sẽ thất vọng. Đặc thù thì có, nhưng quan trọng thì không. Có khi đặc thù cũng không có nữa. Chỉ là những chuyện “thường thường bậc trung” có thể xảy ra với bất cứ ai, có thể gặp bất cứ ở đâu. Nhưng qua những chuyện gần như không có gì ấy, chúng ta sẽ bắt gặp cái tình của người kể đối với quê hương của họ. Cái tình ấy nó xúc động chúng ta, khiến chúng ta bồi hồi nhớ lại xóm làng thôn ấp của chúng ta.

Và hình như chỉ những cái đơn sơ mới tạo được mối hoài niệm trong lòng người xa quê. Những cái to lớn không chen được vào trong tình cảm. Trong bài thơ *La Terre Natale*, nhà thơ Pháp Alphonse de Lamartine (1790-1869) nói về quê hương rất tha thiết, nhưng những hình ảnh gợi ra thì ở đâu cũng có: Làn sương, cây liễu, ngọn tháp, những người chần cừ, những mái tranh nghèo... Hoài hương là như thế, cho mọi người, cho Trương Hàn, cho Thôi Hiệu, và cho tất cả tác giả của *Trông Vời Quê Cũ*.

Nhưng tình chung mà ý riêng. Cùng viết về quê cũ, nhưng không bài nào giống bài nào. Tôi thử phân loại:

- Nhiều nhất là những bài có liên hệ đến chuyện ăn uống. Trong tổng số 50 bài, có 16 bài có đề cập đến những món ngon địa phương. Tính tỉ lệ thì miền Nam cao nhất (8/18); miền Bắc về nhì (5/15); miền Trung đứng bét (3/17). Rõ ràng người miền Trung không chịu ăn, nên “được tiếng” gầy. Chỉ “được tiếng” thôi, chưa chắc đã gầy thật!

- Nhiều nhì là những bài nói về những đặc thù của địa phương: Về phong tục, về nghề nghiệp, về danh thắng.

- Sau cùng là những bài gợi lại kỷ

niệm.

Tuy nhiên, phân loại như trên chỉ là để biết khi xa quê, người ta hay nhớ những gì của quê cũ. Nghĩ cho cùng, điều này cũng không cần thiết. Vậy, tốt hơn là tôi sẽ giới thiệu với các bạn những nét đặc sắc của một số bài.

A. *Trông Vời Quê Cũ* (miền Bắc): Gồm 15 bài của 9 tác giả: 1-Nhớ về làng xưa, 2-Chuyện bắt cá cuống của Huy Vũ; 3-Văn Ấp làng tôi của Xuân Lê; 4-Đất nước ngàn năm văn hiến, 5-Bún ốc Cẩm Phả, 6-Nuôi và chơi chim họa mi của Thanh An; 7-Cây lá dâu, 8-Miếng ngon quê xưa của Thanh Lê; 9-Kinh Bắc cổ xưa, 10-Cây xương sông của Bùi Xuân Đáng; 11-Làng Chợ Khô, 12-Làng Rèm của Thúy Sơn; 13-Con hổ hay con hồ của Băng Đình; 14-Chuyện cọng rau muống của Trần Ngân Tiêu; 15-Làng Đào Khê của Chu Văn Hiền.

Đọc bài 1, sẽ được biết: Vì sao giống quạ lại bị trọc đầu; cái váy tiện lợi hơn cái quần như thế nào khi tắm sông; cây phượng còn được gọi là cây “hoè” và “me tây”; con bò còn được gọi là con “nhỏm”, không bị ăn thịt cũng khỏi kéo cày; ngày xưa người ta nhuộm răng như thế nào...

- Đọc bài 2, sẽ được biết khi “lên lão”, con cà cuống được kêu là con “cà cọi”, lại biết hát “ó ó”; sẽ gặp được đoạn văn thú vị này: ... Khi muốn nghe chúng ca hát, chỉ việc dùng hai ngón tay bóp nhẹ nhẹ vào con mắt của chúng. Con nào có chấm đen lớn trên lưng vàng thì hát được lâu, con nào có chấm đen nhỏ thì hát không được dai lắm, và không có chấm đen thì dù bóp đến bể mắt chúng vẫn không hát được.

- Đọc bài 3, sẽ được biết về làng Ngọc Lũ (trống đồng), về làng Tức Mặc (quê của dòng vua nhà Trần), về những cuộc thi truyền thống như “dệt vải trên nước”, “vừa nấu cơm vừa chần cóc”...

- Đọc bài 4, sẽ hiểu về tranh Tết, nhất là tranh diệp của làng Đông Hồ.

- Đọc bài 5, sẽ biết về Cẩm Phả và bún ốc.

- Đọc bài 6, sẽ biết thú chơi chim họa mi.

(Trong ba bài vừa kể, có một số từ quen dùng ở miền Bắc dưới chế độ CS, phần nhiều sau này đã trở thành thông dụng, ai cũng hiểu. Riêng bài *Bún ốc Cẩm Phả* có chữ “quốc lủi”, có lẽ tác giả nên chú nghĩa. Có phải là “rượu lủi” không?).

- Viết hai bài 7 và 8 là một vị nữ lưu. Tôi biết được là nhờ mấy câu cuối này: “Rồi thì các con tôi, các cháu tôi sẽ được trở về với cội nguồn dân tộc. Chúng sẽ nằm bên tôi ngoài sân trăng, nghe bà kể chuyện tầm tợ, hay hát ru bằng những bài ca đượm tình thôn dã...”

Nhưng bây giờ, tác giả đang kể chuyện quê hương cho chúng ta nghe. Cái chất nữ cũng gây một chút trở ngại cho tác giả, khiến đôi chỗ thiếu đi cái thực chất cần có. Như trong bài *Cây Lá Dâu*, tác giả kể chuyện nuôi tầm ương tơ khá kỹ, nhưng khi kể chuyện con bướm ngài cắn kén chui ra, tác giả lại bỏ quên một “pha” quan trọng: Con ngài nào vừa trong kén chui ra, cũng tức thì đi tìm con khác giống để giao phối. Bộ tịch nó cuống quít lẳng xăng vội vã, mới thấy lần đầu không khỏi buồn cười. Tìm được rồi, chúng dính với nhau từng cặp, cho đến khi người ta gỡ ra, cho con cái đẻ. Và con cái cũng đẻ tức thì. Cuộc đời của nó ngắn quá, không nòn nóng thì không làm tròn được thiên chức truyền sinh. Nhìn nó, mà nghĩ đến nhân sinh, thì buồn cũng phải, mà vui cũng phải.

Trong bài *Miếng Ngon Quê Xưa*, tác giả mở rộng “quê xưa” ra nhiều tỉnh miền Bắc, nhưng “miếng ngon” được kể cũng không nhiều lắm. Có ăn thì mới biết, mà tác giả là đàn bà, không thể ăn nhiều. Nhưng đặc biệt trong bài, khi nói đến “rau sắng” của vùng Hương Tích, tác giả có nhắc lại mối duyên văn tự giữa Tản Đà và nữ sĩ họ Đỗ. Những giai thoại văn chương của ta hiếm lắm, nhất là những chuyện đúng nghĩa là “giai thoại”. Nghĩ cũng nên trân trọng.

- Đọc bài 9, sẽ hiểu về các danh lam: Chùa Phật Tích, chùa Bút Tháp, chùa Dâu.

Tác giả dẫn chuyện và ghi chú khá kỹ. Đáng tiếc, thuộc phần nói về chùa

Phật Tích, ở trang 103, tác giả viết: ...
cất lên cây thắp quí 1000 trượng...

(In làm? Đúng ra là bao nhiêu trượng? 10 trượng chăng? Nhân đây, tôi có đề nghị: Khi viết về chuyện xưa, các tác giả cứ dùng tên đơn vị đo lường cũ để tạo không khí cổ, nhưng nên kèm theo chú thích, để các độc giả lớp trẻ có thể hiểu được. “Trượng” là 10 thước; nếu thước là “thước mộc”, thì “trượng” dài hơn 4 mét; nếu thước là “thước đo vải”, thì “trượng” dài trên 6 mét).

- Đọc bài *Cây Xương Sừng*, bạn nào có trồng rau húng ở Gia Nã Đại hay ở Mỹ, sẽ gặp lại kinh nghiệm của tác giả: Cây cũng mọc, cũng xanh tốt, nhưng không giữ được mùi cũ ở Việt Nam. Đáng tiếc tác giả không viết kèm chuyện Yến Anh cho người Bắc Mỹ đọc.

- Với hai bài *Làng Rèm* và *Làng Chợ Khô*, đúng là tác giả Thúy Sơn viết về “quê hương nhỏ”. Tác giả nhớ rõ và viết kỹ, khiến người đọc chẳng những hiểu được các địa phương đề cập, mà còn hiểu cả nhiều điều liên hệ. Độc giả sẽ gặp những đồng xu, đồng trinh; sẽ biết một đồng trinh Khải Định ăn ba đồng trinh Bảo Đại; sẽ gặp những đồ chơi trẻ con bằng đất nung (thường người ta chỉ nhớ những đồ chơi quê mùa như thế). Và độc giả sẽ thấy tác giả tin phong thủy. Sau khi kể chuyện anh em Trương Tiến Đạt người làng Rèm “làm nên”, tác giả viết: “Tôi cho là có đất cát thật. Từ đó tôi nghĩ đến câu sấm trong sách Tả Ao có ghi: “Đế vương nhất dải, huyết tại Bồ La, thuộc An Liêm, Thư Trì”. Bồ La là khu vực làng tôi”.

- Đọc bài của Băng Đình, chúng ta sẽ gặp lại những địa danh, nhân danh liên hệ đến thời mạt Lý sơ Trần, đến làng Ngừ làng Nại của tác giả; sẽ gặp lại Đoàn Thượng (nhân vật có thật, đã được cuốn *Do Thám Đông A* thời tiền chiến nhắc tới), trong một mẩu chuyện giống như chuyện Tỉ Can đời nhà Thương ngày xưa.

- Trần Ngân Tiêu viết về rau muống, nhưng giống như viết về thân phận của người Việt di cư: Rau muống được ăn ngoài Bắc, được ăn trong

Nam, rồi được ăn bên Mỹ. Rồi việc ăn rau muống bị trục trặc...

- Cuối cùng là làng Đào Khê của Chu Văn Hiền. Tác giả họ Chu nhớ về quê hương nhỏ của ông (thôn Đào Khê Hạ, xã Đào Khê, quận Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định) như thế này đây: “Những năm mưa thuận gió hòa thì mọi nhà đều có đủ thóc lúa cơm gạo. Nhưng chẳng may năm nào trời ra oai, bão táp lụt lội thì cảnh đói khổ sẽ lại rình rập nhiều gia đình. Và cảnh nổi cơn độn khoai ghế sẵn là chuyện xảy ra thường xuyên đối với dân làng Đào Khê” ... “Cả những cảm giác khi nằm ổ rơm vào mùa đông, hưởng thú “đi đồng” ngoài ruộng, tắm ao vào trưa hè nóng nực...”.

Ôi, người đời cũng thủy chung mà cũng khó hiểu. Mong thoát được cảnh nghèo khổ, nhưng suốt đời chỉ nhớ lại cảnh nghèo khổ, dường như luyện tiếc.

B. *Trông Vời Quê Cũ* (miền Trung): Gồm 17 bài của 13 tác giả: *Đạp ló bắn bông* của Trần Văn Tích; *Tìm về dĩ vãng* của Văn Nương; *Thương về Quảng Ngãi* của Nguyễn Văn Quảng Ngãi; *Quê rích quê rang* của Trần Ý; *Tuổi thơ, làng quê và hát bội Bình Định*; *Trường Cường Để Qui Nhơn, những thăng trầm trong nỗi nhớ*; *Qui Nhơn, thành phố chưa kịp hồi sinh* của Nguyễn Mạnh An Dân; *Túc Trưng, quê tôi* của Phạm Văn Cương; *Nhớ về Đà Lạt* của Vi Sao; *Huế, cố đô cổ kính* của Trúc Sơn; *Đồ gốm xứ Huế, một nghề thủ công lâu đời* của Nguyễn Thị Hiệp; *Tình duyên thôn dã*; *Những nẻo đường Việt Nam* của Thái Văn Kiểm; *Hội An*; *Khu Phủ Kỳ* của Trung Nhân; *Phú Yên* của Hồng Huy; *Cây dầu đôi* của Diên Khánh.

Tập này có đến bốn vị nữ lưu đóng góp. Tập “miền Bắc” chỉ có một; tập “miền Nam” có hai vị. Không biết có nên nhân đây mà nhận định rằng “nữ lưu miền Trung nặng tình hoài hương hơn” hay không?

Tập này cũng có một điểm chung khá rõ: Nhiều bài nói về những nghề cũ. Trong hai tập kia, cũng có tác giả

tĩnh

*Xin làm cảnh vô ưu
Nở bên bờ suối vắng
Ngất cọng cỏ tương tư
Vút qua trời quên lãng.*

*Đoạn thất tình lục đục
Mở rộng cửa từ tâm
Ngọn lửa lòng dập tắt
Hồn nhiên qua thăng trầm.*

*Xuôi giòng xa bến mẹ
Thuyền trôi miền vô ngã
Lánh cõi đời nhiều khê
Về ngủ trong tàn lá.*

*Lòng như hồ tĩnh lặng
Chân bước ngoài bể dâu
Đã nghe chiều thình vắng
Vọng âm lời thiên thâu.*

lãm thúy

nói, nhưng chỉ “nhân tiện mà nói qua”. Chỉ ở tập này, mới có bài viết kỹ về những nghề ngày nay đã thất truyền.

Sau đây, xin mời các bạn nghe qua một số nét đặc sắc của từng bài:

Bài 1: Tác giả Trần Văn Tích đã có dụng ý đưa ngay phương ngữ vào đề bài: “*Đạp ló*”. Vùng quê Quảng Trị đọc chữ “lúa” thành “ló”. Rồi cứ thế, tác giả dùng tiếng quê mùa của quê cũ, giới thiệu với chúng ta hai “nghề”, một ngày nay đã thất truyền là nghề “bắn bông”, một ngày nay vẫn còn nhưng cách làm mỗi nơi một khác là nghề “đạp lúa”.

Đã biết trước mỗi khi đọc một bài có dụng ý trình bày những cái quê mùa là phải chuẩn bị để cười, nhưng tôi vẫn bất ngờ thú vị khi đọc tới chỗ này (trang 14):... *Vừa nhác thấy trâu cong đuôi lên là lập tức chú lục diên chụp lấy đuôi trâu đè xuống, đồng thời la lên ới ới: “Trâu ẻ, trâu ẻ!”*.

- Đọc bài *Tìm về dĩ vãng*, chúng ta cũng sẽ gặp rất nhiều thổ ngữ thuộc

vùng Tĩnh Gia, Thanh Hóa. Tác giả chú trọng về nhân vật. Nhân vật đáng nhớ nhất là “Dương Nhất” của tác giả, xuất thân cự học, nhưng thích mặc đồ tây, thích nói tiếng tây (tất nhiên là nói trật).

Giữa bài, tác giả có nhắc đến cái mỹ tục của miền quê chông là gặp ai ngoài đường cũng chào hỏi, dù là người quen hay lạ. Gặp một thiếu niên, người ta chào như thế này: “Đi nhón đá vá?” (Đi chơi đấy à?). “Đấy à” mà nói ra “đá vá”. Các bạn nghe có lạ và vui không?

Tôi nghĩ các nhà làm tự điển tiếng Việt nên tham khảo những bài đại loại như thế này, không nhầm chủ đề ngôn ngữ, nhưng có đề cập đến ngôn ngữ.

- Bài *Thương về Quảng Ngãi* giới thiệu với độc giả rất nhiều nhân vật, tốt cũng có xấu cũng có, gốc người Quảng Ngãi, hoặc có liên hệ nội ngoại với vùng đất này. Hình như đủ cả: Lê Văn Duyệt, Trương Đăng Quế, Nguyễn Thân, Trương Định, Lê Trung

Đình, Nguyễn Thụy, Lê Văn Ty, Phạm Sanh, Ngô Đình Diệm, Phạm Văn Đồng, Huỳnh Tấn Phát, Trần Văn Trà, Tế Hanh, Bích Khê, Nguyễn Vỹ, Nghiêu Đê. Hai nữ ca sĩ Hồng Vân và Thanh Tuyền, và nữ kịch sĩ Trà Giang của CS cũng được nhắc đến.

Tôi không hiểu tại sao không thấy tác giả nhắc đến ông bà Bút Trà.

- Đọc xong bài *Quê rích quê rang*, tôi nhận thấy nội dung rất đúng với tên bài. Đúng là “quê rích quê rang, quê cả vừa làng ông xã cũng quê”.

Hãy nghe tác giả chú giải: “Chu choa mẹ ơi!” là biểu lộ sự mừng rỡ và ngạc nhiên; “đùng đàng đã mà” là có ý bảo thông thả; “thằng đi với con” là “thằng chông đi với con vợ”.

Đó là phương ngữ, còn đây là phương tục:.... trên con đường chính từ xóm dưới về xóm trên, cái nhúi nhón nhảy trên vai, áo cụt thì mặc, quần ướt cứ vắt lên vai, tự nhiên như chẳng có gì phải e ngại cả... Rồi ở biển cũng

vậy... tại đó có bao nhiêu nậu rồi, những bà chờ chực mua cá gánh chạy đi bán ở các chợ xa. Ngực phủ trên ghe cá không bận quần, cứ tự nhiên chuyền cá lên bãi...

Và đây là “phương dục”: Tại làng Quít Lâm (xã Đức Phong, quận Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi) quê của tác giả, có trò chơi truyền thống “đánh cù”. Khi rui ro, trái cù cũng có thể gây thương tích cho người chơi. Tác giả kể: “Người ta thường dự bị sẵn cau khô nhai rít vào. Hiệu nghiệm nhất là bút lông dái đốt ra tro rít vào vết thương là cầm máu tức khắc”.

Cách kể chuyện của tác giả tự nhiên đến độ người đọc chỉ thấy vui, không hề thấy một chút thô tục nào. Và cũng qua đó, người đọc nhận thấy tác giả yêu mến làng xưa biết mấy.

- Trong tập này, Nguyễn Mạnh An Dân có 3 bài: Các bạn có thấy điều gì ở 3 cái đề không? Cả ba đều dài. Chính nhờ dài, chúng đã nói lên được nội dung của từng bài.

mùa đông đã về rồi đó, nhỏ

Và mùa đông đã về rồi đó, nhỏ
Những chiều mơ hồ lướt thướt mưa bay
Mây xám đùn quanh đất trời phớt lạt
Ngơ ngẩn tương tư giọt nắng cuối ngày.

Thung lũng xa hình như cũng ngủ quên
Buổi sáng lừng lơ dốc núi, vô tình
Tay chạm nhánh tơ vàng rơi trên tóc
Khua động cội nguồn thương nhớ trong tim.

Và mùa đông đã về rồi đó, nhỏ
Hãy gắng trở mình trong giấc miên du
Thức dậy cùng ta ngồi mơ nắng lụa
Từ chốn xa trong ký ức sương mù.

Mở rộng mắt nâu liến thoắng, trong veo
Còn ấm hương trời xưa của muôn chiều
Cho trái tim đau lơ ngơ sống dậy
Phơi mảnh hồn gầy trên bước chân xiêu.

Mở rộng mắt nâu hiền hoà, dễ thương
Cho ta ngẩn ngơ nhớ áo lụa hồng
Nhẹ vương bụi mưa chiều ngày hôm trước
Một đời chợt về lừng lững hư không.

Mở rộng mắt nâu thật thà, hồn nhiên
Vừa nhuộm vu vơ thuở mới yêu chàng
Hé nụ cười băng quơ sau tóc rối
Sợi mỏng dịu dàng trên ngón tay suôn.

Và mùa đông đã về rồi đó, nhỏ
Ngày tháng chập chùng những lối mưa giăng
Ta vẫn từng ngày xuống, lên dốc núi
Vai mỏi oằn cong trăm gánh nợ nần.

Ngày âm thầm qua ngùi nhớ thời xưa
Cõi hoang đường nào gửi gắm đời thơ
Nơi mùa đông về không mưa lướt thướt
Nụ cười trong tim rất đối thật thà.

Cố mở giùm đôi mắt nâu, hơi nhỏ
Cho ta lặng nhìn đắm đuối ngày xanh
Đỉnh nhớ mù xa rạng ngời tình tú
Còn bao giờ không, hơi nhỏ, một lần...

phan các chiêu hằng



Đọc bài đầu, chúng ta sẽ biết những điều cần biết về hát bội Bình Định: Tuồng tích, tục hát cúng thần, cụ Đào Tấn, và những thăng trầm của ngành nghệ thuật này.

Bài giữa nhắc đến ngôi trường trung học hậu thân của ngôi trường trung học đầu tiên của miền nam Trung phần ngày xưa tại Qui Nhơn. Bao nhiêu thế hệ học sinh của trường! Bao nhiêu biến thiên của thời cuộc! Những ai còn giữ trong lòng những kỷ niệm đầm thắm với ngôi trường, như tác giả?

Trong bài sau cùng, Nguyễn Mạnh An Dân có viết một câu, nghe rất “chủ quan”, nhưng chính cái chất chủ quan đây tình cảm đó đã khiến tôi đọc kỹ cả ba bài của anh: “*Người Qui Nhơn có đi đâu, được hưởng cao lương mỹ vị thế nào cũng có một lúc nhớ nhớ thêm thêm mắm ruốc*”. Anh biết phần anh thôi chứ! Sao lại biết cho cả mọi người dân Qui Nhơn? Nhưng “hoài hương” là như vậy đó. Cái gì mình thích thì người đồng hương cũng phải thích! Nhưng tác giả không chỉ nói về mắm ruốc. Vì thương mến Qui Nhơn, anh hận CS đã hai phen biến Qui Nhơn thành vùng đất chết.

- Túc Trưng thật ra không phải là sinh quán của tác giả Phạm Văn Cương. Anh được bố mẹ đem đến đó trong cuộc di cư từ miền Bắc vào. Anh đã chứng kiến Túc Trưng thay đổi qua bao nhiêu triều đại. Bây giờ ở xa, tác giả nhớ về Túc Trưng, nơi có cái nghĩa địa có mộ thân phụ của anh. Thân phụ anh là một người “đã cố xây dựng cho con cháu mình một quê hương tự do, có tín ngưỡng, nhưng không được”. Thân phụ anh là “một người đi suốt đời mình mà vẫn không thoát khỏi cộng sản”. Còn lời than nào thống thiết hơn?

- Bài *Nhớ về Đà Lạt* là của Vi Sao. Tôi đoán đây là một nữ danh. Lý do: Trong bài tác giả có nhắc đến trường Võ Bị Đà Lạt, với câu này “*Những ai từng dự lễ mãn khóa tại trường Võ Bị, chắc chắn không thể quên...*” Tình ý có vẻ không phải của một người có thể học võ bị, mà của người thân... Đoán thì cũng có thể sai.

Trong bài *Vi Sao* nhớ lại đủ thứ của Đà Lạt, nào núi đồi, nào người Thượng, nào rau nào hoa, nào hồ thác, nào dinh thự... và một ông già bán đậu phộng rang luôn luôn thất nơ.

- Tác giả Trúc Sơn đặt tên bài viết của ông là *Huế, cố đô cổ kính*. Nhưng cái tên không hợp với nội dung. Vì trong bài, tác giả không nói về cung điện, không gọi lại triều nghi, mà chỉ nói về các món ăn đặc biệt của xứ Huế: “*Bánh bèo Ngự Bình*”, “*bún bò Mụ Rót*”, “*bánh ướt thịt nướng Kim Long*”, “*chè ngọt bên Cồn*”, “*bánh canh Nam Phổ*”, “*cốm hai lu*”, “*cơm Âm Phủ*”.

- Có thể nói bài *Đồ gốm xứ Huế...* của Nguyễn Thị Hiệp là một bài khảo cứu. Khảo cứu về nghề gốm, và khảo cứu về thổ ngữ. Tác giả viết khá kỹ về cách làm những vật gia dụng bằng đất nung ở địa phương. Còn thổ ngữ thì rất nhiều. Riêng cho nghề gốm cũng có, mà chung cho mọi sinh hoạt cũng có. Bạn nào không phải người Thừa Thiên, Quảng Trị, thử đọc bài thơ này xem có hiểu hết không:

*Đột nác ngoài cươi hắng đã bưa
Nồi cơm trên núc lã đun vừa
Trách cá trả keng bù nếm muối
Rào sau xắc nằng dặng ngời trưa.*

- Học giả Thái Văn Kiểm viết hai bài *Tình duyên thôn dã* và *Những nẻo đường Việt Nam*, để hoài cố hương, mà cũng là để giảng giải về một số sự tích, một số chữ nghĩa, một số địa danh của xứ Huế và của cả Việt Nam. Và câu đối, và hò đối đáp, và nói lái nữa. Rất linh hoạt!

Chắc các bạn biết học giả Thái Văn Kiểm đã cao tuổi? Nhưng đọc đoạn này, thì các bạn sẽ thấy tuổi tác giả cao, nhưng văn tác giả trẻ: “... chúng ta sẽ nghe những câu nói lóng bí ẩn, kỳ lạ, trao đổi giữa trai gái đồng quê. Chàng đề nghị với nàng: - *Bị môn, bị khoai, bị nưa* (bị nưa lái thành “bựa ni” tức là hôm nay); nàng đáp: - *Cau khô, trầu héo, tái môi* (tái môi lái thành “tối mai”); nếu “tối mai” không tiện gặp, thì nàng sẽ nói: - *Nón cụ, quai thao, tốt mối* (tốt mối lái thành “tối mốt”).

- Hai bài *Hội An* và *Khu phố Phù*

Kỳ của Trung Nhân đều ngắn, nhưng cũng có nhiều chi tiết đáng chú ý, nhất là về một số nhân vật địa phương, như Phan Khôi, Phan Thao. Riêng trong bài sau, tác giả nói khá kỹ về nghề dệt ngày xưa của Phù Kỳ, cùng hai “kỹ sư” chế khung dệt máy Võ Dẩn và Nguyễn Thống. Chuyện nghe rất thú vị.

Đáng tiếc, trong bài *Hội An*, có một chi tiết tôi nghĩ nên điều chỉnh: Ở trang 148, tác giả nói về sau Hội An được gọi là “*Phố Hiến*”. Đúng ra, “*Phố Hiến*” là một nơi phồn thịnh thời Hậu-Lê nhờ buôn bán với người ngoại quốc, thuộc tỉnh Hưng Yên sau này.

- Hồng Huy viết về cả tỉnh quê nhà, nên lấy tên tỉnh đặt tựa: *Phú Yên*. Trong bài, tác giả cũng có nhắc tới danh lam thắng cảnh, nhưng chỉ lướt qua. Rồi tác giả nói về “*dừa Sông Cầu*”, về “*bắp Đồng Lôi*”, về “*đường La Hai*”. Rồi tác giả kể chuyện lượm trên sông Đà Rằng, chuyện những con kèn kèn trên bầu trời thành phố Tuy Hòa, chuyện những con khỉ núi Nhạn bơi qua cồn Ngọc Lãng bẻ bắp... Tình cảm dạt dào cho cả tỉnh, nên một thứ chỉ được một ít!

- Bài cuối sách thì ngược lại. Nữ tác giả Diên Khánh tuy cũng có nói chung cho cả quê cũ là vùng Thành, nhưng tình cảm dồn trọn cho một cái cây kỷ niệm: Cây đầu đồi của vùng Thành Diên Khánh. Nơi gốc cây đầu này, Diên Khánh đã có cả một tuổi thơ đứng chờ mẹ, không chờ để được ăn quà, mà chờ để kể chuyện cho mẹ nghe và nghe mẹ kể chuyện. Hoài cố hương của Diên Khánh là hoài từ mẫu.

C. *Trông Vời Quê Cũ* (miền Nam): Gồm 18 bài của 15 tác giả: *Nơi dòng sông thơ mộng* của Nguyễn Anh Chương; *Hỏa hồng Nhứt Tảo* của Trần La Bình; *Bụi chuối sau hè* của Nguyễn Thi; *Vũng Tàu, sóng vẫn nhấp nhô* của Bùi Thanh Liêm; *Ngày nghinh Ông bên Vàm sông Ông Đốc* của Nguyễn Lê Hồng Hưng; *Vũng Tàu, Tam Thắng, Cinco Chagas Verdareiras* của Dương Thượng Ngã; *Quê hương Nước Ngọt* của Vũ Nam; *Sông Pháp sông Việt* của Phạm Hoàng

Hộ; *Vài ghi nhớ về Côn-Nôn* của Đinh Huỳnh; *Rừng Sác, cửa ngõ của Hòn Ngọc Viễn Đông*; *Vài món mắm miền Nam*; *Đất mũi Bạc-Liêu* của Tô Kiều Phương; *Muối Bạc Liêu nặng tình biển cả* của Nguyễn Văn Ba; *Phú Quốc hải đảo mến yêu* của Tiêu Như Mỹ; *Món ngon miền Nam*; *Thú vui vườn ruộng miền Nam* của Xuân Tước; *Đường về quê nội: Lộ giữa* của Lê Nguyễn; *Món ngon quê hương* của Nguyễn Thanh.

Tập “miền Nam” này có khá nhiều bài có nói đến chuyện “ăn uống”, nhưng đặc điểm chính là bài nào cũng có liên hệ đến sông đến biển.

- Tình hoài hương của Nguyễn Anh Chương thu hẹp và trải rộng trên một dòng sông, con sông Ba Lai ở Kiến Hòa. Tác giả kể cho chúng ta nghe nhiều thứ về con sông kỷ niệm tuổi thơ, về những mùa nước nổi, về những món ăn rẻ tiền, về những chuyến đò xuôi ngược, về những cảnh đẹp trên sông. Nhưng chung qui, cảnh mà Nguyễn Anh Chương ghi đậm nét vào lòng người đọc là cảnh anh chị em của anh hàng ngày phải bám vào một cái thau bơi sang bên kia sông, để đi học.

- Trần La Bình mượn một sự kiện lịch sử để hoài niệm quê hương. Trong chuyện *Hỏa hồng Nhựt Tảo*, tác giả nói khá kỹ về Nguyễn Trung Trực, về vụ đánh chìm chiếc tàu “Espérance”, về chuyện giặc Pháp phải dụ hàng ông Trực bằng cách bắt thân mẫu của ông; cuối cùng, ông bị chúng giết tại Rạch Giá vào năm 1868. Cái mà người đọc ngạc nhiên là ngôi miếu thờ vị anh hùng chống Pháp quá nhỏ: “*Nền miếu rộng bằng hai chiếc chiếu. Nóc miếu cao hơn tay với của người lớn không bao nhiêu*”.

- Đây là một trường hợp “thấy cây như thấy quê”. Nơi quê người, Nguyễn Thi nhìn thấy lại cây chuối, liền nhớ đến quê nhà giờ đã rất xa. Rồi tác giả bỗng nghe được tiếng gà gáy, giống tiếng gà nơi quê cũ; rồi thấy thêm những loại cây khác, cũng có ở Việt Nam... Nhưng chủ yếu, tác giả nói về chuối, cách trồng chuối, loại nào ngon hơn loại nào, cùng cách chế biến.

Nhưng tuyệt nhiên, tác giả không nói gì về cái tâm lý “hoa thơm đánh cả cụm” hết cả. Chắc các bạn biết câu ca dao: “*Gió đưa bụi chuối sau hè, lăm le con chị vò về con em*”. Tác giả đặt đề hơi giống, nhưng tâm lý khác.

- Trong tập có hai bài viết về Vũng Tàu, tôi đặt sát cạnh nhau để các bạn dễ so sánh.

Với bài *Vũng Tàu, sóng vẫn nhấp nhô*, Bùi Thanh Liêm nói về những thắng cảnh, những bãi biển, những con đường, những dinh thự, những công trình kiến trúc đặc biệt của Vũng Tàu. Tác giả cũng nhắc đến vài món ăn đặc sản của địa phương.

Với bài *Vũng Tàu, Tam Thắng, Cinco Chagas Verdareiras*, Dương Thượng Ngã nhắm chủ đích giúp đọc giả “tâm nguyên”: Tại sao ngày xưa Vũng Tàu có tên “Tam Thắng”; cái tên “Ô Cấp” hoặc vắn tắt hơn, “Cấp”, do đâu mà có? Tại sao lại gọi là mũi “Ô Quán”? Chắc có nhiều bạn biết. Nhưng tôi nghĩ các bạn không khỏi buồn cười khi được tác giả dẫn lại những chữ Pháp “au Cap”, “au vent”.

- Trong bài *Ngày nghinh Ông bên vàm sông Ông Đốc*, Nguyễn Lê Hồng Hưng kể lại tục thờ cá voi ở quê mình. Cách tả của tác giả cũng khá sinh động, khiến người đọc hình dung ra được việc chôn cất, việc cúng tế, và việc rước cốt cá voi của ngư dân như thế nào. Chỉ đáng tiếc, trong bài, tác giả dùng cách “kể thẳng” để nói về chuyện cá voi cứu thuyền gặp nạn ngoài biển; nếu không cứu thì sẽ bị cá đao chém chết; chuyện chúa Nguyễn Ánh được cá voi cứu; cách kể như chính tác giả tin đó là chuyện có thật. Lẽ ra, ông nên mở đầu: “Ngư dân quê tôi tin rằng...; hoặc tượng truyền...”

- *Quê hương Nước Ngọt* của Vũ Nam ngày xưa là một nơi nghỉ mát tốt, một bãi biển đẹp, lẽ ra cũng có thể phát triển thành một địa điểm du lịch. Nhưng *Nước Ngọt* đã bị chiến tranh tàn phá. Bây giờ, sống ở xa, tác giả nhắc lại những danh lam, những thắng cảnh, những cây trái, những hải sản, của nơi này... là nhắc lại những gì đã mất. Tất cả chỉ là hoài niệm.

- Phạm Hoàng Hộ sống ở Pháp,

thấy những con sông Pháp, chạnh lòng nhớ lại những cảnh sông nước ở quê nhà, nhân đó viết bài *Sông Pháp sông Việt*. Tất nhiên, tác giả không chỉ nhớ đến những dòng sông, mà còn nhắc lại nhiều thứ liên hệ xa gần đến sông rạch miền Nam: Các loài cá tôm, các loài cây mọc ở vùng nước, các loài lúa ma rau muống thân vươn dài theo mực nước lên... Tác giả nặng tình với sông nước quê hương lắm. Ông nói: “*Sông quê hương thế đó, đầy tình thân ái, nên tôi vẫn mơ ước kiếp sau nếu không được làm người cũng xin về lại Việt Nam, sống dựa sông rạch, trên đồng trên ruộng*”. Đáng tiếc, ông không nói rõ là ông sẽ xin làm cái gì.

- Đinh Huỳnh có một thời gian làm công chức tại Côn Đảo. Ông viết bài *Vài ghi nhớ về Côn-Nôn*, kể lại những điều ông nghe biết về cái nhà lao và vùng đất xa xôi này. Trong bài, có những chi tiết thú vị về chuyện người tù chung thân có hiệu Sơn Vương mẹ một cô giáo trẻ đẹp, chuyện vì không có tâm thành trèo mãi không tới đỉnh núi Chúa, chuyện những con ốc tai tượng kẹp chân những con thú nào muốn ăn thịt chúng.

- Trong tập này, Tô Kiều Phương có ba bài:

Với bài đầu, tác giả đề cập đến những lực lượng đã từng lấy *Rừng Sác* làm căn cứ; đến các loại dã thú, nhất là sấu; đến bọn cường đạo; đến Ngã Ba Chó Tru; và vài món đặc sản như thịt heo rừng và đuông chà là...

Nhưng có một điều chắc nhiều đọc giả muốn biết rõ, thì tác giả chỉ nói phớt qua: Tại sao gọi là *Rừng Sác*? Tác giả viết: “*Từ mặt đất, các loài mướp sác, chà là, đước, mắm mọc tràn lan. Có lẽ vì thế Rừng Sác trở thành tên gọi của đồng bào địa phương*”. “Mướp sác” là loại cây như thế nào? Có giống loại dây leo cho trái nấu canh không? Và tại sao, trong khi có nhiều thứ cây khác cùng mọc, lại riêng giống này được lấy tên?

Tra các tự điển, thấy: Lê Văn Đức ghi: Sác là giống cây mọc gần bờ biển có ngập nước mặn; Văn Tân ghi: Sác là loài cây mọc ở bãi nước mặn; Huỳnh Tịnh Của ghi: Sác là rừng nước

mặn; cây sác là cây nước mặn; mướp sác là thứ trái cây nước mặn; riêng Génibrel định nghĩa “sác” là “forêt basse pleine de marécages” (rừng thấp có nhiều đầm lầy), viết chữ “sác” bằng chữ “tẩu” (bộ thảo và chữ sổ) nghĩa là vùng đầm lầy, chủ trương rằng chữ “tẩu” này cũng được đọc là “sác”.

Cách định nghĩa của Génibrel khó được chấp nhận. Còn lại các tự điển kia hình như cho rằng chữ “sác” chỉ chung các loài cây mọc ở vùng nước mặn, chứ không phải là riêng một giống cây nào. Vậy, có thể gọi “mắm”, “đước” là những loại cây “sác” được không? Xin nêu ra đây, để chất chính cùng quý vị có thẩm quyền.

- Với bài giữa, Tô Kiều Phương kể (chắc gần đủ) các loại mắm của miền Nam. Riêng tôi bắt gặp một điều thú vị trong bài: Tác giả nói đồng bào miền Tây rất ưa ăn mắm sống với cơm nguội. Bạn nào chưa từng sống ở thôn quê, chưa từng khổ, nghe có lạ không? Mắm thì sống, cơm thì nguội, nhưng lại ngon! Sự thật đấy, bạn. Ở miền Trung, tôi cũng đã từng trông thấy người ta ăn mắm cá mè với cơm để nguội, không cần dưa chén.

- Trong bài sau, tác giả chủ yếu kể cho chúng ta nghe về các nhân vật xưa nay của Bạc Liêu, và vài thứ đặc thù của vùng đất mũi.

Đáng tiếc, cuối bài có một chú thích lăm: Tác giả nói Trịnh Hòa cầm đầu nhóm di thần nhà Minh, chủ trương diệt Thanh phục Minh. Đúng ra, Trịnh Hòa (1371-1435) đã chết trên 200 năm, trước khi nhà Thanh chiếm được Trung nguyên (1644).

- *Muối Bạc Liêu nặng tình biển cả nguyên* là một câu thơ. Nguyễn Văn Ba mượn đặt tựa cho một bài cũng nói về Bạc Liêu. Tựa bài như thế, nhưng tác giả không chỉ nói về muối, mà còn nói về nhãn, về tôm lụi cua gạch, về cá rô mè kho tộ, về chuyện ông Hội đồng Trạch đi mua xe hơi, về chuyện Hắc Công tử đốt bạc...

- Tiêu Như Mỹ viết bài *Phú Quốc, hải đảo mến yêu*, giới thiệu với chúng ta một vùng đất xa, ít người có dịp đến. Tác giả nói đến tiêu và cách trông

tiêu, đến nước mắm và cách làm nước mắm, cùng một vài thứ hải sản khác của Phú Quốc. Tác giả cũng mời du khách ghé thăm Dinh Cậu (tác giả quên giải thích “Cậu” là vị thần nào) và thánh thất Cao Đài ở ngay quận lỵ Dương Đông.

- Hai bài *Món ngon miền Nam* và *Thú vui vườn ruộng miền Nam* là của Xuân Tước. Bài trước nói về ăn, bài sau nói về chơi.

Mở đầu bài trước, tác giả nói: “*Ấm thực là một phần của văn hóa của mỗi đất nước, vậy nói về món ngon miền Nam tức là nói đến văn hóa Việt Nam, phải không bạn?*” Chắc các bạn đồng ý với tác giả khi tác giả đặt vấn đề nghiêm túc như vậy. Phải, chuyện ăn uống là chuyện của muôn đời, là lẽ sống, là sắc thái của dân tộc. Trước khi có văn hóa, đã có ăn uống. Chính ăn uống làm nên văn hóa. Đâu có thể coi nhẹ chuyện ăn uống được.

Tác giả nhắc đến những món ngon có tính cách bình dân: Gỏi cá mai, cháo còng gió, cháo kỳ nhông; ba món này là đặc sản của Phan Thiết, láng giềng của miền Nam. Rồi tác giả đi lần vào nam, kể ổi Biên Hòa, ổi xá-lị Gia Định, khóm Cầu Đúc, mận Trung Lương, dừa xiêm Bến Tre; rồi cá rô, rồi mắm ruột, rồi mắm ba khía. Chính con ba khía được kể cuối cùng này đánh ngón đòn “phi văn hóa”. Hãy nghe tác giả nói: “*Người miệt này (Bạc Liêu) thường chở ba khía lên bán ở Sài Gòn. Dọc đường ba khía bị trở thì người ta cứ dúi vào. Có lẽ chất amoniac trong nước tiểu đã sửa cho ba khía hết trở, và dân Sài Gòn ăn khen ngon...*”

Những chuyện “lộng giả” đại loại như trên chỉ nên có trong sách Trạng Quỳnh thôi. Tôi nghĩ, không có người ngoại quốc nào đọc, cũng là may cho chúng ta.

Trong bài sau, Xuân Tước kể chuyện đá dế, đá cá, đá gà, gác cu. Để kết thúc chuyện gác cu, tác giả kể một chuyện tiểu lâm thú vị về một anh chàng “bơm bãi” đi gác cu rồi được vợ đẹp, nhờ áp dụng chiến thuật “được voi đòi tiên”: Đi gác cu gặp mưa, xin trú mưa, xin rượu uống, xin mền đắp,

xin người nằm cùng cho ấm... Kể chuyện tiểu lâm xong, tác giả lại trở lại với chuyện ăn nhậu, những món ăn với thịt chuột đồng và thịt dơi.

- Bài *Đường về quê nội: Lộ Giữa* của Lê Nguyễn là một bài văn hoài niệm giản dị mà cảm động. Quê nội của tác giả ở quận Mỏ Cày tỉnh Kiến Hòa. Con đường đi về đó có tên là “Lộ Giữa”. Hồi còn nhỏ, tác giả còn ở nơi đó một bà nội rất thân yêu, nhưng ít khi về thăm được, vì địa phương mất an ninh. Rồi cuộc đời tác giả nổi trôi, bây giờ ở rất xa quê. Tác giả kể rằng thân phụ của anh chỉ đặt vào anh hai ước vọng, thì anh đều không làm được cả hai. Một trong hai ước vọng đó là khi ông nằm xuống, anh cố đem ông về đặt nằm cạnh ông bà nội của anh. Nhưng vì hoàn cảnh, thân phụ anh đã được hỏa táng, tro cốt gởi vào chùa. Nghe thật ngậm ngùi!

- Bài cuối tập trở lại với chuyện ăn nhậu: *Món ngon quê hương* của Nguyễn Thanh. Tác giả không kể lấy nhiều, chỉ kể những món đặc biệt: Cá lóc cùng những món ăn chế biến với loại cá này; rắn, cách bắt rắn, và những món thích khẩu với các loại rắn; và cá rô. Khi nói đến loại cá rô lớn con, tác giả có giải thích rằng sở dĩ gọi là “rô mè” là vì cá này có cái “mè” (bao tử?) to bằng ngón tay cái, rất ngon.

Đúng không các bạn miền Nam? Vừa được ăn đặc sản, vừa được hiểu đặc ngữ, cũng là một điều thú vị cho độc giả, dù ăn chỉ là “hàm thụ”. ●

BẠN ĐÃ CÓ CHƯA?

TRÔNG VỜI QUÊ CŨ

bộ truyện “xóm cũ”

· MIỀN BẮC
· MIỀN TRUNG
· MIỀN NAM

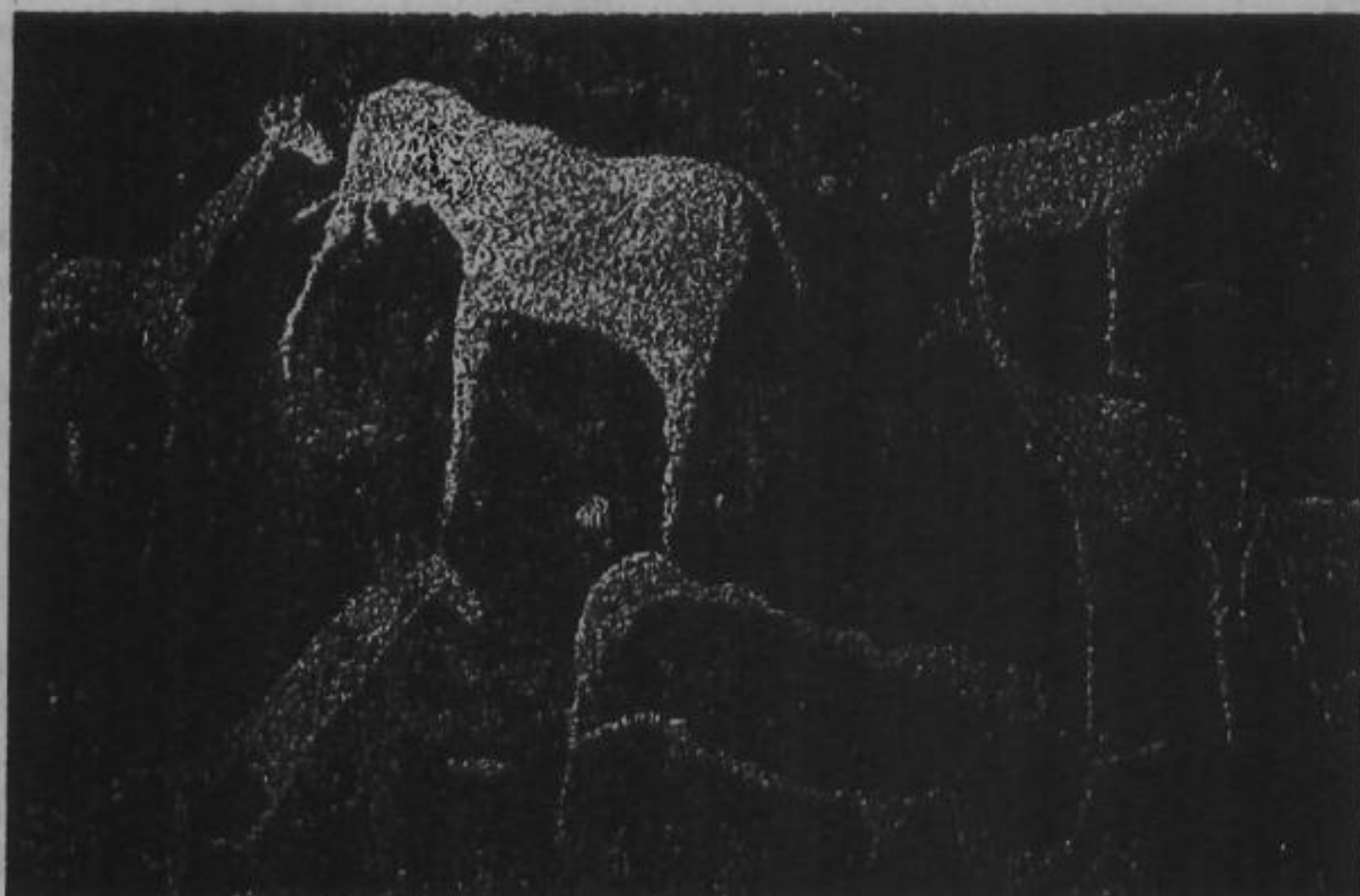
giá mỗi tập:

12 mỹ-kim (18 gia-kim)

Liên-lạc: Làng Văn

Con Người Biết Vẽ Từ Bao Giờ?

Nguyễn Nhạn Sơn



Bức chạm hình thú tìm được ở Namibia

Nếu chúng ta căn cứ vào những bức tranh cổ hiện còn giữ được trong các viện bảo tàng, hoặc ở các tư gia, thì thâm niên của ngành hội họa cũng không cao lắm: Bên Đông cũng như bên Tây, không có họa phẩm nào già tới tuổi một ngàn.

Nhưng nếu không buộc phải có giá trị mỹ thuật cao, chỉ cần biết dùng đường nét và màu sắc để ghi lại ngoại cảnh, hoặc tương thông tư tưởng với người khác là được gọi là hội họa, thì hội họa đã có từ lâu lắm.

Trong phần sau đây, tôi sẽ thuật cho các bạn nghe về những tác phẩm hội họa có tuổi thọ rất cao đã được phát hiện riêng ở châu Phi.

Những Họa Phẩm Nam Phi Châu

Các nhà khảo cổ đã tìm được hàng ngàn bức vẽ trong các "căn nhà đá", cũng như hàng ngàn bức chạm trên những khối đá nhẵn nằm rải rác ngoài trời, khắp miền Nam của châu Phi. Ngoài ra, lẫn lộn trong những lớp đất đào lên từ những hang động có di tích khảo cổ, người ta vẫn thường gặp nhiều khối đá nhỏ được sơn màu, hoặc mang những bức chạm có sơn.

Những bức họa trên đá đó rất đa dạng. Có bức một màu; có bức hai màu; có bức nhiều màu hơn, màu nào rõ màu ấy; có bức nhiều màu, nhưng

pha lẫn đậm nhạt. Những bức chạm cũng được thực hiện theo nhiều cách khác nhau: Những nét chạm được cạo mòn, được khắc, hoặc được đục sâu vào. Những hình thù được vẽ hoặc được chạm thường là hình thú hoang, thường là những con linh dương; hoặc thú nuôi, như những con cừu và trâu bò. Cũng có những hình người, hoặc những hình nửa người nửa thú (therianthrope). Lại có những bức đơn giản hơn, không có hình người hình thú, mà chỉ là vệt bàn tay, những cái chấm tròn, những đường kẻ ô, những đường gấp khúc, những hoa văn. Ngược lại, cũng có những bức phức tạp dường như có mục đích "ký sự lịch sử", gồm những xe bò kéo, những chiến sĩ cỡi ngựa...

Các nhà nghiên cứu nghĩ rằng những bức họa và chạm kể trên là tác phẩm của những người mà các nhà nhân chủng học gọi là "bushmen" (người ở trong bụi), tức là thổ dân miền nam châu Phi trong thời kỳ man dã, chưa biết trồng trọt chăn nuôi, chỉ sống bằng săn thú và hái trái rừng. Cũng có một số tác phẩm được tìm thấy phía tây thành phố Mũi của Nam Phi được qui công cho những mục dân thuộc giống "Khoikhoi", nhưng nhận xét này chưa có sở cứ chắc chắn.

Thuộc miền nam xứ Namibia, có một cái hang được gọi là Hang Apollo

11, để kỷ niệm chuyến đổ bộ nguyệt cầu thành công của phi thuyền Apollo 11 của Mỹ, ngày 21.7.1969. Trong khoảng cuối thập niên 1960 đầu thập niên 1970, nhà khảo cổ Eric Wendt đã tìm thấy trong hang này 7 tấm đá có vẽ hình đã bể rời ra và nằm mỗi nơi một tấm. Nhưng có một điều lạ lùng là có hai mảnh tìm được trong hai lần khai quật cách xa nhau, 1969 và 1972, lại ăn khớp với nhau. Giảo nghiệm bằng phương pháp phóng xạ carbone 14, người ta biết được những tấm đá vẽ kia có tuổi trẻ nhất là 19 ngàn năm, mà già nhất là 27 ngàn năm. Những niên đại này thuộc Thời Kỳ Đồ Đá.

Trên những bức thạch họa mà Wendt tìm được, có hình một con thú giống như mèo nhưng có đôi chân sau là chân người, hình một con thú khác lông trắng sọc đen, một con tê ngư đen, một con linh dương lông có sọc đỏ lẫn sọc đen.

Trong hang Wonderwerk thuộc miền bắc tỉnh Mũi của Nam Phi, các nhà khảo cổ cũng tìm được nhiều bức chạm được thực hiện đã trên 10 ngàn năm. Cũng có một số bức chạm đá được thực hiện trong khoảng 2 ngàn năm trở lại đây, có hình gia súc, hoặc hình lính Anh mặc quân phục kiểu giữa thế kỷ XIX.

Theo các tài liệu nhân chủng học và những phát kiến gần đây của ngành

khảo cổ, thì những người “bushmen” Phi Châu tin rằng các “pháp sư” của họ có quyền năng siêu nhiên và có thể tiếp xúc với ma quỷ trong trạng thái xuất thần. Theo lệnh triệu tập của “pháp sư”, những “người sống trong bụi” quì tụ quanh một đồng lửa, đập trống, vỗ tay, ca hát và múa nhảy. Trong khi đó, người “pháp sư” ngồi nhập định, nhưng thở theo nhịp trống càng lúc càng thúc nhanh, cho đến lúc hôn mê. Lúc này, đầu họ cúi tới, chiếc lưng uốn cong, toàn thân run lên bần bật, và mũi chảy máu nhỏ giọt. Hình ảnh này thường được khắc họa trên nhiều tảng đá.

Lúc bấy giờ, người “pháp sư” được coi là “chết giả”, và các nhà nghiên cứu về tập tục thổ dân châu Phi nghĩ rằng các “pháp sư” bắt chước giống linh dương. Con linh dương cũng có trạng thái hấp hối tương tự như vậy.

Trong thực tế, giống linh dương châu Phi là giống lớn con nhất và cũng khôn ngoan nhất trong số đồng loại. Các “pháp sư” nhân đó lại tin rằng một con linh dương sắp chết có thể truyền sang cho họ một thứ quyền năng có thể giúp họ chữa bệnh, cầu mưa, và ban phúc cho những chuyến

đi săn.

Những giai đoạn nhập định, xuất thần của các “pháp sư” đều được các “họa sĩ” ghi lại trên đá. Trước hết là hình tượng trưng cho ánh sáng, gồm những nét vẽ hay chạm thành một tấm lưới ô vuông, rồi tiếp theo là những đường quanh quèo, những hình chữ V, những đường xoáy tròn ốc, và những cái chấm. Đây là những hình tượng nội quan do hệ thống thần kinh tạo ra cho những người tự làm cho mình hôn mê. Cả những người bị chứng đau nửa đầu cũng thường thấy như vậy. Nhưng đối với các thổ dân châu Phi, thì những hình tượng các “pháp sư” nhìn thấy trong khi xuất thần là quan trọng. Vì thế, họ ghi lại “tiến trình xuất thần” vào những bức thạch họa.

Thổ dân trên nhiều miền của châu Phi coi các giống thú là quan trọng, quan trọng hơn cả giống người. Trong các giống thú, giống linh dương là thượng đẳng. Các thổ dân châu Phi ngày nay còn có những cơn xuất thần, trong đó họ biến thành thú. Những bức thạch họa vẽ những hình nửa người nửa thú chính là “hiện thực” giấc mơ ngàn xưa của riêng các “pháp sư”, mà cũng là của chung cho các thổ

dân.

Những Họa Phẩm Vùng Sahara

Các bức thạch họa được tìm thấy nhiều nhất tại miền nam châu Phi. Nhưng rải rác cùng khắp lục địa, ở đâu cũng có; tương đối khá nhiều là ở vùng sa mạc Sahara: Trong những dãy núi Adrar des Iforas, Air, Hoggar, Tassilin-Ajjer, Tibesti.

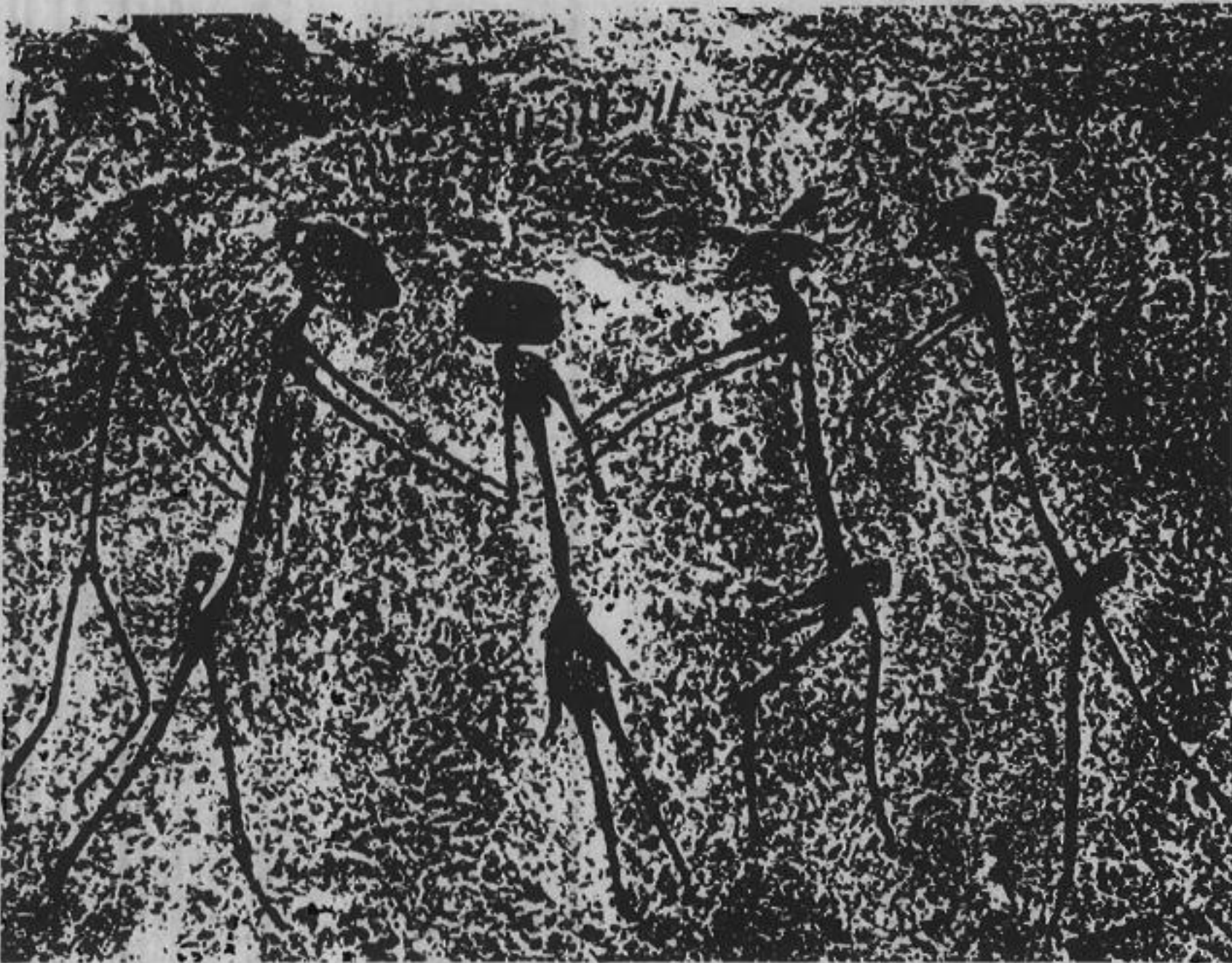
Các nhà khảo cổ đã tìm được trong vùng này những bức chạm hình dã thú được thực hiện từ 8 ngàn năm về trước. Có những bức “trẻ tuổi” hơn chút ít, chạm hình người. Có những hình nhỏ, nhưng cũng có những hình khổng lồ. Người nào đầu cũng tròn xoe, không có mắt mũi gì rõ ràng hết cả. Những bức “trẻ” hơn nữa (từ 3.200 năm trở lại đây) là những bức họa nhiều màu, vẽ gia súc. Mới nhất là những bức vẽ hình những con ngựa, lạc đà, và xe ngựa kéo.

Cảm Nghĩ Của Người Viết Bài Này

Ngoài bài viết, tôi cũng sẽ chuyển đến các bạn ảnh chụp vài bức thạch họa kể trên. Nhưng ảnh tôi coi trong sách gốc là ảnh màu, rõ và đẹp. Khi in lại trên mặt báo của chúng ta, chỉ là ảnh đen trắng, có lẽ sẽ không được rõ mấy. Tôi mượn phần cuối để nói lên ý nghĩ của tôi do những bức họa ấy gợi ra. Thực sự là tôi rất ngạc nhiên.

Trước hết, tôi nghĩ là những thổ dân châu Phi biết vẽ sớm hơn nhiều giống người ngày nay văn minh hơn họ, nhất là so với người Việt chúng ta. Hình như không có di tích nào chứng tỏ người Việt đã biết vẽ trước đây chừng 4, 5 ngàn năm.

Sau nữa, tôi nhận thấy thổ dân châu Phi có năng khiếu hội họa. Trước khi có những ngành hội họa mới như “tượng trưng”, “ấn tượng”, “lập thể”, v.v..., vẽ cốt là cho giống thật. Thì đây, thổ dân châu Phi trước đây cả vạn năm, đã vẽ rất giống thật. Các bạn thử nhìn kỹ bức vẽ con hươu cao cổ và con ngựa vằn xem. Tôi thấy bức này còn đẹp và linh động hơn những bức vẽ thú của một vài họa sĩ ngày nay. ●



Một nghi-thức chữa bệnh của pháp-sư được ghi lại bằng tranh màu vẽ trên đá

chém đá

Sắc Không

Mở lời như chém đá
Lễ Kinh



Đảng

1.

Vừa đọc xong bài «Mừng Bác Phạm Văn Đồng 90 Tuổi» của Tiến sĩ Nguyễn Đình Cát, đăng trên báo *Tuần Tin Tức* số ra ngày 17 tháng 3 năm 1996, thấy ca ngợi hết mình Bác Phạm. Sắc Không bèn phôn ngay cho ông nghề Cát, cốt hỏi cho rõ:

- Cả nước đều gọi Bác Phạm nhà ta là «người ăn thịt người»! Do đâu mà, thưa Tiến sĩ, ngài lại thấy Bác Phạm, một «nhà chính trị kiệt xuất của thế giới, danh nhân văn hóa của hành tinh»? Phải chăng, như ai đó nói: «Kiến thức đến rồi đi, chỉ mảnh bằng... ở lại»?

- À, Sắc Không dấy hả? Kiệt xuất, dân không bầu bán mà vẫn ngồi làm Thủ tướng suốt mấy chục năm. Thành tinh. Rất ác. Nhờ thuốc bổ Thai Nhi Tấn mà sống dai như đĩa dổi. Danh nhân, nổi tiếng với câu đố văn hóa sau đây... Cậu Ấm Phạm Văn Lương, Đại úy Giám đốc Công ty «Hanoi Sex Tour», vừa gửi cho tôi. Trong nước không ai đáp được...

- Lạ nhỉ? Đâu?

- Đây: «Đường xưa rụng lá me bay - thì người ta hát - Đường xưa rụng lá me bay. Chiều chiều em vẫn cầm tay anh về - Thế, nếu - Rừng xưa rụng lá cao su - thì người ta hát như thế

nào?»

- ...

2.

Dag Solen, thông tin viên thường trực tại Hà Nội của tờ *Ngôi Sao Phương Bắc*, Đan Mạch, phỏng vấn đồng chí Đại tướng Võ Nguyên Giáp:

- Tôi lấy làm ngưỡng phục Cộng Hòa XHCN Việt Nam. Cả nước không một nhà tù. Chỉ toàn trường Cải Tạo hoặc Phục Hồi. Nhưng theo chế độ cưỡng bách giáo dục để nâng cao trình độ dân trí, thưa ngài, những ai là người nằm ngoài diện đó?

Anh Văn, tên gọi trong Trung Ương Đảng của Đồng chí Võ Nguyên Giáp, bèn sốt sắng trả lời:

- Các đồng chí trong Bộ Chính Trị và Trung Ương Đảng! Nhất là Ban Thường Vụ Bộ Chính Trị!

- Tại sao?

- Quá tuổi! Ai cho phép đi... học?

3.

Nhà văn Nguyễn Nghiệp Nhượng, tác giả hai cuốn truyện nổi tiếng *Cũng Đành và Đêm Tóc Rối*, hỏi nhà văn Cung Tích Biền:

- Mà biết không, đi theo «sự nghiệp đổi mới» của Đảng, trường Đại học Bách Khoa thành phố Hồ Chí Minh mở rộng các cửa. Nhưng học sinh nào tốt nghiệp Phổ Thông cấp 2, muốn theo học, phải qua một cuộc khảo hạch. Rốt cuộc toàn con cháu

đảng viên trúng tuyển... Con tao đã rớt...

- Đảng rất công bằng. Chắc thằng cháu nhà ta nó còn yếu môn gì đó...

Nhà văn Nguyễn Nghiệp Nhượng gật đầu:

- Đúng! Môn lịch sử...

Nhà văn Cung Tích Biền, từng đeo băng đỏ và K-54 ngày 30.4.1975, chưng hửng:

- Ủa? Môn ấy cháu nó khá lắm mà! Sao thế?

- Vậy mà:

«Trước hết, con cháu đảng viên vào phòng thi vấn đáp, giám khảo hỏi:

- Phát xít Nhật bắt nông dân ta nhổ lúa trồng đay, khiến sau đó triệu rưỡi người chết đói, năm nào?

- 1945!

- Tốt!

Đến lượt con cháu của các thành viên thuộc Trung Ương Đảng và Bộ Chính Trị, giám khảo hỏi:

- Phát xít Nhật bắt nông dân ta nhổ lúa trồng đay, khiến sau đó triệu rưỡi người chết đói, những người chết đói đó thuộc nước nào?

- Nước ta!

- Rất tốt!

Sau cùng, tới con cháu các thành phần «lý lịch xấu» như gia đình tao... Giám khảo hỏi:

- Phát xít Nhật bắt nông dân ta nhổ lúa trồng đay, khiến sau đó triệu rưỡi người chết đói. Hãy cho biết, từng người chết đói một, họ và tên, ngày tháng năm sinh?»

- ...

4.

Nhà thơ Ngân Giang Đỗ Thị Quế, từng được Giải thưởng Văn học Tự Lực Văn Đoàn thời tiền chiến. Năm 1958 nhà thơ phải đứng bán báo, tại phố Bờ Hồ Hà Nội, kiếm sống qua ngày. Một hôm, bà hỏi «cái ông già lòi thoi lếch thếch», tức nhà thơ Hữu Loan, rằng:

- Theo chỗ tôi biết, chả làm, anh vốn không ưa họ. Sao ngày nào cũng mua báo *Nhân Dân*, cơ quan ngôn luận của Đảng? Lạ cái là vẫn trả tiền, xong chỉ xem lướt qua. Rồi cho lại tờ báo... Tôi để ý thấy, trăm lần như một,

anh xem độc có trang nhất. Thế là thế nào?

Tác giả *Màu Tím Hoa Sim* dùng đỉnh đáp:

- Tức cả... mình! Chưa thấy tin... phân ưu!

5.

Dưới chân tượng đài Bác, trước Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố *«Tết Vàng Thân Thương»*, tức Hồ Các Mác, ngày nào từ sáng tới chiều, Công an Khu vực cũng thấy một «con mẹ tả tơi» ngồi ở đấy, đáng điệu chờ đợi... Gã sinh nghi. Song, ngoài mặt vẫn vờ vặt hỏi:

- Mụ làm gì ở đây? Đi chỗ khác chơi! Ắn xin cũng phải nhấm nơi chứ? Bác có cái đếch gì mà cho!

Bà già, chính là cựu dân biểu Lục Lượng Thứ Ba kiêm nhà thơ Kiều Mộng Thu, tác giả thi tập *Lá Đổ Trên Mười Đầu Ngón Tay*, vội trả lời:

- Ai ăn xin ai? Tao chỉ ngồi đây chờ thôi..

- Già rồi! Còn tính ngồi cái gì nữa?

- Tao chờ tụi Mỹ tới!

Công an Khu vực vừa ngạc nhiên vừa thương hại:

- Chờ! Uống công! Chúng không tới đâu...

- Mặc tao! Mày biết cái chi? Trong vòng hai chục năm, thằng Tàu tới nước ta hai lần... Không lẽ thằng Mỹ chỉ... một lần thôi?

6.

Năm 2001, Tòa án Quốc tế Tội phạm Chiến tranh mang 3 đồng chí Tổng Bí Thư của 3 nước Cộng hòa Nhân dân Trung Quốc, Cộng hòa Nhân dân Triều Tiên (Bắc Hàn) và Cộng hòa XHCN Việt Nam ra xử tượng trưng, làm gương cho cả loài người tiến bộ soi chung. Cuối cùng cả ba đồng chí kính mến đều lãnh án tử hình. Nhưng đồng chí nào cũng được hưởng đặc ân, lựa chọn một trong ba cách chết: lên máy chém hoặc treo cổ hay ngồi ghế điện, nhưng phải cho biết lý do lựa chọn.

Đồng chí Tổng Bí Thư Đảng Trung Quốc, trình độ thông minh thấp, được hỏi trước vì là người của nước lớn:

- Xin vui lòng chọn!

- Ghế điện!

- Tại sao?

- Lê Nin từng dạy: không điện khí, không xây dựng được Chủ Nghĩa Xã Hội!

Tử tội bị bịt mắt, lên ghế ngồi, khóa chân tay lại, bấm điện! Xui cho nhân dân Trung Quốc, nửa chừng điện cúp. Đồng chí được tha.

Tới phiên đồng chí Tổng Bí Thư Đảng Bắc Hàn, trình độ thông minh trung bình, người ta cũng mời:

- Xin chọn!

- Máy chém!

- Tại sao?

- Mao Chủ Tịch từng dạy: không sắt thép, không hoàn thành được sự nghiệp xây dựng Chủ Nghĩa Xã Hội!

Tử tội bị bịt mắt, nhét trái chanh vào miệng, trói hai tay, giật sợi dây cơ động. Chưa hết! Nửa chừng, lưỡi dao bị kẹt, theo luật được miễn thụ án. Hết!

Cuối cùng, tới phiên đồng chí Tổng Bí Thư Đảng Ta, trình độ thông minh cao, cũng được hỏi:

- Chọn?

- Sợi dây!

- Tại sao?

- Mẹ kiếp! Còn hỏi các cơ! Không thấy cái ghế điện và cái máy chém đều... hư cả rồi, sao?

7.

Nhằm nâng cao mức sản xuất trong Kinh tế Thị trường theo bước nhảy vọt, phục vụ Sự Nghiệp Đổi Mới của Đảng ta, đồng chí Phó Thủ Tướng Phan Văn Khải chỉ thị cho Hội Liên Hiệp Xí Nghiệp Quốc Doanh Thành Phố Hồ Các Mác, phát huy sáng kiến, đặt ra 3 giải thưởng cho 3 công nhân nào tiên tiến nhất. Năm ngoái, 3 giải thưởng ấy được ấn định như sau:

1- Giải ba: Nghỉ mát ở Cuba 2 tuần lễ.

2- Giải nhì: Nghỉ mát ở Bắc Triều Tiên 2 tuần lễ.

3- Giải nhất: Khỏi phải đi... quý nơi trên!

8.

Cựu Viện trưởng Viện Triết Học

Mác-Lê, đồng chí Hoàng Minh Chính 78 tuổi, vừa mới ra tù, vội tới Sở Công An Thành Phố Hà Nội xin tái cứu xét hộ khẩu. Cơ quan này liền yêu cầu:

- Phải có giấy chứng nhận của Xí nghiệp Quốc doanh nào đó tại Hà Nội, về công ăn việc làm, chúng tôi mới cấp hộ khẩu.

Vừa tức vừa nhục. Nghĩ mình công toi cò mồi suốt bao nhiêu năm làm Tổng thư ký Đảng Dân Chủ, một trong những chiếc vôi của con bạch tuộc Đảng Cộng Sản. Vốn rành về Triết Học Mác Lê, đồng chí hiểu trong chế độ này, ai không hộ khẩu ắt đồng nghĩa với... chết. Đành cắn răng lại. Nuốt hận. Đồng chí liền chạy tới các Xí nghiệp Quốc doanh. Nơi nào cũng đều nêu lên một yêu cầu chính đáng:

- Phải có hộ khẩu chúng tôi mới xét công ăn việc làm cho anh!

- Nhưng tôi quá tuổi lao động rồi mà?

- Lao động là vinh quang. Điên chắc? Mới từ chối sự vinh quang!

Cựu Viện trưởng Viện Triết Học Mác-Lê cố năn nỉ:

- Thôi cho tôi chân quét rác cũng được!

- Xí nghiệp Quốc doanh, rất tiếc, không thể nhận một thằng điên!

9.

Đồng chí Nông Đức Mạnh, Chủ tịch Quốc hội Hà Nội, gốc người Thượng Du nên còn giữ được đôi chút thành thật, vừa gửi cho Sắc Không bài thơ sau đây của dân tộc thiểu số Tày nói về cán bộ người Kinh ba miền, với ý mong muốn bài thơ sẽ được dịch sang tiếng Anh. Sao cho cả thế giới cùng thưởng ngoạn:

BẮC TRUNG NAM

*Miền Bắc toàn những thằng điên
đầy ấp túi tiền cứ bảo bần nông
Ngày đêm chó dái chạy rông
chúng muốn tất cả nhưng không làm gì
Bản chất phe phẩy, ù lì
Nghị quyết nói gì chúng cũng thông qua
Của dút quen gọi là quà
nhét đầy mồm miệng Đảng ta mất hồn.*

Miền Trung toàn những thằng khôn
chúng chui cửa trước, chúng luồn cửa
sau
Nghèo nên biết cách làm giàu
chúng đi đúng chỗ, chúng câu đúng
người

Nghị Quyết hiểu rõ mười mười
nhưng chỉ mò đến những nơi chúng cần
Thoạt nhìn nom rất cù lần
nắn hầu bao lúc lại gần mới ham.

Miền Nam toàn những thằng tham
chúng ăn như phá, chúng làm như chơi
Cái gì cũng muốn đã đời
vợ nhà thích một, vợ người thích hai
Sáng chiều chúng nhậu lai rai
Nghị quyết năm vững, việc sai cứ mần...

Nhân dân chẳng những mất quần
mà còn mất cả cái phần giầu trong.
Chúng Ông

1.

Đồng chí Tổng Bí Thư Đỗ Mười
kính mến kể chuyện:

- Chú Nông này! Mình tính chim
một em nhà báo tây phương, xem cái
đấy của nó ra thế nào, nên mới ước hỏi:
«Này, đây có thích lấy chồng Việt
Nam không thì bảo để đây còn mới lái
cho?»

Đồng chí Chủ tịch Quốc hội Nông
Đức Mạnh tò mò:

- Rồi sao, hả cụ?
- Cha-con-đẻ-mẹ nó chứ. Nó lại
bảo...
- Chết! Căng nháy? Nó nói gì thế...
- Thích chứ ạ... Nọ nay em vẫn
hàng mong ước. Lấy được người
chồng làm tới chức Tổng Bí Thư.
Sướng lắm! Chả là em có số... sát phu!

2.

Căng thật! Nhưng đâu bằng
chuyện này: Khẩu hiệu Chính trị là
linh hồn của mọi Đảng Cộng Sản.

Ngày Đại Hội 8 Đảng ta cũng
trưng khẩu hiệu «Đảng Cộng Sản
Việt Nam Muôn Năm». Khẩu hiệu
của riêng Đồng chí Thủ tướng Võ Văn
Kiệt, «Kiệt Cầm Lá Cờ Hồng», chính
trị mà lại phi chính trị. Sao vậy? Bởi
nó xuất phát từ một bài Nhan Sắc Ca
theo trường phái LaĐa, không phải

DaĐa ở phương Tây. Hiện cả nước
đang lên truyền tay. Vô lấy đọc. Học
thuộc lòng. Bài thơ nói về thân và
phận cô Cầm, người yêu... tiền của
Thủ tướng:

KIỆT CẦM LÁ CỜ HỒNG

Lưng cánh phẫn, vú bánh dày
lồng bàn dít úp, lườn đầy mỡ sa
Dáng đi thân uốn mình xà
chân dài mỗi bước bằng ba mọi người
Lá rậm con mắt nhìn đời
lông mi cong vút lên trời tủa ra
Một rừng đào thắm nở hoa
trên hai gò má chu sa dậy hồng
Lá vòng vòng lớn cải ngồng
sông đào nguồn cạn, cỏ đồng ngọn khô
Mưa rào tạnh trận giạt xô
bờ lau ngả rạp, đắp mô đất bồi
Thịt đầy tú hụ mồm xoi
tiếc người «kiệt» sức chỉ ngồi ngó không
Cũng «cầm» như gái chữa chồng
giữ tươi mãi «lá cờ hồng» thắm xuân...

3.

Trong lúc ấy, «Máu Dân Đỏ, Tò
Cờ Hồng» lại là khẩu-hiệu của Bắc
Kinh gửi tặng Ban Thường Vụ Bộ
Chính Trị. Sắc Không, lấy làm kinh
sợ, bèn phôn thẳng cho bà Nguyễn
Thị Xuân Mỹ, Chủ tịch Ủy ban Kiểm
tra Trung Ương Đảng, hỏi xem giờ
này Đảng «theo Tàu chống Mỹ» hay
«theo Mỹ chống Tàu».

Bà Xuân Mỹ trả lời rất gọn:

- Phần tôi, tên sao người vậy! Còn
Đảng, ngay từ đầu thập niên Năm
Mười, đã «theo Tàu chống Mỹ» rất
hăng, bằng thơ Hồ Chủ Tịch:

MỸ SỢ HÒA BÌNH

Thằng Mỹ đánh đi mười phương
Không để một đường bán chút phần ôi
Mỹ khoe Mỹ giỏi Mỹ tài
Sang đông đông chửi, sang đoài đoài
khinh
Cú mèo sợ ánh bình minh
Mỹ sợ hòa bình như đĩa sợ voi
Hòa bình thì Mỹ chết toi
Vũ khí đi đời, biết bán cho ai
Đảng ta, một người bằng hai
đánh cho Mỹ nát trong ngoài mới

thôi!»

Sắc Không vẫn cố hỏi:

- Sao giờ Đảng lại run sợ «Diễn
Biến Hòa Bình» từ phía thằng Mỹ?

Bà Chủ tịch Ủy ban Kiểm tra
Đảng, 56 tuổi, cho hay:

- Bọn Quốc-gia dân-tộc ngu, theo
Mỹ để rồi chống Mỹ. Người Cộng Sản
chuyên chính khôn, chống Mỹ để rồi
theo Mỹ. Trước vì tình sau vì tiền.
Chúng tôi sống chết giữ Đảng. Ngoài
ấy làm gì được? Thách đấy! Hòa bình
à? Ai chẳng sợ, nếu:

NGOẺO

Hòa bình nay chẳng như ngày trước
Thằng Mèo quen làm phu đám ma
Vừa mới Đông Âu mỏ mả đẹp
Chúng xây ngay vội nghĩa trang Nga
«Diễn Biến Hòa Bình»? Kinh khiếp
lắm!

Liên Xô còn nghèo nữa là ta...

Ngoài ra, bà Nguyễn Thị Xuân
Mỹ, thật bất ngờ, chế mục Chém Đá
«chưa được ướm át cho lắm». Bà còn
dúi cho Sắc Không một bài thơ hiểm
hoi của ông tướng Lê Khả Phiêu, Chủ
nhiệm Tổng Cục Chính trị. Bài thơ
khả dĩ phiêu dạt là nhờ đi đúng đường
lối của ngài Lê Đức Anh, Chủ tịch
Nước Cộng Hòa XNCN Việt Nam:

CHÚNG ÔNG

Thằng Tây, thằng Mỹ, thằng Tàu,
thằng Nga sau trước giống nhau một
tuồng

Nước ta như dĩ trần trường
hể che kín ...ú thì ...ồn hở ra
Theo Tây, Bảo Đại sống già
bạc bài ngất ngưỡng, đồn ca rộn ràng
Theo Mỹ, vừa giàu vừa sang
ngu như thằng Thiệu cũng vàng chất
non

Theo Tàu, Bác bán linh hồn
xác quân lãng mộ không chôn để thờ
Theo Nga, phát đỏ ngọn cờ
máu dân thâm động cơ đồ tả tơi
Thương thân con dĩ hết thời
năm nhà thương thí chửi đời bạc đen
Nước trong nhờ biết đánh phèn
tài tình mưu trí đối hèn ra sang

Đảng ta giờ vẫn nghênh ngang
nhờ bắt tay Mỹ, lại quàng chân Hoa
Nước non vẫn nước non nhà
nhà đây phải hiểu là nhà chúng... ông!

4.

Vâng! Theo tinh thần «Pạc Dzuyt», Bách Việt, «chúng ông đúng, chúng nó sai gấp hai chúng mày», phải kể đến một «Ông» thuộc hàng chóp bu trong đội ngũ tiên tiến «Chúng Ông». Ấy là ngài cựu Thủ tướng Phạm Văn Đồng, đương kim đệ nhất Cố Vấn Đảng. Gần đây, trong bài «Văn Học, Nghệ Thuật Và Đối Mới», ngài ra sức kêu gọi giới Văn học Nghệ thuật trong nước hãy tin vào Đảng.

Lời kêu gọi này đã được nhà thơ Phan Các Chiêu Hằng, ở tở Làng Văn cực kỳ phản động, thi chuyển «miễn phí với dụng ý». Như sau:

NIỀM TIN

Tôi thiết tha bày tỏ
với anh-chị-em-ta
Trong lãnh vực văn nghệ
một lòng tin sâu xa
Riêng tôi hằng ấp ủ
mỗi con người Việt Nam
Hết sức là mãnh liệt
như cộng đồng Việt Nam
Nơi mà các dân tộc
với đức tính cổ truyền
Cùng phẩm chất cao quý
hiện nay vẫn gắn liền
Phải có người như vậy
mới chấp cánh tung bay
Chỉ con người như vậy
mới có được ngày nay
Trên bước đi quá độ
tiến đến những chân trời
Đầy lời ca, ánh sáng
cuộc đời mới thắm tươi!

Phạm Văn Đồng
Văn Nghệ Hà Nội, Xuân 1994.

Nhà văn Hồng Huy, cũng ở tở Làng Văn, thấy lạ, dây nẩy lên kêu:

- Quái! Ánh sáng và lời ca? Giới ơi! Hóa ra lại... Đúng! Ánh sáng Nghị Quyết của Đảng. Lời ca? Như lời ca của nhà thơ Tế Hanh:

«Em ơi anh tặng em gì nhỉ?
Anh tặng em hình ảnh Lê Nin»

Lê Nin là ai?

«Lê Nin, Người ở nước Nga,
mà em yêu quá bảo là Việt Nam.»

Hay lời ca «ông vua» thơ tình Xuân Diệu:

«Chúng con dưới vực sai lầm
Đang vươn mình được Bác cầm tay
lên.»

Khiến dân gian đã ca tiếp, rất mùi, nùng lên:

Bây giờ ngồi chốc, ăn trên
Chúng con sống chết chẳng quên ơn
Người

Bác Hồ ơi! Bác Hồ ơi!

Giữa hai chân cẳng, đã đời chúng...
con...

... Cu gáy mùa hoa gạo... son...

... mì son... Bác nhảy, chúng con một
nhoài.

Lũng là lũng lảng củ khoai

rễ con tua tua mọc dài hơn râu

Mỗi lần thọc xuống vực sâu

Bác lại cầm đầu nâng chúng con lên.

5.

Bác rất yêu con... của Bác. Nhưng vợ thì không. Hai chị em bà Hà Thị Nà, người Tày, chỉ sáng giá ở Hang Pác-Bó, lại đại đột mò về tìm Bác ở Hà Nội. Kết quả, chị chết ở Hồ Tây, em thất cổ ở trụ sở Trung Ương Đảng đầu tiên tại phố Hàng Bông. Bởi tính thật thà, bà Nà không chịu vụ ghi tên cha của đứa con trong giấy khai sinh là... Vũ Kỳ, Trợ lý Văn phòng của Bác.

Người Tày vốn tính chân thật «ai chơi, nấy chịu, không điu cho người». Thà chết thắm. Ngược lại, không lẽ đó là «đức tính cổ truyền» của người Kinh? Vậy mà khi được gặp ngài Phạm Văn Đồng, người chuyên ăn thịt... người, «nhau đòn bà đẻ và thai nhi tán», Sắc Không cũng rét, chỉ dám hỏi vợ vắn:

- Nói về «đức tính cổ truyền». Phong kiến lạc hậu, triều Lê, còn lấy bộ luật Hồng Đức để an dân. Hơn hai trăm năm sau, cách mạng tiến bộ, Đảng lại chuyên chính cai trị sắt thép bằng nghị quyết, sắc và khẩu lệnh là thế nào? Xin ngài...

- Lê Nin đáng tin hơn Lê Lợi!!!

- Thế còn... Không phải tên ăn cắp nào cũng là đảng viên, nhưng đảng viên nào cũng là tên ăn cắp. Sao ngài lại gọi đó là «phẩm chất cao quý hiện nay»..?

- Câu tục ngữ hay nhất nước Nga, quê hương của Lê Nin vĩ Đại, là...

- Sao ạ?

- Không nói dối thì không bán được thịt thối!

- Khó hiểu quá!

- Có nghĩa... Thật thà là cha quý quái. Nhưng quý quái lại là nguyên soái của... thật thà. Muốn thắng? Phải nói dối! Thí dụ, ra lệnh cho bọn văn nghệ sĩ cùng gáy, về đời sống XHCN ấm no:

Cơm ăn thả của tùy tâm xối

Thịt gấp liền tay tự ý dùng

Dù sự thật dầu là:

Cơm ăn thả của hai lưng chén

Thịt gấp liền tay một miếng bì

hoặc:

Cầu Xa Lộ ngồi trơ cổ độ

Quán Đường Sơn đứng rũ tà huy

Mỗi ngày một mẫu khoai mì

dầm ba hùm nước lấy gì «ấy» nhau

Tệ lắm cũng phải viết là:

Cầu Trường Tiền cờ bay đỏ chói

Chợ Đông Ba nắng sỏi vàng hoe

Anh hùng sống tạm vĩa hè

Nằm phơi Cửa Quý ra khoe nước
giàu.

Không được viết như con mẹ giáo Phụng, trường Lý Thường Kiệt Khánh Hội thời Sài Gòn mới giải phóng, ba năm tù vì hai câu thơ:

Đép quai râu dầm nát đời son trẻ

Mũ tai bèo che khuất nẻo tương lai»

Mà nên viết là:

Đép quai râu dầm đất bùn Nam Bộ

Mũ tai bèo che nắng gió Trường Sơn.

Tốt hơn hết? Phải như tôi! Năm được qui luật Cách mạng, càng sớm càng tốt, mới không phản lại cuộc Vận động Tiến hóa. Gọi vắn tắt là phản động. Hầu hết các chị bên Hội Liên Hiệp Phụ Nữ... Tuyệt diệu! Rất mê thơ tôi. Trừ con mẹ Nguyễn Thị Định, một vú, và con mẹ Nguyễn Thị Bình, ba vú:

- Ngài chỉ bịa...

- Thật mà. Đối với tôi, rốn... lời

cũng thuộc dạng... vù. Hừ! Hãy nói chuyện nghiêm túc:

CHƠI

Giời ơi con bé bên hàng xóm
đêm tắm sau nhà trăng sáng phơi
Trèo tường ta chẳng sang... một cái
sẽ hận mai này đứa khác chơi
Sao chiếc cầu ao mùa lặng gió
run lên bần bật, thấy... ra rồi:
Nước Non cũng thể như thân gái
bị miệng kêu to được mấy hồi
Từ ấy ta đi làm Cách Mạng
hiếp dân không chỉ những con người
Mà mỗi lời văn, dòng chữ nghĩa
cũng ngứa ra dề nghiêng cuộc chơi...

6.

Cả nước đang bị Đảng ăn hiếp và
ức hiếp. Miệng dân kêu được nhưng
không được kêu. Người ta hy vọng
vào các văn nghệ sĩ, nhà báo và giới
khoa bảng ngoài nước. Tự do, kiến
thức, lại giỏi nhiều ngoại ngữ; sẽ kêu
to, giùm trong nước, cho cả thế giới
nghe. Nhưng một số, ăn phải bả «hòa
hợp hòa giải», quay ra cầu cho bạo
chúa sống lâu, khiến nữ bác sĩ Dương
Quỳnh Hoa, Giám đốc Bệnh viện Nhi
đồng II, nhà thương Grall Sài Gòn cũ,
la bai bai: «Trời ơi! Các em gái 11, 12
tuổi bị hiếp nhiều quá!» Bà này người
phốp pháp, tính danh đá cá cày, giận
quá mà làm ra thơ chửi đời. Ai trung
lập cũng không chịu:

TỰ BẠCH

Tổ cha bọn Móc Nối
không soi gương vỡ bà
Đòi hòa hợp hòa giải
con người với quỷ ma
Hăm hai tên đá bóng
những ba mạng trọng tài
Sẵn thẻ vàng, thẻ đỏ
mà còn chưa ăn ai
Hướng chỉ dăm cây bút
vài mảnh bằng chuyên môn
tính chuyện hòa với giải
nghe cứ ngứa cả tròn
Quân đội Liên Hợp Quốc
đi tới đâu giảng hòa
Cũng đầy mình súng ống

miệng lưỡi chẳng ba hoa
Cả một guồng máy lớn
chuyên hút máu đục xương
Từ cán bộ cơ sở
tới lãnh đạo trung ương
Chuyển tiền ra ngoài nước
hàng trăm tỷ mỹ kim*
Không bắt chước Nhật Bản
lập ngay đảng Hắc Long
Diệt gọn quân tham ác
đất việc lớn không xong

Tổ cha bọn Đứng Giữa
chẳng chịu nhục ngồi im
Còn loay hoay chữ nghĩa
bày đặt óc với tim...
Dân sống thì Đảng chết
theo qui luật tự nhiên
Tổ cha bọn Can Khéo:
Đảng còn, còn mất Nước!

* Thống-kê Mỹ cho biết đảng CSVN
có những nhà tỷ phú giàu nhất thế giới,
năm 1995. Tài sản ước lượng trị giá 20 (hai
chục) tỷ USD. Khoảng 2000 (hai ngàn)
đảng viên triệu phú, tài sản trị giá từ 80
(tám chục) tới 100 (một trăm) triệu USD.
Đăm ba triệu USD thì không đáng kể.
Trong đó, hẳn có cả tiền bạc của Việt kiều
hưởng ứng chương trình Tình Thương
Dựng Lại Quê Hương, do một số văn nghệ
sĩ và trí thức ngoài này phát động?

7.

Thơ trên đọc lên nghe nóng mặt.
Thơ dưới, của Đồng chí Tổng Bí Thư
Đỗ Mười, đọc tới đâu lạnh người tới
đó. Muôn đời vẫn vậy, người thợ săn
yêu đám chó săn, chim mồi nhưng
không coi chúng là người:

TA YÊU

Ta có năm trăm nhà văn
bảo gì viết nấy khó khăn chẳng sờn
Đọa đầy mấy cũng biết ơn
ra tù xong vội làm đơn thỉnh cầu
Sống trọn kiếp người-ngựa-trâu
thối quen thờ chủ cúi đầu dạ, vâng
Cốt sao danh tiếng lẫy lừng
trói dây kềm hoặc dây thừng vẫn vui
Một ngàn con mắt mà dui
bảo tiến cũng chịu bảo lùi cũng cam
Việc gì ta sai chúng làm

thầy đều rầm rập hàng đàn lũ theo
Các người, hậu chiến nước nghèo,
quay lưng ngoảnh mặt, mang theo
bạc tiền
Ra đi chống Cộng cuồng điên
giờ đây làm bộ điệu hiền với ta?
Khoe về dựng lại quê nhà
nghe buồn nôn quá khiến ta bật cười
Muốn cho ai nấy tin lời
thì đừng ra ở quê người, được không?
Ngoài ấy bọn trí thức đông
lắm chẳng biết cái gông là gì
Chữ nhiều tới lúc ngu si
thì đàn chẳng có giống gì ngốc hơn
(Nhà văn chống mắt cá uươn
nhà thơ ngái ngủ chập chờn tỉnh mê)
Ta yêu giống chó huyền đề
mai hoa tứ túc giỏi nghề đánh hơi
Các người về lại thành thơ
ra đi nhớ thốt nên lời ngợi khen
Chim mồi khi đã hót quen
lòng riêng mặc cảm đón hèn mất nhanh
Nhẹ nhàng gió mát trắng thanh
viết văn ngoan ngoãn hiền lành làm thơ

8.

Có thật thơ vốn hiền lành và nhà
thơ thường dễ thương? Làm thơ để
«cua trai, chim gái» hoặc «rên rỉ, ỉ ôi,
lời thôi tình cũ, ử rữ lưu vong» thì
nhiều người đọc, đàn hoàng, không
ưa. Ngay những người từng làm thơ
trữ tình, như Nguyễn Hữu Nhật, mà
cũng cứ năng nặc:

«Nếu không cho lửa vào thơ được.
Tôi sẽ cho thơ vào lửa ngay!»

Đâu dễ vậy? Đừng tưởng bở!
Chính nhà thơ Cung Vũ, thích thơ
thiền, sao vẫn kêu lên:

Cho vào lửa, lửa cho vào.
Thơ đầy nước mắt, lửa nào cháy cho?

Thơ trong nước bây giờ đã khác.
Ngay các chữ «làm thơ», «sáng tác thi
ca» cũng sớm đổi thay. Riêng nhà thơ
gạo cội Chế Lan Viên, dĩ nhiên lúc
chưa thác, còn gọi là «sân thơ»:

«Người làm thơ phải biết cách đánh
hơi
như kẻ đi săn...»

Bạn yêu hay không yêu thơ đều dư
biết, trong các cuộc đi săn, thứ biết
«đánh hơi» khó có thể là «kẻ đi săn».
«Kẻ» không phải là súc vật đại danh
từ ngôi thứ ba số ít. Tưởng nhà thơ Chế

Lan Viên, tức Phan Ngọc Hoan sinh năm 1920, gốc người Quảng Trị, lớn lên và đầu đời làm thơ tại Bình Định, đã về-với-Bác năm 1990, là tay chuyên «đi săn» thú dữ như Đảng, ai dè «kẻ đi săn» lại chỉ «đánh bẫy» những «câu thơ» hiền như nai, thích ra bờ suối ăn cỏ non và uống nước trong:

*Những câu thơ ẩn giữa rừng thú dữ
Làm cho hồn anh thành suối trong, tơ
mỡn cỏ*

Câu thơ về ăn, mắc bẫy một lần.

Chế Lan Viên
1988

Suốt một thời dài, các nhà thơ «không biết đánh hơi», trên mặt trận văn hóa Đỏ ngoài Bắc, đều chết hoặc sống dở, chết dở với ông Trùm Văn Nghệ Tố Hữu:

ĐẢNG

*Giết! Giết nữa bàn tay không phút nghỉ
Cho ruộng đồng lúa tốt, thuế mau
xong
Cho Đảng bền lâu cùng rập bước tơ
lòng
Thờ Mao Chủ Tịch, thờ Xít-Ta-Lin
bất diệt!*

Súng trên tay. Thơ ngoài cửa miệng. Miệng người và nòng súng là nhau. Giết! Giết nữa! Để làm gì? Thu thuế cho Đảng bền lâu! Bền lâu để làm gì? Để thờ Mao Trạch Đông và Sơn Đại Lâm, tức Xít Ta Lin. Hết!

Hay như của nhà thơ Xuân Diệu, 1916-1985, họ Ngô. Sau thời «gửi hương cho gió»:

ĐẤU

*Địa hào đối lập ra tro
Lung chừng phản động đến giờ tan
xương
Thấp được cho sáng khắp đường
Thấp được cho sáng đình làng hôm nay
Lời cổ bọn nó ra đây
Bắt quỳ gục xuống dọa đây mới thôi*

Đường mà vằn với làng. Thơ rất

đường làng. Đến chết thôi! Ngoài Bắc, dân cứ đông lên, đất cứ chật ra. Dăm ba mẫu ruộng cũng gọi là địa chủ. Tới nỗi phải «gục xuống dọa đây mới thôi» thì quả thật thơ không hiền. Nhưng đây lại là một thông điệp ngàn đời kín đáo, riêng gửi quý anh chị em ta hòa hợp hòa giải, rằng: Đứng giữa cũng là «lung chừng phản động đến giờ tan xương».

Tùy thời với cảnh, người hay ngợm mà cách tan xương nặng, nhẹ khác nhau. Vẫn là điểm mặt, đặt tên, theo thơ Hoàng Lộc (1920-1949), dùng lộn với nhà thơ Hoàng Lộc hiện ở Mỹ, là:

ĐẤU?

*Đứa nào bắn anh đó
Súng nào nhắm trúng anh
Khôn thiêng xin chỉ mặt
Gọi tên nó ra anh!
Tên nó là đế quốc
Tên nó là thực dân
Nó là thằng thổ phi
Hay là đứa Việt gian...*

Nhưng nhà thơ nổi tiếng Nguyễn Đình Thi sinh năm 1924, người tình một thoáng của nhà văn Dương Thu Hương, ngay năm 1958 đã nói về những người «dân di cư» vào miền Nam Tự Do, như sau:

*Đói nghèo nên phải chia ly
xót xa lòng kẻ rời quê lên đường»*

Ly mà vằn với quê? Vậy mà thơ khá tinh quái và chính trị rất tinh ranh. Đảng dùng nhưng khinh kẻ «chống Cộng». Giết mà sợ người «chống Cộng». Song, tất cả chỉ là bọn «đói nghèo» hoặc «quân lưu manh, phường điếm, lũ Việt gian, phản động». Khúc ruột ngoài ngàn dặm ư? Ruột dư ấy mà!

Vừa đây, nhà thơ Nguyễn Đình Thi kiêm nhà văn, tác giả cuốn *Con Nai Đen*, lại «đi săn» được một bài thơ bất hủ sau đây, chưa hề đăng báo và in thành sách, nói về «thơ chúng ông» và «thơ chúng nó»:

THƠ MA-ĐĂNG*

Thơ chúng ông rất ma-đăng

*nói về chúng nó toàn thẳng với con
Thơ chúng ông súng nổ ròn
tan xác chúng nó vẫn còn ngẩn ngơ
Thơ chúng nó lơ tơ mơ
tối tăm chữ nghĩa, phát phơ ý tình
Thơ chúng nó tục thành tình
cắm đầu vào cái cửa mình thối tha
Nói gần thôi lại nói xa
chẳng qua nói thật hết ra cho rồi
Thơ chúng ông đứng hay ngồi
vẫn chắc tay súng sẵn mũi, đánh hơi
Thơ chúng nó rất hột hời
ngồi chơi xơi nước rồi khời ngón tay
Vào cò, nhưng súng lạ thay,
những gán với thịt bầy nhầy, gớm ghê
Thơ chúng nó xác ra đi
hồn còn lẩn thẩn quay về thở than
Nói dài nguồn gốc chết oan
thơ và cuộc sống hoàn toàn khác nhau
Chiều nơi đất khách thương đau
ráng sa đỏ mắt nhuộm màu lửa binh
Thơ chúng nó vẫn mặc tình
hạc vàng Thôi Hiệu, Hậu Đình khúc
hoa
Thơ chúng ông bắn mạnh ra
âm vang tiếng quỷ, lời ma gọi hồn
Giết! Rồi! Giết nữa! Máu tuôn!
trong thơ có thép, trong hồn có dao
Thơ chúng nó vốn tự hào
con phê, thẳng viết đứa nào cũng...
hâm.*

* Ma-đăng, âm Hán Việt của «modern», hiện đại, tân thời, tân kỳ, mới... Chữ của Bác dùng trong câu «Giám phòng kiến trúc đình ma-đăng». Tạm dịch là «Phòng giam xây theo kiểu rất mới!» S.K.

8.

Khẩu thần công hạng nặng của nền văn học Đỏ là ai? Tố Hữu, tức Nguyễn Kim Thành sinh năm 1920 tại Phù Lai, Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên. Trùng tên với vàng lá hiệu Kim Thành! Song, dân gian phân biệt vàng, thau khá rõ:

*Kim Thành thật, Kim Thành chơi
vàng y sẫm lấy, con người bỏ đi!
Miệng phân Mao-Xít đen xì
thắng Lành* nó nói cái gì cũng điều
Chỉ trừ có mỗi một điều
hồ giết là thật, giết nhiều hơn hồ!*

Có tài mà theo Bác Hồ
cũng thành ra loại Ma Cô điểm
đàng...

* Một trong những bí danh của nhà thơ
Tố Hữu.

Tuy vậy, khi được gặp mặt với
nhà thơ Tố Hữu, Sắc Không thấy ông
là một con người «khác với lời thiên
hạ đồn đại». Thật thà hơn! Không chỉ
vì hai câu:

*Thương cha, thương mẹ, thương
chồng,
thương mình, thương một, thương ông
thương mười...*

Theo «đức tính cổ truyền» trong
mỗi gia đình Việt Nam, «ông» phải ở
trên «cha mẹ», «cha mẹ» ở trên
«chồng», rồi mới tới «mình», tức Tố
Hữu phu nhân. Nhưng «ông» đây lại
là một «ông» Nga, rất cuồng dâm và
thậm hiếu sát, khiến phần lớn người
dân Nga tử tế đều kinh tởm. May, năm
nhà thơ Tố Hữu 13 tuổi, bà thân mẫu
của nhà thơ đã sớm lìa đời.

Nhưng nhà thơ Tố Hữu tỏ ra dễ
thương, ở chỗ: «Lâu nay, có nhiều anh
em coi tôi là một nhà thơ chuyên
nghề, tôi thấy không hẳn vậy, đối
với tôi hoạt động cách mạng và thơ đi
sóng đôi. Tôi coi làm thơ cũng là một
cách hoạt động cách mạng, một công
tác tuyên truyền.»

Thơ ông một mặt nào đó, vẫn thờ
cái làn hơi, điệu láy ca dao, dân gian
dễ hiểu:

NỖI NÍN VUNG GÀO

*Lệ cú rơi máu cú trào
vẫn không một mống nói vào, nói ra
Cả nước mất đảo Hoàng Sa
vẫn không một mống nói ra, nói vào
Lệ cú rơi máu cú trào
mất Hoàng Sa có đứa nào đòi dàu?
Nói thật chớ cũng còn lâu
lũ phản động mới góc đầu được lên...
Chúng ông làm cọp ngồi trên
phần lớn nhờ đám kên kên rĩa mồi...
Cùng bọn cầm bút làm bồi
thêm quân học rộng sóng đôi đứng*

*hầu...
Thỉnh thoảng dăm đứa lâu bầu
vớ va vớ vẩn không đầu khật khùng
Nghĩ cho tới cái tận cùng
mất nôi thì nín, mất vung thì gào...
Lệ cú rơi, máu cú trào
đăm đăm thánh thót, ào ào thánh thơi
thơ vẫn thần, vẽ vẫn vời
vẫn vẫn vẽ đấy, vẫn người ngòm đây
kịch vẫn côm, múa vẫn may
vẫn hát hồng nhạc, vẫn quay quắt
tình...*

Thế đấy! Có đúng là «thằng Lành
nó nói cái gì cũng điều» không? Chưa
chắc! Nhà thơ kiêm nhạc sĩ Nghiêu
Minh, tác giả ca khúc *Chợ Trống*, đã
chiếu sáng một sự thật đáng tin hơn:
«Đảng thắng lớn nhờ ba yếu tố: tình
báo, khùng bố và tuyên truyền». Riêng
về tuyên truyền, ông đã đặc biệt nhắc
nhở Sắc Không về một số lớn các nhà
xuất bản và các tiệm sách, ngay thời
Đảng mới dấy nghiệp, những năm 30,
đã giữ một vai trò then chốt. Bên cạnh
đó, cũng xin cảm ơn nhà thơ kiêm
Thiếu tướng Đặng Xuân Kỳ, con trai
nhà thơ Sóng Hồng Trường Chinh
Đặng Xuân Khu tự Khu Khếnh, về bài
thơ để đời dưới đây mà ông vừa gửi
cho mục Chém Đá:

SÁCH NHIỀU VÀ BÁO HẠI

*Mặt Trận Bình Dân Pháp
vừa lên nắm chính quyền
Mặt Trận Dân Chủ vội
do Đảng để ra liền
Bề ngoài không Cộng Sản
tổ chức càng mạnh thêm
Chỉ bàn về dân chủ
tránh nói chuyện Búa Liềm
Đẩy mạnh việc ra báo
lấn sách vở tuyên truyền
Notre Voix (Tiếng Nói)
nghe ra rất dịu hiền
Lại thêm tờ Nhân Lúa,
Tin Túc, Dân chào đời
Truyền đơn như bướm bướm
tung ra khắp mọi nơi
Từ hiệu sách Hương Giang
Hải Triều* nắm hàng dọc
Tới hiệu sách Thuận Hóa
Lê Duẩn dàn hàng ngang*

*Phan Đăng Lưu điều khiển
tờ Dân báo xông lên
trên mặt trận trí vận
văn nghệ theo như diên
Trước sau vẫn chiêu thức
Nơi Đảng nắm chính quyền
Cấm tự do báo chí,
sách vở và nhà in
Chỗ nào chưa chiếm được
Đảng ra sức tung tiền
In sách báo trước tiên
cùng giăng lưới tình báo
Sách báo và tình báo,
hai mặt một đồng tiền
Hiệu sách, nhà xuất bản
dính chặt lấy nhau liền
Giờ đây ở ngoài nước
báo như nấm mọc lên
Một Mặt Trận Dân Chủ,
trăm, ngàn đứa đảo diên
Nhà xuất bản đủ loại
còn thêm cả hãng tin
Biểu không cho các báo,
thứ bánh kẹo gài mìn
Bọn Quốc Gia Dân Tộc
bao giờ bớt ngày thơ
Sẽ không còn kêu ngạo
khinh bỉ Đảng i tờ
Thời nào cũng tháo chạy
thoát thân lại viễn mơ
Mình giỏi hơn bọn Vẹm
nhất định sẽ phất cờ
Trong trăm đứa dzông lệ
Đảng gài vào một tên
Bám theo cùng ty nạn
chờ cơ hội vùng lên...
Bìm leo vì giàu đồ
quả hái nhờ cành vịn
Con dê đực không để
nói mãi có kẻ tin
Tin rồi sẽ tin mãi,
mãi mãi một niềm tin
Tin tới ngày xuống lỗ
lỗ đầy ắp niềm tin
Tố Hữu năm mười sáu
đã vào Đoàn Thanh Niên
đỏ chói cờ Dân Chủ
do sách báo tuyên truyền
Nay Hương Giang, Thuận Hóa
bao hiệu sách đổi tên
Làm loạn ở ngoài nước
trong nước vẫn bình yên
Hai chục vạn mặt vụ,
công an giữ chính quyền*

Thêm một triệu lính tráng
đầu óc bị thôi miên...
Báo chí ở trong nước
đồng ý, toàn truyền đơn!
Báo chí ở ngoài nước
quảng cáo, tốt gì hơn?
Quảng cáo cả truyền đơn
có nghĩa là cái chết
Tự mình đào mồ chôn
bằng sách nhiễu, báo hại...

* Hải Triều, lý thuyết gia của Đông
Dương Cộng Sản Đảng, thập niên 30.

9.

Sách nhiễu và báo hại? Sách nhiễu
dân và báo hại nước! «Cũng là con
người với nhau sống ở trên trời đất,
công lao bác mẹ sinh ra, nuôi nấng
dùm bọc, nâng như nâng trứng hứng
như hứng hoa... Sao lớn lên, cùng
trong một nước, mà kẻ này lại lộng
quyền, tha hồ dầy dọa bao người
khác? Tính mọi rợ dã man ấy phải
được chấm dứt. Càng sớm càng tốt.»

Câu nói trên trích từ nhật ký của
cô Phượng, hăm tám tuổi, giáo sư Việt
Văn. Một trong những người học trò
của cô, Tuấn Nhí 16 tuổi bị tù ở trại
Thanh Cẩm, xã Cẩm Thành, huyện
Cẩm Thủy tỉnh Thanh Hóa năm 1980-
1982, đã kể rằng:

«Em chưa thấy thơ ai mà được
nhiều người thuộc như hai câu - «Dép
quai râu dẫm nát đời son trẻ. Mũ tai
bèo che khuất nẻo tương lai» - của cô
giáo Phượng. Cô em còn bị kết tội đã
cho mấy đứa học trò chúng em mượn
lớp học để - «âm mưu lật đổ chính
quyền» - Sự thật, Cô chỉ làm lơ cho
chúng em gỡ hình «Hồ Chủ Tịch» treo
trên tường xuống. Đặt trên một cái
ghế. Chúng em bày trò chơi xử án - tên
Việt gian phản quốc Nguyễn Tất
Thành, bí danh Hồ Chí Minh - khá
ngghiêm túc. Rất dân chủ. Cũng đủ cả
chánh án, công tố viên và luật sư. Bản
án cũng nhẹ thôi: tước đoạt vĩnh viễn
quyền làm người Việt Nam!...»

Trò chơi ư? Không! Phải nói là
một phiên tòa lịch sử. Vinh danh tuổi
trẻ Việt Nam! Cảm ơn những người
học trò của cô giáo Phượng. Tháng 6
năm 1975, cha mẹ, họ hàng ly tán,

người thương vào trại tập trung, cô
giáo Phượng làm thơ và viết nhật ký.
Cô không sáng tác, những gì viết ra
chỉ là ghi lại bao cảnh đời tối tăm,
quanh cô. Nhờ thế, thơ vẫn tuy truyền
miệng, trao tay mà vẫn sống mãi. Bây
giờ Cô ở đâu, thưa cô giáo Phượng,
còn hay mất? Sống, chết nào có nghĩa
gì: Chúng tôi may mắn còn tới giờ
này, cũng nhờ bao công lao của những
người đã đứng lên, nằm xuống cho Tự
Do và vì Sự Thật. Đâu đó, không lúc
nào nguôi, những tâm hồn Việt Nam
vẫn soi sáng ngọn lửa Niềm Tin và
Tình Người. Riêng Sắc Không, tạ ơn
Cô, thưa cô giáo Phượng! Xin phép
gửi tới Cô mấy dòng thơ của một

người mà Tuấn Nhí đã đọc cho Sắc
Không nghe. Rất tiếc, lâu quá rồi,
chẳng còn nhớ tên tác giả:

«... Cô vào lớp dạy học trò
vẫn chương trong sáng dạy cho yêu
người
Ngoài cửa sổ là cuộc đời
thế cô có dạy khi cười lại đau
Đêm năm mộng mới gặp nhau
bể đôi viên phấn ngày sầu dài thêm
Lặng chân xa gió bên thềm
phòng riêng nổi lạnh cùng đêm âm
thầm
Giường im chấn gối lặng cầm
Cửa khuya không khóa vẫn không
người về...»



kiếm chồng ngoại quốc

Thuở tao loạn viễn chinh Pháp Mỹ
Khách má hồng hệ lụy cũng nhiều
Nhưng nay thời thế đổi chiều
"Tự do độc lập" sao liều tẩm thán?

Chị nhắm mắt đưa chân Đài Bắc
Em cúi đầu tay bắt Ma Cao.
Thân em như tấm lụa đào
Tắm rơi chồng dỏm, tắm vào lầu xanh
Đồng đô-la trở thành thiết yếu
Hay nước ta trai thiếu gái thừa
Đua đòi hư hỏng lọc lừa
Không hy vọng, chẳng ước mơ dèo bòng
Đành đăng ký kiếm chồng ngoại quốc
Trao cuộc đời người mất tạt mang.

Việt Nam đâu buổi huy hoàng
Việt Nam bi thảm đoạn trường là đây!

nam chi thương nhân

nhận được, giới-thiệu



Ở nơi nào cũng có tình-yêu

Tác-phẩm thứ nhì của Ngô Tịnh Yên, tủ sách Văn-học Nhân-Chứng xuất-bản tại Hoa-kỳ năm 1994; với nhạc-phổ của Trần Duy Đức, Vũ Thành An, phụ-bản của Châu và Ngô; Du Tử Lê viết bạt.

Ngô Tịnh Yên tên thật Ngô Thị Tuyết Trinh, sinh quán Sài-gòn, hiện hoạt-động trong Trung-tâm Văn Bút VN Nam California.

Tập thơ gồm ba phần: Thơ nơi quê nhà, *Giấc mơ màu lửa cháy*; Thơ nơi quê tạm, *Giấc mơ màu tro tàn* và Thơ nơi quê người, *Giấc mơ màu cầu vồng*.

Như tựa chung của tập thơ, Ngô Tịnh Yên viết về cuộc đời, cuộc tình và những giấc mơ. Điểm hẹn trong thơ của Ngô Tịnh Yên là một sự gắn bó:

*Mưa trong nắng
Nắng trong mưa
Mầm hoa trong cỏ cũng vừa thụ thai.
Mây trong gió
Gió trong mây
Tình yêu trong mắt cũng đầy nhớ thương.
Sương trong lá...*

Điểm hẹn đó ẩn hiện bên trong màn lửa, dưới lớp tro than hay lãng-đăng bên kia chiếc cầu vồng. Nên, thơ như một tiếng than, âm vang ngân

dài trên những trang giấy...

Tập thơ dày 118 trang giá 10 mỹ-kim. Liên-lạc: Ngô Tịnh Yên, 15355 Brookhurst St., Suite 219, Westminster, CA 92683, USA.

Lãng-mạn năm 2000

Tác-phẩm thứ ba của Ngô Tịnh Yên, Đời xuất-bản tại Hoa-kỳ năm 1996, Nguyên Sa đề tựa, Ngọc Anh viết bạt, bìa Đình Cường, phụ-bản của Châu, Ngô, Đỗ Trung Quân, Nguyễn Hải, thư họa Vũ Hối.

Thơ, vẫn là những lời buồn chia biệt, là không gian cách trở, là khói hương cỗi tạm:

*Tôi buồn
buồn sống - buồn cảm
Trăng không đốt nến sao trầm hương bay?
hay
Qua sông
là chuyến đò ngang
Qua năm
là giấc kê vàng tan mau
Qua đường
là chẳng nhìn nhau
Qua tình
là tới niềm đau không cùng.*

Ngô Tịnh Yên sắc nét trong thể lục bát, cất vụn thành thơ tự-do. Hình-thức bổ-sung cho ý-tứ. Thơ, là mặt khác của chia-lìa:

*Củi ngo còn nhóm bếp than
Lòng tôi ai chế những tàn tro*

bay!..

Tập thơ dày 96 trang giá 10 mỹ-kim. Liên-lạc: Ngô Tịnh Yên, 15355 Brookhurst St., Suite 219, Westminster, CA 92683, USA.

Tiếng Sông Hương Kỷ-niệm 100 trường Quốc-học (1886-1996)

Một công-trình lớn của tập-san *Tiếng Sông Hương* do Phương Anh Trang (tức nhà văn Nguyễn Hương Nguyễn Cúc, Dallas) chủ-trương, xuất-bản tại Hoa-kỳ năm 1996.

Với 254 trang khổ lớn (bằng khổ báo Làng Văn), in giấy trắng, đóng gáy, trình-bày trang-nhã, *Tiếng Sông Hương* chứa-đựng rất nhiều tài-liệu, hình-ảnh, ký-họa, sơ-đồ và các bài viết giá-trị về một ngôi trường đã đào-tạo nên nhiều nhân-vật lịch-sử, nằm ngay trong lòng cố-đô Huế.

Mở đầu là *Đế đô kỳ diệu*, bài viết của Linh-mục L. Cadière, bản dịch của Diên Chi, đề-cập tất cả những gì "người ngoài" hiểu biết về Huế, từ ngoại cảnh địa-lý đến thế-giới tâm-linh.

Kế tiếp, Phương Anh Trang viết về *Quốc-tử giám*, một ngôi trường khác tại Huế, được xây dựng trước Quốc-học 94 năm.

Bài thứ ba của Nguyễn Hương Nguyễn Cúc, viết về trường Quốc-học với nhiều hình-ảnh, sắc dụ, đồ họa và niên-lịch.

Tiếp theo là các bài viết của Đoàn Khoách, Nguyễn Huy Bảo, Bùi Bích Hà, Nguyễn Thúc Hào, Hoàng Nguyễn, Nguyễn Hữu Hoàng, Lê Thanh Cảnh, Louis Malleret, Tôn-thất Sa, Hoàng Trọng Can, Nguyễn Tấn Cửu, Nguyễn Đức Đơn, Phạm Quy, Diên Chi, Võ Long Tê, Lê Đình Phu, Phạm Xuân Đài, P. Heinz, Nguyễn Văn Hai, Nguyễn Ký, Tôn-thất Uẩn, Hoàng Toại, Hà Vĩnh Phương, Vĩnh Tiên, Võ Hương An, Đặng Hữu Thụ, Ứng Trình (Bửu Châu dịch), Tôn-thất Đệ, Tôn-thất Trình, Phan Thụy Dung, Nam Phong, Hoàng Tuế, Nguyễn Hy Vọng, Thái Văn Kiểm, Vi-Lô, Phan Thanh Hy, Tạ

Quang Bửu, Phạm Đăng Sum, Nguyễn Khoa Huân, Hoàng Tâm, Vĩnh-Tráng, Nguyễn-Hữu Thứ, Nguyễn Văn Vĩnh, Dã Oanh, Phan Văn Thính, Tôn-thất Thiện, Võ Thu Tịnh, Đàm Trung Pháp, Huỳnh Hữu Ủy, Dư Phước Luyến, Thân Trường Sơn, Nguyễn Phước, NYM và Lê Mộng Nguyên.

Quý độc-giả, nhất là cựu học-sinh Quốc học nên có tập sách này trong tủ sách gia-đình. Xin gửi 15 mỹ-kim (gồm cả cước-phí) về: Nguyễn Cúc, 10602 Stone Canyon, Suite 111, Dallas, TX 75230, USA.

Trung-kỳ dân biến

Tài-liệu lịch-sử của Trần Gia Phụng, tác-giả xuất-bản tại Gia-nã-đại năm 1996.

Trung-kỳ dân biến là phong-trào quần-chúng nổi dậy chống thuế, do Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng và Phan Chu Trinh phát-khởi từ Quảng-nam và lan rộng khắp miền Trung từ tháng 3.1908.

Tập sách trình-bày chi-tiết về địa-lý (Trung-kỳ), chế-độ thuế-khoá, sưu-dịch của Pháp tại miền Trung, phong-trào Duy-tân cùng các nhân-vật lịch-sử Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Phan Bá Ngọc (con Phan Đình Phùng), Cường Để, Nguyễn Lộ Trạch, Nguyễn Hàm, Trần Cao Vân, v.v. Cuối cùng là nguyên-nhân, diễn-tiến và sự đàn-áp của Pháp.

Sách dày 190 trang, giá \$12.00 Liên-lạc: Trần Gia Phụng, 69 Mc. Farland Ave., Toronto, Ontario M6H 3M9, Canada.

Kim Các Tự

Nguyên-tác *Kinkakuji* của Mishima Yukio, do Tân-trào Văn-khố xuất-bản tại Đông-kinh, Nhật-bản năm 1960. Đỗ Khánh Hoan và Nguyễn Tường Minh dịch ra Việt-văn, nhà An Tiêm xuất-bản tại Sài-gòn năm 1970; nhà Ba Vì (của Đỗ Khánh Hoan) tái-bản lần thứ nhất tại Gia-nã-đại năm 1993.

Kim-các tự kể chuyện một chú

tiểu diên khùng đã châm lửa thiêu rụi ngôi chùa Kim Các năm 1950. Mishima khai-triển nguyên-động-lực thúc-đẩy chú tiểu đi tới hành-động phủ-định, tịch-diệt đối với một giá-trị truyền-thống của quốc-gia và tôn-giáo. Tác-giả sử-dụng kỹ-thuật kể chuyện quen-thuộc của dân-tộc ông, dùng dữ-kiện lịch-sử để dựng truyện, uốn nắn tình-tiết, diễn-biến nội-tâm của nhân-vật để dẫn vào mạch truyện.

Sách dày 346 trang giá 16\$. Liên-lạc: Ba Vì, 105 Lavery Trail, Scarborough, Ontario M1C 4Z2, Canada.

Phía bên kia mặt trời

Tập truyện thứ ba của Hàn Song Tường, tranh bìa của Nguyễn Quỳnh, phụ-bản của Nguyễn và Hiếu Quân, Bình Minh xuất-bản tại Hoa-kỳ năm 1995.

Hàn Song Tường tên thật Nguyễn Thị Minh Tâm, quê Hải Dương, vào Nam năm 4 tuổi, hiện hoạt-động trong Trung-tâm Văn Bút VN Nam Hoa-kỳ.

Phía bên kia mặt trời có mười truyện ngắn ghi nhận những mảnh đời và tâm-tình của xã-hội mà tác-giả có mặt, bút-pháp giản-dị, tình-cảm chất-chứa.

Sách dày 168 trang giá 10 mỹ-

kim. Liên-lạc: Bình Minh, P.O. Box 801471, Houston, Texas 77280-1471, USA.

Quê-hương và người tình

Tập thơ của Lê Thị Ý, bìa Kim Oanh, nhạc phổ Lê Ngọc Chân, Bắc Hà xuất-bản tại Hoa-kỳ năm 1992.

Lê Thị Ý là bào muội nhà thơ Vương Đức Lệ (Lê Đức Vương), hiện hoạt-động trong Văn Bút Việt-Nam Hải-Ngoại (Thủ-quỹ Ban Chấp-hành). Thơ của bà dịu-dàng, trong sáng, trang-trọng gói-ghém những hạnh-phúc bình-thường của cuộc sống, thứ hạnh-phúc mà rất ít người nhìn thấy và cảm-nhận:

*Hai điều làm cho em vui
Làm thơ và giấc ngủ vùi bên anh.
Trong thơ Lê Thị Ý có nỗi cô-đơn:
Không có nến hồng, tôi đốt tôi
Bao năm ru giấc ngủ cho đời
Bây giờ đôi mắt mình mong khép
Lệ tủi lưng trông, thế-sự ời.*
(Sinh nhật)

và lạc-lỡng:

*Người đi mong dựng tương lai
Người về tóc trắng lạc loài phố
khuya!*

Tập thơ dày 72 trang, giá 8 mỹ-kim. Liên-lạc: Bích Thu, 11525 Dragonfire Way, Germantown, MD 20876, USA.



lệ làng:

MUA BÁO DÀI HẠN nhanh . rẻ . nhiều quyền-lợi khác

Độc-giả mua báo dài hạn nhận báo gửi về tận nhà, được bớt từ 10% đến 25% khi mua sách do *Làng Văn* phát-hành.

Xin điền phiếu mua báo, gửi kèm ngân-phiếu hoặc bưu-phiếu về tòa-soạn tại Gia-nã-dại (Canada).

Độc-giả tại Gia-nã-dại, Hoa-kỳ và Anh-quốc có thể trả bằng chi-phiếu (cheque/check) cá-nhân, gửi về tòa-soạn Gia-nã-dại.

Độc-giả tại các nước khác xin trả bằng bưu-phiếu mua tại bưu-điện, hoặc ngân-phiếu mua tại ngân-hàng. Cũng có thể trả bằng chi-phiếu cá-nhân theo giá tiền địa-phương, gửi về văn-phòng Làng Văn địa-phương (xem danh-sách địa-chỉ dưới đây).

GIÁ BÁO DÀI HẠN

(một năm 12 số, kể cả báo Xuân)

Báo gửi trong Gia-nã-dại:

đường hàng không: 75 gia-kim
đường bộ: 55 gia-kim

Gửi đi Hoa-kỳ: đường hàng không: 75 mỹ-kim (105 GK)
đường bộ: 55 mỹ-kim (77 GK)

Các nước khác: đường hàng-không: 85 mỹ-kim (120GK)
đường thủy: 55 mỹ-kim (77 GK)

Ghi-chú:

- GK: gia-kim: CA\$ (tiền Gia-nã-dại); mỹ-kim: US\$ (tiền Mỹ)

- Nếu trả bằng chi-phiếu / tiền địa-phương, xin theo giá:

Anh: đường thủy 38 bảng / hàng-không 65 bảng.
Đan-mạch: đường thủy 450 đan-kim / hàng không 600 đ-kim
Đức: đường thủy 100 đức mã / hàng không 150 đ-mã.
Hòa-lan: đường thủy 110 gulden / hàng-không 200 gulden.
Na-uy: đường thủy 450 krone / hàng-không 600 krone.
Nhật-bản: đường thủy 6500 yen / hàng-không 11000 yen
Pháp: đường thủy 350 quan / hàng-không 550 quan.
Úc: đường thủy 80 úc-kim / hàng-không 120 úc kim.

Dù đang cư-ngụ tại bất cứ quốc-gia nào, quý độc-giả đều có thể gửi thẳng chi-phiếu bằng tiền địa-phương về tòa-soạn Làng Văn tại Gia-nã-dại. Xin đề trả cho: "Mr. NGUYEN"

Quý vị cũng có thể gửi về các văn-phòng đại-diện tại quốc-gia bạn cư-trú, theo các địa-chỉ kể sau:

Đức: Dr. Ngô Việt Dũng Postfach 104122 44041 Dortmund (ĐT: 656-949)	Na-uy: Dương Kim Bjorn Bodesvei 153 1253 Oslo (ĐT: 9288-8393)	Hòa-lan: Hồ Thị Chiến Lyster 77 1628 Am-Hoorn-NH (ĐT: 0229-231-666)	Úc: Phạm Quang Ngọc P.O. Box 225 Bonnyrigg, NSW 2177 (ĐT: 02-9823-6129)
--	--	--	--

Quý vị sẽ nhận được số báo đầu-tiên trong vòng 4 tuần (nếu mua báo gửi bằng máy bay) hoặc 12 tuần (nếu mua báo gửi bằng đường thủy) sau ngày tòa-soạn nhận được chi-phiếu. Sau thời-hạn này, nếu chưa nhận được, xin thông-báo cho tòa-soạn biết để xem lại.

Mỗi độc-giả sẽ có một mã-số riêng, in ở hàng đầu trên nhãn địa-chỉ của bạn ngoài phong-bì gửi báo. Xin vui lòng cắt nhãn này để dành. Khi cần giao-dịch với tòa-soạn (khiếu-nại, mua sách, gia-hạn báo, đổi địa-chỉ, v.v.), xin gửi kèm mã-số để tránh nhầm lẫn. Mã-số này gồm ba nhóm số và chữ. Nhóm thứ nhất là mã-số riêng, không bao giờ thay-đổi. Nhóm thứ hai là hạn báo của quý vị, ghi số báo chót sẽ nhận được. Nhóm chữ cuối cùng (nếu có), là cách gửi báo (máy bay, đường bộ...).

Quý độc-giả mới, hoặc vừa tái hạn, trong vòng 90 ngày, xin vui lòng kiểm-soát lại nhóm số thứ hai (hạn báo). Nếu thấy không đúng với con số do quý vị tính, xin thông-báo ngay cho tòa-soạn.

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ, tên đệm, tên:

Địa chỉ:

mua.....năm; từ số.....; kèm chi-phiếu:.....\$

Ngân, chi-phiếu xin để và gửi về:

"LÀNG VĂN"

P.O. Box 218, Station "U", Toronto, Ontario M8Z 5P1, Canada

PHIẾU TẶNG BÁO

Tôi muốn mua.....năm báo, kể từ số.....

để tặng cho:

Địa-chỉ:

Xin đề: "Do.....tặng

kèm theo ngân, chi-phiếu:.....\$

Lưu ý: Khi đổi địa-chỉ, xin quý độc-giả vui lòng báo trước cho tòa-soạn biết. Dùng phiếu đổi địa-chỉ in ngoài phong bì gửi báo; hoặc ghi rõ: tên người mua báo, mã-số và địa-chỉ cũ kèm theo địa-chỉ mới. Tòa-soạn không gửi bù các số báo bị trả lại.

BÀI VỎ

1. Bài gửi đăng có thể viết trên hai mặt giấy, nếu trong hoàn-cảnh khó-khăn. Nếu viết bằng máy vi-tính IBM hoặc tương-đương, xin vui lòng gửi đĩa bài về tòa-soạn, và cho biết loại Việt-chương (VNI, VPS hoặc VNU). Tòa-soạn dùng chữ Việt của hãng VNU (và WinWord).

2. Tòa-soạn không hoàn lại bản-thảo, dù kèm tem, xin quý tác-giả vui lòng sao giữ lại.

3. Ngoại-trừ các bài có tính-cách tin-tức, thời-sự tòa-soạn cần phổ-biến rộng, *Làng Văn* tránh không đăng bài trùng.

Bài gửi riêng cho *Làng Văn*, xin ghi chữ "riêng" ở góc trái, phía trên đầu bài.

4. Nếu không cho phép tòa-soạn nhuận-sắc, xin ghi thêm các chữ "không sửa".

5. Bài đã ghi vào cột "sẽ đăng", muốn gửi cho báo khác, xin vui lòng báo trước.

6. Bài đã đăng trên *Làng Văn*, sau ba tháng, tác-giả có thể gửi đăng lại trên các báo khác.

7. Các bài đã đăng trên *Làng Văn*, tòa-soạn sẽ chọn và phân loại để in sách. Nếu tác-giả cần giữ lại cho sách riêng, hoặc giao cho các nhà xuất-bản khác, xin thông-báo cho tòa-soạn để tránh in trùng. Khi in sách, tòa-soạn sẽ trả nhuận bút và tặng sách.

8. Quý đồng-nghiep muốn trích đăng lại, xin vui lòng báo trước và chờ sự thỏa-thuận bằng thư. Bài trích đăng, xin ghi rõ các chữ: (*Làng Văn* số...) ngay bên dưới tên tác-giả hoặc ở cuối bài.

thư đi tin lại

NGUYỄN HƯƠNG
phụ-trách

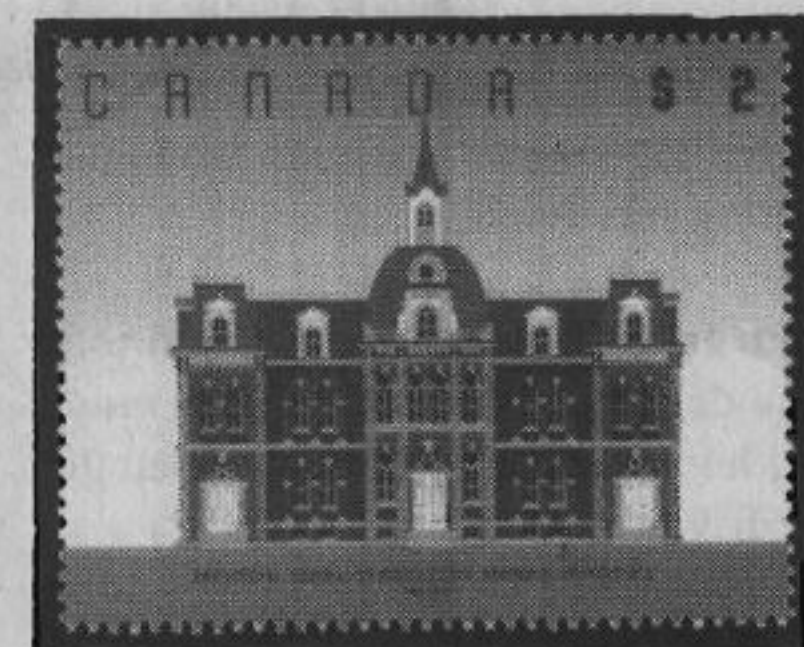
Bà Hạ Lan, BC: Cảm ơn bà đã khích lệ và góp ý. Về vấn đề bà nêu ra, NH có cái nhìn khác. NH không coi “cái giống” trong thơ văn trào phúng là điều cấm kỵ. Nếu phải lược bỏ, tất nhiên phải loại ra hàng ngàn câu ca dao, câu đố dân gian, tục ngữ... đã nhắc tới, hay mượn “cái giống” để diễn tả một ý khác. Phải loại hết thơ Hồ Xuân Hương, một số bài của Tú Xương, và gần đây, loại luôn thơ “Bút Tre” cùng tác phẩm của các nhà thơ xám, thơ chưa hiện đại. Ngoài ra, phần lớn tác phẩm của Bùi Giáng, Nguyễn Đức Sơn... đều bị chôn sống. Loại hết, thì thật là thiệt thòi cho văn chương bình dân, mà loại cái này, giữ cái kia, thì lấy ai làm phán quan để lượng định?

Cái giới hạn mà *Làng Văn* vạch ra là “ý tục lời thanh”, giữ được như vậy là quý rồi. Tất nhiên có một số bạn đọc vẫn không thích, đọc tới đó xin lật qua trang vậy. Xem như đi ăn cỗ, không nhất thiết phải “hợp khẩu” tất cả mọi thứ! Kính.

Ông Trần Bá Phước, Hampton: Xin cảm ơn chân tình của gia đình ông. Cháu đã lớn mà còn “rụt rè với cô NH”, như vậy không nên. Cháu đọc và viết thạo chữ Việt là điều đáng mừng.

NH xin tôn trọng ý ông “không sửa”, dù biết rằng như vậy rất thiệt thòi cho một người viết mới, nhiều khi chỉ vì một vài lỗi chính tả hoặc kỹ thuật lật vật mà bài bị loại.

Để đáp lại thịnh tình của ông, NH xin góp ý với cháu về nội dung: cố gắng tránh đi vào cực đoan. Tự hào



dân tộc: tốt, nhưng nên đặt nó đúng chỗ, đúng việc, tập nhìn thấy ưu điểm của người để bổ sung cho khuyết điểm của mình. Nên khoan dung và từ tốn tìm hiểu lý do của sự việc; như tại sao một số người Việt chối bỏ nguồn gốc, ngôn ngữ của mình chẳng hạn, tất nhiên không hẳn chỉ đơn thuần là vì dân mình nghèo, nước mình khổ.

Về truyện, nên đào sâu tâm lý nhân vật, trải rộng bối cảnh sinh hoạt; đó là những yếu tố để phát triển cá tính của một ngôi bút. Kính.

Nguyệt Cầm, BC: Truyện nhiều tính thiện và cảm xúc, hơi tiếc về mặt kỹ thuật. Nguyệt Cầm phải đền công bội hậu cho NH về việc “lên giấy” đấy! Thân.

Thi sĩ Vạn Lam, Montréal: Cảm ơn ông về sự thấu hiểu, và xin cứ theo cách xưng hô ấy mà gọi nhau (ông gọi NH, Bép Mập là *anh chị*, NH tiếp tục gọi ông bà). Cũng là thói quen cả, sự tâm đắc đi xa hơn những lời nói theo gió bay đi.

NH đồng ý với ông, khắc kỷ nên là nét sống của mỗi người, nhất là đối với những người có trách nhiệm với nhiều người khác. Cái kết quả sau cùng bao giờ cũng là phần thưởng lớn nhất của đời người, nếu như mình làm được một điều lành nào đó cho tha nhân. Cảm ơn ông.

Họa sĩ Vi-Vi, San Diego: Tưởng đi đâu biệt tăm, hóa ra lại về thành phố dưỡng già. Đã nhận được tin. Giữ liên lạc đều. Chúc mọi sự như ý. Thân.

Ông Phan Nguyễn Minh Minh, Pháp: Đã nhận được bài mới, rất lý thú. Chúc ông mọi sự tốt đẹp. Kính.

Thi sĩ Trần La Bình, Thái Lan: Nhận được thư ông, rất thương tâm trước nghịch cảnh mà Cao Ủy LHQ Đặc Trách (Đàn Áp) Người Tị Nạn gây ra. Nếu chẳng may bị giải về Việt Nam, xin ông gắng giữ mối liên lạc như các bạn thơ văn khác. Kính.

K. Phương, Thụy Sĩ: Đã gửi *Na Uy* và *tôi* theo địa chỉ Phương cho. Vẫn không hiểu hai lần trước lạc cách nào. Hay Phương quên ghi tên quốc gia người nhận? Mong lần này nó đi đến nơi về đến chốn. Thân.

Thi sĩ Phạm Thành Tín, Lowell: Đã nhận được ba bài thơ, cảm ơn ông. Chúc mừng ông đã rời đất dữ. Kính.

Gã Tư Mã, Đan Mạch: Cảm ơn ông đã để ý chăm sóc việc làng. Đã thông tin theo yêu cầu, và sẽ “coi mắt” các “nàng” do ông giới thiệu. Kính.

Ông Tâm Thanh, Na Uy: Đã nhận được bản sửa. Chắc sẽ có cách đọc được đĩa “MacIntosh”, sắp qua thiên kỷ III rồi mà! Kính.

Sương Mai, San Jose: Đã nhận được bài thơ “làm quen.” Mong sẽ kết thân luôn.

Ông Vũ Đức Long, Hoa-kỳ: Mã số của ông Đặng Đình Giai là 3661, đến số 148 là hết. Kính.

Nguyễn Tất Thắng, Sikiew: Đọc thư anh mời biết “em gái Sikiew” của NH đã bị giải về Việt-nam. Thật thê-thảm! Có gửi thư về nhà, xin anh tìm hộ cho địa chỉ mới của T., mong giúp được gì nhau chăng. Xin đa tạ.

Vũ Minh Tâm, London: Chúc mừng anh đã đến được đất lành, sau nhiều năm lặn dạn tại Thái Lan

Anh có thể liên lạc với thi sĩ Huy Lực Bùi Tiên Khôi qua địa chỉ: P.O Box 720236 Houston, TX 77272,

USA.

Tác giả có thơ đăng, sẽ được tặng kỳ báo có bài thơ, nếu trên bản thảo bài thơ có ghi sẵn địa chỉ.

Thi sĩ Hoài Việt, Pháp: Bếp xin ghi nhớ tất cả những điều ông dặn, và sẽ cố gắng hết sức. Chưa biết lo được đến đâu, hiện tại phải tiếp viện nhiều nơi quá! Hứa hết lòng để đáp tạ sự giúp đỡ của ông bấy lâu nay. Kính.

Ông Phan Tấn Thiện, Toronto: Đã chuyển thư ông cho nữ sĩ Diên Khánh. Cảm ơn ông đã quan tâm. Kính.

Ông Phạm Gia Thắng, Nhật: Muốn "xem thử" Làng Văn xin ông vui lòng đến thư viện công cộng trong vùng Kawaski-Shi. Muốn nhận báo gửi tận nhà, xin gửi 5 mỹ kim (đường thủy), hoặc 10 mỹ-kim (máy bay) cho một số. Kính.

Thi sĩ Đan Hà, Úc: Càng buồn hơn khi biết tin Nguyễn Duy Tâm đã đi Kinh tế mới sau khi bị Nam Dương giải về VN, dù bố mẹ có nhà ở Sài Gòn. NH đã gõ cửa Văn Bút Quốc Tế lần thứ hai, nhờ can thiệp với ICMC. Ngoài ra, đã gửi về bác một ít tiền, nhờ chuyển cho Tâm. Thân.

Ông Văn Đình, Winnipeg: Đã nhận được tài liệu tập thể dục. Cảm ơn ông có lòng chăm sóc cho sức khỏe của anh em tòa soạn. Kính.

Anh Phạm Phong Dinh, Winnipeg: NH rất vui khi hay tin quý vị đã quen nhau. Ở... Lão Đăng tiên sinh, anh sẽ hỏi được nhiều điều mà khỏi cần cầu viện sách vở hay kêu rêu cụ Bút Chì. Ngược lại, tiên sinh có thêm người bạn trẻ để cậy nhờ lúc tối lửa tắt đèn. Cái đó gọi là tình "đồng hương" giữa người làng với nhau.

Anh chị được mấy cháu, không nghe nói. Chúc anh học hành tấn tới, sớm thành tài, đỡ vất vả, vừa học, vừa làm, vừa viết. Thân.

Cụ Lãng Nhân, Anh quốc: Vừa

nhận được bài mới của cụ. Rất vui khi thấy chữ viết cứng cáp như xưa. Chúc cụ và "Hương sắc bên mình" thân tâm thường lạc. Kính.

Hương Cau, Đức: Đã gửi báo biểu đến bạn. Như vậy là *Xuân muộn* đã không đến rồi, dù... muộn. Bạn gửi lại đi vậy, nhé. Thân.

Nguyễn Đại Bằng, Paris: Văn nhớ anh chị Dương-Nhung, Bằng và "cô ấy." Lâu quá, cô cậu đã có tin vui chưa (và mấy... tin? *le* hay *la*? hay... *les*?)

Chú bếp khen bài viết về kinh Dịch của Bằng (còn ngạc nhiên nữa). Chịu khó gõ lại cho dễ đọc và gửi đĩa sang, chậm một tí cũng không sao, Việt chương nào cũng được (VNU thì tốt hơn).

Cho cô chú gửi lời thăm bố mẹ và các em. Thân.

Anh Nguyễn Văn Thông, MA: Sao lại dọn? Có gần chỗ cũ không? Số điện thoại vẫn thế? Có vài chuyện cần bàn, sẽ liên lạc sau khi anh chị an cư ở địa chỉ mới. Chúc cả nhà vui, khỏe. Thân.

BÀI NHẬN ĐƯỢC

Văn: Nguyệt Cầm, Hoàng Nga, Lãng Nhân, Hương Cau, Anh Thư, Nguyễn Văn Thông, Bút Phong, Phan Quân, Nguyễn Vĩnh Long, Hoài Cầm, Lê Văn Hưng, Phan Long Yên, Hồ Đình, Nguyễn Bá, Thảo Nguyên.

Thơ: Giang Châu, Ông Thế Hùng, Đỗ Đăng Bắc, DCQ (2), Nguyễn Anh Thư (2), Nguyễn Văn Cường (2), Việt Vũ, EP (5), Nguyễn Tất Thắng (5), Sương Mai (5), Nguyễn Đức Thanh (2), Gã Tư Mã (2), Phan Tấn Thiện, Phạm Thành Tính (3), Mai Thanh Xuân (2), Vạn Lam, Trần Ngân Tiêu (2), Hoàng Chính, Vạn Giả, Hoàng Nga, Trần Tiến (2), Phan Long Yên (2), Nguyễn Đan Hà (2), Thảo Nguyên (4).

BÀI SẼ ĐĂNG

Văn: Con trâu phản động (NB), Cọp Khánh Hoà (HĐ), Nhà máy đường Đồng Bò (PLY), Dòng sông trôi đi (NVL), Ánh sáng dưới mặt trời đen (PQ), Em về vui bên ấy (HN), Một đời nhớ nắng (NC).

Thơ: Người Mỹ da vàng (NAT), Dáng mộng (NĐH), Hẹn (HN), Hoa cay đắng, Một lời phôi pha (SM), Bạc áo lam chiều (HC), Sấm (VL), Cận kề bên ta, Chiều (NĐT), Chút say quên đời, Lời hứa xưa, Có những sáng (EP), Nụ cười (VV), Không tên 2 (ĐDB), Lời than nửa đêm (DCQ).

nhắn tin tị-nạn

Giá biểu:

- Miễn phí cho đồng-bào tại các trại tị-nạn.

- Đồng-bào tại các nơi khác: 10 mỹ-kim (15 gia-kim) một kỳ; 20 mỹ-kim (30 gia-kim) cho ba kỳ.

Chị Nguyễn Thị Hà và em Vàng Khè, cần tìm Di Út, đã đi "ta bà thế giới" từ tháng Giêng đến ngày hôm nay. Em ơi, em đi như thế đủ rồi. Em nên "qui cố hương" là vừa. Chị cần gấp để bàn nhiều chuyện quan trọng. Cần thiết lắm. Phone: (403) 471-4649 hoặc (818) 548-1759.

Tìm Võ Thị Sáu gốc ở Phú yên, con ông Võ Văn Diệm. Bạn cùng quê-hương, cùng vượt biên năm 1983, muốn báo tin về gia-quyển tại Việt-nam. Liên-lạc về Lê Văn Phú 1310 Brockmen, Beaumont, TX 77705, USA; điện-thoại: (409) 832-1757.

Tìm anh là Nguyễn Cho, quê-quán ở Quảng-ngãi, trung-úy khóa-sinh khóa 4 Cao-đẳng Kỹ-thuật Công-binh, Quân-đội VNCH, số quân 68/206982. Địa-chỉ của trại tù cải-tạo cuối-cùng được biết là Hòm thư 7590-L6/T4/K3. Theo thư trả lời của Phòng Điều-tra hình-sự Quân-khu 7 (CS) thì anh tôi trốn trại ngày 7.8.1977. Quý vị nào biết tin-tức, hoặc đồng-cảnh-ngộ, v.v. xin vui lòng tin về: Nguyễn Thương, Stigerasen 39A, 3726 Skien, Norway.

Điện-thoại: 35-535-048. Gia-đình chúng tôi xin chân-thành cảm-tạ.

Tìm thiếu úy **Thọ**, trung úy **Nam**, trung úy **Tín**, đại úy **Bá**, chuẩn úy **Vũ**, chuẩn úy **Thìn** và quý bạn trong **Tiểu đoàn Bạch Hổ 401, Kiến-hòa**. Xin liên lạc: chuẩn úy **Nghĩa**, P.O. Box 218 Station "U", Toronto, Ontario M8Z 5P1.

Tìm bạn **Nguyễn Thị Liễu**, em của anh **Tôn**, trước học ở Nhà thờ thánh Gioan, Trà Vinh, lấy chồng Mỹ năm 1970, xin liên lạc **Hin Kim Séang**, ở trại Sikiew (Thái-lan) nay đã bị cưỡng bách về VN, địa chỉ 110 đường 3 xã Phước Bình huyện Thủ Đức, TP HCM, Vietnam.

Tìm thượng tọa **Thích Trí Lãng**, Hoa-kỳ; xin liên lạc **Doãn Thanh Hùng**, trước ở trại Sikiew, Thái Lan; thư về tòa soạn Làng Văn: P.O. Box 218, Station "U", Toronto, Ontario M8Z 5P1, Canada.

"**Kẹo Bột**", xin hãy đem các con trở về. Anh đã biết lỗi và thề không bao giờ đặt chân tới Casino nữa. Hãy về với anh, mình làm lại tất cả. Anh đã xin được việc làm khác, lương ít hơn một chút, nhưng không hoang phí thì cũng dư dả. Nhớ em

và các con nhiều. "**Đường Phèn.**"

Thạch Rong, trước 1975 ở Tiểu-đoàn 2 Trâu Diên, Thủy quân lục chiến VNCH, sang Mỹ ngày 30.4.1975, có vợ và 3 con, có lúc ở số 21222 Maryland Rd., Baltimore, MD (USA). Xin liên-lạc: **Thạch Quích**, PST#10400, House C-2 Sikiew Camp, P.O. Box 1302 Bangkok 10501, Thailand.

Đại úy **Trương Truyen**, Đại-đội

trưởng Đại-đội 402 Chiến-tranh Chính-trị VNCH, sau 1975 cải-tạo về ở Sóc-trăng, Hậu-giang, đi Mỹ trong chương-trình H.O. năm 1993. Xin liên-lạc: **Thạch Quích** (địa-chỉ trên).

Tìm bạn **Hoàng Bích Nguyệt**, trước ở trại Tuen Mun, Hongkong, nay định-cư tại Úc. Hãy liên-lạc với **Uyên**, 252 Queen St. East, #9, Brampton, Ontario L6V 1C1, Canada - điện thoại: (905) 457-0894 hoặc (905) 796-1270.

MỜI QUÍ ĐỘC-GIẢ ĐÓN XEM

làng văn

XUÂN ĐÌNH SỬ

144 trang tràn ngập bài vở
giá 6 mỹ-kim (6 gia-kim)
phát-hành đầu tháng 1.1997

**Bài vở đóng-góp cho số Xuân Làng Văn
xin gửi về tòa-soạn ngay từ bây giờ**

CẢM TẠ

Chúng tôi xin chân thành cảm tạ:

Quý linh mục, quý đoàn thể tôn giáo, quý hội đoàn xã hội, quý cơ quan truyền thông, cùng tất cả quý vị thân bằng quyến thuộc từ khắp nơi đã chia buồn, phúng điếu cũng như góp lời cầu nguyện, tiễn đưa mẹ, bà, cụ và cụ cố chúng tôi đến nơi an nghỉ cuối cùng là

Cụ bà **TRỊNH CÔNG SÁNG**

khue danh

Maria NGUYỄN THỊ HỒNG

tạ thế ngày 5.8.1996 tại thành phố Montreal, tỉnh Quebec, Canada, hưởng thọ 98 tuổi.
Trong lúc tang gia bối rối, có điều chi sơ xuất, kính xin quý vị niệm tình tha thứ.

Thay mặt tang gia đồng cảm tạ

Ông bà Trịnh Văn Ngọc, trưởng nam

Ông bà Trịnh Quốc Tuấn, cháu đích tôn

Ông bà Trịnh Quốc Toàn, cháu.

LÀNG VĂN Productions

CÁO LỖI

Trung tâm Làng Văn xin chân thành cáo lỗi vì sự sơ xuất trong video Làng Văn Thế Giới Nghệ Thuật có phần nhầm lẫn khi giới thiệu nhạc phẩm "Trên tháng ngày đã qua" của nhạc sĩ Trịnh Nam Sơn thay vì phải giới thiệu đúng là nhạc phẩm "Trên tháng ngày đã qua" của nhạc sĩ Từ Công Phụng.

Trung tâm Làng Văn xin thành thật cáo lỗi cùng hai nhạc sĩ Từ Công Phụng và Trịnh Nam Sơn về sự nhầm lẫn đáng tiếc nêu trên.

Trân trọng cáo lỗi
Trung tâm Làng Văn

KHI CẦN, LUẬT-SƯ SẼ BÊNH-VỰC BẠN NGAY MICHEAL L. FABER

9124 Elk Grove Blvd., Elk Grove, CA 95624, USA

Điện-thoại: (916) 686-7020

LUẬT-SƯ MỸ NÓI TIẾNG VIỆT VÀ BẢO-VỆ QUYỀN-LỢI CHO NGƯỜI VIỆT

Chuyên về:

- **Di-trú:** lo hồ-sơ di dân, bảo-lãnh từ các nước sang Mỹ; bảo-trợ em cháu từ VN sang Mỹ trong chương-trình trao-đổi du học-sinh.
- **Hình-sự:** các loại tội hình.
- **Tai-nạn:** xe cộ và thương-tích (chỉ nhận thù-lao khi được bồi thường - lệ phí 28%).
- **Gia-đình, hộ-tịch:** đổi tên tuổi, lập chúc-thư, thừa-kế, cấp-duỡng.
- **Thương-mại:** phá-sản, địa- ốc, lập công-ty, chia công-ty.

Văn-phòng cách Sacramento 15 phút xe hơi. Từ Sacramento: lấy Hwy 99 South, quẹo trái Elk Grove Blvd., qua 4 đèn giao-thông, khỏi đường rầy xe lửa, văn-phòng nằm bên tay phải, đối-diện nhà thờ New Life Church.

Trong đời sống vốn có nhiều vấn-đề, khi cần, đừng ngần-ngại gọi ngay luật-sư Faber

TIN QUAN TRỌNG

Genuine Energy



NOW in convenient caplets
Choose only the ORIGINAL

Exsativa®
is a natural product of
Switzerland

BỊ CHÊ BAI, BUỒN CHÁN MẶC CẢM VÌ...

Yếu sinh lý, tinh xuất mau, "trả bài không thuộc", không làm hài lòng bà xã hay partner của mình. Hạnh phúc gia đình rạn nứt, người yêu hững hờ...

Đừng lo! Đã có thuốc High Potency EXSATIVA của Thụy Sĩ.

Hàng triệu người Âu châu đã và đang dùng đều công nhận sự hiệu nghiệm và an toàn. EXSATIVA High Potency đã được giới thiệu trên Talk Show, TV, Radio, trên báo chí Hoa kỳ và Âu châu nhiều lần.

Chữa trị: Yếu sinh lý, xuất tinh mau, không bền bỉ, bất lực, liệt dương, "xìu xìu ến ến", lạnh nhạt chuyện tình dục. Không còn cảm giác thú vị trong lúc ái ân. EXSATIVA sẽ tái tạo phục hồi năng lực đàn ông (Man's Power). Tìm lại được ý nghĩa cuộc sống. Bảo vệ được hạnh phúc gia đình. Tăng cường khả năng sinh lý.

NHÀ THUỐC THIÊN NHIÊN
P.O. Box 488
Fallbrook, CA 92088-0488 USA
Tel. (619) 728-4718
Fax. (619) 723-0366

Cần danh sách các loại thuốc bổ ích, xin viết thư về địa chỉ bên.

Tổng đại lý: Pharmaton
thuốc đại bổ của Thụy-sĩ.

Hộp EXSATIVA 30 caplets giá \$29.50 + \$2 cước phí First Class (mỗi ngày uống 1 caplet). Mua thuốc xin gửi check hoặc Money Order \$31.50 về địa-chỉ trên.

Hộp 100 capsules \$28.50 + \$3.00 cước phí
Hộp 60 capsules \$19.50 + \$3.00 cước phí

CALL VIETNAM FROM \$1.09 A MINUTE.

THE BEST SAVINGS. GUARANTEED

No Matter Where or When You Call

with no monthly minimum

Wish you could spend more time calling friends or family in Vietnam?
Switch to Sprint Canada.

Compared to your local telephone company's best calling plan,
THE MOST™ savings plan from Sprint Canada gives you the best
monthly savings, wherever or whenever you call. Guaranteed.

With THE MOST savings plan, you save 50% on every call to the
three numbers you spend the most on each month: one overseas,
one in Canada, and one in the U.S.

And you always save 15% on all your other calls.

HERE'S HOW IT WORKS:

Let's say you spend the most calling Vietnam.

Your local telephone company's best rate is

\$1.63 a minute (excluding first minute),

if you spend a minimum of \$40 each month.

The same call with Sprint Canada

is only \$1.09 a minute (excluding first minute),

no matter how much you spend each month!

		First Minute	Each Additional
VIETNAM	Local Phone Co.	\$2.45	\$1.63
	Sprint Canada	\$1.64	\$1.09

LOCAL PHONE CO.'S BEST RATES:
12:00 A.M.-8:00 A.M.

Wherever you spend the most, you save the most.

Call Sprint Canada today.

Get THE MOST FOR THE LEAST™

**THE
MOST**
SAVINGS PLAN

Sprint
Canada

CALL 1-800-456-9885

24 HOURS, 7 DAYS A WEEK.

TM., ®: Sprint, the Sprint logo, THE MOST, THE MOST logo and THE MOST FOR THE LEAST are trademarks of Sprint Communications Company L.P., used under licence by Sprint Canada Inc. ©Sprint Canada Inc., 1996.

BÁC SĨ NHÂN KHOA
NGUYỄN BÁ THU TRANG
OD, BSc

- . C-1101 Erie E. Windsor ĐT: (519) 973-1101
- . 5805 Malden Rd., La Salle ĐT: (519) 969-6677
- . TLC The Windsor Laser Centre, 3200 Deziel Dr., Suite 208
ĐT: (519) 250-2020 & 1-800 463-5020

Thắc mắc về việc giải phẫu cận thị bằng tia laser?

- Xin gọi đến bác sĩ Nguyễn

sách mới về ...

BỘ-TÚC THU-MỤC LÀNG VĂN 1996

20 năm văn học hải ngoại
(2 cuốn, bìa cứng)
Thơ, văn, tranh, ảnh...
nhiều tác giả
US\$60.00 - CA\$90.00

1001 đêm
Truyện cổ tích (2 cuốn)
Nguyễn Quân
US\$22.00 - CA\$33.00

Ăn tục nói phét
Tập văn Tám Sạc Ne
US\$8.00 - CA\$12.00

Ấn Độ huyền bí
sách dịch
US\$14.00 - CA\$21.00

Ba người con gái Lương phu nhân
Pearl Buck
US\$13.00 - CA\$19.50

Bí ẩn giấc mơ
Bối toán
US\$11.00 - CA\$16.50

Bí quyết thành công tại hải ngoại
Lê Bá Kông
US\$13.00 - CA\$19.50

40 truyện Trạng Quỳnh
Nguyễn Đức Hiền
US\$7.00 - CA\$10.50

Bức tượng thanh nữ
Truyện ngắn
Hoàng Du Thụy
US\$10.00 - CA\$15.00

Các thú tiêu khiển VN
Biên khảo, Toàn Ảnh
US\$12.00 - CA\$18.00

Cay đắng mùi đời
Truyện dài
Hồ Biểu Chánh
US\$8.00 - CA\$12.00

Cây tùng trước bão
Truyện dài
Hoàng Khởi Phong
US\$12.00 - CA\$18.00

Chân trời lam ngọc II
Tập văn Hồ Trường An
US\$13.00 - CA\$19.50

Chỉ hồng
Truyện dài
Hà Bình Trung
US\$12.00 - CA\$18.00

Chuyện kỳ lạ bốn phương
Sưu tầm
Sương Mãn Thiên
US\$14.00 - CA\$21.00

Cô Ba Trà
Truyện dài Xuân Vũ
US\$16.00 - CA\$24.00

Cổ học tinh hoa
Cổ văn (2 cuốn)
Nguyễn Văn Ngọc
US\$13.00 - CA\$19.50

Cổ Phật tâm đăng
Truyện kiếm hiệp
Kim Dung (bộ 4 cuốn)
US\$45.00 - CA\$67.50

Cự linh thần chương
Truyện võ hiệp (6 cuốn)
Sơn Điền
US\$52.00 - CA\$78.00

Dạy con theo lối mới
Sách học làm người
Nguyễn Hiến Lê
US\$7.00 - CA\$10.50

Dưa cà mắm muối
Truyện ngắn
Hà Thúc Sinh
US\$6.00 - CA\$9.00

Dưới bóng vạn lý
Truyện dịch
P. Buck, Lê Bá Kông
US\$17.00 - CA\$25.50

Đại hành quyết
Truyện võ hiệp (2 cuốn)
Lã Phi Khanh
US\$15.00 - CA\$22.50

Đàn chỉ thần công
Truyện võ hiệp (5 cuốn)
Ngọa Long Sinh
Hàn Giang Nhạn
US\$44.00 - CA\$66.00

Điều sáo mê hồn
Truyện võ hiệp (5 cuốn)
Ngọa Long Sinh
Hàn Giang Nhạn
US\$46.00 - CA\$69.00

Đong đưa cuộc tình
Truyện ngắn Song Thao
US\$12.00 - CA\$18.00

Độc cô quái khách
Truyện võ hiệp (2 cuốn)
K. Dung, H.G. Nhạn
US\$18.00 - CA\$27.00

Đức điền tinh
Sách học làm người
Hoàng Xuân Việt
US\$10.00 - CA\$15.00

Em học chữ Việt
Bút Chì &
Nguyễn Nhật Tân
US\$12.00 - CA\$18.00

Em ơi, biết đâu tìm
Truyện ngắn Kiệt Tấn
US\$12.00 - CA\$18.00

Em phải sống
Truyện ngắn
Duy Lam
US\$12.00 - CA\$18.00

Gia đình tôi
Truyện vui
Duy Lam
US\$10.00 - CA\$15.00

Giang Thanh toàn truyện
Diệp Vĩnh Liệt,
Vũ Kim Thoa dịch
US\$14.00 - CA\$21.00

Hai năm năm ấy
Thơ, Hoàng Ngọc
Thanh Dung
US\$5.00 - CA\$7.50

Hán Sở tranh hùng
Mộng Bình Sơn dịch
US\$18.00 - CA\$27.00

Hậu anh hùng xạ điêu
Truyện võ hiệp (4 cuốn)
K. Dung, N.Q. Mai
US\$28.00 - CA\$42.00

Hậu cô gái đồ long
Truyện võ hiệp (3 cuốn)
K. Dung, N. Khánh
US\$36.00 - CA\$54.00

Hậu Tây Du Ký
Cổ văn (3 cuốn)
Khổng Đức
US\$30.00 - CA\$45.00

Hoa địa ngục
Thơ,
song ngữ Việt - Anh,
Nguyễn Chí Thiện
US\$25.00 - CA\$37.50

Hoa trời trên sóng nước
Thiền học
Nguyễn Phong
US\$13.00 - CA\$19.50

Hoa vạn hạt cuối mùa
Truyện ngắn
Hồ Minh Dũng
US\$14.00 - CA\$21.00

Hồi ký ĐGH John Paul II
Duy Nguyên dịch
US\$18.00 - CA\$27.00

Hồi ký ngoài văn chương
Truyện dài
Thế Phong
US\$16.00 - CA\$24.00

Hồi ký Nguyễn Xuân Chữ
US\$18.00 - CA\$27.00

Kéo da non
Truyện dài
Diệu Tần
US\$14.00 - CA\$21.00

Khám phá những bí ẩn của đêm chiêm bao
Michael Halbert
US\$ 8.00 - CA\$12.00

Khó lắm cuộc tình
Truyện dài
Quỳnh Dao, Liêu Q. Nhĩ
US\$8.00 - CA\$12.00

Kiểm mạng
Truyện dài
Hồ Linh
US\$14.00 - CA\$21.00

Kiếp phù sinh
Truyện dài
Nguyễn Ngọc Nga
US\$13.00 - CA\$19.50

Kitô giáo dưới mắt một Phật tử
Nhận định tôn giáo
Đại sư Buddhadasa
US\$12.00 - CA\$18.00

Kitô giáo, từ thực chất đến huyền thoại
Nhận định, Chánh Đạo
US\$12.00 - CA\$18.00

Lịch sử thế giới
Biên khảo, Nguyễn Hiến
Lê & Thiên Giang
US\$25.00 - CA\$37.50

Lòng tin Âu Mỹ đầy
Nhận định tôn giáo
Trần Quý
US\$16.00 - CA\$24.00

Lý luận và phê bình
(20 năm văn học ngoài nước)
Nhận định Bùi Vĩnh Phúc
US\$27.00 - CA\$40.50

Mật giáo thâm thâm nội nghĩa
Thiền học Pram Nguyên
US\$18.00 - CA\$27.00

Món ăn bài thuốc I, II
Kiến thức phổ thông
DS Bùi Kim Tùng
Mỗi tập US\$8.00 - CA\$12.00

Một bông hồng cho cha
Truyện ngắn Võ Hồng
US\$7.00 - CA\$10.50

Một ngày yêu nhau
Truyện phóng tác
Liêu Quốc Nhĩ
US\$10.00 - CA\$15.00

Mưa xuống cuộc đời
Truyện dài, Ngọc Anh
US\$16.00 - CA\$24.00

Muốn thành công trên đường đời
Sách học làm người
Tế Xuyên
US\$7.00 - CA\$10.50

Nam quốc sơn hà
Truyện dã sử (5 cuốn)
Trần Đại Sỹ
US\$70.00 - CA\$105.00

Năng lực chinh phục của phái nữ
Sách học làm người
Phạm Côn Sơn
US\$8.00 - CA\$12.00

Nghệ thuật nấu ăn chay
Sách dạy nấu ăn
Nguyễn Thị Phụng
US\$7.00 - CA\$10.50

Ngọn cỏ ven sông
Truyện dài Quỳnh Dao
US\$13.00 - CA\$19.50

Nguyễn Du đại thi hào
Khảo luận
Phạm Công Thiện
US\$18.00 - CA\$27.00

Nhà quê ra tỉnh
Biên khảo, bìa cứng
Đoàn Thêm
US\$25.00 - CA\$37.50

Nhạc thời gian
Truyện dài Thẩm Oánh
US\$8.00 - CA\$12.00

Nho sĩ đồ vật
Biên khảo phong tục
Toàn Ảnh
US\$10.00 - CA\$15.00

Những bí ẩn lịch sử dưới chế độ Ngô Đình Diệm
Nhận định chính trị
Cửu Long Lê Trọng Văn
US\$16.00 - CA\$24.00

Những chuyện cần được kể lại Hồi ký Phan Nhật Nam US\$12.00 - CA\$18.00	Secret Army, Secret War Tài liệu về tình báo ở Bắc Việt, Anh ngữ Sedgwick Tourison US\$20.00 - CA\$30.00	Thuần phong mỹ tục VN Biên khảo Sơn Nam US\$10.00 - CA\$15.00	Truyện cười thế giới N.V.Toại & Đ.M.Tuấn US\$9.00 - CA\$13.50	Vẽ vang dân Việt I, II, III viết về những người Việt thành công ở nước ngoài, Trọng Minh biên-tập. Mỗi tập US\$32 - CA\$48
Những cuộc tình Hương Cảng Truyện dài Nghiêm Thẩm, Miêu Khả Khanh US\$12.00 - CA\$18.00	Sòng bạc Macao Truyện dịch M. Dekobra US\$11.00 - CA\$16.50	Thuốc trị bệnh từ cây cỏ hoang dại Sách thuốc Lê Quý Ngưu US\$13.00 - CA\$19.50	Truyện cổ nước Nam Nguyễn Văn Ngọc US\$11.00 - CA\$16.50	Về ba ông thánh Nhận định chính trị về Lenin, Mao Trạch Đông & Hồ Chí Minh. Thành Tín US\$12.00 - CA\$18.00
Những điều cần biết về máy điện toán cá nhân Kiến thức phổ thông Dương Bá Sơn US\$12.00 - CA\$18.00	Sóng trời Truyện ngắn Ngự Thuyết US\$12.00 - CA\$18.00	Thư gửi bạn ta I, II Tập văn, Bùi Bảo Trúc mỗi tập: US\$16-CA\$24	Truyện mới chọn lọc Truyện ngắn, Duy Lam US\$12.00 - CA\$18.00	Về vùng chiến tuyến Hồi ký Lê Xuân Nhuận US\$15.00 - CA\$22.50
Những kinh nghiệm sống để lại Danh ngôn Trần Văn Điền US\$9.00 - CA\$13.50	Sống đời đáng sống Sách học làm người Nguyễn Hiến Lê US\$8.00 - CA\$12.00	Thương yêu theo phương pháp Bụt dạy Phật học, Nhất Hạnh US\$12.00 - CA\$18.00	Tuyển tập Hà Sĩ Phu US\$12.00 - CA\$18.00	Vết xước đầu đời Truyện ngắn Trần Doãn Nho US\$12.00 - CA\$18.00
Niềm riêng Truyện ngắn Việt Phương, Ngô Du Trung, Trương Sĩ Lương.. US\$14.00 - CA\$21.00	Tại ngục vịnh Kiều Biếm văn Hoàng Hải Thủy US\$12.00 - CA\$18.00	Thức ăn vị thuốc Sách thuốc Phan Kim Huê US\$8.00 - CA\$12.00	Tuyển tập Phụ nữ Việt Truyện ngắn Nhiều tác giả US\$10.00 - CA\$15.00	Viết cho mẹ và quốc hội Hồi ký Nguyễn Văn Trấn US\$20.00 - CA\$30.00
Nỗi ám ảnh của quê hương Tùy bút Đỗ Thúc Vịnh US\$8.00 - CA\$12.00	Tam quốc ngoại truyện Tiểu truyện về các nhân vật Tam Quốc (2 cuốn) US\$20.00 - CA\$30.00	Tiên hạc thần kim Truyện võ hiệp (5 cuốn) K.Dung, P.C.Trung US\$46.00 - CA\$69.00	Tuyển tập truyện ngắn 20 năm văn học hải ngoại 1975-1995 Nhiều tác giả US\$30.00 - CA\$45.00	Việt Nam: con người và hành động Khảo luận Lê Kim Ngân US\$12.00 - CA\$18.00
Nụ non trên nhành khô Truyện ngắn Trần Quán Niệm US\$12.00 - CA\$18.00	Tan rã Truyện dài Cao Xuân Lý US\$10.00 - CA\$15.00	Tiểu tà thần Truyện kiếm hiệp, 7 cuốn, Kim Dung US\$63.00 - CA\$94.50	Tuyển tập Văn học miền Đông * Mùa Thu * Mùa Xuân Tuyển tập thơ văn Nhiều tác giả Văn Bút Mỗi tập: US\$8 - CA\$12	Việt Nam niên biểu 1939 - 1946 Tài liệu Chính Đạo US\$22.00 - CA\$33.00
Phật pháp thực hành Nhiều tác giả US\$12.00 - CA\$18.00	Tạng thư sống chết Sách tâm linh, Sogyal Rinpoche, Trí Hải dịch US\$18.00 - CA\$27.00	Tìm hiểu con người qua tiếng nói, chữ ký, chữ viết Đoàn Văn Thông US\$12.00 - CA\$18.00	Tuyệt sơn phi hồ Truyện võ hiệp K.Dung, Từ Khánh Phụng US\$8.00 - CA\$12.00	Việt Nam qua lăng kính 24 nhân vật thời đại Tài liệu Nguyễn Văn Hùng US\$15.00 - CA\$22.50
Phía bên kia cuộc cách mạng 1945: Đế quốc VN Biên khảo Vũ Ngự Chiêu US\$10.00 - CA\$15.00	Tên tử tù tự xử lý Tài liệu về vụ án "Xét lại - chống Đảng" liên quan đến hàng chục đảng viên cao cấp thời thập niên 60. US\$15.00 - CA\$22.50	Trầm hương Thơ thiền, Liễu Nhiên US\$10.00 - CA\$15.00	Tự học tiếng Anh T.A.Kim & T.G.Hương US\$10.00 CA\$15.00	Việt Nam văn học sử Biên khảo Đỗ Văn Gia US\$28.00 - CA\$42.00
Phong thủy về nhà ở và cơ sở buôn bán Đoàn Văn Thông US\$12.00 - CA\$18.00	Thái át thần quẻ Bói toán US\$7.00 - CA\$10.50	Trần Lục Tài liệu về vị linh mục, tác giả công trình xây cất nhà thờ Phát Diệm. Nhiều tác giả US\$25.00 - CA\$37.50	Vàng đen Truyện dài Nguyễn Dũng Tiến US\$25.00 - CA\$37.50	Võ Phiến Nhận định văn chương Nguyễn Hưng Quốc US\$12.00 - CA\$18.00
Phương pháp tân dưỡng sinh Kiến thức phổ thông US\$8.00 - CA\$12.00	Thăng tiến trên đường đời Sách học làm người Nguyễn Hiến Lê US\$8.00 - CA\$12.00	Trông vời quê cũ: - Miền Bắc - Miền Trung - Miền Nam Tuyển truyện "xóm cũ", nhiều tác giả Mỗi tập US\$12 - CA\$18	Văn Bút VNNH, kỷ-yếu Tài liệu về biến-cố Văn Bút VN Hải-ngoại US\$10.00 - CA\$15.00	Xếp Al Capone (5 cuốn) Tiểu-thuyết Trương Sơn Lê X. Nhị US\$91.00 - CA\$136.50
Qua cơn bão dữ Hồi ký vượt biên Kim Hà US\$18.00 - CA\$27.00	Thét giữa hoàng hôn Truyện dài Hồ Linh US\$12.00 - CA\$18.00	Truyện cười chọn lọc N.V.Toại & Đ.M.Tuấn US\$9.00 - CA\$13.50	Văn nghệ sĩ miền Bắc như tôi biết Tài liệu văn học Xuân Vũ US\$11.00 - CA\$16.50	Yoga toàn thư Hải Âu US\$10.00 - CA\$15.00
Sàn gỗ màn nhung (sân khấu cải lương) Tập văn Hồ Trường An US\$14.00 - CA\$21.00	Thơ v.v.. và v.v.. Luận về thơ Nguyễn Hưng Quốc US\$14.00 - CA\$21.00	Truyện cười dành cho các bà US\$6.00 - CA\$9.00	Văn sử y được trong truyện Kim Dung Biên khảo Trần Văn Tích US\$12.00 - CA\$18.00	Zen và dưỡng sinh Kiến thức phổ thông US\$8.00 - CA\$12.00

băng & đĩa nhạc mới

Hát cho những bà mẹ Việt Nam
Tiếng hát Chế Linh
Tape: US\$5 - CA\$7.50

Bóng hồng Việt Nam
Tiếng hát Sơn Ca
Tape: US\$5.0 - CA\$7.5
Chiều đồng quê
Tiếng hát Hương Lan
Tape: US\$5.0 - CA\$7.50

Dân ca ba miền
Tiếng hát Thanh Lan
Tape: US\$5.0 - CA\$7.50

Hoa lan giữa tóc thề
Tình khúc Mộng Lan
phổ thơ Nguyễn Sa, Nhã Ca, Vũ Kiện, Cung Vũ, Trần Thiện Hiệp,...
Giọng ca: Quỳnh Hương, Trọng Nghĩa
Tape: US\$9.0 - CA\$13.5
CD: US\$10.0 - CA\$15.0

Kiếp cầm ca
Tiếng hát Phương Dung
Tape: US\$5.0 - CA\$7.50

Qua ngõ nhà em
Giọng ca: Hương Lan, Phương Lam
Tape: US\$5.0 - CA\$7.50

Quỳnh hương
Thanh Hà, Ý Linh Tape:
US\$5.0 - CA\$7.50

Sao em nữ vội lấy chồng
Giọng ca: Chế Linh - Thanh Tuyền
Tape: US\$5.0 - CA\$7.50

Yêu người khôn người
Tiếng hát Thanh Lan
Tape: US\$5.0 - CA\$7.50

Ta và vũ trụ
Thơ Phật giáo phổ nhạc
Giọng ca: Hà Thanh, Thanh Tuyền, Trọng Nghĩa
Tape: US\$6.0 - CA\$9.00
CD: US\$10.0 - CA\$15.0

Tình khúc hồi hương
tình ca, tiếng hát Phạm Anh Dũng
CD: US\$6.00 - CA\$9.00

Tình yêu trong mắt một người
Tình khúc Trúc Phương
Tiếng hát Chế Linh
Tape: US\$5.0 - CA\$7.50

Độc-giả dài hạn (có mã-số) của Làng Văn được bớt từ 10% đến 25% khi mua sách và băng do Làng Văn phát-hành. Xin xem thể-lệ trong Thư mục Làng Văn 1996

Thư-từ, chi-phiếu đề:
LÀNG VĂN
P.O. Box 218, Station "U"
Toronto, Ontario M8Z 5P1
Canada

KÍNH MỜI BẠN ĐỌC ĐÓN XEM:

TIẾNG KÊU CỦA MÁU

Truyện dài trình-thám xã-hội

Hoàng Hải Thủy

(phóng-tác)

CUỘC ĐỜI VÔ-ĐỊNH

Tiểu-thuyết xã-hội

Tống Minh Long Quân

(phóng-tác)

VIỆT-NAM GẮM HOA

Tập-khảo

Thái Văn Kiểm

THÁNG GIÊNG THÁNG BẢY BUỒN NHƯ NHAU

Tuyển-tập truyện ngắn

Hoàng Nga

THÁP NHẠM, THÁP BÀ, GIÁC HƯƠNG-QUAN

Tuyển truyện quê-hương

Diên Khánh

PHÁT-HÀNH NAY MAI

GIÁ BIỂU QUẢNG-CÁO

Trang bìa (ấn-bản quốc-tế):

bìa 2 (bìa trước mặt trong): 1 ô \$120 trọn năm 12 kỳ (2 ô: \$200)
bìa 3 (bìa sau mặt trong): 1 ô \$120 trọn năm 12 kỳ (2 ô: \$200)
bìa 4 (bìa sau mặt ngoài): 1 ô \$60 một kỳ (\$600 trọn năm)

Trang trong (121 đến 128):

1/8 trang:	1 kỳ: US\$40	3 kỳ: US\$30/kỳ	dài hạn: US\$25/kỳ
1/4 trang:	1 kỳ: US\$70	3 kỳ: US\$50/kỳ	dài hạn: US\$40/kỳ
1/2 trang:	1 kỳ: US\$120	3 kỳ: US\$85/kỳ	dài hạn: US\$75/kỳ
1 trang:	1 kỳ: US\$200	3 kỳ: US\$150/kỳ	dài hạn: US\$120/kỳ
2 trang:	1 kỳ: US\$300	3 kỳ: US\$210/kỳ	dài hạn: US\$180/kỳ

Bớt 15% cho độc-giả dài hạn khi đăng cáo-phố, chúc mừng, chia buồn.

THỂ-LỆ ĐĂNG QUẢNG-CÁO:

- Xin gửi mẫu quảng-cáo về tòa-soạn bằng thư, kèm theo chi-phiếu trả trước cho kỳ đầu.
- Tòa-soạn sẽ giúp nhuận-sắc và trình-bày quảng-cáo để đạt hiệu-năng tối-đa.
- Không nhận quảng-cáo qua điện-thoại (có thể fax mẫu tới).

Thư từ, chi-phiếu xin đề và gửi cho:

LÀNG VĂN
P.O. Box 218, Station "U"
Toronto, ON M8Z 5P1 Canada
(Điện-thoại: 905-607-8010)

NHÀ SÁCH VIỆT-NAM

415 Spadina Ave. (góc College)

Toronto, Ont. M5T 2G6 - ĐT: (416) 595-5199

Bán: đủ loại tự-điển Anh Pháp Việt, Y-khoa, Kỹ-thuật... Sách và băng học Anh-văn, Quảng-dông, Quan-thoại, Việt-ngữ... Sách Toán, Lý-Hóa, Khoa-học Kỹ-thuật... Sách Học Làm Người, Nấu Ăn, Tử-vi, Bói-toán, Địa-lý... Sách Khoa-học, Thời-sự, Chính-trị... Tiểu-thuyết, truyện ngắn... Băng nhạc thiếu-nhi, băng Video, Cải-lương, CD, Băng trắng chưa thu (video, cassette), Bản-đồ Việt-nam, Sài-gòn, Chợ-lớn... Tranh ảnh, Thiệp Giáng-sinh, Thiệp Tết, Sản-phẩm của các trung-tâm lớn: Thúy Nga Paris, Asia, Mỹ, Khánh Hà, Ý Lan, Hải Âu, Hoàng Oanh, Cải-lương Việt-Nam.

CHO THUÊ: Tiểu-thuyết, Chương, phim Hongkong, Đài-loan, Cải-lương, nhạc Việt. Hàng tuần có phim mới.

NHẬN: Chuyển hệ băng video (Á-, Úc, Âu, Bắc Mỹ). Đại-lý các loại lịch tử-vi, tự-điển, sách thi bằng lái xe, Sách và băng thi quốc-tịch Canada.

MỞ CỬA 7 NGÀY: 10G SÁNG - 9G TỐI

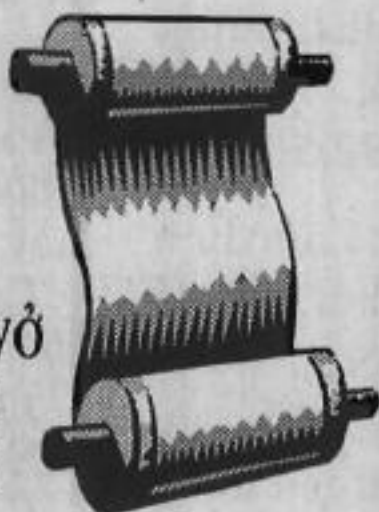
Nhà in của người Việt-Nam

SILVER PRINTING INC.

1545 Dupont Street
Toronto, Ontario M6P 3S5, Canada
ĐT: (416) 539-8113 / Fax: (416) 539-0442

Các loại sách, báo, bìa offset màu
Đóng sách (perfect binding), đóng kim,
đóng chỉ bìa cứng
Thiệp cưới hỏi, cáo-phó, thiệp mời
Ấn-chỉ văn-phòng, hóa-đơn, toa thuốc
Thực-đơn, niên-giám

Bích-chương, bướm-bướm quảng-cáo
**NHẬN ĐÁNH MÁY, TRÌNH-BÀY SÁCH-VỎ
BÁO-CHÍ BẰNG COMPUTER CHỮ VIỆT**
Xin gọi cô Trang: (416) 539-0442
(Chủ-nhật: (905) 625-9194)



**NHANH - ĐẸP - RẺ - ĐÚNG HẸN
TÍN-NHIỆM NHẤT**



Home Life / Realty Centre Corp
Realtor-Member

Steven KIEN T. DAO
Sales Representative
(Đào Trọng Kiên)



**PHỤC-VU TÂN-TÂM,
UY-TÍN, ĐÚNG-ĐẮN**

**MUA BÁN, SANG NHƯỢNG NHÀ ĐẤT
CƠ-SỞ THƯƠNG-MẠI, CỬA HÀNG**

- ☐ Theo dõi thị-trường, định giá chính-xác
- ☐ Giúp-dỡ treo giá, trả giá, hoàn-tất thủ-tục
- ☐ Giới-thiệu, tìm vay mortgage dễ-dàng
- ☐ Giới-thiệu luật-sư tận-tâm, uy-tín



2579 Hurontario Street
Mississauga, Ont. L5A 2G4
Res: (905) 455-2716
Bus: (905) 279-8300
Fax: (905) 279-5344
Pager: 24/24 qua văn-phòng

Báo Trào Phúng Thông tin

Tin Tức

Song ngữ Việt Pháp

Tin báo chí: Văn bút (Pen Club) Pháp thừa nhận Đoàn Viết Hoạt (hiện bị 20 năm tù). CSVN cực lực phản đối Văn bút Pháp!

Ông thấy đó! Vous voyez! Il n'est pas en mesure de tenir un style (pen)!
Nó có cầm bút được đâu mà ông nó vào văn bút!



Le Canard enchaîné, tuần báo trào phúng nổi tiếng nhất thế giới, tờ báo lớn **Le Monde** và nhiều báo chí Việt và Pháp đã từng trích **Scoop** của **Tin Tức**: nguyệt san song ngữ Việt-Pháp nhiều độc giả nhất Âu châu.
Mua dài hạn 30 US dollars/một năm. Money Order:

Tin Tức, 2 rue des Anglais 75005 Paris France
Phone: 33 1 69 81 75 81 Fax: 33 1 69 53 03 41

SỨC KHOẺ LÀ QUAN TRỌNG, LÀ TÀI SẢN QUÝ BÁU NHẤT CỦA CON NGƯỜI

Những loại thuốc dưới đây của nhà thuốc **Thiên Nhiên** giúp chữa trị, ngăn bệnh tật, bảo vệ và tăng cường sức khỏe.

- **SEXATIVA và MOOD ELEVATOR** (2 loại uống chung) trị yếu sinh lý, cơ quan sinh dục bị suy nhược vì bệnh tật, suy nghĩ, mệt mỏi; giúp cơ quan sinh dục phục hồi hoạt động bình thường.

. *lo SEXATIVA 60 capsules*
giá: \$44.50

. *lo MOOD ELEVATOR*
60 capsules giá: \$39.50

- **POTENCY PLUS Men's Vitality**: tạo lại sinh lực đàn ông, tìm lại lạc thú gối chăn, làm hài lòng partner, gìn giữ hạnh phúc gia đình, tình yêu.

lo 60 viên, giá \$39.50

- **TESTEREX**: chữa trị dương vật mềm yếu, bất lực, liệt dương, xuất tinh sớm, tái tạo hứng thú ái ân. Giúp sự cương cứng trọn vẹn bền bỉ, hết mặc cảm.

lo 60 viên, giá: \$44.50

- **YOHIMBE 450mg**: Tăng cường sinh lực, tăng trưởng bắp thịt, giúp tình dục sung mãn, làm giãn nở các mạch máu nơi dương vật, giúp cương cứng nhanh chóng. Yohimbe uống chung với mấy loại thuốc High Potency trên thêm hiệu nghiệm.

lo 100 capsules giá: \$34.50

- **MELATONIN**: Phép lạ Melatonin đã được báo chí ti-vi Hoa kỳ ca tụng nhiều nhất năm 95. Thuốc vừa rẻ vừa nhiều khả năng, giúp ngủ ngon, ngăn ngừa và chữa trị nhiều bệnh tật, làm tươi trẻ các tế bào, uống thường xuyên sẽ chống lại tuổi già.

. *lo 60 viên 3mg giá: \$14.50*

. *lo 60 viên 5mg giá: \$19.50*

- **GH3 Thuốc cải lão hoàn đồng** đã nổi tiếng trên thế giới mấy

chục năm qua, ai đã dùng đều công nhận sự hiệu nghiệm ngay trong ngày. 2 viên GH3 mỗi sáng làm việc 8-10 tiếng không mệt mỏi, ngoài ra còn chống được nhiều bệnh tật và các lợi ích khác.

lo 60 viên giá: \$39.95

- **SHARK CARTILAGE 800 mg**: Thuốc "sụn cá mập" chữa trị và ngăn chặn được các chứng ung thư kể cả ung thư vú, tử cung, niễp hộ tuyến; chữa được các chứng bệnh về đau nhức khớp xương, đau lưng, các bệnh ngoài da, tạo nhiều kháng chất chống bệnh.

lo 120 capsules 800

(purest 100%) giá: \$29.50

- **CHOLEST-A**: Chúng ta thường bị cholesterol ám ảnh, nếu chỉ số cao có thể làm tắc nghẽn mạch máu, gây nhiều biến chứng nguy hiểm đến tính mệnh. Thuốc Cholest-A giúp điều hoà chỉ số cholesterol trong máu, đào thải bớt các chất béo dư thừa.

lo 100 capsules giá: \$32.50

- **BLOOD PURE**: Thuốc lọc máu, giúp khử độc và phế thải các chất độc hại, làm máu huyết trong sạch, giúp máu huyết chuyển vận hoàn hảo.

lo 100 capsules giá: \$29.50

- **120 OVER 80**: Thuốc giúp có chỉ số áp huyết lý tưởng, làm điều hoà máu huyết, khai thông mạch máu, tránh được bệnh cao máu (áp huyết cao). Nếu có bệnh cao máu, chữa giảm xuống chỉ số bình thường, rất cần cho người lớn tuổi.

lo 100 capsules giá: \$32.50

- **SUGAR CONTROL**: Làm điều hoà chất đường trong cơ thể, giúp lá lách hoạt động bình thường, tránh được bệnh tiểu đường. Bị bệnh tiểu đường, uống Sugar Control chung với Diabetes Metabolic Complex và Trà Diabet-Tea càng tốt.

lo 100 capsules giá: \$32.50

- **DIABETES METABOLIC COM-PLEX**: Thuốc chuyên trị bệnh tiểu đường. Quý vị bị bệnh tiểu đường đã dùng mọi thứ thuốc Đông Tây không khỏi, xin dùng ngay thuốc này (chính chúng tôi bị bệnh tiểu đường, dùng đủ loại thuốc kể cả Trà Tam Thanh được quảng cáo là thần dược trị tiểu đường không khỏi, nay tôi dùng thuốc này và uống thêm trà Diabet-Tea thấy rất hiệu nghiệm). Diabetes Metabolic Complex ngoài trị bệnh còn giúp tăng cường phục hồi sức khỏe.

. *lo 60 viên giá: \$32.50*

. *Trà Diabet-Tea 20 gói*

(mỗi ngày uống một gói): \$9.50

- **PROS-CARE**: Thuốc chuyên trị chứng đau bọng đái (Prostate). Prostate là bộ phận rất quan trọng trong cơ quan sinh dục nam giới. Nếu bộ phận này yếu, già nua sẽ làm cơ quan sinh dục suy yếu, gây nên yếu sinh lý, bất lực, liệt dương, xuất tinh sớm. Pros-Care giúp chữa các bệnh vừa kể, phục hồi bộ phận prostate, tái tạo cơ quan sinh dục. Tuổi từ 40 dù chưa có triệu chứng đau bọng đái cũng nên dùng Pros-Care để phòng ngừa và giúp cơ quan sinh dục hoạt động hoàn hảo.

lo 60 capsules giá: \$39.50

Các loại thuốc trên đều được bảo đảm phẩm chất, công dụng hữu hiệu, mỗi loại đều cơ quan y tế Hoa kỳ kiểm soát.

Chúng tôi còn nhiều loại thuốc hữu ích khác, xin viết thư về địa chỉ dưới đây để lấy danh sách đầy đủ. **Mua thuốc xin viết thư kèm theo tiền.**

Pharmaton mỗi hộp xin gửi thêm \$3.00 cước phí; các loại thuốc khác mỗi hộp thuốc gửi \$2.00 cước phí.

Thuốc được gửi bằng cước phí hạng nhất (First Class) hoặc Air Mail.

Thư từ tiền bạc xin gửi:

NHÀ THUỐC THIÊN NHIÊN
P.O. Box 488

Fallbrook, CA 92088-0488 USA

Tel. (619) 728-4718

Fax. (619) 723-0366

TORONTO . TORONTO . TORONTO

**Đăng quảng cáo Làng Văn
Thương-vụ liên gia-tăng!**

BS QUẢN ĐỨC MINH

(toàn-khoa)

28 Dundas St. E., lầu 2, Mississauga

ĐT: (905) 270-0095

Nữ Bác-sĩ gia-đình (toàn-khoa)

TRẦN BÍCH CHÂU, MD, CCEP

2100 Finch Ave. W., #105, North York,

ON M3N 2Z9 - **ĐT: 650-6003**

Nha-sĩ NGUYỄN QUỐC HƯNG

2784 Keele St., #2, North York / **ĐT: (416) 638-6303**

2100 Finch St. W., #109, North York / **ĐT: (416) 665-7264**

288 King St. W., Hamilton / **ĐT: (905) 521-0540**

Nha-sĩ NGUYỄN THANH NHÀN

1280 Finch Ave. W., Suite 707

Downsview, Ont. M3J 3K6

(trong Nor-Am Tower)

ĐT: (416) 663-3200

Nha-sĩ NGUYỄN THỊ KIM HOÀN

741 Broadview Ave., #201, Toronto

Ont. M4K 2P6 - Subway Broadview Phố Tàu Đông

CHUYÊN RĂNG GIẢ THẨM MỸ

ĐT: (416) 461-5437

Nha-sĩ TỪ CHẤN PHONG

3085 Hurontario St., #209

MISSISSAUGA

ĐT: (905) 897-8527

Nha-sĩ NGUYỄN THÙY DUNG, DDS

888 Dundas St. E., #B6-3, MISSISSAUGA

(Phố Tàu Mississauga, cạnh Hongkong Bank)

ĐT: (905) 275-5510

Nhà Thuốc Tây

SAIGON PHARMACY

301 Spadina Ave., Unit 5, Toronto

ĐT: (416) 979-1702



STAR INSURANCE BROKER INC.

1280 Finch Ave. W., #305, Downsview

Bảo hiểm của tiệm - Nhà - Xe - Nhân thọ

TONY VŨ: (416) 650-1702

**LUẬT-SƯ
TRÌNH QUỐC TOÀN**

1577 Bloor St. W., Toronto

ĐT: (416) 533-8987

(Việt-ngữ)

(416) 536-1159 (Anh-ngữ)

HOANG

BARRISTER & SOLICITOR

Law Office

Luật-Sư

Nicole THANH-NGOC HOANG

554 Annette St.

Toronto, Ontario M6S 2C2

(Subway Runnymede)

Tel: (416) 767-0016

Fax: (416) 767-4619

GLOBAL

1 HOUR PHOTO LAB

2325 Hurontario St., Mississauga

Tel: (905) 272-9098

Đảm nhận mọi công việc về phim, ảnh

OTTAWA

NHA-SĨ

NGUYỄN PHÚ HÒA

267 O'Connor St., # 421

Ottawa, Ontario K2P 1V3

ĐT: (613) 232-6735

Nha-khoa thẩm-mỹ, tiểu giải-phẫu,

chỉnh răng, rút tủy, răng giả,...

Cần Thư-mục Làng Văn?

Xem: <http://ilap.com/vietnews/>

Tin vui cho quý bạn yêu nhạc Việt

MÂY SÓNG

**Tuyển-tập ca-khúc mới nhất
của LINH PHƯƠNG**

(từ thơ Trần Quốc Bảo, Mai Đăng, Cung Vũ, Vũ Hồi,
Thanh Hiền, Hà Huyền Chi, Hà Bình Trung, Hồng Lan)

giá 10 mỹ-kim (15 gia-kim)

Liên-lạc: Làng Văn

Nha-sĩ

OSCAR DALMAO, D.D.S. & MARTHA J. ROMAN, D.D.S.

BÙI THÚY VY, D.D.S.

GUS SPILLAS, D.D.S., M.S.D.

(Chuyên khoa chỉnh nha - Orthodontist)

VĂN PHÒNG CHÚNG TÔI

CÙNG ĐẢM NHẬN

CẤY RĂNG - IMPLANT

2100 Finch Ave. W. # 205, Downsview

2397 Finch Ave. W. # 9, Weston

745 Bloor St. W., main Floor, Toronto

Tel: (416) 665-9283

Tel: (416) 746-5811

Tel: (416) 531-5796

**LẤY HẸN,
XIN GỌI:
LINH**

**GIÁ BIỂU QUẢNG-CÁO
trên các trang bìa**

làng văn

. Bìa trong (trước hoặc sau), 1 màu:

- 1 ô: \$120 một năm (12 kỳ)

- 2 ô: \$200 một năm (12 kỳ)

. Bìa lưng (nhiều màu):

- 1 ô: \$60 một kỳ

- 2 ô: \$110 một kỳ

- 4 ô: \$200 một kỳ

Gọi: các số điện-thoại cuối trang này

**QUÍ VỊ PHỤ HUYNH MUỐN CHO CON EM HỌC
CHỮ VIỆT, TIẾNG VIỆT? HÃY MUA**

**EM HỌC
CHỮ VIỆT
(đã phát-hành khắp nơi)**

*theo phương-pháp mới nhất
dành cho trẻ Việt ở hải-ngoại
và người ngoại-quốc*

Biên soạn: **Bút Chì**

Minh-họa: **Nguyễn Nhật Tân**

Giá: 12 mỹ-kim (18 gia-kim)

**Đăng trên tạp-chí Làng Văn,
mẫu quảng-cáo của quý vị sẽ lưu-hành khắp thế-giới**

GIÁ BIỂU QUẢNG-CÁO TRÊN TRANG NÀY: 1 Ô \$120 TRỌN NĂM (12 KỲ); 2 Ô: \$200 TRỌN NĂM (12 KỲ)
Muốn đăng, xin gọi: Nguyễn Hương (905) 607-8010, Minh Trang (416) 539-0442 hoặc Nguyễn Nghĩa (905) 848-6049

Quý vị đã đọc và cười thỏa-thích với

**CƯỜI CHO ĐỜI LÊN HƯƠNG
CƯỜI CHO ĐỜI ĐỔ KHỔ
CƯỜI TOE**

Không thể không tiếp-tục cười với

**CƯỜI TUM
CƯỜI ĐỎ**
của CẢ CƯỜI

vẫn giá mỗi cuốn: 7 mỹ-kim (10,50 gia-kim)

Liên-lạc:

LÀNG VĂN

P.O. Box 218 Station "U"

Toronto, Ontario M8Z 5P1 Canada



**NHA-SĨ
MICHAEL LÊ ĐÌNH HÒA**

10 Gateway Blvd., # 111
Don Mills, Ont. M3C 3A1
Tel: 429-0150

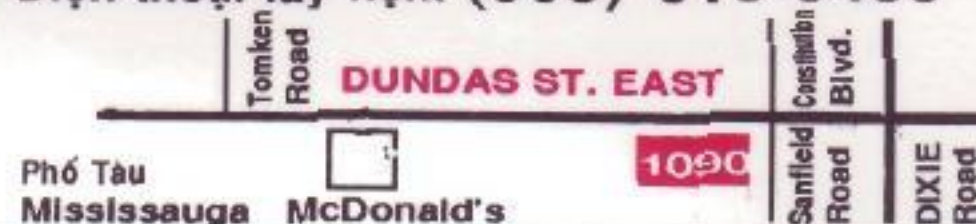
336 Dundas St. W. #201
Toronto, Ont. M5T 1G5
Tel: 971-6956

Có chỗ đậu xe phía sau
Làm việc từ Thứ Hai đến Thứ Bảy

Phòng Mạch Nha-Khoa
Nha-sĩ **LÊ THỊ DIỆU HIỀN, L.D.S., D.D.S.**



1090 Dundas St. East, Suite 101
Mississauga, Ont. L4Y 2B8
Điện-thoại lấy hẹn: (905) 615-9439



VĂN-PHÒNG KẾ-TOÁN &
KHAI THUẾ LỢI-TỨC

TRẦN ÁNH TUYẾT

806 College Street (góc Ossington)
(416) 588-4256

*Nhận chuyển hồ-sơ trực-tiếp
lên sổ thuế qua đường dây điện-tử*

**Nhận in và phát-hành
các tác-phẩm mới**
**Xin liên-lạc Làng Văn
để hỏi thể-lệ**

**GIẢI-PHẪU THẨM-MỸ
BÁC-SĨ
NGUYỄN THẾ LẠC**

FRCS (C), CSPQ

TỐT-NGHIỆP TẠI CANADA

Nguyên bác-sĩ giải-phẫu tạo-hình Tổng Y-viện Cộng-hòa và bệnh-viện Bình Dân
Bác-sĩ giải-phẫu thẩm-mỹ tại Sài-gòn

984 Colborne St. E., Brantford, Ontario, Canada N3S 3T4

Điện-thoại: (519) 753-6477

Làm việc theo hẹn

Thứ hai tới Thứ bảy: 9g sáng - 6g chiều
Chủ-nhật: theo hẹn